

làng văn

222

Tháng
2.2002



Nha-sĩ NGUYỄN CHÍNH CƯỜNG
Nha-sĩ VÕ THỊ LAN ĐÀI

Clinique Médicale RACHEL
Montréal, lâu hai, phòng 04
us 30) Tel: (514) 849-1038

Luật-sư
XUÂN NGHĨA
CHUYÊN VỀ DI-TRÚ VÀO HOA-KỲ

Văn phòng Cali: Văn-phòng DC:
19112 E. Center Ave. 6269 Leesburg Pike
Orange Suite #306
California 92869 Falls Church, VA 22044
Tel / Fax: Tel: (703) 237-5273
(714) 633-5997 Fax: (703) 532-7453

ALCO

SOLUTION INFORMATIQUE



95 Ste-Catherine Ouest, Montréal
Tél. (514) 843-3155
www.alco.qc.ca Email: service@alco.qc.ca

Luật sư / Avocat

LƯƠNG VĂN TUẤN

1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chuyên viên Tài-chánh & Bảo-hiêm Nhân-mạng
Châu Võ Thành Tường, B.Sc., A.V.C.
279 Place de la Poudrière, Verdun, Qc., H4G 3K5
(Métro Lasalle) - Tél: (514) 767-2874

TIỆM VÀNG - BIJOUTERIE



Mua bán & sửa chữa nữ trang
VÀNG • CẨM THẠCH • HỘT XOÀN
6700 Côte des Neiges #214 Tel: (514) 344-5692
Montréal, Québec H3S-3B2 Fax: (514) 344-8221
4300 Steeles East, #A-201 Tel: (905) 944-1900
Markham, Ontario L3R 0Y5

CẦN THƯ-MỤC LÀNG VĂN?

Xin xem trên báo Xuân, hoặc vi-báo Làng Văn

www.tapchilangvan.com

**MUỐN NGHE NHẠC, ĐỌC TIN MỚI,
BÁO CŨ, THƠ, TRUYỆN CƯỜI...**

Xin đến viếng vi-báo Làng Văn

www.tapchilangvan.com

Luật sư **ĐÀO XUÂN HÒA**
(Nguyên Luật-sư Tòa Thượng-thẩm Sài-gòn)
7304A St. Denis, Montréal, H2R 2E2
Tél: (514) 279-7540

Văn-phòng Bảo-hiêm và Dịch-vụ
NGUYỄN BÁ DĨNH
4860 Circle Rd., Montréal
Tél: (514) 482-9153

NGUYỄN DỨC PHƯƠNG

CHIẾN TRANH
VIỆT NAM
TOÀN TẬP

TỪ TRẬN ĐẦU (ẤP BẮC - 1963)
ĐẾN TRẬN CUỐI (SÀI GÒN - 1975)



làng văn

Sách in tuyệt đẹp, trình-bày rõ-ràng, hợp-lý
Dày 960 trang khổ lớn, bìa cứng có jacket
Giá 45 mỹ-kim (70 gia-kim) kể cả cước-phí

Một xuất-phẩm đại-gia-đình cựu quân-nhân
QL/VNCH và con em nên có trong nhà:

Cuốn sách viết đầy-đủ, công-bằng và
trung-thực nhất về chiến-tranh Việt-nam, qua:

- 53 trận đánh lớn, kèm sơ-đồ, diễn-tiến, kết-quả.
- Nhận-định của tác-giả về chiến-tranh VN.
- Lịch-sử, tổ-chức, ưu-khuyết-điểm của Quân-lực VNCH
- Quân-đội Mỹ tại Việt-nam.
- Quân-đội CS Bắc Việt và Việt Cộng
- Một số chiến-cụ thông-dụng tại chiến-trường Việt-nam.
- Toàn văn Hiệp-định Genève 1954
- Toàn văn Hiệp-định Paris 1973
- Cựu Trung-tướng Trần Văn Trung, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Chiến-Tranh Chính-Trị đọc và viết lời giới-thiệu.
- Với sự giúp-đỡ của 12 cựu tướng-lãnh, 20 cựu đại-tá, 7 cựu trung-tá và 7 cựu thiếu-tá QL/VNCH

Liên-lạc:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada

TRONG SỐ NÀY:

Thế-giới 30 ngày qua.....	2
Từ thành đến tỉnh.....	4
Cuộc chiến chống khủng-bố.....	5
Ngoài xã.....	7
Tin Việt-nam.....	9
Câu chuyện trời Âu: Đối tiền, Trần Văn Tích.....	16
Chuyện người chuyện ta: Ai thắng ai, Sơn Tùng.....	19
Lời chúc đầu năm, thơ Phạm Cay Trâm.....	22
Cuộc đời trước mặt: Võ-khí sinh-hoá, Minh Đạo.....	23
Ánh-sáng của yêu-thương, Nguyễn Văn Thông.....	30
Mặt trời và những bóng dơi, Sơn Tùng.....	35
Tin Xuân, thơ Cao Hoàng Nhân.....	37
Buồn đông, thơ Phan Thịnh.....	38
Tìm hiểu về vua Tự Đức, Hồ Bạch Thảo.....	40
Chờ Tết, thơ Phạm Hồng Đạm.....	43
Hai mảnh tim, thơ Xuân Ngũ.....	49
Giải-thoát, truyện ngắn Trần Chính Trực.....	50
Giây-phút cuối đời, truyện ngắn Phùng Nhân.....	53
Cuối đông, thơ Huỳnh Liễu Ngạn.....	55
Chân mây, thơ Vạn Giã.....	56
Người học-trò của Cha Nguyễn, truyện ngắn Tôn Nữ.....	56
Chiếc áo ca-rô mới, truyện ngắn Nguyễn Văn Thông.....	62
Nụ hôn gửi dòng sông, thơ Vũ Quốc Thịnh.....	64
Xóm cũ: Bất cá miền núi, Nguyễn Mạnh An Dân.....	65
Xa nguồn, thơ Nguyễn Đức Thanh.....	68
Câu chuyện của thầy lang: Thuốc men ngày trước, Trần Văn Tích.....	71
Hỏi Xuân, thơ Phan Long Yên.....	73
Bến Tre xanh thắm bóng dừa, truyện dài Xuân Vũ.....	75
Về thăm vườn cũ, thơ Tuệ Nga.....	77
Lượt giang-hồ, truyện dài xã-hội đen của Tống Minh Long Quân.....	78
Nói với gió, thơ Nhí Tiểu Thư.....	79
Viễn xứ, thơ Việt Thao.....	83
Vật vờ, truyện dài Nguyễn Hoài Phương.....	85
Chớp bể mưa nguồn, thơ Vạn Nương.....	87
Buồn ơi tôi lạy trời giông bão, thơ Trần Trung Tá.....	89
Độc-giã thác mắc, Bút Chì.....	92
Ẩn dật, thơ BHT.....	94
Tài-liệu: Kháng thư chống nhượng đất bán nước.....	95
Diễn-dàn: Hồi-ký Tô Hoài, Trường Xuân Triệu.....	98
Viết thêm về trường hợp ông Vũ Tiến Đạt.....	106
Người tù về thăm quê cũ, thơ Nguyễn Tư.....	100
Nhớ Xuân Trà Nóc, thơ Trần Ngọc.....	105
Cười chết bỏ, Cả Cười.....	107
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	110

Chủ-nhiệm, Chủ-bút:

Nguyễn Hữu Nghĩa

Toà-soạn và trị-sự:

Nguyễn Hương

Cộng-tác thường-xuyên:

Bùi Hữu Trí - Bút Chì - Cao Hoàng Nhân - Cung Vũ
Diễn Khánh - Dương Thị Vành Khuyên
Đào Trường Phúc - Hoàng Nga - Hồng Huy
Hương Giang Thái Văn Kiêm
Khải Chính - Lãng Nhân Phùng Tất Đắc
Lộc Quy - Lê Hữu Mục - Mỗ Làng Văn
Ngô Nguyễn Dũng - Nguyễn Hương - Nguyễn Phong
Nguyễn Duy Tâm - Nguyễn Đăng Tuấn
Nguyễn Hoài Phương - Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Huy Phước - Nguyễn Nhận Sơn
Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Văn Thông - Phan Các Chiêu Hằng
Phan Long Yên - P. Đan Hà - Phương Liên
Sơn Tùng - Thuý Sơn - Tuệ Nga - Tự Tĩnh
Tống Minh Long Quân - Trần Ngân Tiêu
Trần Văn Tích - Trần Văn Lệ - Tuỳ Anh - Vạn Giã
Vạn Lam - Vạn Nương - Việt Chi - Việt Phương
Việt Thao Đào Đức Chương - Xuân Tước - Xuân Vũ

Đóng góp bài vở:

Bạch Thái Hà - Bùi Xuân Vũ - Cao Xuân Lý
Diệu Tân - Dương Kim - Đông Nghi - Hải Ngự
Hoàng Chính - Hoàng Du Thụy - Hoàng Hải Thủy
Hồng Ân - Huy Vũ - Huỳnh Liễu Ngạn - Lâm Thúy
Lê Hữu Minh Toán - Minh Đạo - MĐ Hoài Trinh
Nam Chi Thượng Nhân - Nam Man Lâm Nam Triều
Nghieu Minh - Ngọc Anh - Ngô Du Trung
Nguyễn Hoàng Bảo Việt - Nguyễn Khanh
Nguyễn Bá Đình - Nguyễn Mạnh An Dân
Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư - Nguyễn Ước
Nguyễn Xuân Hiến - Nguyệt Cầm
Phan Thịnh - Phạm Hồng Đạm - Phạm Quang Ngọc
Phạm Tâm Phố - Phạm Thành Châu - Phạm Thắng
Phùng Nhân - Thiên Di - Thúy Trang - Tôn Nữ
Trần Chính Trực - Trần Mộng Lâm
Trường Sơn Lê Xuân Nhị - Trường Xuân Triệu
TT Mây Trên Ngàn - Vi Vi - Vy Khâm - Võ Phiến

Minh-hoạ:

Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh, ảnh:

Babui - Bùi Mỹ Hoa - Lê Quang Xuân - MNH
Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Tăng Sở Dương - Thái Tuấn - T. Nguyễn
Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cổ:

Thanh Nam, Trần Cao-Lĩnh, Tú-Vi Lang
Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Tất Nhiên
Kính Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên,
An Khê, Ngọc Khôi, Duyên Anh, Trương Ái
Minh, Vi An, Mai Thảo, Tô Giang, Nguyễn
Đình Hoà, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Xuân Lê,
Vũ Kiện - Quỳnh Hương, E.P. (Lê Kiều Phương),
Đình Huỳnh, Đan Quế, Huỳnh Hữu Cửu

Giá báo bán lẻ (năm 2002)

Gia-nã-đại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim

Pháp: 8 âu-kim; Úc: 8 úc-kim; Bắc Âu: 50 kronas

Các nước khác: 6 mỹ-kim

Mua báo dài hạn: xem Lê Làng trang 119

ĐẠI-DIỆN LÀNG VĂN

. MONTREAL:

Võ Bá Thiện

ĐT: (514) 766-8323

Fax: (514) 766-8531

Page: (514) 202-7256

. MASSACHUSETTS:

Hoàng Thị Kim Sinh

ĐT / Fax: (781) 961-3467

. TEXAS:

Trương Sĩ Lương

ĐT: (817) 265-6356

Fax: (817) 548-8563

. LITTLE SAIGON, CALI:

Ngọc Văn

ĐT: (714) 893-2018

. FLORIDA:

Linh Phương

ĐT: (407) 578-8006

. PA & NEW YORK:

Nguyễn Đăng Tuấn

ĐT: (610) 258-1719

Fax: (610) 258-2037

. NEW JERSEY:

Nguyễn Huy Phước

ĐT: (609) 665-3654

. HAWAII:

Trần Ngọc

ĐT: 808-942-4648

. HÒA-LAN:

Hồ Thị Chiến

ĐT: 0229-231-666

. ĐỨC:

Dr. Ngô Việt Dũng

Điện-thoại: 2316-56949

. NA-UY:

Dương Kim

ĐT / Fax: 9288-8393

. ÚC:

Đan Hà Nguyễn Văn Tà

ĐT: 02-9742-3946

thế-giới 30 ngày qua



Tại Âu-châu, đồng ău-kim (ký-hiệu , tiếng Anh gọi là Euro, chữ viết tắt theo ngân-hàng quốc-tế là EUR) đã được chính-thức lưu-hành tại 12 (trong số 15) nước Liên-Âu (European Union), trở thành đơn-vị tiền-tệ nhiều người dùng vào hàng thứ ba trên thế-giới (300 triệu), sau Trung-hoa và Ấn-độ.

Đồng ău-kim gồm 7 mẫu tiền giấy (500, 200, 100, 50, 20, 10 và 5), khổ từ 120x62mm đến 160x82mm, khổ càng lớn, giá-trị càng cao. Tiền kim-khí có 8 mẫu, từ 2, 1 đến 50, 20, 10, 5, 2 và 1 cent, tất cả đều hình tròn.

Về cách trình-bày, tiền giấy in nhiều màu, một mặt là dấu-hiệu Liên Âu, một mặt là dấu-hiệu của quốc-gia phát-hành; và có giá-trị khắp 12 quốc-gia dùng ău-kim, bất kể tờ giấy bạc ấy do quốc-gia nào phát-hành.

Mười hai quốc-gia dùng ău-kim là: Ai-nhĩ-lan, Áo, Bỉ, Bồ-đào-nha, Đức, Hi-lạp, Hoà-lan, Lục-xâm-bảo, Pháp, Phần-lan, Tây-ban-nha và Ý. Các nước này sẽ thu-hồi tiền cũ trong vòng hai tháng, hạn chót 28.2 này. Ba nước Liên-Âu vẫn xài tiền-tệ riêng, là Anh-quốc, Thụy-điển và Đan-mạch.

Nước Pháp nhận công đầu trong việc nghĩ ra đồng ău-kim, đã nhắc lại lời tuyên-bố của văn-hào Victor Hugo năm 1855, kêu gọi thành-lập "Hợp-chủng-quốc Âu-châu" và thành-lập tiền-tệ chung cho khối 200 triệu dân.

Sau 1 thế-kỷ rưỡi, khối Liên Âu nay đã thành hình, với tiền-tệ chung cho 300 triệu dân!

Cũng tại Pháp, Tổ-chức Phóng-viên Không Biên-giới công-bố một bản tường-trình, cho biết năm 2001, trên toàn thế-giới có 31 phóng-viên đã bị hạ-sát trong khi hành nghề (so với 32 người năm 2000). Số phóng-viên bị bắt là 489 người, tăng gấp rưỡi; và số phóng-viên bị đánh-đập là 716 vụ, tăng 40% so với năm 2000. Tệ nhất là các nước Bangladesh, Eritrea, Haiti, Nepal và Zimbabwe. Riêng trong trận chiến ở A-phú-hãn cuối năm 2001, có 8 ký-giả bị giết.

Tại Nga, TT Putin ra lệnh đóng cửa nốt TV6, đài truyền-hình tư-nhân cuối-cùng của Nga.

Tại Mỹ, chính-phủ dự-trù bồi-thường cho mỗi gia-đình nạn-nhân thảm tử tại Trung-tâm Mậu-dịch Thế-giới, trung-bình 1,6 triệu mỹ-kim mỗi nạn-nhân.

Tại Florida, các cơ-quan an-ninh ráo-riết bám sát các tổ-chức âm-mưu dùng xe bom ám-sát Thống-đốc Jeb Bush, bào-đệ của Tổng-thống George W. Bush.

Tại Los Angeles, Chiến-dịch Mountain Express đã bắt 67 nghi-can, truy-nã 54 người khác trên toàn quốc thuộc một tổ-chức buôn lậu quốc-tế có liên-can vụ khủng-bố 9-11 tại Trung-tâm Mậu-dịch thế-giới. Nhóm này có 10 "ủy-viên" đứng đầu, thuộc gốc

Iraq, Jordan và Do-thái; chuyên chế biến thuốc Pseudoephedrine thành Mathamphetamine, mà giới giang-hồ gọi là "speed" hay "crack". Cảnh-sát tịch-thu được 40 triệu viên thuốc Pseudoephedrine nhập-cảng lậu từ Canada với giá 200 mỹ-kim một hộp, bán lại tại Nam Cali với giá 2200 mỹ-kim.

Tin kinh-tế tại Mỹ, giá nhà tại tiểu-bang California tăng 50% trong vòng 5 năm qua. Giá trung-bình một căn nhà Cali là 236.000 mỹ-kim. Tuy-nhiên khi kỹ-nghệ máy vinh-tính ở vùng Bắc Cali suy-sụp, giá nhà ở San Francisco đã giảm 27%, và một căn nhà trung-bình ở vùng này khoảng 368.000 mỹ-kim, và giá một căn nhà trung-bình ở vùng Nam Cali là 238.000 mỹ-kim.

Hãng chế-tạo xe hơi Ford cho biết sẽ sa-thải 20.000 thợ, giảm sản-xuất 1 triệu chiếc xe hơi. Hãng này đang nghiên-cứu bỏ hiệu Mercury, cũng như Chrysler bỏ hiệu Plymouth và GM bỏ hiệu Oldsmobile.

Tại Nam Mỹ, tân chính-phủ A-căn-dinh quyết-định phá giá tiền-tệ để cứu nguy kinh-tế. Trong 10 năm qua, giá 1 peso A-căn-dinh



21.1, xe tăng Do-thái tiến sâu vào vùng Westbank của Palestine

tương-dương 1 mỹ-kim; nay chỉ giảm xuống còn 60 cents Mỹ mà thôi. Dân-chúng vẫn tiếp-tục biểu-tình đòi của lẽ-tẻ nhiều nơi trong nước.

Tại lò lửa Trung Đông, Biệt-kích Do-thái bắt được tàu Karim ở Hồng-hải, cách hải-cảng Eilat của Do-thái 300 dặm, chở 50 tấn vũ-khí tiếp-tế cho Palestine. Phần lớn vũ-khí trên tàu mang nhãn hiệu Iran.

Chủ-tịch Yasser Arafat chối, bảo "không biết gì" về chiếc tàu. Do-thái đã mang toàn bộ thuyền-trưởng và thủy-thủ đoàn, toàn là Cảnh-sát Hải-quân Palestine, ra trình-diện báo-chí quốc-tế.

Ngoại trưởng Liên Âu, ông Javier Solana đã bay sang Trung Đông, gặp các nhà lãnh-đạo Do-thái và Palestine để giảng hoà. Ông tuyên-bố "phấn-khởi trong công-tác, và hi-vọng sẽ thành-công."

Tại A-châu, Chủ-tịch Hạ-nghị-viện Nhật-bản, Dân-biểu Tamisuke Watanuki, đã công-du Việt-nam, và tuyên-bố trong buổi hội-kiến với Nguyễn văn An, Chủ-tịch Quốc-hội CSVN hôm 10.1 rằng, Trung Cộng là hiểm-họa cho nền độc-lập của Việt-nam. Nguyễn Văn An tỏ lòng biết ơn Nhật, là quốc-gia viện-trợ nhiều nhất cho CSVN. Trong dịp thăm Việt-nam, Chủ-tịch Hạ-nghị-viện Nhật-bản đã trao tận tay Phan Văn Khải (Thủ-tướng) và Nông Đức Mạnh



Dân-quân Palestine tiếp-tục kháng-cự Do-thái với gạch đá và vũ-khí nhẹ

(Tổng Bí-thư đảng CSVN) hai bức thư của Thủ-tướng Nhật-bản Junichiro Kozumi, gửi riêng cho hai người.

Tại quốc-gia Hồi-giáo Nam-dương, nạn khủng-bố các nhà thờ gia-tăng, với 4 ngôi giáo-đường ở tỉnh Central Sulawesi bị phá nổ hầu như cùng lúc, gây thương-tích cho 2 cảnh-sát-viên đang canh gác bên ngoài.

Cũng tại Nam-dương, cựu tổng-thống Wahid bị cảnh-sát hỏi cung về vụ 15 tỉ Rupiah (tương-dương 1,4 triệu mỹ-kim) mà bộ tham-mưu của ông đòi Tommy, con trai út của cựu TT Sukarto, hối-lộ để được miễn tố. Tommy bị bắt vào tháng 11.2001 về việc chủ mưu gài bom ở Jakarta. Trước mặt cảnh-sát và 4 luật-sư riêng, cựu TT Wahid trả lời "không biết gì hết về vụ đòi tiền hối-lộ."

Tại Ấn-độ, lực-lượng phòng không Ấn-độ đã bắn hạ một phi-cơ thám-thính không người lái của Hồi-quốc, bay trên không-phận Ấn-độ ở vùng Poonch. Hồi-quốc chối, tuyên-bố "không một phi-cơ nào của Hồi-quốc, dù có người lái hay không người lái, bị bắn hạ ở bất cứ nơi nào" và "chiếc phi-cơ mà Ấn-độ tuyên-bố bắn hạ, có thể chỉ là một chiếc phi-cơ không người lái của trẻ con nhà giàu chơi."

Thủ-tướng Anh-quốc, LS Tony Blair đã qua lại hai nước Ấn và



Tony Blair, Điều-hâu hòa-bình

Hồi như một con thoi để thuyết-phục hai chính-phủ đừng để chiến-tranh nổ ra giữa hai nước. Ông Tony Blair là một trong những lãnh-tụ quốc-tế được cả hai tổng-thống Ấn-độ và Hồi-quốc có cảm-tình và nể-nang, đã giúp làm tình-hình địa-phương bớt căng thẳng trong tháng qua, mặc dù có vài vụ chạm súng lẻ-tẻ dọc theo biên-giới.

Cũng tại Ấn-độ, hàng trăm người Tây-tạng đã biểu-tình chống Chu Dung Cơ, Thủ-tướng Trung Cộng, công-du Ấn-độ. Tại Ấn hiện có 120.000 người tị-nạn Tây-tạng.

Về tai nạn trong tháng qua, tại Úc, trận cháy rừng dữ-dội bộc-phát từ lễ Giáng-sinh, đã bao vây ba mặt Nam, Tây và Bắc thành-phố Sydney (mặt Đông là biển), trong cao điểm mùa hè nam bán-cầu. Hoả-tai đã thiêu-hủy 300.000 mẫu (hecta) rừng và 8 ngôi nhà. Trời nóng trung-bình 37 độ C (100 độ F), gió mạnh 70 cây số giờ khiến trận cháy phát-triển rất nhanh. Mỹ đã đưa sang giúp 3 trực-thăng chữa cháy khổng-lồ Sky Crane, mỗi chuyến đổ xuống được 9500 lít nước. Giữa tháng giêng, đột-nhiên trời mưa, đổ xuống đám cháy 4 phân nước, dập tắt được ngọn lửa trên 4/5 diện-tích cháy. Hơn 10.000 lính cứu-hoả làm việc ngày đêm để chữa cháy, dời thú (nhất là loại gấu chậm koala, một trong những biểu-tượng của Úc). Cảnh-sát bắt giữ 26 người bị tình-nghi đốt rừng, trong đó có 17 trẻ em, nhỏ nhất 9 tuổi. Chi-phí chữa cháy khoảng 35 triệu mỹ-kim, chưa kể thiệt-hại.

Tại Bắc Mỹ, trong khi các vùng quanh Toronto (Canada), và hầu hết các thành phố ở phía bắc Hoa-kỳ hưởng một mùa đông "ấm-áp" hơn mọi năm, chỉ vào

khoảng trên dưới độ đông của nước, thì các tỉnh miền Trung và Tây Nam quốc-gia này chịu những đợt lạnh và bão tuyết khắc-nghiệt chưa từng thấy. Tuyết rơi cả xuống Texas, Alabama, Mississippi và Louisiana là các tiểu-bang miền Nam khiến cảnh-sát phải đóng các xa-lộ số 10, 65 và số 55 ở Louisiana.

Trận bão tuyết khổng-lồ kéo dài từ Louisiana ở cực Nam tới Virginia và vùng Đông Bắc, phủ lên mặt đất 15 phân (6 inch) tuyết, đã làm tê-liệt nhiều thị-trấn, giết chết hàng trăm ngàn mẫu cây cối nhiệt-đới.

Hai tiểu-bang North Carolina và South Carolina đã huy-động Vệ-binh quốc-gia tuần-tiểu và cứu-giúp 2400 tai-nạn trên xa-lộ.

Tại Tallahassee, Florida, hàng trăm gia-đình đã phải vào khu tạm-trú trốn lạnh, vì nhà cửa của họ quá mong-manh.

Tại Atlanta, phi-trường quốc-tế đóng cửa, 300 chuyến bay bị huỷ-bỏ vì không cất cánh được, hàng chục chuyến bay tới Atlanta phải đáp tạm xuống các phi-trường khác, chờ qua cơn bão tuyết.

Tại Austin, Texas, trẻ con đã có dịp chơi đắp người tuyết, là trò chơi mà các em trước đây chỉ thấy trên phim ảnh.

Hàn-độ tại miền Trung Hoa-kỳ xuống tới -20 độ F (-29 độ C), nơi lạnh nhất là Wyoming, tới -29 độ F (-34 độ C).

Tại Phi-châu, núi lửa Nyiragongo cao 11.380 feet, ở miền Đông Congo đã phun dữ-dội, phún-xuất-thạch chảy xuống đồng-bằng, giết 45 người và xua-đuổi 300.000 người lên đường lánh nạn. Nhiều làng-mạc, thị-trấn và cả phi-trường đã bị hủy-hoại toàn diện. Trong vùng Congo, Rwanda và Uganda có tất cả 8 miệng núi lửa.

từ thành đến tỉnh



Đục lưới đeo kim-khí, có thể chết.

Một phụ-nữ Gia-nã-đại, cô Carla McPhie, 22 tuổi, đã suýt chết vì óc bị nhiễm-trùng, sau khi đục lưới để đeo một mẫu kim-loại bạc. Carla McPhie, sinh-viên Tây-ban-nha ngữ, đã đục lưới đeo bạc trong khi cùng bạn du-lịch Âu-châu và muốn làm một cái gì đó "man-dại", không để ý lưới là cơ-quan đầy những đầu dây thần-kinh và vi-khuẩn.

Sáu tháng sau, cô bị nhức đầu dữ-dội, hai chân tê nhức, khắp người co giật. Bệnh-viện tìm thấy một cái bướu to bằng hạt đậu trong đầu cô, và quyết-định mổ lấy ra. Carla McPhie thoát chết sau một thời-gian điều-trị, sau khi mất một mảnh sọ. Cô đã tháo bỏ mẫu bạc trên lưới, và thay vào đó là 42 đai kim-khí do bệnh-viện đóng vào xương sọ cô để giữ cho chắc sau khi mổ.

Các bạn trẻ nên cẩn thận, đừng làm những gì khác thường trên cơ-thể tự-nhiên của mình, nhất là trong miệng!



Cuộc Chiến Chống Khủng-Bố

Khủng-bố ...

Tin Anh quốc, cậu Hassan Butt, 22 tuổi, Hồi-giáo, cựu sinh viên trường Manchester, người từng chiêu-mộ 200 chí-nguyên-quân từ Anh sang A-phú-hãn chiến-đấu trong hàng ngũ Taliban, tuyên-bố với đài BBC Luân-đôn và báo-chí rằng chí-nguyên-quân do anh ta tuyển-mộ sẽ trở về Anh "chiến-đấu".

Tại Mỹ, cậu Charles Bishop, 15 tuổi, mẹ Mỹ cha A-rập, học-viên lái máy bay, đã lái trộm chiếc phi-cơ nhỏ Cessna 4 máy của nhà trường, đâm vào tầng 28

của Bank America ở thành-phố Tampa, Florida. Cậu để lại một lá thư ủng-hộ Osama bin Laden. Họ thật của Charles là Bishara của A-rập. Sau khi ly-dị, mẹ cậu đã đổi sang họ mẹ cho cậu, là Bishop. Mục-tiêu tấn-công của Charles là Tổng Hành-dinh MacDill Air Force, nhưng cậu tìm không ra, trong khi đang bị trực-thăng của cảnh-sát bám sát, đành đâm đại vào một cao-ốc.

Ngoài cậu bé lai A-rập nói trên, FBI bắt được một phi-công Mỹ tại Vancouver, tiểu-bang Washington, lái một chiếc phi-cơ nhỏ chế-tạo từ năm 1946, cất cánh từ Oregon, dọa đâm vào các cao-ốc ở thành-phố Portland. Hai chiến-đấu-cơ F-15 đã cất cánh, truy lùng chiếc máy bay nhỏ, nhưng không kiếm ra, cho tới khi nó đáp xuống phi-trường Evergreen ở tiểu-bang Washington.

Tại Úc, 710 tiệm McDonald trên toàn-quốc Úc-đại-lợi đã báo-động, đề cao cảnh-giác trước các vụ khủng-bố, nhất là đề-phòng bom thư và thư chứa vi-trùng hay hoá chất.

Trong khi đó Saudi Arabia, cái nôi đẻ ra khủng-bố AlQaeda, qua lời một viên chức cao-cấp, cho biết quốc vương của họ sẽ yêu-cầu Mỹ rút quân ra khỏi Saudi Arabia. Hiện Mỹ có 5000 quân trấn đóng tại căn-cứ không-quân Prince Sultan trên quốc-gia đầu hoả này từ năm 1991, khi xảy ra cuộc chiến vùng Vịnh với Iraq.

Trong khi đó, phần lớn các tên khủng-bố tấn-công Mỹ trong vụ 9-11, và ngay cả Osama bin Laden, đều là người Saudi Arabia.

và chống khủng bố

Tại Tân-gia-ba và Mã-lai, hai chính-phủ đã tổ-chức bố-ráp, bắt giữ các thành-phần khủng-bố Hồi-giáo. Cả hai chính-phủ đều sử-dụng luật An-ninh nội-trị, bắt giam không cần xét xử. Tân-gia-ba bắt được 13 nghi-can, trong đó có 1 người mang quốc-tịch Mã-lai. Bộ Quốc-phòng Tân-gia-ba xác-định, 13 nghi-can này thuộc tổ chức Jemaah Islamiah, âm-mưu tấn-công vào sứ-quán Mỹ. Cảnh-sát Tân-gia-ba tịch-thu được nhiều tài-liệu hướng-dẫn cách làm bom, ảnh chụp các mục-tiêu nhìn từ nhiều phía, danh-sách 200 công-ty Mỹ tại Tân-gia-ba, nhiều giấy tờ giả và các tài-liệu liên-quan đến Al Qaeda.

Tại Hồi-quốc, cảnh-sát đã bố-ráp, bắt được 1500 người Hồi-giáo quá-khích, trong đó có 6 tên đã tấn-công khủng-bố vào trụ-sở Quốc-hội Ấn trước đó. Tuy nhiên Hồi-quốc không dẫn độ các phạm-nhân cho Ấn, mà xử theo luật-pháp nước Hồi.

Tại Anh, cảnh-sát bắt được 17 nghi-can Al Qaeda, trong đó có một thủ-lãnh.

Tại Phi-luật-tân, đơn-vị đầu-tiên của Mỹ đã hành-quân phối-



Chiếc Cessna đâm vào ngân-hàng American và Charles Bishop (Bishara), "cảm-tử-quân" chưa tuyên thệ



640 lính Mỹ hành-quân truy lùng AlQaeda tại Basilan, Phi-luật-tân

hợp với quân-đội Phi, tấn-công vào căn-cứ AlQaeda ở đảo Basilan thuộc miền Nam quốc-gia này, bắt được 3 nghi-can, tịch-thu 1 tấn chất nổ và 300 ngòi nổ. Trong khi đó, lực-lượng sinh-viên Hồi-giáo Phi-luật-tân tổ-chức biểu-tình bạo-động chống sự hiện-diện của lính Mỹ tại Basilan.

Tại Mỹ, FBI mở 150 cuộc điều-tra khủng-bố về các tổ-chức dính-líu tới Al Qaeda, bắt 1200 nghi-can liên-hệ.

Ngoài Mỹ, CIA giúp bắt được 500 nghi-can, và tiếp-tục truy-lùng mạng khủng-bố AlQaeda trên 140 quốc-gia. Trong tháng qua, CIA đã đưa ra danh-sách và hình-ảnh, treo giải thưởng bắt 5 tên khủng-bố thuộc loại nguy-hiểm, đã làm lễ tuyên-thệ "tuần-đạo".

Tại A-phú-hãn, 200 Thủy-quân lục-chiến và 200 lính Dù Mỹ hành-quân trong tỉnh Helmand, truy-lùng lãnh-tụ Omar của Taliban. Theo tin tình-báo, hiện Omar lẩn tránh ở vùng Baghran, cách Kandahar 100 dặm (160 cây số) về phía Bắc, với khoảng 1000 quân bảo-vệ.

Mỹ đã tăng phái thêm 1000 lính Dù thuộc Sư-đoàn 101 đến thay-thế 1000 lính Thủy-quân lục chiến ở Kandahar.

B-52 tiếp-tục trút bom xuống các vị-trí Taliban ở miền Đông A-phú-hãn, sau khi các vệ-tinh không-gian chụp được ảnh các

đoàn quân-xa cùng bộ binh Taliban và Al Qaeda di-chuyển trong vùng.

Trực-thăng Mỹ đổ bộ TQLC trong các cuộc hành-quân đêm ở Khost và Zawar, gần biên-giới Hồi-quốc, bắt được nhiều nhân-vật cao-cấp của Al Qaeda, tịch-thu nhiều máy điện-toán và tài-liệu quan-trọng.

A-phú-hãn yêu-cầu Liên-hiệp-quốc giúp 1,5 tỉ mỹ-kim để cứu đói và tái-thiết quốc-gia. Nhật-bản giúp ngày 500 triệu.

Mỹ thiếu bom

Sau ba tháng trút bom xuống A-phú-hãn, Mỹ đã dùng gần hết các loại bom cổ-diễn, và ngay cả các loại hoả-tiến không-địa tân-tiến Tommahawk cũng đã phải dùng ở mức dè xẻn tối đa vì không sản-xuất kịp. Bộ Quốc-phòng đã liên-tục đốc-thúc các nhà sản-xuất vũ-khí làm việc ngày đêm để kịp đáp ứng nhu-cầu chiến-trường.

Tù binh Al Qaeda tại Guantanamo

Mỹ quyết-định mang tù-binh Al Qaeda về giam tại căn-cứ hải-quân Guantanamo, trên đất Cuba, ở phía Đông Nam. Đây là bến tiếp than và đậu thuyền do Mỹ thuê vĩnh-viễn của Cuba từ 99 năm nay, khi hai nước còn thân-

thiện. Guantanamo sau này trở thành căn-cứ Hải-quân chiến-lược của Hoa-kỳ tại Trung Mỹ.

Mỗi tù-nhân Al Qaeda sẽ bị giam trong một xà-lim riêng-biệt dài 2,4 mét, rộng 1,2 mét.

Osama bin Laden đã chết?

Tin tình-báo Anh-Mỹ cho biết, bộ Tổng Tham-mưu của AlQaeda sau khi tái-phối-trí tại Somalia, đã di-chuyển sang miền Nam Yemen.

Trong khi đó, TT Masharraf của Hồi-quốc cho biết, theo tin tình-báo của ông, Osama bin Laden đã chết vì bệnh thận tại Tora Bora. Nguồn tin tình-báo A-phú-hãn cũng nói, bin Laden trước đây bị bệnh thận, phải lọc máu mỗi ba ngày một lần mới sống nổi.

Khi vào núi trốn tránh các vụ oanh-tạc và truy-kích của Mỹ, Osama bin Laden mang theo bác-sĩ, y-tá và các y-cụ lọc máu. Bom Mỹ đã đánh sập một góc hầm, làm hư máy lọc máu. Bin Laden biết mình sắp chết, đã cho thu cuốn băng hình, nói những lời trần-trối, kêu-gọi các nước Hồi-giáo nổi lên "thánh chiến" chống Mỹ cứu đạo.

Tình-báo Mỹ ghi nhận, nhưng không tin hoàn-toàn, vẫn tiếp-tục truy-lùng cho đến khi nào tìm thấy xác, hay chứng-cớ hiển-nhiên. ●



Lệnh truy-nã toàn cầu 5 tên khủng-bố đã tuyên-thệ tuần đạo (từ trái sang phải): Ramzi Binalshibh, Muhammad Sa'id Ali Hasan, Khalid Ibn Muhammad al-Juhani, Abd al-Rahim và một không biết tên.

ngoài xã



Thuốc rầy hại hơn chất độc Da Cam

Một cuộc nghiên cứu khoa học vừa cho thấy chính các hoá chất sử dụng trong nông nghiệp - chứ không phải Chất Da Cam - là hiểm họa y tế lớn nhất tại Quận Cam. Cuộc nghiên cứu này do 2 người tị nạn Việt tại Quận Cam thực hiện. Tin này có thể nêu lên các trở ngại cho việc Hà Nội đòi Mỹ bồi thường về Chất Da Cam, cũng như có thể dẫn tới câu hỏi về sự an toàn trong các nông sản Việt Nam xuất cảng vào Hoa Kỳ.

Bản tin đăng trên tờ *Orange County Register* do ký giả John Gittelsohn thực hiện. Dưới đây là bản dịch tóm lược.

Quang M. Nguyen, một kỹ sư công chánh sống ở Brea, và Tuyet Mai, một nhà hóa học từ Orange, đã khảo sát các hình chụp từ vệ tinh, nghiên cứu hồ sơ khoa học và nhập lậu các mẫu nước vào Mỹ nghiên cứu trong khi điều tra về tình hình nạn lụt và ô nhiễm

ở Vùng Cửu Long, vựa lúa của VN. Họ hy vọng nỗ lực của họ sẽ giúp ngăn cản các sự phá hoại xa hơn nữa trên quê hương họ.

"Bốn phần chúng tôi là nói cho mọi người biết về các nguy hiểm," theo lời Mai, một cựu giáo sư hóa học hiện đang điều hành một phòng thí nghiệm về thử nghiệm nước tại West Covina. "Chính phủ VN không ưa các quan điểm khoa học khác với họ. Họ cứ diễn dịch ra chính trị trên tất cả các vấn đề."

Nguyen và Mai không phải là các nhà hoạt động chính trị tại VN. Cả hai ở lại sau khi Sài Gòn thất thủ năm 1975, làm việc như là chuyên viên nhà nước. Bất mãn vì đói nghèo, tham nhũng và thiếu tự do, họ đã vượt biên - Nguyen đi năm 1979 và Mai năm 1983.

Họ cho biết khảo sát khoa học của họ khởi phát từ hy vọng, không phải vì cay đắng với chế độ. Mai nói, "Chúng tôi nhìn về tương lai, không phải về hiện tại hay quá khứ. Chúng tôi không dính gì tới chính trị." Họ tập trung về môi sinh VN. Cọp và voi đang có cơ nguy tuyệt chủng. Khói xe làm đen bầu trời thành phố. Nước dơ dẫn tới loài muỗi gây sốt rét và các bệnh đường ruột. Mai nói, ô nhiễm cũng gây nguy cho dân Mỹ, những người nhập cảng 500 triệu lương thực từ VN năm ngoái, một số thực phẩm trong đó có dính hóa chất bị cấm, kể cả chất DDT.

Còn vụ lụt nữa. Chính các đề điều thủy lợi và đường xá xây đắp vô tội vạ từ năm 1975 đã là nguyên nhân lụt lội, riêng năm nay trận lụt đã giết hơn 800 người, mặc dù cũng chính đề điều giúp VN thành nước xuất cảng gạo nhiều thứ nhì thế giới. Nguyen kết luận như thế dựa vào bản đồ và không ảnh vệ tinh cho thấy

liên hệ giữa lụt lội và các công trình xây cất mới, ngay cả trong những năm ít mưa.

Chưa hết. UNICEF và các cơ quan cấp viện quốc tế đã tài trợ cho khoan 200.000 giếng nước sâu ở vùng Cửu Long, vào các tầng khoáng chất có thể biến thành độc chất arsenic khi gặp chất oxy. Chính các giếng tương tự đã gây nhiễm độc arsenic tại Bangladesh, gây yếu mạng cho hơn 200.000 người. Nhưng phòng thí nghiệm dò chất arsenic tại VN thì lại không có.

Thêm nữa, Mai và Nguyen cho rằng các hóa chất nông dân VN sử dụng gây độc hại hơn cả chất dioxin từ Chất Da Cam, loại thuốc khai quang Mỹ sử dụng từ năm 1961 tới 1971.

Các cựu bộ đội CSVN và cựu chiến binh Mỹ đã đòi bồi thường vì các bệnh ung thư, rối loạn thần kinh và dị tật bẩm sinh mà họ cho là do Chất Da Cam. Nhưng hiểm họa Chất Da Cam chưa bao giờ được xác minh, một phần vì chi phí: Thử chất dioxin trong máu hay sữa mẹ tốn 1,000 đô la mỗi mẫu, nhiều hơn lương người Việt kiếm trung bình ba năm.

"Hàng triệu người bị khuyết tật và còn đau khổ vì các vết thương cũ vì Chất Da Cam phun ở VN," theo lời Phó Thủ Tướng CSVN Nguyễn Tấn Dũng trong chuyến viếng thăm Hoa Kỳ mới đây. Nhưng Mai và Nguyen nói hiểm họa lớn hơn chính là chất trừ sâu rầy và phân bón mà nông dân đang xài. Trong đó có hàng chục chất độc như Hexachlorobenzene, Dieldrin, Mirex và DDT. Bất chấp hơn 50 nước ký hiệp ước cấm dùng các chất này, nhưng CSVN vẫn dùng, thường khi hàng loạt, chỉ vài ngày trước khi rau quả ra chợ.

Hoá chất độc đã làm hại nguồn nước, thú vật và con người

VN. Nguyen và Mai dẫn ra bản tường trình của hãng Hatfield Consultants từ Canada, bản nghiên cứu công phu nhất về Chất Da Cam tại VN - cho thấy "hàng chục độc chất" vừa nói có trong sữa các bà mẹ VN ở A Lưới, nơi ít dùng hóa chất nông nghiệp.

"Độ tập trung vài hóa chất độc đã nhiều tới 890.000 lần mà mức độ nước uống tại California cho phép," Nguyen cho biết. "Chính phủ VN nói về bệnh và khuyết tật bẩm sinh vì dioxin, nhưng họ không bao giờ nói về độc chất nông nghiệp. Nếu họ muốn giải quyết dị tật bẩm sinh và ung thư, họ phải nhìn vào vấn đề thật. Dioxin chỉ là vô nghĩa."

Nghệ nhân Việt tham dự Hội Hoa Lan của Mỹ

Hội Thổ Lan tại quận Cam (Cymbidium Society of America, Orange County Branch) tổ chức 4 ngày Hội Hoa Lan tại thương xá South Coast Plaza, thành phố

Costa Mesa, California từ ngày 7 đến ngày 10 tháng 2 năm 2002.

Hội có khoảng 65 gian hàng từ các tiểu bang xa xôi như Illinois, Texas, Hawaii hay các quốc gia như Thái Lan, Đài Loan, Ecuador, Phi-luật-tân... tham dự. Năm nay cũng sẽ có cuộc triển lãm tranh ảnh hoa lan của 20 họa sĩ, nhiếp ảnh gia đủ mọi quốc tịch trong số đó trên một nửa là người Việt. Nhân dịp này họa sĩ Frederic Tho cũng sẽ có cuộc trình diễn áo dài hoa lan và nhiếp ảnh gia Thái Đắc Nhã cũng tặng cho Ban tổ chức những tấm Poster như những năm về trước.

4 người Việt được trao tặng bằng khen của Hội hoa lan Hoa kỳ là Thái Đắc Nhã, Suzie Vương, Paul Mak và Bùi Xuân Đáng.

Thổ-lan (cymbidiums) là loại lan có thể trồng đất, sống ở Hima-lạp-sơn, Đông nam á và Úc-châu, có thể chịu lạnh đến gần độ đông của nước, và chịu nóng đến 37 độ C (100 độ F).

Quận Cam: Ái Hữu Võ-khoa Thủ Đức họp mặt

Sáng ngày 6.1.2002, hơn 200 cựu sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Thủ Đức đã gặp mặt tại nhà hàng Emeral Bay để thành lập hội Ái Hữu Cựu SVSQ/TB/TĐ.

Nhằm mục đích tương trợ, các cựu sinh viên hãy liên lạc với các số điện thoại sau đây để biết thêm chi tiết: (714) 210-4400 hay (714) 774-6588 và trên Email: internetaccount49@juno.com

Xe hoa Việt trong Diễn hành Hoa Hồng 2002

Diễn Hành Hoa Hồng, Rose Parade Floats, truyền thống ngày đầu năm của hàng triệu người Mỹ, đã tràn ngập các màu sắc cờ Hoa Kỳ và tiến hành tại Nam California, dưới sự canh chừng an ninh chặt chẽ của các cơ-quan công quyền.

Cuộc diễn hành thường niên lần này là năm thứ 113, có cả phần lực cơ chiến đấu và một oanh tạc cơ B-2 vừa mới trở về từ chiến trường A Phú Hãn gầm rú trên trời trong lúc Ban Nhạc TQLC chơi bản quốc thiều và mang lá cờ Mỹ khổng lồ.

Bầu trời xám và các hè phố ướt nước vẫn không ngăn được 1 triệu người ra phố đứng xem. Một xe hoa được tán thưởng lớn là của Nhà Văn Hóa Việt Nam tại California - được hình thành sau khi bà Madalenna Lai bán ngôi nhà của bà để giúp chi trả chi phí thủ tục và xe hoa nhằm cảm ơn Hoa Kỳ đã đón nhận tị nạn Việt Nam. Xe hoa có tên "Thank You America and the World" được đóng theo hình chiếc thuyền, tượng trưng hành trình vượt biển của dân Việt với trên đó là hàng ngàn hoa hồng và đủ thứ hoa khác.

Kính mời quý độc-giả
đến xem và giới-thiệu cho bạn bè,
thân-nhân ở quốc-nội,
vi-báo (website) mới của Làng Văn:

www.langvan.org

Đặc tính:

- Máy vi-tính nào cũng xem được
- Chui qua "tường lửa",
xâm-nhập quốc-nội
- Nhiều tin-tức, bài vở cập-nhật



tin viet-nam

Cắm lại mốc biên giới Việt - Hoa: thác Bản Giốc đổi chủ

Vĩnh biệt thác Bản Giốc. Đó là nội dung chính của những lời bàn trên các diễn đàn Internet về việc nhà nước Hà Nội cắt đất, cắt biển dâng cho Bắc Kinh. Hai địa danh nổi tiếng nhất trong các nơi bị nhà nước CSVN chính thức trao cho Trung Quốc là Mực Nam Quan (Ái Nam Quan) và thác Bản Giốc.

Sau khi bác sĩ Nguyễn Đan Quế viết bài gửi ra hải ngoại báo nguy tình hình Hà Nội công khai hợp thức hóa việc cắt đất, cắt biển cho Bắc Kinh, có thêm 11 cán bộ lão thành của Đảng CSVN đã lên tiếng chất vấn về việc làm này.

Dưới đây là một số chi tiết về thác Bản Giốc được ghi trên các trang web về địa lý của nhà nước CSVN: Thác Bản Giốc thuộc tỉnh Cao Bằng, vùng cực Bắc Việt Nam. Tỉnh Cao Bằng có diện tích 8.444 km², dân số 611.000 người, thủ phủ là thị trấn Cao Bằng, chia sẻ đường biên giới dài 314 km với Trung quốc ở phía Bắc và phía Đông. Tỉnh Cao Bằng hơn 90% là

núi và rừng, có khí hậu êm dịu. Mùa đông lạnh, vài nơi có thể có tuyết. Nhiệt độ trung bình thường niên là 22.1 độ C. Đi 20 km từ thị trấn Trùng Khánh, bạn sẽ tới làng Đàm Thủy. Từ nơi xa, bạn có thể nghe nhiều thác nước đổ xuống, và nhìn thấy hơi nước bốc lên che phủ một phần ngọn núi và dòng sông Quí Sơn gần biên giới. Thác Bản Giốc cao khoảng 30 mét. Nơi chân thác là dòng sông lớn, nước trong. Hai bên bờ sông là các đồng cỏ xanh. Bên trong thác có loại cá nổi tiếng thịt ngon, tên gọi cá trắm hương.

Công an vây Thánh Địa Phật-giáo Hòa Hảo

Giáo Hội Trung Ương Phật giáo Hoà Hảo Việt Nam dự định tổ chức Lễ Đản Sinh lần thứ 83 Đức Huỳnh Giáo Chủ đúng ngày 25 tháng 11 Tân Tỵ nhằm ngày 8-2-2002 tại thánh địa PGHH, nhưng công an đã kiểm soát gắt gao đường về thánh địa. Hàng ngàn tín đồ từ khắp nơi bị đuổi trở về nguyên quán, một số biểu ngữ và cờ đạo PGHH bị tịch thu.

Một số người dự định tổ chức tại Tây An Cổ Tự, hoặc đình thần Nguyễn Trung Trực Chợ Mới, An Giang, nhưng những nơi này đã bị công an bao vây.

2001: Hơn 10 ngàn người chết vì tai nạn lưu thông

Theo báo cáo của Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia của CSVN, tai nạn giao thông năm 2001 tăng 14% số vụ, tăng 33% số người chết, 16% số người bị thương so với năm 2000. Cả năm đã xảy ra 26,874 vụ, làm chết 10,548 người. Số người bị thương là 30,175. Tai nạn lưu thông do xe hơi, xe gắn máy chiếm trên 70%.

Tổng Lãnh Sự Mỹ thăm BS Quế

Vào sáng ngày 18 tháng 12.2001 tân Tổng Lãnh Sự Mỹ tại Sài Gòn, bà Emi Lynn Yamauchi, đã đến thăm viếng xã giao Bác sĩ Nguyễn Đan Quế tại nhà riêng ở Sài Gòn nhân dịp bà nhận nhiệm sở mới.

Tháp tùng bà trong cuộc viếng thăm này là ông James Waller đặc trách về nhân quyền tại toà Tổng lãnh sự. Cuộc thăm viếng đã diễn ra trong bầu không khí cởi mở và thân mật. Bác sĩ Quế đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề đàn áp tự do báo chí và thông tin, tự do tín ngưỡng, đời sống mất phẩm giá và nguy cơ diệt chủng của các sắc dân ở Cao Nguyên Trung Phần...

Bác sĩ Quế cũng yêu cầu chính phủ Mỹ khi tiếp xúc với chính quyền Hà Nội hãy nêu lên vấn đề trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho Giáo sư Nguyễn Đình Huy, Linh mục Nguyễn Văn Lý, Thượng tọa Thích Thiện Minh (Nguyễn Văn Ba) và Thầy Giồng Nguyễn Viết Huân hiện đang bị Cộng Sản Hà Nội cầm tù.

Tương cũng nên nhắc lại là vào ngày 22 tháng 11 vừa qua, Bác sĩ Quế cũng đã tiếp kiến ông Marone venden Heuval, Đệ nhị

Tham Vụ tòa Đại Sứ Hoà Lan trong hơn hai tiếng đồng hồ. Hai bên đã trao đổi ý kiến về tình hình thế giới, vấn đề dân chủ hóa Việt Nam và đặc biệt là tình trạng sách nhiễu, đàn áp các nhân vật bất đồng chính kiến của chính quyền Hà Nội.

Sản lượng gạo Việt-nam sụt nửa triệu tấn

Sản lượng lúa gạo của VN trong năm qua được ước lượng là gần 32 triệu tấn, kém năm trước nửa triệu tấn. Tính chung, sản lượng gạo thực của cả nước là 34 triệu 950.000 tấn. Trong năm 2001, diện tích trồng lúa trong nước giảm bớt 182.000 hecta do sự gia tăng các giống cây khác. Theo thông tấn xã CSVN, diện tích bông vải tăng trên 45%, trà tăng 18%, hạt tiêu tăng 12%.

Đào tạo luật sư chuyên về thương mại Việt-Mỹ

Theo báo *Thanh Niên*, bộ Tư pháp CSVN vừa khai triển đề án đào tạo vài chục ngàn luật sư trong 10 năm tới, trong đó có đội ngũ luật sư chuyên ngành về thương mại, nhất là thương mại Việt-Mỹ và thương mại thế giới. Cả VN có khoảng 2.100 luật sư cho gần 80 triệu dân và phần lớn đã cao tuổi. Lý do là nếu VN không sớm tổ chức một đội ngũ chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực thương mại thì việc làm ăn với Mỹ sẽ rất khó khăn.

Cá Bông Lau VN đổi tên

Bà Nguyễn thị Hồng Minh, Thứ Trưởng Ngư Nghiệp, cho biết VN đã yêu cầu Cơ Quan Kiểm Soát Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) của Hoa Kỳ chấp nhận 3 thương hiệu mới của cá da trơn,

là Hypo Basa, Sutchi Basa và Trasa. Những thương hiệu này giúp cá da trơn của VN nhập cảng vào Mỹ mà không bị chi phối bởi tu chính án ngân sách của Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ, ngăn cấm nhập cảng cá catfish VN mang 2 thương hiệu Basa catfish và Tra catfish.

FDA cũng được yêu cầu áp dụng một thời gian chuyển tiếp 6 tháng.

Theo báo Mỹ *World Catch*, các loại cá da trơn của VN đã bắt đầu xuất cảng sang Mỹ từ năm 1996. Hàng tháng, VN bán sang Hoa Kỳ 500 tấn cá da trơn, bằng 2% nhu cầu cá nước ngọt của thị trường Hoa Kỳ.

Miền Tây lập Câu lạc bộ cá Basa, Tra

Hồi đầu tháng 12.2001, các nhà nuôi cá và các nhà xuất cảng cá da trơn Miền Tây đã họp tại thị xã Long Xuyên, quyết định thành lập câu lạc bộ cá Basa và cá Tra. Mục tiêu của hội nghị là phối hợp hành động giữa các nhà sản xuất và các nhà xuất cảng.

Kết quả đầu tiên của hội nghị là thỏa thuận về mức giá tối thiểu để tránh trường hợp đìm giá. Hội nghị cũng thảo luận các phương cách nâng cao sức cạnh tranh của cá da trơn VN tại các thị trường Bắc Mỹ, Tây Âu, Hongkong, Úc.

Kỹ nghệ nuôi cá da trơn quy mô công nghiệp ở 6 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long hiện nuôi sống hàng trăm ngàn gia đình. VN có khả năng xuất cảng hàng tháng 500 tấn catfish. Năm ngoái, xuất cảng catfish thu về cho VN 75 triệu mỹ kim.

Trong khi đó, Bộ Ngư Nghiệp CSVN khai mạc 1 hội nghị duyệt xét 3 năm thực hành chương trình phát triển thủy hải sản cho xuất cảng 1999-2001. Chương trình

này được đánh giá là rất thành công, thu ngoại tệ trị giá 1 tỉ 760.000 mỹ kim, gấp đôi năm 1998, và đưa thủy hải sản lên hàng thứ ba về ngành nghề có giá trị xuất cảng cao.

Với chương trình kể trên, diện tích nuôi cá đã mở rộng tới hơn 1 triệu hecta, và sản lượng đạt 879.000 tấn, tăng 74% về diện tích và tăng 48% về sản lượng. Chỉ tiêu xuất cảng thủy hải sản của VN năm nay là đạt trị giá 2 tỉ 200 triệu mỹ kim.

Đóng cửa 42 am miếu quanh chùa Hương

Ban Tổ Chức Hội Chùa Hương đã đóng cửa tất cả 42 địa điểm thờ tự xây dựng trái phép quanh chùa Hương trong 5 ngày. Chùa Hương, cách Hà Nội 60 cây số về hướng Tây Nam, trong địa phận tỉnh Hà Tây, là khu hành hương lâu đời của Phật tử miền Bắc. Hội Chùa Hương hàng năm bắt đầu sau ngày mùng một Tết Nguyên Đán, và trong vài năm gần đây nhiều người lợi dụng sự lỏng lẻo của chính quyền địa phương xây các đền miếu bất hợp pháp để thu lợi riêng. Khu vực chùa Hương cũng là nơi du khách và người hành hương thường thức thú leo núi và đi thuyền trên sông.

Thăm dò tìm thị trường để xuất cảng thợ

Chế độ CS Hà Nội đang tìm kiếm thị trường để xuất cảng 45.000 công nhân.

Theo thống kê của Bộ Thương Binh Xã Hội CS, năm qua, VN gửi 36.000 người ra ngoại quốc làm thuê, thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu đề ra là 40.000 người. Lý do, theo bà Nguyễn Kim Lý, phó giám đốc tại Bộ Thương Binh Xã Hội, là vì công nhân VN không

đáp ứng các đòi hỏi của chủ nước ngoài về khả năng chuyên môn cũng như về ngoại ngữ.

Đa số công nhân ra nước ngoài trong năm qua làm thuê cho Nam Hàn, Đài Loan và Nhật.

Nam Hàn trúng thầu tân trang quân cụ cho VC

Theo tin báo *Korea Herald*, một công ty Nam Hàn sẽ nhận thầu để tân trang số thiết vận xa của Hoa kỳ đã bỏ lại trong cuộc chiến tranh tại Việt Nam.

Bộ trưởng Quốc phòng của hai quốc gia này đã tạm ký kết với nhau tại Hà-nội cho phép công ty Daewoo Heavy Industries & Machinery Ltd cung cấp kỹ thuật và chuyên viên để tân trang một số lượng thiết vận xa M113 do Hoa kỳ chế tạo.

Theo một chuyên viên về tân trang các vũ khí của Hoa kỳ, các kế ước loại này - ngoài những luật lệ giữa thương mại và quốc phòng - còn có phụ bản mô tả chi tiết về tân trang theo M113 Overhaul Manual của USAFR Procurement. Trong phụ bản này ghi rõ những cơ phận nào được LM (Local Manufactured), có nghĩa cho phép chế tạo tại chỗ và những cơ phận nào do quân cụ Hoa kỳ cung cấp.

Cựu lãnh tụ CS Cam Bốt tố CSVN cướp bóc

Pen Sovann, cựu Tổng Bí Thư Đảng Giải Phóng Nhân Dân Cam Bốt (CPLP) - tiền thân của Đảng Nhân Dân Cam Bốt (CPP) hiện nay của Thủ tướng Hun Sen, vừa lên tiếng tố cáo CSVN về việc chiếm đóng và cướp bóc Cam Bốt khi bộ đội VN tiến vào lật đổ chế độ Khmer Đỏ cuối thập niên 1970.

Trong lá thư đánh dấu 23 năm ngày Khmer Đỏ sụp đổ (7 tháng 1 năm 1979), kết thúc cuộc thử nghiệm xã hội chủ nghĩa làm chết 1.7 triệu dân vì đói, bệnh và xử tử; Pen Sovann viết: "VN đã phá bỏ lời hứa giúp vô điều kiện dân Cam Bốt thoát chế độ diệt chủng và tôn trọng lẫn nhau lãnh thổ và chủ quyền."

Ngày 7 tháng 1 vẫn luôn luôn gây tranh cãi vì tuy chính thức là ngày hồi sinh, nhưng nhiều người Cam Bốt vẫn xem đó là ngày nước họ bị ngoại quốc chiếm đóng. Sau khi đánh bại chính phủ Khmer Đỏ do Pol Pot lãnh đạo, khoảng 200.000 bộ đội CSVN ở lại Cam Bốt thêm 10 năm nữa. Pen Sovann tố cáo quân đội CSVN đã cướp tài sản từ các nhà bỏ hoang, và thường dân VN đã dựng nhà trên đất Cam Bốt sau

khí chiếm đóng năm 1979. Ông cũng tố cáo là CSVN đã dời cọc biên giới phía Tây vào thêm 5 km trong đất Cam Bốt.

Pen Sovann từng đứng chung hàng ngũ với những người như Hun Sen trong cuộc chiến do CSVN hỗ trợ chống Khmer Đỏ. Nhưng đầu thập niên 1980, Pen Sovann bị CSVN bắt bỏ tù 10 năm vì kêu gọi bộ đội CSVN rút quân. Ông được thả đầu thập niên 1990 và có thời gian ngắn tái gia nhập đảng của Hun Sen.

Thương mại điện tử ASEAN: VN đứng gần chót

Các thành viên khối ASEAN phải làm việc cật lực hơn để thiết lập một cộng đồng kinh doanh điện tử, trong khi bị phân chia bởi khoảng cách công nghệ, theo nghiên cứu của IBM.

Nghiên cứu cho thấy Tân-gia-ba là nước tiến bộ nhất của ASEAN trong việc phát triển thương mại điện tử và có khả năng sử dụng ngành này để cạnh tranh với các đối thủ trên toàn cầu. Nhưng những thành viên mới - Cam Bốt, Lào, Việt Nam - chỉ ở giai đoạn sơ khởi của thương mại điện tử và chỉ mới phát triển chiến lược công nghệ thông tin quốc gia.

ASEAN đã trả IBM 300.000 đô để thực hiện việc nghiên cứu về sự sẵn sàng của mỗi thành viên hầu thiết lập cộng đồng thương mại điện tử, theo lời Boontipa Simaskul, Tổng giám đốc Business Economics Department.

Các nhà lãnh đạo ASEAN đã bắt đầu thiết lập cộng đồng thương mại điện tử năm 1999, xây dựng trên mức thuế quan cắt giảm trong Khu Vực Mậu Dịch Tự Do ASEAN (ASEAN Free Trade Area). ASEAN đã thành lập 5 nhóm nghiên cứu các khu vực đặc



biệt: phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; quảng bá và đơn giản hoá mậu dịch qua internet; mở cửa mậu dịch điện tử; dịch vụ và đầu tư, kiến tạo một xã hội thương mại điện tử ASEAN; và kiến tạo một chính phủ điện tử ASEAN. Tuy nhiên, tiến trình không phát triển do các thành viên mới thiếu khả năng thu thập thông tin IT căn bản để chia sẻ với những thành viên khác. Bà Boontipa cho biết Thái Lan đứng thứ ba trong nghiên cứu của IBM, sau Mã Lai. Phi-lật-tân đứng thứ tư, theo sau là Brunei, Nam Dương, Việt Nam, Căm Bốt, Miến Điện và Lào.

IBM phân loại thứ bậc sẵn sàng của mỗi quốc gia thành 4 bậc từ ít phát triển nhất - Căm Bốt, Lào, Miến Điện và Việt Nam - đến mức tiến bộ nhất, Tân-gia-ba. Hầu hết các thành viên ASEAN được phân loại trong hai mức giữa.

Việt kiều gửi 1.7 tỉ đô qua ngân hàng CSVN

Người Việt hải ngoại đã gửi 1.7 tỉ đô la về cho thân nhân tại VN xuyên qua các ngân hàng năm 2001, chưa kể số tiền không tính được xuyên qua các đường không chính thức. Theo một cán bộ ngân hàng Nhà Nước thì tiền gửi về đã tăng nhiều kể từ 1999, khi chính phủ CSVN hủy bỏ sắc thuế 5% thu nhập đánh trên các khoản tiền gửi về, và cho phép người nhận được chọn hoặc nhận bằng tiền VN hoặc bằng ngoại tệ.

Theo viên cán bộ trên, người Việt hải ngoại đã gửi khoảng 1,4 tỉ đô về VN năm 2000, và 1,1 tỉ đô năm 1999. Con số này sẽ còn cao hơn nếu tính luôn các khoản tiền gửi về xuyên qua các ngõ ngách khác, hay tiền mặt do 200 ngàn Việt kiều mang theo về.

Hơn 50% tiền gửi về VN là từ Việt Kiều tại Mỹ. Có khoảng 2.5 triệu người Việt hải ngoại, trong đó hơn 1 triệu sống tại Mỹ.

Thực phẩm VN vào Mỹ bị FDA tịch thu

Trong khi tốc độ giao thương giữa hai nước Việt-Mỹ gia tăng, thì số lượng công ty Việt Nam có đợt hàng bị kiểm phẩm Hoa Kỳ tịch thu cũng tăng tốc theo.

Hiện tượng có nhiều đợt hàng bị kiểm phẩm Mỹ tịch thu cho thấy rằng các công ty chế biến thực phẩm Việt Nam còn phải cố gắng nhiều hơn nữa mới đạt tiêu chuẩn vệ sinh của Mỹ.

Theo các hồ sơ trên trang Web của FDA, vào tháng 10 có tổng cộng 81 lô hàng bị tịch thu; điều này có nghĩa là có tới 81 công ty hoặc ít hơn đã làm ăn thiếu vệ sinh. Hồ sơ tháng 11 cho thấy có tổng cộng 90 lô hàng bị tịch thu. Ngay trang đầu hồ sơ này cho thấy hãng "Vina Hung Co So Vina Hung, Hochiminh City" bị mất liền ba lô hàng trong cùng ngày 2-11-2001 gồm hành đỏ (red onion), ngó sen (lotus rootlet) và kiệu chua (sour leek). Hồ sơ tháng 12 cho thấy có tổng cộng 132 lô hàng bị tịch thu.

Như vậy, cứ mỗi tháng số công ty VN vi phạm luật vệ sinh Hoa Kỳ càng tăng. Những mặt

hàng bị tịch thu cũng rất đa dạng, nhưng đa số vẫn là các thủy sản đông lạnh và sau đó mới tới rau quả, nước hộp, bánh...

Dựa theo hồ sơ "Violation Code Translation" của FDA, lý do thường là đóng gói kém vệ sinh, có vi khuẩn salmonella gây bệnh, dơ bẩn hoặc hư rã... Ngoài ra cũng có khi lô hàng bị tịch thu vì không ghi tiếng Anh trên nhãn hiệu, hoặc là dược liệu chưa có phép nhập cảng. Nhìn chung, hầu hết các vi phạm vẫn là kém vệ sinh và mang vi khuẩn.

VN sửa luật con nuôi

VN sửa soạn tu chính luật về cho và nhận con nuôi để bài trừ tệ nạn buôn bán trẻ em ra nước ngoài - mỗi đứa trẻ có thể được mua với giá 50.000 mỹ kim.

Trong thập niên vừa qua, khoảng 2000 trẻ em VN đã bị bán cho người ngoại quốc, nhiều em được đưa sang Hoa Kỳ và Pháp. Cuối năm 2001, cảnh sát phá vỡ một tổ chức buôn bán trẻ em, đưa 16 người ra Tòa ở Saigon.

Theo phóng viên Clare Arthur của BBC, Thứ Trưởng Bộ Tư Pháp VN Hà Hùng Cường cho biết luật mới sẽ chỉ cho phép cho/nhận con nuôi với người của quốc gia có hiệp ước song phương với VN.

Hiện nay, chỉ còn nước Pháp có thỏa thuận về cho/nhận con



nuôi với VN. Nhưng giới ngoại giao ở Hà Nội tiết lộ rằng đa số con nuôi VN đi Mỹ, vì các gia đình Mỹ chịu trả giá cao. Năm ngoái, chính phủ Hoa Kỳ cấp giấy nhập cảnh 600 trẻ em VN, mặc dù vài trường hợp bị bác vì tình nghi gian lận.

Năm 2005 Việt-nam sẽ bỏ độc quyền viễn thông

VN sẽ hủy bỏ chính sách độc quyền trong lãnh vực viễn thông để nhượng khoảng 25% đến 30% thị trường cho các công ty mới kể từ năm sau đến năm 2005.

Công Ty Bưu Chính và Viễn Thông VN hiện đang nắm độc quyền trong ngành viễn thông đầy béo bở ở VN. Tổng Giám Đốc Tổng Cục Bưu Điện và Viễn Thông, ông Mai Liêm Trúc, cho hay theo lệnh chính quyền, năm 2003 Tổng Cục Bưu Điện và Viễn Thông sẽ được phân ra thành một sở bưu chính và mấy công ty viễn thông, kể cả một công ty điện thoại và một công ty điện thoại di động. Theo ông, những công ty này cùng với một số công tư nhân mới sẽ được tự do làm ăn trên thương trường, và phải đóng góp một phần lợi nhuận vào một công quỹ để bù lỗ cho công ty bưu chính.

Bank of America bỏ chạy khỏi VN

Văn phòng đại diện của Bank of America tại VN đã ngưng hoạt động. Ngân Hàng nhà nước CS thông báo đã chấp thuận quyết định trên của Bank of America. Như vậy, Bank of America là ngân hàng Hoa Kỳ đầu tiên ngưng hoạt động tại VN sau ngày hiệp ước mậu dịch Mỹ Việt trở thành có hiệu lực. Thông tấn xã CSVN không cho biết chi tiết lý do.

Hãng giấy Đài Loan trồng tre ở VN

Công ty Phương Phú của Đài Loan đã ký hợp đồng với công ty vật liệu giấy Đồng Nai, một đơn vị thuộc Tổng Công Ty Giấy VN, theo đó công ty Đài Loan sẽ đầu tư trồng 171 hecta tre trong huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai để lấy măng xuất cảng và chế biến nguyên liệu cho kỹ nghệ giấy. Diện tích trồng tre sẽ tăng lên 250 hecta vào cuối năm nay. Công ty Giấy Đồng Nai nhận cung cấp tre để sản xuất giấy trong 5 năm.

Đầu tư vào VN giảm 40%

Theo tin của Asia Pulse, để đáp ứng đòi hỏi của người đầu tư nước ngoài, chính quyền Việt Nam hứa cắt giảm các chi phí đầu tư.

Trong một cuộc phỏng vấn của báo *Saigon Giải Phóng*, bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư Trần Xuân Giá cho biết, theo kế hoạch của 5 năm tới, Việt Nam muốn có khoảng 12 tỷ mỹ kim tiền đầu tư, có nghĩa là Việt Nam cần phải có các nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn ra khoảng ba tỷ mỹ kim mỗi năm. Để đạt được mục tiêu này, chính quyền Việt Nam hứa cho cấp giấy phép trong một thời hạn ngắn nhất, cắt giảm các chi phí về thủ tục tới mức thấp nhất, và cho làm mặt bằng thật nhanh.

Theo dự đoán, sự đầu tư của nước ngoài đã sụt xuống 30-40%, Việt Nam đang cố gắng cạnh tranh để thu hút đầu tư trên thế giới.

Tham nhũng, thiệt hại 28 triệu đô

Trong năm qua, công an khám phá nhiều vụ tham nhũng, gây

thiệt hại tổng cộng 423 ngàn tỉ đồng (tương đương 28 triệu mỹ kim), theo báo *Nhân Dân*.

Bất ổn ở nông thôn và bất mãn vì tham nhũng tràn lan đã trở nên mối quan ngại ngày càng gia tăng của đảng CS cầm quyền trong vài năm gần đây và đã được nêu ra là một trong những nguyên nhân làm các nhà đầu tư ngoại quốc bỏ đi.

Báo của đảng CS cho biết công an kinh tế vất vả với 1420 vụ điều tra lớn nhỏ, gồm nhiều trường hợp buôn lậu, gây thiệt hại công quỹ 607 tỉ đồng (bằng 40 triệu mỹ kim). Tờ *Nhân Dân* không cho biết số tiền thu hồi được, và mức độ trừng phạt các vi phạm.

Hồi đầu tháng này, báo chí nhà nước CS đưa tin hệ thống ngân hàng trong nước có nhiều món nợ khó đòi, tổng trị giá 19 tỉ rưỡi đồng (tương đương 1 tỉ 290.000 mỹ kim). Theo kết quả khảo sát cuối năm qua của 1 cơ quan tham vấn Hongkong, VN là 1 trong những quốc gia tham nhũng nghiêm trọng nhất A Châu, có điểm 9.75 trên thang điểm mà tận cùng là 10.

Hiếp 17 bé gái, bị tử hình

Toà án thành phố Đà Nẵng vừa tuyên án tử hình Phan Hoài Linh, 32 tuổi, về tội cưỡng hiếp 17 bé gái trong 2 năm qua.

Vào năm 1994, đương sự cũng đã bị kêu án 7 năm tù về tội hãm hiếp trẻ em; nhưng đến năm 1999, y được trả tự do. Sau đó bị can vẫn tiếp tục tái phạm nhiều lần cho đến khi bị bắt giữ vào tháng 12.2001.

Được biết các vụ cưỡng hiếp trẻ em ngày càng gia tăng ở Việt Nam. Trong vòng 4 năm qua, tòa án Việt Nam đã xét xử khoảng 3500 vụ án liên quan đến tội này. Theo luật pháp hiện hành tại Việt

Nam, hình phạt tử hình dành cho những ai bị buộc tội hãm hiếp trẻ em dưới 7 tuổi.

Sài Gòn: Nghề chép tranh được mùa

Kỹ nghệ chép tranh đang bùng nổ ở Sài Gòn. Có những xưởng vẽ thuê cả chục thợ vẽ ngồi chép hàng ngày. Đối tượng chính là du khách nước ngoài. Một họa phẩm sơn dầu chép từ các bức nổi tiếng có giá từ 25 đô tới 100 đô, quá rẻ ngay cả so với bản chụp.

Mậu dịch Nga - CSVN tăng 30%

Trị giá giao thương Việt Nga lên tới 500 triệu mỹ kim trong năm qua, tăng 30% so với năm trước, theo hãng tin Nga Novosti.

VN bán sang Nga nông sản, quần áo, nhập cảng nguyên liệu, thiết bị cho các ngành kỹ nghệ xe hơi, năng lượng, dầu mỏ. Hợp tác thương mại giữa 2 nước sẽ tăng tốc sau chuyến công du của Phó Thủ Tướng Viktor Kristenko bắt đầu ngày 18-1.

Phó Thủ Tướng Kristenko dự hội nghị lần thứ 8 của Ủy Hội liên chính phủ Việt Nga, để tham gia thảo luận viên ảnh hợp tác trên các lãnh vực dầu khí, hoá dầu, than, năng lượng và nông công nghiệp.

Trà VN đi khắp thế giới

Theo Hội Trồng Trà, ngoài các thị trường truyền thống, trên 10,000 tấn trà VN đã được xuất cảng tới các thị trường mới trong năm 2001. Diện tích trồng trà toàn quốc tính vào cuối năm 2001 là 89,000 hecta, mỗi hecta cho 1 tấn búp khô. Trà VN xuất cảng trong năm qua thu 62 triệu mỹ kim.

Những địa phương có diện tích trồng trà rộng lớn là Sơn La, Yên Bái, Tuyên Quang, Lào Cai, Thái Nguyên, Nghệ An và Lâm Đồng.

HRW: không nên hồi hương người Thượng về VN

Trước ngày khai mạc hội nghị 21-1 tại Nam Vang giữa Cao Ủy Tị Nạn LHQ, VN và Cam Bốt về số phận người xin tị nạn đã vào Cam Bốt hồi tháng 2 năm ngoái, Hội Quan Sát Nhân Quyền HRW đã cảnh giác Cam Bốt và Liên Hiệp Quốc không nên hỗ trợ việc hồi hương khoảng 1.000 người Thượng về VN trừ phi việc trở về được quan sát một cách độc lập.

"Chính phủ CSVN đã không cho ai bước tới Tây Nguyên, nhưng những gì chúng tôi biết cho thấy là không an toàn cho người Thượng từ Cam Bốt trở về quê nhà," theo lời Joe Saunders của HRW trong bản văn gửi cho AP. "Có chứng cứ cụ thể là chính phủ CSVN đã trấn áp vùng Tây Nguyên một cách hệ thống rộng khắp, và còn tiếp diễn."

Buổi họp đầu tiên giữa các viên chức LHQ, CSVN và Cam Bốt đã tan vỡ hồi tháng 7 khi CSVN bác bỏ việc Cao Ủy Tị Nạn LHQ đòi thăm khu vực nơi người Thượng bỏ trốn.

Trấn áp dân Tây Nguyên, bắt bỏ đạo đạo Tin Lành

Theo tin của hãng Worthy News vào đầu tháng giêng năm 2002, số tín đồ Tin Lành tại VN thường bị chính quyền CSVN áp bức, cấm đoán và bách hại.

Hồi tháng Hai năm 2001, nhà cầm quyền Hà Nội đã thoả thuận với những hội thánh Tin Lành rằng họ sẽ thay đổi thái độ cư xử với Hội Thánh Tin Lành; thế nhưng ngược lại, nhà cầm quyền

VN tiếp tục chà đạp lên quyền tự do tôn giáo và bách hại thêm tín đồ Tin Lành miền cao nguyên.

Những bản báo cáo của cơ quan Christian Aids Mission / Tiếp Trợ Việc Truyền Giáo Tin Lành chỉ ra một số các chiến lược đàn áp tôn giáo của nhà cầm quyền Hà Nội như sau:

1. Buộc những tín hữu Tin Lành phải trở lại đạo thờ ông bà và bắt buộc họ phải uống máu pha với rượu để tuyên thệ. Bắt họ phải dựng lên một bàn thờ có hương khói trong nhà mà người theo đạo Tin Lành vâng phục Thánh Kinh dạy là không thờ lạy hình tượng.

2. Buộc những tín hữu Tin Lành phải giết con thú làm sinh lễ dâng cúng trên bàn thờ và theo các tục lệ thờ cúng của dân chúng.

3. Đưa các bộ đội vào sống chung trong các hộ của tín đồ Tin Lành thứ nhất là để kiểm soát sinh hoạt hàng ngày của họ và thứ hai là họ phải nuôi ăn cho những bộ đội này hàng ngày. Những bộ đội này thường có những hành động uy hiếp, hạch sách như là đòi uống rượu, đòi nấu đồ nhậu và cũng có những trường hợp hiếp dâm các thiếu nữ.

4. Nhà cầm quyền e sợ bị tố cáo là đàn áp tôn giáo, do đó họ thường kiếm chuyện khác để buộc tội những tín đồ Tin Lành. Hiện nay nhà cầm quyền đang truy tội các vị lãnh đạo Tin Lành là làm ô nhiễm môi sinh.

5. Cách đây 9 tháng, công an đã ra lệnh 30 gia đình tín đồ Tin Lành phải từ chối đạo. Khi những người này không chịu bỏ đạo, công an đã đuổi họ ra khỏi nhà và buộc họ phải sống vô gia cư ở dưới những lùm cây. Bọn công an đã đã man bắt 4 phụ nữ là vợ của các gia đình này và hiếp dâm

họ hàng ngày. Còn những người khác như các người đàn ông và trẻ em đều bị cột vào các thân cây và bị đánh rất tàn nhẫn.

Số tin đồ Tin Lành khác ở vùng cao nguyên nghe thấy sự dã man bèn bỏ trốn. Một số trốn đi các miền ít bị bách hại hơn, số khác trốn vào rừng hoặc vượt biên qua Cam-bốt. Những người đang bị tạm cư tại Cam-bốt vẫn phải đối diện với việc sẽ bị trả lại cho Việt Nam. Người ta cho biết có khoảng 25 vị lãnh đạo Tin Lành vùng cao nguyên đã bị bắt và bị đưa đi ở tù ở Bắc Việt mà không được xét xử và gia đình cũng không biết họ còn sống hay chết.

VN đứng thứ 8 toàn cầu về đàn áp tôn giáo

Theo một bài nhận định của tác giả Jeff M. Sellers đăng trên *Christianity Today* số ra ngày 7 tháng 1 năm 2002 thì Cộng-sản Việt Nam là một trong những nước có chính sách bách hại và đàn áp tôn giáo trắng trợn trên thế giới.

Trường hợp nổi bật nhất là vụ bắt nhốt và sau đó đã xử 15 năm tù vị Linh mục Công giáo Ta-đê-ô Nguyễn Văn Lý chỉ vì "tội" đã đệ trình một lời chứng đến Quốc Hội Hoa Kỳ về sự bách hại tôn giáo ở Việt Nam.

Cơ Quan Open Doors, ông Giám đốc Brother Andrew đã liệt kê Việt Nam đứng vào hàng thứ 8, có chính sách bách hại tín ngưỡng và đàn áp tự do tôn giáo hơn cả hai nước Sudan và Pakistan là những nước tin theo Hồi giáo cực đoan và có chính sách lấy đạo Hồi làm quốc giáo.

Ông Michael K. Young, chủ tịch của Ủy Ban Tôn Giáo Quốc Tế của Quốc Hội Hoa Kỳ, phát biểu rằng, "Với những hành động xem nhẹ tự do tôn giáo của chính quyền Hà Nội, thật họ không xứng đáng để hưởng lấy quyền tự do mậu dịch và trao đổi hàng hóa với Hoa Kỳ cũng như là hưởng các quyền lợi vay mượn ngân quỹ tiền tệ thế giới. Nếu Việt Nam muốn có những quyền lợi như thế một cách lâu dài thì Việt Nam phải bắt buộc tôn trọng những thoả ước về hiệp định nhân quyền

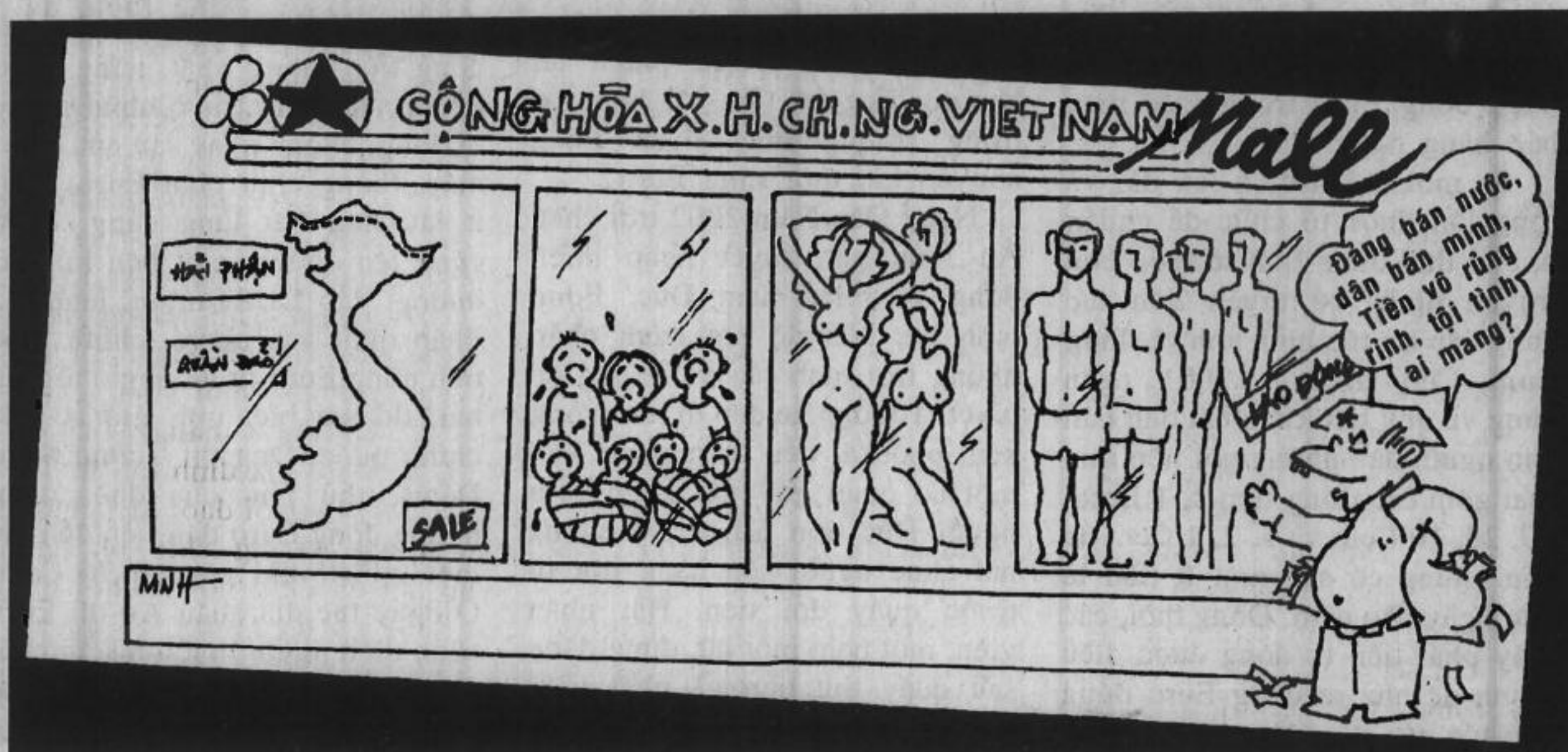
quốc tế và chấp thuận vô điều kiện cho sự tự do tôn giáo."

Tuy Hiến pháp của CS Việt Nam có ghi chép về quyền tự do tôn giáo nhưng đó chỉ là một điều khoản trống rỗng, theo nhận định của cơ quan Operation World.

Cùng đồng ý với nhận định đó, cơ quan Freedom House của Hoa Kỳ cho biết là nhà cầm quyền Hà Nội vẫn từ chối cung cấp tính cách pháp nhân cho nhiều nhóm Tin Lành nhỏ và còn kết tội họ vi phạm luật pháp.

Mặc dầu dân số tin theo Phật Giáo chiếm đến 54%, khoảng 22% là lương dân và khoảng 8% là Công Giáo và Tin Lành, thế mà Hà Nội vẫn từ chối không thừa nhận Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất của Việt Nam vì giáo hội này không chấp nhận bị điều khiển theo chính sách tôn giáo quốc doanh.

Cơ quan Operation World ước lượng có vài chục người lãnh đạo Tin Lành đã bị bắt và đem ra miền Bắc không còn biết tông tích. Trong số đó có Mục sư Nguyễn Hồng Quang, nguyên là một luật sư.



Đổi Tiền

Trần Văn Tích



Kể từ 0 giờ ngày thứ ba 1.1.2002, đồng Euro trở thành tiền tệ chính thức đối với 306 triệu người thuộc Liên Hiệp Âu Châu trong mười hai quốc gia: Đức, Pháp, Bỉ, Hoà lan, Lục xâm bảo, Ai nhĩ lan, Phần lan, Áo, Ý, Tây ban nha, Bồ đào nha và Hy Lạp. Qua hiệp ước Maastricht ký kết năm 1992, một số quốc gia châu Âu quyết tâm theo đuổi một chính sách tiền tệ, quốc phòng và ngoại giao chung. Để chuẩn bị cho sự ra đời đồng Euro, hiệp ước Maastricht qui định ba giai đoạn nhằm giảm thiểu lạm phát, cân bằng hối suất và bớt nợ nần quốc gia. Từ đầu năm 1999, đồng Euro đã được sử dụng trong những dịch vụ giao thương giữa các ngân hàng để giảm bớt rắc rối phí tổn do hối suất gây ra. Và từ ngày 1.1.2002, người dân chính thức sử dụng đồng Euro trong việc mua bán hàng ngày.

Cả một chiến dịch lâu dài và rộng lớn được tổ chức để chuẩn bị cho thời điểm lịch sử. Báo chí, truyền hình, vô tuyến liên tục cung cấp tin tức hình ảnh về đồng Euro. Cuối tháng 12.2001, ngân hàng và quỹ tiết kiệm bắt đầu bán cho người dân những gói tiền kim loại gồm các đồng tiền 2, 1 Euro; 50, 20, 10 Cent và 5, 2, 1 Cent để dân chúng có sẵn một ít tiền lẻ vào ngày đầu năm. Đồng thời, các máy phát tiền tự động được điều chỉnh để nhả ra đồng Euro đúng vào lúc nửa đêm Năm Mới. Ngày

Tết Dương Lịch, một số cơ sở phát hành tiền tệ mở cửa, tổ chức bố trí nhân viên làm giờ phụ trội để tiếp đón dân chúng đổi tiền cũ lấy tiền mới, mặc dầu các máy tự động đã và đang hoạt động song hành, và đồng Đức mã thì vẫn có giá trị giao dịch cho đến hết ngày 28 tháng hai năm nay.

Vào dịp này, cá nhân tôi gặp một tình huống thú vị. Chả là tôi vừa lĩnh hưu vừa lĩnh lương vì tuy đã hưu trí nhưng vẫn còn đi làm. Tiền hưu (của tháng giêng) bắt buộc phải trả trước cuối tháng chạp, chậm nhất là ngày 31.12; tiền lương (của tháng chạp) vì điều chỉnh bản vị tiền tệ nên trả chậm hai ngày. Kết quả: sau Tết Dương lịch năm nay, trương mục ngân hàng của tôi nhận tiền hưu bằng Đức mã và tiền lương bằng Euro. Tất nhiên trên phiếu tài khoản, tổng số tiền tôi hiện có trong trương mục được hoán chuyển kịp thời sang Euro.

Ngày Đầu Năm 2002 trời châu Âu lạnh gắt, tuyết ngập miền đông và miền nam Đức. Bonn lạnh ba, bốn độ âm bách phân nhưng trời tạnh ráo và không có tuyết. Tôi đạp xe đạp đi một vòng xem phố xá, tiện đường ghé vào một cơ quan quỹ tiết kiệm xem người Đức đón Euro. Độ chừng hai chục người sắp hàng trật tự trước quầy đổi tiền. Hai nhân viên, một nam một nữ, đứng đằng sau quầy thu tiền và phát tiền. Một nhân viên đứng trong phòng,

phía ngoài quầy, trông chừng trật tự, giữ gìn an ninh. Tôi đứng vào một góc quan sát. Nhân viên trật tự đến nhắc tôi nếu muốn đổi tiền thì phải sắp hàng cùng với bà con Nhật nhĩ man. Tôi giải thích chỉ muốn "tham quan" chứ không có tiền để đổi, và lại tôi đã dùng thẻ lấy tiền mới ngoài máy tự động rồi. Tất cả diễn ra thứ tự, yên ổn. Mặc dầu là vào ngày lễ, mà lại là vào ngày lễ trọng đại nhất trong năm, "nhân dân" vẫn được "phục vụ".

Theo báo chí, hôm Tết Dương Lịch, nơi vùng tôi trú ngụ - Bonn và phụ cận - chỉ riêng ngành Bưu Điện đã có 600 cơ sở đổi tiền mở cửa từ 10 giờ đến 14 giờ, huy động 2.500 nhân viên; cùng lúc đó, 2.300 máy phát tiền tự động cũng cung cấp tiền mới cho những ai chỉ muốn lấy Euro mà không muốn đổi tiền.

Nhìn chung, tiến trình đổi tiền trên mười hai quốc gia với hơn ba trăm triệu dân diễn ra tương đối suôn sẻ, trôi chảy; chỉ có những trục trặc, lĩnh kính nhỏ ở vài nước. Một số máy tự động tiếp tục nhả ra quan Pháp hay tiền Ý khiến bản dân thiên hạ có người cụt hứng. Ở Maastricht, cái nơi đồng tiền thống nhất, hàng chục người sắp hàng trước những máy tự động, nhưng ngay sau nửa đêm, máy không chịu phát Euro, phải ít lâu mới hết lũng củng. Euro cũng lên đường ở tít bên kia đại dương: đảo La Réunion, lãnh địa Pháp quốc hải ngoại, chính thức tiêu dùng Euro từ lúc 9 giờ tối thứ hai, do sai biệt múi giờ so với chính quốc. Ông thị trưởng Saint Denis, thủ phủ của đảo, dùng những đồng Euro đầu tiên để mua một kilô lê chi với giá 76 Cent. Ở ngay lục địa châu Âu thì Euro trình diện người tiêu thụ sớm nhất ở Phần lan và Hy Lạp vì giờ ở hai quốc gia này đi trước giờ Trung

Âu một tiếng. Các thành phố lớn ở Pháp đón tiếp nồng nhiệt đồng Euro bằng những hời còi xe hơi rộn rã. Ở Paris, các ông Tây bà Đầm chen chúc trước máy tự động để rút những tấm giấy bạc đầu tiên. Cây cầu kiến trúc trung cổ Pont Neuf bắc ngang sông Seine chìm trong một biển ánh sáng với những đồng Euro màu xanh in hình trên thành cầu. Trước cơ quan Bưu điện Trung ương, đúng nửa đêm, bài ca châu Âu, bài *Ode an die Freude* (Đoản ca Hân hoan) của Beethoven cất lên vang dội. Ở Ý có vẻ đồng Euro lúc ban đầu khiến giới tiêu thụ hơi bối ngỡ lúng túng. Quen xài đồng tiền lira theo những con số thiên văn học, có người uống một tách cà-phê mà trả bằng một đồng 50 Euro! Tổng thống Ý đại lợi Carlo Azeglio Ciampi phải đấu tranh mới xài được đồng bạc Euro đầu tiên. Ông cũng uống cà-phê nhưng lúc trả tiền thì chủ quán lịch sự xin được hân hạnh thết đãi thượng khách, trong khi vị nguyên thủ quốc gia lại nhất định tiêu cho bằng được đồng tiền mới tinh khôi. Kết quả: khách chỉ 1,54 Euro cho hai tách cà-phê và chủ đành nhận tiền. Nhưng nước Ý còn có chuyện không may là đúng vào dịp lãng-xê Euro thì nhân viên ngân hàng đình công đòi tăng lương tháng! Tại Bồ đào nha, chính phủ ưu ái mở cho tất cả những cháu bé sơ sinh ra đời đúng đêm Tân Niên một trương mục 50 Euro. Đức Giáo Hoàng tuyên bố hy vọng đồng Euro sẽ mang hoà bình và thịnh vượng đến cho châu Âu. Ở Bonn, hầu hết các cơ sở thương mại đều thiết trí hai hộp tiền, một hộp cho Euro, một hộp cho D-Mark. Chuyển đổi từ tiền cũ sang tiền mới khiến nhiều người bán xúc xích vì theo tỷ giá chính thức, một Euro ăn 1,95583 Đức mã. Cho nên đa số chọn giải

pháp đơn giản hoá sự việc và người Đức thân nhiên xem 1 Euro trị giá 2 D-Mark, như vậy chỉ việc chia hai là xong. Người Pháp bèn có dịp so bì vì họ tính toán khó khăn hơn. Chả là 1 Euro ăn 6,55 quan Pháp.

Trục trục kỹ thuật có khi lại đưa đến may mắn. Ông Michael R. ở Hanau, tài xế xe buýt, nhận được một đồng 50 Cent màu bạc trắng ngần thay vì màu vàng óng ánh. “Sự cố” hi hữu này chỉ có thể xảy ra đối với một đồng 50 Cent trong tổng số 1 tỷ sáu triệu đồng 50 Cent. Chuyên viên tiền tệ tiền đoán là đem bán đấu giá đồng tiền độc nhất vô nhị đó có thể thu vào một khoản hiện kim nhiều gấp trăm ngàn lần trị giá chính thức. Nhiều máy tự động thu chi phí đậu xe hơi chưa được điều chỉnh kịp thời; vì vậy trong hai tuần lễ đầu tháng giêng dương lịch, cảnh sát công lộ nhăm mắt làm ngơ cho bà con lái xe đậu xe nơi phải trả tiền mà không lấy thẻ giữ xe.

Nhưng Euro cũng vô tình có nạn nhân của nó. Ông Gerhard S., 55 tuổi, thợ máy nông cụ ở bang Sachsen đi xe đạp ba cây số đến ngân hàng tại thị trấn Falkenheim nhằm đổi tiền mới. Xuống xe, khoá xe, thấy hàng người sắp hàng dài trước ngân hàng, ông ôm ngực gục xuống. Cảnh sát cho biết nguyên do cái chết đột ngột là nhồi máu cơ tim, có lẽ do kích động vì vụ đổi tiền.

Đồng Euro không phải in trên giấy. Chất “giấy” của nó là một hợp chất chủ yếu bằng sợi bông vải. Cho nên nó bền bỉ: có lẽ cho vào máy giặt nó vẫn không suy suyển, vô ý mang nó ra ủi nó vẫn cứ trơ trơ. Đốt thì nó cháy nhưng cháy chậm và cháy từng phần.

Euro và Cent cũng gây nhức đầu cho ngôn ngữ học. Về cách phát âm, Euro tiếng Đức phát âm là oi-rô, không có vấn đề gì.

Nhưng Cent thì nên phát âm là zent theo lối Đức, sent theo lối Anh hay xăng theo lối Pháp? Đại diện Hiệp hội Ngôn ngữ Đức (Gesellschaft fuer deutsche Sprache) ở thành phố Wiesbaden, Gerhard Mueller, đề nghị cứ tự nhiên phát âm là Zent, vì cả năm thế kỷ nay, tiếng Đức vẫn nói và dùng chữ Zentner để chỉ đơn vị trọng lượng tương đương với một trăm Pfund mặc dầu chữ đó vốn có gốc gác từ tiếng La-tinh là centum. Chủ tịch Liên hiệp Ngôn ngữ Đức (Verein fuer Deutsche Sprache), Walter Kraemer, kêu gọi các phát ngôn viên vô tuyến truyền thanh và vô tuyến truyền hình hãy phát âm chữ Cent theo giọng Đức ròng. Nhưng những cá nhân giao thiệp nhiều với người Mỹ thì có thể phát âm chữ cent theo cách Anh, còn ai liên lạc thường xuyên với chư vị Tây Đầm thì có thể uốn giọng theo chữ cent trong tiếng Pháp. Về cách viết thì khi Euro được sử dụng như một đại lượng tính toán, nó không đổi cách, y như chữ Mark. Vậy phải viết 50 Euro, cũng như vẫn viết 50 Dollar, 50 Rubel. Nhưng khi muốn nói về những tấm giấy bạc hay những đồng tiền tròn thì số nhiều thêm ét-xi là hợp lý hơn: *Ich habe heute meine Euros geholt*: Hôm nay tôi đã lấy tiền Euro. Mueller cũng tiền đoán là các thành ngữ, ngạn ngữ, các tập hợp từ cố định đã quen dùng liên hệ đến đơn vị tiền tệ cũ như *Pfennigfuchser* (người hà tiện, kẻ bủn xỉn), *Pfennigabsaezte* (đế giầy khiêu vũ cao và thon của phụ nữ) hay *Wer den Pfennig nicht ehrt, ist des Talers nicht wert* (tôi không tìm được tục ngữ tương đương trong tiếng Việt) v.v.. thì chắc sẽ vẫn tồn tại mặc dầu Mark và Pfennig đã thuộc vào dĩ vãng (1 Mark ăn 100 Pfennig). Nhưng nếu là một tổ hợp từ liên hệ đến

chính bản thân đồng tiền cũ thì chắc là rồi nó sẽ biến thể theo thời gian và tập quán, ví dụ trường hợp chữ *Glueckspfennig*. Dân Đức tin rằng đồng Pfennig có thể mang lại may mắn, thành công và họ gọi đây là đồng *Glueckspfennig*. Người ta có thể tặng nhau một đồng Pfennig với hàm ý đó. Trong hai trận giao phong lượt đi và lượt về giữa hai đội túc cầu CHLB Đức và Ukraine, phóng viên nhật báo *Bild* đã mang một đồng *Glueckspfennig* kín đáo giấu vào sân cỏ gần một trong hai khung thành và quả nhiên đội Đức đã đạt được thành quả tham gia tranh giải bóng tròn thế giới năm nay ở Nhật Bản và Đại Hàn. Đồng *Glueckspfennig* đó hiện đang được gửi bảo hiểm ở một cơ sở bảo hiểm, dự trù sẽ theo đội Đức sang A châu vào tháng sáu năm nay!

Tiếng Việt chúng ta gặp lại một khách cố tri qua đồng Euro. Thời Pháp thuộc, dân Việt nam đã được ngân hàng Đông dương cung cấp đồng xu mà Pháp ngữ cũng gọi là cent. Như vậy, nếu muốn, có lẽ chúng ta có thể nói rằng ở châu Âu đương lưu hành những đồng năm hào, hai cắc, một giắc. Và nhân dịp đầu năm, xin chúc bà con lưu vong ty nạn ở châu Âu trong túi lúc nào cũng xu hào rủng rỉnh. Dịch Euro sang tiếng Việt như thế nào đây? Dịch là âu kim như Làng Văn dịch ở mục "Giá báo dài hạn" nghe chừng chưa thực ổn thoả vì Euro không phải là dollar. Dịch là âu tệ, được chăng? Nhưng tệ nghe... tệ quá! Bác Bút Chì nghĩ sao? Ký hiệu đồng Euro là € (chứ không phải EC như Làng ta ghi cũng ở mục "Giá báo dài hạn"). Ký hiệu đó không đánh được trên máy điện toán với bộ chữ tiếng Việt, tôi phải chuyển qua font chữ Times New Roman. Chữ E là chữ đầu của chữ Europe và có hình dáng

giống chữ Hy Lạp *epsilon*, hàm ý nhắc nhở nguồn gốc văn hoá châu Âu. Hai vạch ngang tượng trưng cho sự vững chắc, quân bình của đồng Euro. Các tờ giấy bạc cũng như các đồng tiền tròn lưu hành trên khắp Âu châu đều có một mặt trình bày một đồ hoạ thống nhất. Đồ hoạ đó được một ủy ban đại diện các quốc gia tuyển chọn trong một cuộc thi tổ chức năm 1997, và người thắng giải là một nhà tin học người Bỉ, ông Luc Luycx. Ở mặt kia, Euro giấy và Euro tròn mang những đồ hoạ riêng biệt cho từng quốc gia.

Đồng Mark đã thọ hơn nửa thế kỷ. Nó là đứa con tinh thần của Ludwig Erhard và nó là người cha tinh thần của phép lạ kinh tế. Nó còn góp phần chiến thắng chủ nghĩa cộng sản. Ngày 20 tháng sáu năm 1948, đồng D-Mark thay thế đồng Reichsmark trên lãnh thổ Tây Đức - lúc bấy giờ còn do ba quốc gia chiến thắng kiểm soát - mở đầu cho chính sách kinh tế thị trường xã hội, *soziale Marktwirtschaft*, đưa đến cảnh sống giàu có thịnh vượng. Bên phía đông, chủ xô-viết và tở Đông Đức bị động cuống cuống phản ứng. Chúng tung ra đồng Tapetenmark. Chúng huy động hàng trăm nhân công đến một phòng ốc rộng lớn làm việc liên tục cả đêm lẫn ngày để dùng giấy bồi in những cái nhãn mang các con số 1, 2, 5, 10, 20, 50 và 100 rồi đem dán lên đồng tiền cũ. Cho nên mới có tên Tapetenmark, đồng Đức mã giấy bồi. Nhưng rồi khi chủ tở Nga cộng Đông Đức hoàn hồn tỉnh trí ban hành đồng tiền chính thức thì Mark Tây Đức mạnh nhất nhì châu Âu vẫn cứ đánh bại Mark Đông Đức vô giá trị. Trong thực tế giao dịch kinh doanh, đồng Mark Tây Đức là đơn vị tiền tệ bá chủ trên toàn cương vực nước Đức còn chia cắt. Và khi

người dân Đông Đức đòi hỏi tự do thì họ lại cũng nương vào đồng Mark. Lời kêu gọi chiến đấu vang lên: *Entweder die D-Mark kommt zu uns - oder wir kommen zur D-Mark!* Hoặc đồng Đức mã đến với chúng tôi, hoặc chúng tôi đến với đồng Đức mã. Giới báo chí còn bảo rằng cựu Thủ tướng Helmut Kohl đã hy sinh đồng Mark mạnh để gia nhập khối Euro vì muốn mua nền thống nhất quốc gia.

Việt cộng cũng từng đổi tiền hai lần sau năm 1975. Lần thứ nhất khi chúng chiếm miền Nam và đổi tiền quốc gia lấy tiền cộng sản. Lần thứ hai khoảng năm 1978. Cả hai lần chúng đều giấu kín kế hoạch đổi tiền và tiến hành đổi tiền theo cung cách ăn cướp. Chúng ban bố lệnh hành quân, tung cán bộ và thanh niên xung phong đến những địa điểm do chúng lựa chọn rồi tuyên bố chỉ đổi tiền trong vòng một hai ngày, quá thời hạn đó, đồng tiền cũ mặc nhiên mất hết giá trị. Dù thứ tin đồn rùng rợn lan truyền trong dân chúng, gieo kinh hoàng cho tất cả bản dân thiên hạ. Cạnh nhà tôi có người nghe xầm xì chỉ đổi tiền giấy in, tiền kim loại không phải đổi nên tung tiền ra mua đồng bạc kim loại về chứa từng lu, từng vại lớn. Đùng một cái, giắc cho biết loại đồng tiền này cũng mất giá trị nên ông ta tuyệt vọng tự tử. Chính cán bộ công an cho biết riêng thành phố Sài gòn đã có mấy trăm người tự vận sau vụ đổi tiền thứ nhất. Đảng mafia đỏ còn phát huy sáng kiến (!) in tờ giấy bạc ba chục đồng, quái dị chẳng giống ai!

Cái nôi ăn cướp thì đi đâu làm gì cũng vẫn cứ là ăn cướp. Cái loài độc ác thì đi đâu làm gì cũng vẫn cứ là độc ác. Thế mà cứ mở miệng là nói đến đời sống văn minh, đến con người văn hoá! ●



Ai Thắng Ai?

Sơn Tùng

Ngày 7.12.2001, chế độ Taliban tại Afghanistan sụp đổ, sau khi thủ lĩnh Mullah Mohammed Omar cùng tàn quân rút chạy khỏi cứ điểm cuối cùng Kandahar trong đêm tối. Quân Taliban đã tan rã, và không còn hoàn-toàn kiểm soát được một phần đất nào, dù rất nhỏ, trên lãnh thổ A-Phú-Hãn. Rồi chính phủ liên hiệp Hamid Karzai được thành lập. Nhưng, Chiến dịch Tự Do Bền Lâu vẫn còn tiếp tục, và Hoa Kỳ chưa tuyên bố chiến thắng.

Không phải vì chưa bắt được, hay giết được Mohammed Omar và Osama bin Laden, thủ lĩnh quân khủng bố Al Qaeda, nhưng, như Tổng thống Bush đã cho biết, đây không phải là một cuộc chiến tranh mà mục tiêu chỉ là triệt hạ được Omar và bin Laden. Và như vậy, chiến thắng đẹp mắt của Mỹ sau hai tháng tấn công Afghanistan đã không được coi là một chiến thắng dứt khoát, và các nhà viết sử cũng sẽ không có một ngày tháng nhất định để ghi vào sách cho các học sinh bậc trung học và để cho hậu thế làm lễ tưởng niệm ngày chiến thắng của Mỹ trong cuộc Chiến tranh A-Phú-Hãn. Khó ai có thể đoán được bao giờ thì cuộc chiến tranh diệt trừ khủng bố do Mỹ lãnh đạo sẽ ca khúc khải hoàn, và có thể sẽ không có ngày ấy mà quân khủng

bố sẽ dần dần bị loại trừ một cách lặng lẽ như một căn bệnh ung thư bị xạ tuyến đẩy lui.

Có vẻ như sau trận Thế Chiến II, chưa cuộc chiến tranh nào có người thắng kẻ bại dứt khoát và có một ngày được ghi vào sử sách, như ngày 14.8.1945 với hình ảnh một thủy thủ Mỹ ôm hôn một cô y tá tại Times Square ở New York khi Phát-xít Nhật tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, hay một ngày vinh quang chói lọi cho Hoa Kỳ khi Tướng Nhật Yoshijiro Umezumi ký hiệp ước đầu hàng trước sự chứng kiến của Tướng Mac Arthur trên chiến hạm Missouri ngày 2.9.1945.

Sau Thế Chiến II, cuộc Chiến tranh Lạnh kéo dài khoảng 45 năm mà cuối cùng đã chấm dứt với sự sụp đổ của Khối Cộng sản Đông Âu và Liên Xô. Nhưng, vào ngày nào? Bức Tường Bá-Linh sụp đổ vào ngày 9.11.1989, nhưng Liên-Sô còn kéo dài thêm hai năm nữa. Và đã có nhiều ngày khác nhau, tùy từng tác giả, được cho là ngày kết thúc cuộc Chiến tranh Lạnh. Thậm chí có những người cho rằng Mỹ đã... không thắng cuộc Chiến tranh Lạnh!

Chắc nhiều người không tin rằng một số sử gia tên tuổi nhất của Mỹ đang hăng say làm việc trong suốt thập niên vừa qua để chứng minh rằng "Hoa Kỳ đã không thắng cuộc Chiến tranh Lạnh". Đã có cả một chiến dịch viết lại lịch sử cuộc Chiến tranh

Lạnh của các sử gia tả phái ở Mỹ, và đã có những cuốn sách được xuất bản, như: *Losing Our Souls: The American Experience in the Cold War* (Đánh mất linh hồn của chúng ta: kinh nghiệm của người Mỹ trong cuộc Chiến tranh Lạnh) của Edward Pessen, hoặc những bài viết như *The United States was the loser in the Cold War* (Hoa Kỳ là kẻ thua trong cuộc Chiến tranh Lạnh) của một giáo sư tại trường Đại học Whitman.

Vậy, theo những tác giả thông thái này, ai là người đã thắng cuộc Chiến tranh Lạnh? George Kennen trả lời rất đơn giản, khi viết: "Không có ai thắng cuộc Chiến tranh Lạnh cả." Và, nếu có ai nói Tổng thống Reagan là người đã có công lớn để thắng cuộc Chiến tranh Lạnh, Kennen viết rằng đó là một kẻ "thực sự ngu ngốc và trẻ con".

Giáo sư Ronald Steel phải miễn cưỡng nhìn nhận Mỹ đã thắng, nhưng gọi cuộc chiến thắng không đổ máu triệt hạ đế quốc vô sản siêu cường Sô-Viết là một "chiến thắng tầm thường", và chiến thắng đã làm Hoa Kỳ trở thành siêu cường duy nhất là "một chiến thắng mơ hồ".

Và, người Mỹ đã phải đi hỏi người Nga xem ai đã thắng cuộc Chiến tranh Lạnh, và người Nga đã đồng thanh nhìn nhận đã thua Mỹ. Vladimir Lukin, cố vấn về chính sách đối ngoại của Boris Yeltsin, nói rằng học thuyết Reagan

và chương trình chiến tranh tinh tú SDI (strategic defense initiative) đã gia tốc cơn co quắp kinh tế của Liên-Sô khoảng 5 năm. Aleksandr Bessmertnykh, một cựu bộ trưởng ngoại giao Nga, đã nói trong một bài diễn văn tại Đại học Princeton rằng sự lãnh đạo của Reagan đã thắng cuộc Chiến tranh Lạnh. Sergio Khrushchev, con trai của Nikita S. Khrushchev và gần đây đã trở thành công dân Mỹ, đã trả lời trong một cuộc phỏng vấn truyền hình: "Hiển nhiên, quý vị đã thắng cuộc Chiến tranh Lạnh." Người Đức, người Ba-Lan, người Tiệp, người Hung, người Lỗ, người Bảo-Gia-Lợi cũng đều nói Mỹ đã thắng.

Nhưng, tại sao lại có những sử gia Mỹ phủ nhận chiến thắng của Hoa Kỳ trong cuộc Chiến tranh Lạnh? Nhiều người cho rằng mục tiêu của "chiến dịch viết lại" của các sử gia thiên tả tại Mỹ là: bóp méo lịch sử và nhồi sọ học sinh nơi các trường học tại Mỹ. Nếu họ thành công, khi con cháu của

người Mỹ học lịch sử thời hậu Thế Chiến II, chúng sẽ không bao giờ hay biết các nước dân chủ tư bản do Mỹ lãnh đạo đã cứu thế giới khỏi sự thôn tính của đế quốc Cộng sản dựa trên giáo điều Mác-xít. Và chúng cũng sẽ không biết Tổng thống Reagan với hai nhiệm kỳ đã tạo ra sự biến mất của Liên bang Sô-Viết.

Theo lịch sử được viết lại, Đồng minh đã thắng Hoàng đế Đức Kaiser Wilhem trong Thế Chiến I và thắng Adolf Hitler trong Thế Chiến II, Hoa Kỳ thua Bắc Việt trong Chiến tranh Việt Nam, và đã "không thắng" cuộc Chiến tranh Lạnh. Người thì nói Chiến tranh Lạnh là "một lực đẩy duy trì thế ổn định" giữa hai khối Đông Tây, kẻ bảo Chiến tranh Lạnh là "nguy hiểm, phí phạm"...

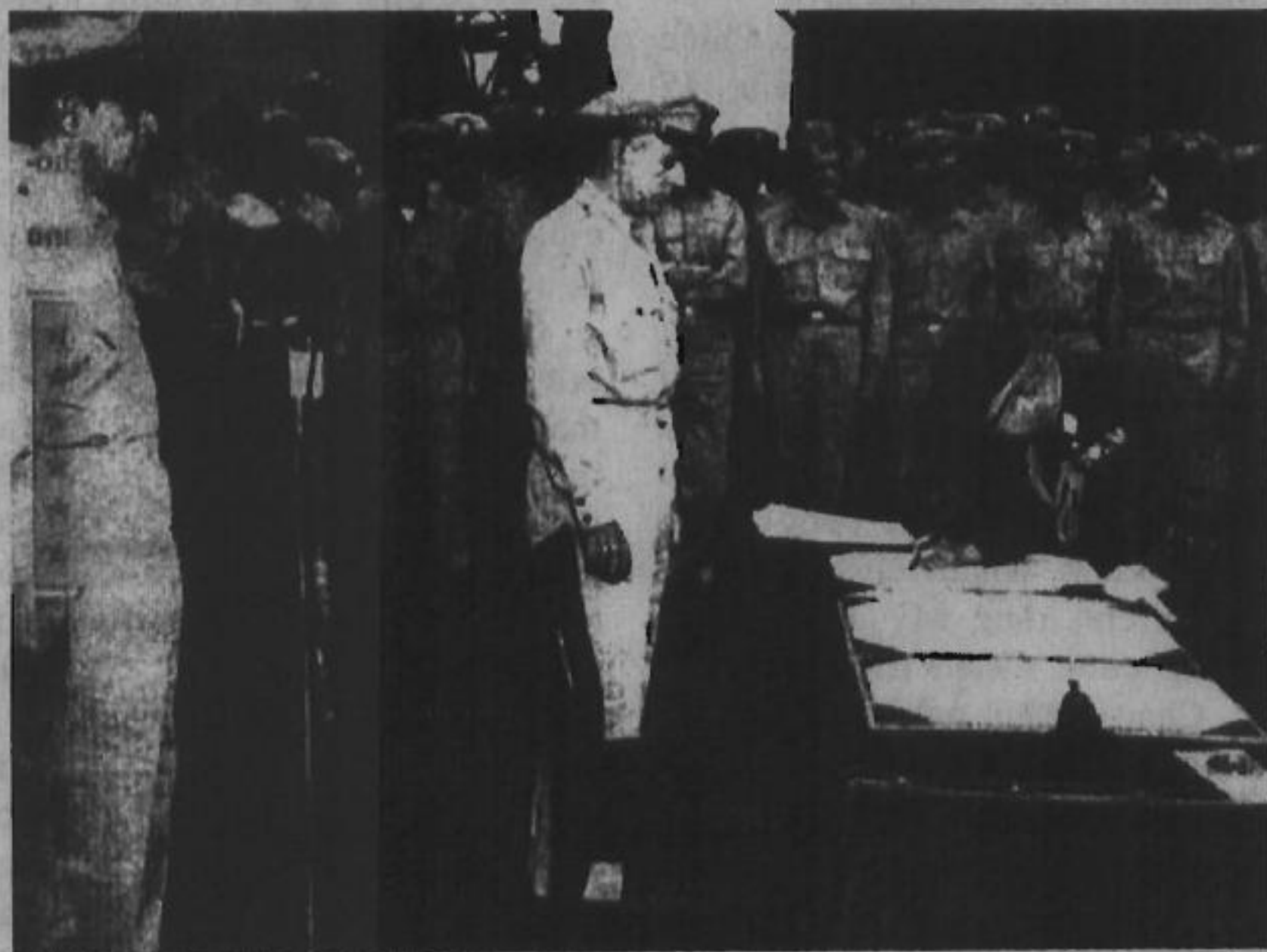
Nhiều học giả Mỹ đã mĩa mai chế giễu các sử gia cánh tả trong cố gắng thuyết phục người đọc rằng Mỹ đã "không thắng" cuộc Chiến tranh Lạnh. Mỹ không thắng, vậy thì vì sao Liên bang

Sô-Viết biến mất? Và các nước Trung Âu được giải phóng khỏi sự khống chế của Liên-Sô? Và Đông Đức thống nhất vào Tây Đức? Và dân chủ nở hoa tại vùng đất trước đây bị độc tài thống trị? Phải chăng vì không có máu đổ và không có một trận giao phong giữa các hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử nên đã không có kẻ thắng người thua, hay Mỹ chỉ thắng một cách "mơ hồ"?

Có vẻ đám trí thức thiên tả tại Mỹ đã nuôi tiếc và buồn phiền nhiều về sự sụp đổ của Liên-bang Sô-Viết và khối Cộng sản Đông Âu làm cho họ bị "mất thăng bằng", không còn chỗ dựa, và không còn đối tượng để tô màu. Cái đóng xà-bàn của chủ nghĩa Cộng sản đã nằm lù lù trước mắt mọi người, với những tài liệu mật khiếp đảm được moi ra từ những văn khố khóa kín tại Nga trong gần một thế kỷ. Và có vẻ họ đã tìm được một vài đối tượng khác để gỡ gạc. Trong đó có Việt Nam, hình ảnh đã... ở trong tim những nhà trí thức thiên tả mạo danh "phản chiến" hơn ba thập niên qua.

Họ muốn chứng minh rằng ít nhất họ đã làm một việc đúng, đã đứng về phía chính nghĩa khi ủng hộ Cộng sản Hà-Nội đánh chiếm miền Nam Việt Nam, rằng Mỹ đã bị Bắc Việt đánh bại, và ngày nay Việt Nam là một nước xã hội chủ nghĩa tốt đẹp, dân Việt Nam sống trong hòa bình, ấm no, hạnh phúc.

Từ mấy năm nay đã có những hoạt động rộn rịp tại các trường đại học Mỹ (phần lớn có ban điều hành và giáo sư thiên tả) để hà hơi tiếp sức cho đứa con mồ côi của Lê-nin tại Việt Nam. Nào diễn thuyết, nào triển lãm, nào nghiên cứu... trong đó cán bộ Việt Cộng đã sang Mỹ như đi chợ. Và vụ đang gây ồn ào nhất là một



Tướng Yoshijiro Umezui đại-diện Nhật-bản, ký hiệp ước đầu hàng trước sự chứng kiến của Tướng Mỹ Mac Athur trên mẫu-hạm USS Missouri ngày 2.9.1945

dự án của Trung tâm William Joiner thuộc Trường Đại học Massachusetts ở Boston được gọi là “Tái tạo căn cước và vị trí trong sự ly hương của người Việt Nam” (Re-constructing Identity and Place in the Vietnamese Diaspora). Dự án này được dự trù kéo dài trong 3 năm, từ tháng 9 năm 2000 tới tháng 9 năm 2003, được chia ra làm 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn một năm, và được quỹ Rockefeller Foundation tài trợ.

Thực ra, dự án này trở nên ồn ào là việc ngoài ý muốn và đã gây phiền nhiễu cho Kevin Bowen, giám đốc Trung tâm William Joiner. Nhà trí thức Mỹ “hồng hơn chuyên” này định thực hiện dự án của ông ta một cách âm thầm, nên đã âm thầm làm việc, âm thầm thuê hai cán bộ cộng sản (Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Huệ Chi) từ Hà-Nội sang Boston để làm công việc nghiên cứu về người Việt tại Mỹ mà người Việt tại Mỹ không hay biết gì cả - nếu không có ông Nguyễn Hữu Luyện, một cựu chiến sĩ Biệt kích đã bị giam tại Bắc Việt hơn 20 năm, nay đang cư ngụ tại Boston. Ông Luyện đã khám phá ra âm mưu của Kevin Bowen, đã báo động cho đồng hương và nạp đơn kiện Trung tâm William Joiner, vì trung tâm này đã không tôn trọng thủ tục tuyển dụng nhân viên cho dự án và đã vi phạm luật của tiểu bang Massachusetts cấm thuê mướn đảng viên cộng sản làm việc.

Nhưng, dù bị phản đối và bị kiện, Bowen vẫn tiến hành dự án và hai cán bộ Việt Cộng vẫn sang Boston làm việc và đã trở về Hà-Nội sau khi hoàn tất giai đoạn 1 vào ngày 1.9.2001; và giai đoạn 2 đang được tiếp tục với một “cô bé” người Mỹ gốc Việt 25 tuổi - nếu cha mẹ cô chạy trốn Việt cộng sang Mỹ năm 1975 thì lúc

ấy cô còn đang ở ngoài... bụi tre, chưa xét đến lập trường chính trị của “cô bé” này sau khi được đào luyện trong các trường đại học đầy những giáo sư như Bowen. Bowen nhất định không cho một người Việt tị nạn thực sự nào được tham dự vào dự án nghiên cứu về người Việt tị nạn. Và chiến sĩ Biệt kích Nguyễn Hữu Luyện cũng nhất định chiến đấu đến cùng cho chính nghĩa của người Việt tị nạn. Và “hình như là định mệnh”, người hùng bao giờ cũng cô đơn, ông Luyện đang cô đơn đương đầu với thế lực của Bowen cấu kết với các phần tử thiên tả khác quyết bịt mồm người Việt tị nạn. Ông Luyện cần 100 ngàn mỹ-kim để trả tiền luật sư, đồng hương mới đóng góp được một nửa sau mấy tháng kêu gọi. Ông muốn đưa nội vụ lên báo Mỹ, cần 50 ngàn mỹ-kim nữa mà không kiếm đâu ra. Các nhà “mạnh thường quân” trong cộng đồng người Việt đều lắc đầu.

Trong cuộc chiến đấu này, rõ ràng chính nghĩa nằm về phía người Việt tị nạn, nhưng nếu chiến sĩ Nguyễn Hữu Luyện “gục ngã trong cô đơn” thì Kevin Bowen và các cán bộ Việt cộng sẽ hoàn tất cuộc “nghiên cứu” trong đó hai triệu người Việt ở hải ngoại sẽ được dán nhãn hiệu “ra đi vì kinh tế, hay vì hoang mang sau khi chiến tranh chấm dứt, nay đã biến thành Việt kiều, và yêu nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Người Việt tị nạn sẽ bị cướp nốt linh hồn, sau khi đã bị cướp mất quê hương, nhà cửa, ruộng vườn. Và đây sẽ là lần đầu tiên trên mặt đất này, cán bộ cộng sản được mời “nghiên cứu” về... nạn nhân của cộng sản. Trí thức Mỹ thiên tả không bỏ công bỏ của làm việc này để tìm hiểu sự thật, hay vì phúc lợi của người Việt ly hương, nhưng vì hơn một triệu người Việt

tị nạn chống cộng trên nước Mỹ và ở các nước khác là một phỉ nhổ vào mặt bọn tả khuynh mạo danh “phản chiến”, và đã đến lúc họ phải chùi rửa cho sạch sẽ... bằng cách tô hồng chuốt lục cho bộ mặt nham nhở của Việt Cộng. Và đây cũng là một hành động viết lại lịch sử, như các sử gia thiên tả đã làm với cuộc Chiến tranh Lạnh. Gian dối và tuyệt vọng.

Đã qua lâu rồi những ngày sau “giải phóng”, khi Việt Cộng huênh hoang tuyên bố đã trả lời cho câu hỏi “ai thắng ai”, và khoác lác nói rằng “đại thắng mùa xuân 1975” đánh bại đế quốc Mỹ là cái mốc thứ tư trong lịch sử loài người. Ba cái mốc trước là “tìm ra lửa”, cách mạng dân quyền Pháp năm 1789, và cách mạng vô sản Nga năm 1917.

Nay, sự thật đã trả lời cho câu hỏi “ai thắng ai” do Cộng sản đưa ra. Việt Cộng đã phải chạy theo “kinh tế thị trường” để tránh khỏi sụp đổ, đã ôm chân những nước tư bản - từ Nhật đến Nam Hàn, Singapore, Hong Kong, Đài Loan, và nhất là “đế quốc Mỹ”. Các nước cộng sản đàn anh tiên tiến chỉ cung cấp cho Hà-Nội vũ khí để bắn giết đồng bào và đánh chiếm miền Nam, sau đó không nước nào có khả năng giúp các đồng chí đàn em ở Hà-Nội xây dựng xã hội chủ nghĩa. Và 30.4.1975, thay vì là cái mốc đi lên của chủ nghĩa cộng sản, đã trở thành cái mốc đánh dấu sự tuột dốc của cả Cộng sản Việt Nam lẫn Cộng sản quốc tế.

“Ai thắng ai”, nay đã không còn là một câu hỏi.

Gần đây, cựu tướng VC Trần Độ đã trả lời Đảng, nhân danh những cựu đảng viên công thần bị tố là “phủ nhận xã hội chủ nghĩa”: “Thực ra, xã hội chủ nghĩa hiện thực đã tự phủ nhận

cách đây hơn chục năm rồi, và đã tự phủ nhận ở phần quan trọng của địa cầu nơi đã sản sinh ra cả lý thuyết và hiện thực của nó. Việc gì phải chờ đến chúng tôi phủ nhận! Các ông có lý sự mà sao cứ lờ đi những sự thật hiển nhiên của thế giới và nhân loại.”

Gần hơn nữa, trước Tết Nhâm Ngọ, ông Hà Sỹ Phu đã từ nơi bị giam lỏng ở Đà-Lạt, gửi ra ngoài bài viết “Năm Mãi nói chuyện Khuyến”, để trả lời một đảng viên trung thành tên Nguyễn Như Phong

đã viết một bài đăng trên tờ *An Ninh Thế Giới*, mạt sát các cựu đảng viên trong “vụ án phản bội” là không bằng con chó, vì con chó không phản chủ.

Bài viết của Hà Sỹ Phu khá dài, và khá đau cho hơn một triệu “đảng viên trung thành” của đảng Cộng sản Việt Nam, nếu họ còn có khả năng để biết “đau”. Đây là một đoạn trong bài của Hà Sỹ Phu:

“Cha ông chúng ta tinh tế lắm; cái chất đáng yêu nhất của con

chó là trung thành với chủ, nhưng các cụ không bao giờ ví ‘trung thành như chó’ cả. Bởi sự trung thành ở người là một phẩm chất cao quý bao hàm cả lương tâm, trí tuệ và bản lĩnh, khác xa với sự ‘trung thành’ của loài vật, vốn chỉ là quan hệ bản năng đối với người chủ cho nó ăn. Câu ‘ăn cây nào rào cây ấy’ cũng chỉ là lời khuyên về sự khôn ngoan, về tính thực tế chứ không phải chuẩn mực cho sự trung thành.

“Chỉ những tính chất phi nhân thì các cụ mới ví với chó: ‘đều như chó’, ‘lật mặt như chó’, ‘ngu như chó’. Đến câu ví ‘dại như chó’ thì thật lạ! Biết vậy đuôi mừng chủ, bảo vệ chủ để được ăn thì khôn quá đi chứ, thế mà các cụ lại liệt khuyến ta vào loại ‘dại’! Cũng có khi các cụ khuyến nhủ: ‘Chó khôn chó cắn càn’, nhưng các cụ thừa biết đã là chó thì thường thức thế nào được lẽ càn khôn!”

Điều thú vị và đáng nói ở đây là đảng viên đã bị chính cựu đảng viên công thần, chứ không phải bọn phản động, so sánh với loài chó. Và, Hà Sỹ Phu đã dùng bài thơ của Tường Vân, một nhà thơ trẻ đã qua đời ở Hải Phòng, để kết luận bài viết về khuyến mãi của mình:

Bảo ra đường
Ra đường
Bảo nằm gằm giường
Nằm gằm giường
Bảo sửa
Sửa
Bảo im
Im
Và cứ thế triền miên
Một đời con chó!

Ôi, đảng ta quang vinh, nay đã hiện nguyên hình là một lũ chó cắn càn!

Ai thắng ai?

lời chúc đầu năm

Tết của nhà ai, chẳng của mình
Hương đèn đốt sáng vọng anh linh.
Vì sao ta mãi thân vong quốc
Mà lũ Việt gian chưa thụ hình?

Tết của nhà ai, chẳng của ta
Đừng vờ nhớ nước với thương nhà.
Vì đâu dân chúng giờ đau khổ
Mà bọn thời cơ cứ hát ca?

Ngoảnh lại, hăm sáu năm biệt xứ
Xuân về đất khách, nguyện gì đây?
Hồn thiêng sông núi, ta cầu chúc
Chúc lũ gian manh chết cõi này.

Chúc nghĩa sĩ, anh hùng dân tộc
Tranh đấu thành công, cứu nước dân.
Đem chí trung can dầu dãi trẻ
Phục hưng tổ quốc đẹp trăm lần.

Chúc nhà báo-văn-thơ sáng tạo
Thiên lương chúc nghiệp, bút thay
gươm
Diệt cộng, trừ trở cờ phá nước
Đem quyền dân triệt nạn bạo cường.

Chúc trí thức, kỹ sư, bác học
Hoà tìm cùng linh khí non sông
Đem trí tuệ viết trang sử mới
Việt-nam rạng rỡ giống Tiên Rồng.

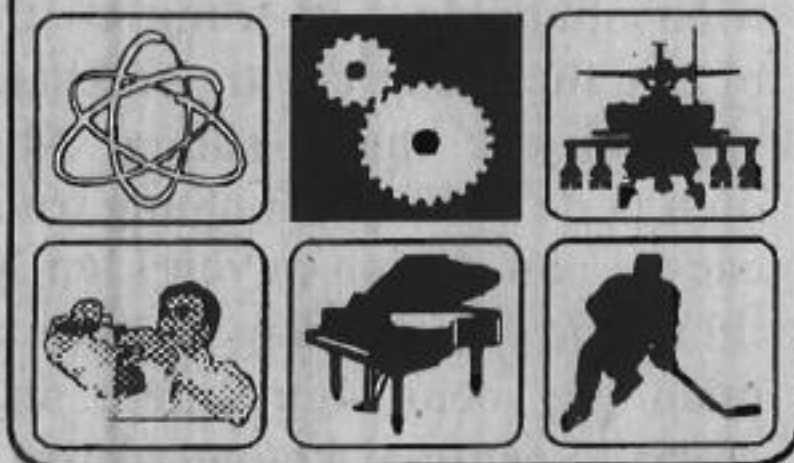
Giờ đây tổ quốc xa ngàn dặm
Đốt nén tâm hương vọng tưởng về
Chúc dân tranh đấu mau thành tựu
Dân chủ cờ bay sáng thị quê.

Lời chúc đầu năm đầy ước nguyện
Mùa xuân dân tộc kết hoa vàng
Đêm dài quá khứ tro tàn hết
Tưng bừng đất nước ánh dương quang.

phạm cây trâm



CUỘC ĐỜI TRƯỚC MẶT



Những bí ẩn kinh khủng của Bác sĩ Alibakov

Trong danh sách các nước tàng trữ các loại vũ khí có tầm sát hại hàng loạt, Liên-xô đứng đầu thế giới về các loại vũ khí vi trùng. Những cuộc thí nghiệm đã thực hiện giữa hai cuộc thế chiến, và từ năm 1973, Liên-xô đã đẩy mạnh việc sản xuất các loại vũ khí sinh học qua chương trình mang tên Biopréparat, nấp dưới chiêu bài sản xuất các loại dược phẩm. Hàng chục ngàn người đã làm việc trong các cơ sở sản xuất các loại vi khuẩn (virus) các bệnh than (anthrax), đậu mùa (variole), bệnh gây lở loét trong xoang mũi (morve), dịch hạch, tularémie (bệnh truyền nhiễm lây lan sang người do loài ve ký sinh trên các loài gặm nhấm hoang dã, các gia súc bò, cừu ...) và những vi khuẩn gây bệnh sốt xuất huyết (fièvres hémorragiques).

Bác sĩ Kanatjan Alibakov (tên Mỹ: Kenneth Alibek), người từng là nhân vật số hai của chương trình Biopréparat, trước khi đào thoát sang Mỹ, đã vén toàn thể những bí mật khủng khiếp về chương trình này trong quyển *Chiến Tranh Của Các Mầm Bệnh* (La Guerre Des Germes, aux éditions Presses de la Cité, 1999).

Bác sĩ Kanatjan Alibakov

Vũ-Khí Sinh-Hóa

Minh Đạo

(theo *Le Monde*)

sinh năm 1950 ở Kazakhstan, tốt nghiệp trường quân y ở Toms năm 1975 và được tuyển mộ làm việc trong chương trình Biopreparat trên những chất truyền bệnh và các phương tiện sản xuất trên qui mô lớn. Ông từng là nhân vật số hai của cơ quan Biopreparat từ năm 1988 đến năm 1992, sau đó ông cùng gia đình đào thoát sang Mỹ. Nhằm mục đích làm giảm thiểu các hậu quả của các loại vũ khí sinh học mà ông đã góp phần sản xuất, ngày nay ông làm việc cho một xí nghiệp Mỹ, chịu trách nhiệm về các chương trình khảo cứu trong lãnh vực phòng chống vũ khí sinh học.

Dưới đây là một số trích đoạn trong bài viết của Bác sĩ Alibakov.

Trên một hòn đảo lơ lửng trong biển Aral, người ta cột chặt hàng trăm con khỉ vào những hàng cột chạy song song hun hút tới chân trời. Bỗng một tiếng nổ

chất chứa vang lên trong một vùng tĩnh mịch. Từ xa, một khối cầu kim loại đang lên, xoay tròn, vỡ tan ở độ cao vài chục thước sau một tiếng nổ thứ hai. Một đám mây màu vàng nhạt (moutard) lan rộng rồi tan loãng dần trong không khí, bao trùm trên lũ khỉ đang kêu gào, vùng vẫy cố gắng thoát khỏi các dây trời. Một số cố giấu đầu vào 4 chân; một số cố bịt kín mồm, mũi ... Nhưng đã quá muộn. Chúng đang hấp hối!

Ở đầu bên kia hòn đảo, một nhóm nhỏ chuyên viên mặc quần áo bảo hộ chống vi trùng, dùng ống nhòm quan sát, ghi chép các dữ kiện. Vài giờ sau, người ta thu lượm những con khỉ còn sống sót, bỏ vào các lồng. Trong nhiều ngày sau, chúng sẽ dần dần chết vì các chứng bệnh than, bệnh tularémie, bệnh sốt xuất huyết, bệnh brucellose, bệnh morve hay dịch hạch (peste).

Đó là những thí nghiệm mà tôi (Bác sĩ Alibakov) đã từng cộng tác thực hiện trong suốt thập niên 80 và những năm đầu thập niên 90, làm nền tảng cho những thành tựu ngoạn mục của Liên-xô trong lãnh vực chiến tranh sinh học (guerre biologique).

Từ năm 1988 đến năm 1992, tôi là đệ nhất phụ tá giám đốc của Biopreparat, cơ quan nghiên cứu cấp liên bang, trên danh nghĩa sản xuất dược phẩm nhưng thực tế là nghiên cứu và sản xuất các



BS Kanatjan Alibakov (Ken Alibek)

loại vũ khí từ những loại virus, các chất độc, các loại vi trùng nguy hiểm nhất mà chúng tôi được biết. Biopreparat là một tổ hợp khổng lồ, một hệ thống các phòng thí nghiệm, các khu thử nghiệm và những đơn vị sản xuất tùy thuộc rải rác trên 40 địa điểm ở nước Nga và Kazakhstan. Những cơ quan đầu não của Liên xô như Bộ Quốc phòng, bộ Nông nghiệp và Vệ sinh, Viện Hàn Lâm Khoa Học Liên Xô, Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản và, dĩ nhiên, cơ quan tình báo KGB, đều đóng vai trò thiết yếu trong chương trình Biopreparat. Những thành tựu của chương trình này đã vượt xa những gì mà điện Kremlin vẫn mơ ước.

Điều mỉa mai là trong khoảng hai thập niên này, trong khi Liên xô phê chuẩn Hiệp ước Quốc tế cấm sản xuất các loại vũ khí sinh học ký vào năm 1972, thì họ lại đã thiết lập cả một guồng máy chiến tranh sinh học lớn và hoàn thiện nhất thế giới.

Liên xô là một trong 140 quốc gia đã ký kết Hiệp ước Quốc tế cấm phát triển sản xuất, phổ biến, thử đặc và tồn trữ dù dưới bất cứ hình thức nào những loại vi khuẩn dùng trong mục tiêu quân sự. Trong cùng thời gian, nhờ chương trình bí mật này, chúng tôi đã tồn trữ được hàng trăm tấn vi khuẩn bệnh than, hàng chục tấn vi khuẩn bệnh dịch hạch và đậu mùa ở gần ngay Moscou và các tỉnh khác ở nước Nga. Tất cả đều nhằm mục tiêu chống Mỹ và các đồng minh.

Những hoạt động của Biopreparat được bảo mật rất kỹ lưỡng trong suốt thời kỳ chiến tranh lạnh. Trước khi là một chuyên gia về chiến tranh sinh học, tôi đã tốt nghiệp y khoa bác sĩ. Cơ quan tuyển mộ đã không thấy có gì mâu thuẫn giữa lời thề

trước tổ sư Hippocrate là tự nguyện làm tất cả những gì có thể được để bảo vệ và duy trì sinh mệnh con người với những gì tôi đã làm nhằm mục đích tiêu diệt đời sống. Chính tôi, trong nhiều năm, cũng chẳng bao giờ thấy lẩn tránh về điều này.

Gần 10 năm sau, tôi đã là một đại tá lục quân Liên-xô, được thưởng nhiều huân chương, và thuộc vào một thể hệ ưu tú rất được ưu đãi, được tham gia vào những chương trình quan trọng nhất của Hồng quân. Nếu tôi còn ở Nga, có thể tôi đã lên tới cấp tướng và cũng chẳng có ai nghe nói gì về tôi. Sau 17 năm làm việc trong chương trình Biopreparat, tôi từ nhiệm vào năm 1992 và sau đó cùng gia đình đào thoát sang Mỹ. Sau rất nhiều buổi tường trình, tôi là người đầu tiên thông báo cho các giới chức Mỹ một bản danh sách đầy đủ về các hoạt động của Biopreparat. Phần lớn những thông tin này chưa từng được tiết lộ cho công chúng.

Có ý kiến cho là một khi đề cập công khai tới các loại vũ khí có sức huỷ diệt hàng loạt có thể tạo ra tâm lý hoảng hốt trong quần chúng một cách vô ích. Nhưng các biện pháp phòng vệ và phòng ngừa của chúng ta hiện nay lại kém hiệu quả một cách nguy hiểm. Một khi bị tấn công bằng các vũ khí sinh học khủng khiếp - mà tôi tin chắc sẽ xảy ra - thì tình trạng kém hiểu biết về các loại vũ khí này sẽ làm tăng thêm mức tàn hại. Việc đầu tiên phải làm để tự vệ là phải hiểu biết thế nào là một vũ khí sinh học và cách vận hành của các vũ khí ấy. Chắc cũng có thể có những phương pháp phòng chống khác. Nhưng chúng ta cũng có thể bị bất ngờ và hoàn toàn bất lực khi các thảm kịch xảy ra như tình trạng các con khỉ bị cột chặt trên

một hòn đảo bơ vơ trong biển Aral.

Các nhà khảo cứu người Mỹ trong tất cả các chương trình của họ, đã tự giới hạn vào việc phát triển những loại vi trùng có thể bị tiêu diệt bằng các thuốc kháng sinh và các thuốc chủng. Mục đích là để bảo vệ dân chúng trước các tai nạn. Chính quyền Liên Xô thì ngược lại, cho rằng những loại mầm gây bệnh nguy hiểm nhất chính là các loại không có thuốc chữa, đã đẩy chúng tôi vào một cuộc chạy đua không ngừng nghỉ để chống lại các tiến bộ y học. Khi biết ở một nơi nào đó trên thế giới, người ta tìm ra một cách điều trị, một thứ thuốc hay một loại thuốc chủng mới, lập tức chúng tôi trở về phòng thí nghiệm miệt mài cố tìm cho được cách thức làm vô hiệu các loại các khám phá mới ấy.

Trước nay, việc mua bán các mầm gây bệnh và các loại vi trùng là hợp pháp. Nhân danh việc khảo cứu khoa học, nhân viên của chúng tôi đã mua những mẫu gốc (souches) vi khuẩn từ các phòng thí nghiệm của các trường đại học, các xí nghiệp, các viện khảo cứu sinh học trên toàn thế giới mà không gặp sự khó khăn nào. Những nhân viên đại diện các cơ sở thương mại, các tổ chức khoa học và thương mại của Liên Xô ở Âu châu, Phi châu, A châu và Mỹ châu đều nhận được nhiệm vụ thường xuyên tìm mua các loại mầm bệnh mới được khám phá hay các loại hiếm hoi. Chính ở Mỹ chẳng hạn, chúng tôi đã mua được Machupo, loại vi khuẩn gây bệnh sốt xuất huyết ở Bolivie, hay loại Marburg, có họ hàng với vi khuẩn Ebola chúng tôi đã mua được ở Đức. Cơ quan mật vụ KGB tỏ ra rất đặc lực đã cung cấp cho chúng tôi các chất cần bản.

Trong Biopreparat, cơ quan KGB mang bí danh "Agen capture n.1". Hầu như mỗi tháng, những ống nghiệm chứa đầy các loại chất lỏng, chất bột, và những mẫu nuôi cấy từ bốn phương đổ về Liên-xô do các điệp viên, thông qua các đường ngoại giao. Khi còn làm việc ở tỉnh, tôi thường được lệnh đi lãnh các chất này cùng với hai nhân viên vũ trang bảo vệ. Việc chuyên chở bằng máy bay bị cấm ngặt. Với những máy bay cũ kỹ của hãng hàng không Aeroflot (Liên xô) thì một tai nạn thảm khốc có thể xảy ra bất cứ lúc nào! Độc chất và vi trùng được giấu trong các hộp đầy áp và hơi thối. Phải cố tránh bị phát lộ.

Giữa thập niên 80, tất cả những phòng thí nghiệm, viện khảo cứu, các đơn vị sản xuất phụ thuộc Biopreparat đều hoạt động với công suất tối đa. Hàng tháng chúng tôi phải thử nghiệm những chất truyền bệnh từ những nguồn vi khuẩn mới cùng những kỹ thuật làm sao có thể tung, rải chúng trên một vùng rộng. Chúng tôi đã từng thử gieo rải vi trùng bệnh sida và bệnh légionelle nhưng nhận thấy chúng không ổn định (instable) để có thể dùng trên chiến trường hoặc tấn công các khu dân cư. Sau khi thử nghiệm với loại vi khuẩn có

nguồn gốc HIV (vi trùng gây bệnh sida) lấy được từ Mỹ, chúng tôi nhận thấy thời kỳ ủ bệnh (tiềm phục) của chúng quá dài, không thích hợp với mục tiêu thuần quân sự. Không thể gieo rắc tâm lý kinh hoàng trong hàng ngũ đối phương bằng cách gây lây lan một thứ bệnh mà các triệu chứng phát tác phải nhiều năm sau mới thấy. Chúng tôi thành công hơn với các loại gây chết người cổ điển ...

Khoảng giữa tháng tư năm 1988, đang làm việc trong văn phòng, tôi nhận được điện thoại của Lev Sandaktchiev, giám đốc, cấp chỉ huy của Ustinov, lúc ấy đang đứng đầu một toán chuyên viên nghiên cứu về một loại vi khuẩn làm xuất huyết (hémorragiques de Marburg).

"Thật là một thảm họa!"

"Một tai nạn à?" Tôi hỏi lại.

Ustinov đã vô ý để dây vi khuẩn Marburg vào miệng. Bên kia đầu dây, giọng Sandaktchiev vừa buồn vừa giận "Ngay vào miệng, khi ông ấy đang làm thí nghiệm trên chuột."

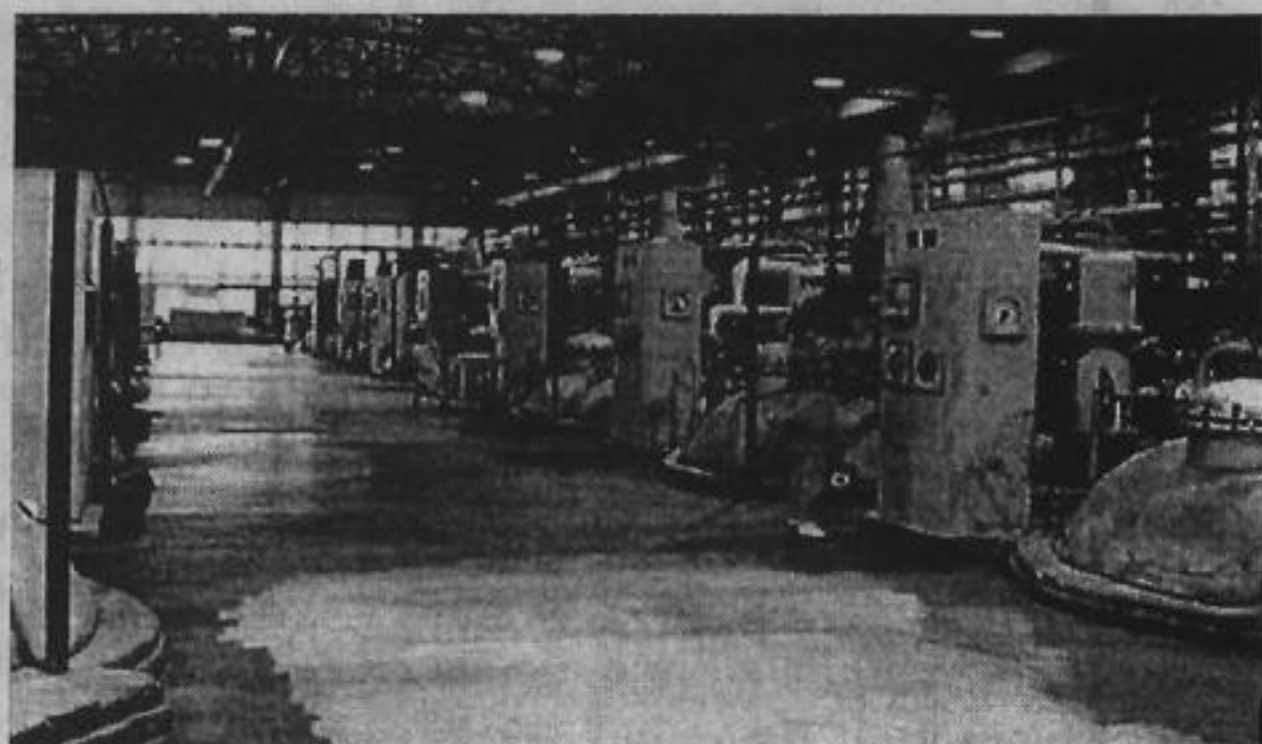
"Chờ đấy" -Tôi ngăn Lev lại - "Anh đã biết điều lệ chứ? Gửi ngay cho tôi một bản tường trình mã hóa (viết bằng mật mã) và đừng nói gì về việc này nữa." Tôi cũng ngại cái lối nói chặn họng đó làm Lev phiền lòng. Nhưng

Marburg là một đề tài quá nhạy cảm. Chỉ nội việc nói với nhau trên đường dây không được bảo mật đã quá lắm!

Marburg là một loại vi khuẩn rất độc hại, thuộc loại nguy hiểm nhất trong số những vi khuẩn chúng tôi đang thử nghiệm hồi ấy. Nguy hiểm vì những tác hại kinh khủng trên thân thể nạn nhân, mà cũng vì lúc ấy chúng tôi hiểu biết rất ít về giống vi khuẩn này.

Các bác sĩ đã làm tất cả những gì họ có thể cho Ustinov trong khi chờ đợi các loại kháng huyết thanh (antisérum) từ Moscou. Ustinov biết rất rõ những hiểm nguy đang chờ anh nhưng vẫn còn tin mình sẽ qua khỏi. Ông ta tỏ ra tỉnh táo, minh mẫn, viết lại tỉ mỉ những gì đã xảy ra, những triệu chứng lâm sàng và tính toán cả số lượng chính xác có bao nhiêu vi khuẩn Marburg đang chảy trong huyết quản mình.

Những vết bầm trên thân thể Ustinov phát triển khá mau lẹ. Mười lăm ngày sau, các vết bầm chuyển sang màu xanh đậm và da của Ustinov cũng trở lên mỏng như giấy. Máu tích tụ dưới da bắt đầu rỉ ra ở mồm, mũi và cơ quan sinh dục. Người ta chưa hiểu bằng cách nào các virus Marburg tiêu diệt những tiểu cầu (plaquettes sanguines: một loại tế bào máu



"Building 600" (bên trái) và "Building 221" (bên phải), nơi chế-tạo vũ-khí sinh-hoá của Liên-sô tại Kazakhstan trong thời-kỳ chiến-tranh lạnh. Bây giờ dờn đi đâu? Ai biết?

không có nhân đóng một vai trò trong tiến trình đông máu). Trong khi các virus phát triển trong thân thể nạn nhân thì những cơ quan nội tạng cũng dần dần bị tiêu hủy.

Những đợt tiêu chảy dữ dội để lại trên khăn trải giường những vệt chất lỏng màu đen. Những mẫu giấy Ustinov đã nguệch ngoạc ghi lại những hội chứng của bệnh mà các y tá vẫn thu thập hàng ngày và chép lại cẩn thận cũng chấm dứt. Cũng chẳng còn gì để viết! Tất cả đã diễn ra rõ ràng trước mắt các bác sĩ. Những đám virus đang dần dần nhân lên hàng tỉ, hút những dưỡng chất mà chúng cần để tái sinh sản. Những phần tử virus hay virion hình như những viên gạch khoan thủng các vách tế bào làm cho chúng vỡ tung ra. Rồi từ các tế bào lại tự sinh ra những râu như những lông mao, run rẩy hướng về các mục tiêu mới. Từ đó tiến trình khoan thủng và tiêu hủy lại diễn ra liên tục.

Ustinov chìm dần vào trạng thái vô thức một thời gian dài. Khi tỉnh lại, ông biểu lộ một trạng thái cuồng nộ không có vẻ gì giống với tư cách của ông. Theo một số nhân chứng, ông than phiền là vì đã làm việc nhiều quá. Một số khác không cho là việc virus tấn công có thể cũng làm thay đổi nhân cách một người. Người ta đã bàn tán quá lố về vấn đề này. Đó cũng là một cách hời dợt người thường dùng để chuyển những bản tường trình về Moscou mà không sợ bị trừng phạt.

Ngay từ tuần lễ đầu tiên, bộ y tế đã gửi các bác sĩ tới với các loại kháng huyết thanh mà người ta đã biết rõ không có hiệu quả gì. Người ta cũng đã thử dùng các loại kháng sinh như ribavirin và Interféron. Cũng có thể chữa chúng xuất huyết bằng cách

truyền máu. Nhưng các bác sĩ phụ trách biết chỉ uống công ...

Ngày 30 tháng 4 tôi nhận được một bản tường trình dài về trường hợp của Ustinov viết bằng mật mã. Tôi nhận thấy những hội chứng của bệnh còn trầm trọng hơn tôi tưởng. Tôi đọc những hàng chót "Bệnh nhân đã chết. Đề nghị cho giải phẫu tử thi để xét nghiệm"... Một virus được nhân cấy trong các lồng ấp rất có thể mang nhiều độc tính hơn so với loại được lây truyền từ cơ thể người hay súc vật, nên cũng chẳng ai lấy làm lạ khi thấy những virus lấy từ cơ thể Ustinov có đôi chút khác biệt so với các virus mẫu. Các cuộc thử nghiệm đã chứng tỏ rằng những virus đời sau mạnh và ổn định hơn nhiều.

Sau tai nạn, lập tức chúng tôi được lệnh thay thế loại virus đầu tiên bằng loại virus mới. Người ta cho nó một cái tên khá mỉa mai là loại "Biến thể Ustinov".

Cuối năm 1989, Sandaktchiev gửi cho tôi một bản tường trình mã hoá rất đáng buồn: loại virus "biến thể Ustinov" của virus Marburg đã trở thành một vũ khí! Người ta xin phép thực hiện những cuộc thử nghiệm.

Các nạn nhân người Kurdes

Ngày 17 tháng 3 năm 1988, các máy bay của Saddam Hussein đã rải một trận mưa bom hóa học xuống Halabja, một tỉnh nhỏ với 80.000 dân Kurdes ở Irak. Hôm đó, và những ngày sau này, 7000 người dân Halabja đã chết ngạt, chết phỏng. Vào thời ấy, những hình ảnh hiếm hoi cho thấy những nạn nhân chết co chết quắp khắp nơi: Trong nhà, ngoài ngõ, ngoài phố, ngay trên ngưỡng cửa... chúng tỏ họ đã phải chịu những cơn hấp hối ghê rợn.

Cuộc oanh tạc vào Halabja chỉ

là một bước nhỏ trong cuộc trường chinh của Saddam Hussein chống dân tộc Kurdistan, phía Bắc Irak. Tháng 4 năm 1987 và tháng 6 năm 1988, độ chừng đã có khoảng 150.000 người Kurdes bị các loại vũ khí không qui ước giết hại. Mười ba năm sau vẫn còn nhiều người chịu đau đớn, chết lần chết mòn.

Đó là những nhận xét của một nhóm bác sĩ người Pháp, dưới sự bảo trợ của tổ chức phi chính phủ (ONG) Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền (Human Right Alliance), đã được phái tới tại chỗ để "tìm ra những hậu quả tiềm tàng về lâu về dài của các vũ khí hóa học và sinh học".

Các bác sĩ Pháp đã dựa vào kết quả công việc của các bạn đồng nghiệp người Kurdes làm việc cho cơ quan HMI (Halabja Medical Post-Graduate), một trung tâm điều trị và nghiên cứu lập ra từ năm 1999 dưới sự bảo trợ kỹ thuật của bác sĩ Christine Gosden, giáo sư khoa di truyền học ở Liverpool) (Anh). Tới lúc đó, 1999, người ta cũng chưa biết hoặc biết rất ít về những di chứng kéo dài của các nạn nhân vũ khí hóa học và sinh học gây ra cho con cháu họ. Từ hai năm nay, HMI đã nghiên cứu khoảng 2000 gia đình nạn nhân trong các vùng Arbril, Souleymania và Halabja. Nhiều toán chuyên gia đã thực hiện những cuộc phỏng vấn khoảng 10.000 người dân các làng trong vùng phụ cận. Những kết quả đầu tiên của một chương trình rộng lớn khảo cứu về dịch tễ sẽ được công bố ngày gần đây.

Nhưng từ năm 1998, kết quả xét nghiệm trên 700 bệnh nhân do bác sĩ Christine Gosden cho thấy những tỉ lệ cao khác thường các bệnh ung thư, đẻ non, dị dạng, chứng rối loạn tâm thần thần kinh (troubles neuro-

psychiatriques). Một nửa dân cư Halabja mắc các bệnh phổi, 7% có các triệu chứng tim mạch không bình thường.

Hơn 10 năm sau cuộc tấn công, các bác sĩ Pháp đã nhận thấy những con số cao khác thường các chứng mù, ung thư cùng các chứng bệnh nguy hiểm khác. Bản báo cáo viết "Tỉ lệ phụ nữ vô sinh rất lớn: 367 trường hợp sinh nở trong 10 tháng ở Halabja có 12 trẻ em bị dị dạng. Bản báo cáo nêu ra trường hợp một phụ nữ 20 tuổi bị các di chứng đau đớn vì phồng ở mắt đã 3 lần bị sẩy thai. Chứng ung thư trực tràng (kết tràng, colon) tấn công giới trẻ cao hơn bốn lần so với các người cùng lứa nhưng không bị tác hại bởi vũ khí hóa học và sinh học.

Một số trường hợp không rõ ràng chắc chắn: các bằng xét nghiệm lâm sàng không thể giải thích được mối liên hệ với các chứng viêm thùy não xám (poliomyélite) có thể gây ra bại liệt hoặc tình trạng teo tóp cơ bắp do thiếu hụt dinh dưỡng (rối loạn dinh dưỡng) và những hậu quả phụ do tác hại của các chất độc thần kinh.

Điều chắc chắn là người ta cũng chẳng biết gì nhiều về những gì đã chứa trong các bom Saddam Hussein đã sử dụng chống lại dân Kurdistan, một phần do không có các mẫu xét nghiệm tại chỗ vào lúc đó. Mặt khác, theo một số nhân chứng, phần lớn các nạn nhân sống sót đã bị nhốt kín lại và quân đội Irak cũng cấm các bác sĩ Kurdes săn sóc họ.

Hiện nay các nhà khoa học chuyên chú vào các loại "cocktail" hỗn hợp các hơi mù-tạc, các chất độc thần kinh như sarin hay tabun hoặc chất VX và aflatoxine biosiques. Những mối

liên hệ nhân quả của các loại vũ khí ấy với những di chứng hiện nay không dễ gì nhận ra nhất là trong lãnh vực tâm thần và cũng vì còn thiếu hiểu biết về những hậu quả lâu dài của các loại độc chất được sử dụng hỗn hợp kiểu "cocktail".

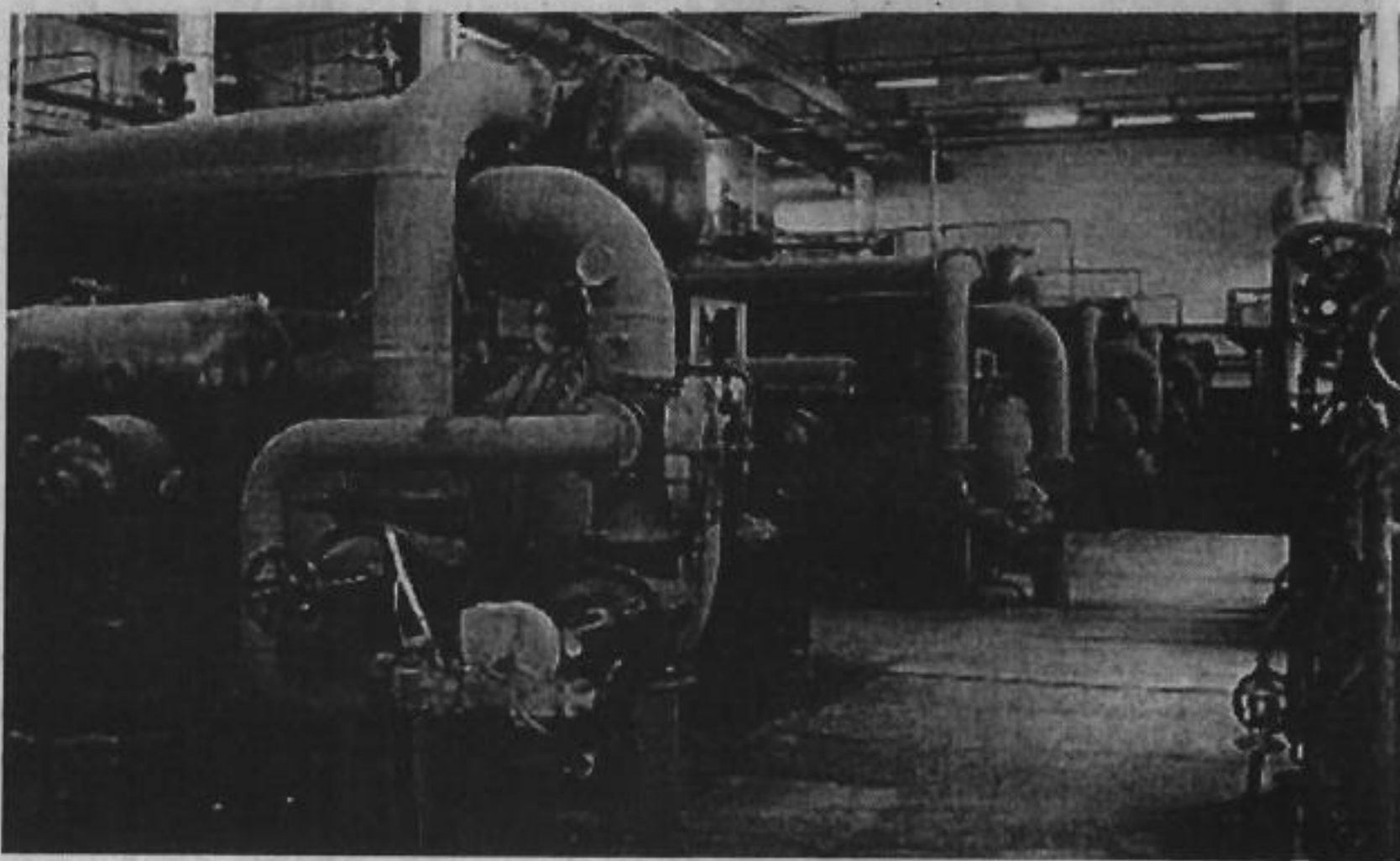
Làm sao giải thích được các bệnh ung thư thuộc loại hiếm như ung thư tai, mũi họng (ORL) lại khá phổ biến trong vùng hoặc chứng xáo trộn thần kinh tâm lý (Troubles neuropsychiques) có liên hệ với các độc chất thần kinh (neurotoxine)? Trong tình trạng hiện thời, khoa học thường tỏ ra bất lực!

Kể sao cho xiết những thiếu thốn mà các bác sĩ người Kurdes đã phải hết sức cố gắng săn sóc các bệnh nhân trong những điều kiện tồi tệ! Các đồng nghiệp người Pháp đã chứng kiến cảnh tượng nghèo nàn về cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị, các loại thuốc quá hạn hay thiếu tinh khiết; ngay cả bình chứa oxy dùng trong máy trợ hô hấp cũng thiếu trong các khu giải phẫu! Một bác sĩ trong phái đoàn, muốn ẩn danh để có thể tiếp tục làm việc cho cơ quan ONG ở Irak, cho biết "Các

phương thức hóa trị (chimithérapie) cũng thiếu sót và cũng chẳng có khả năng trong quang tuyến trị liệu do hậu quả cấm vận".

Trong vùng đất nghèo nàn này, các nhu cầu về y cụ và thuốc men thật quá nhiều trong các khoa giải phẫu, ghép giác mạc, các bệnh tim mạch do dị tật bẩm sinh, trong khoa thần kinh trị liệu, phẫu thuật thần kinh (neurochirurgie) ... Sau 30 năm cấm vận, bị cô lập, các nhà chuyên môn người Kurdes cũng chẳng được huấn nghiệp các chuyên môn cần thiết. Họ vừa mới tỏ ý mong chờ một sự bảo trợ của Hội Y Sĩ Thế Giới.

Sau thế chiến thứ hai, trước những kỷ niệm hãi hùng về sức tàn phá của hai quả bom nguyên tử được thả xuống nước Nhật, mối lo sợ pha lẫn với sự thần phục một sức mạnh "vô địch" mới được khám phá, người ta đổ xô vào việc nghiên cứu và sản xuất cho nhanh một sức mạnh thần kỳ mới: nguyên tử năng. Trong suốt thời kỳ Chiến Tranh Lạnh, hai cường quốc hàng đầu Nga Xô và Mỹ, đã dốc hết khả năng trí tuệ và các phương tiện



Hệ-thống SNOB đông lạnh vũ-khí vi-trùng

vật chất của mình để có thể có sức mạnh vượt "vượt trội" so với địch thủ và cùng lôi kéo một số nước thuộc "phe mình" tham dự cuộc chạy đua vũ trang.

Trong "Câu lạc bộ nguyên tử", 5 cường quốc hạt nhân, cũng là 5 nước có quyền phủ quyết ở hội Đồng Bảo An là Nga Xô, Mỹ, Anh, Pháp và Trung Quốc; chỉ riêng hai nước Nga, Mỹ đã sản xuất và tồn trữ 56.000 đầu đạn hạt nhân (Mỹ 26.000, Nga Xô 30.000). Con số này, sau hiệp ước tài giảm binh bị, rút xuống 18.000 (10.000 ở Nga và 8.000 ở Mỹ), cũng đủ để phá huỷ và tiêu diệt cả thế giới nhiều lần. Nước Pháp, với số lượng khiêm nhường



Ngày xưa Liên-sô định dùng máy bay dân-sự Aeroflot ném vũ-khí vi-trùng; ngày nay quân khủng-bố "cướp máy bay Mỹ diệt Mỹ"



Trang-phục chống vũ-khí sinh-hoá

hơn, trong thời tổng thống Mitteran, cũng đã tự nguyện giảm từ 500 xuống còn 350 đầu đạn hạt nhân. Người ta nêu ra lý do "để duy trì một lực lượng răn đe "vừa đủ", tức là để dọa lẫn nhau! Do Thái, dù "không làm cũng có", nửa kín nửa hở nêu ra con số 100 đầu đạn hạt nhân và một sức mạnh đáng ngại về các loại vũ khí hóa học và sinh học, nhằm nhấn nhủ các nước Hồi Giáo trong vùng "chớ có dại mà gây sự tấn công trước". Gần đây, Ấn Độ và Pakistan cũng đã gia nhập "câu lạc bộ nguyên tử (Ấn Độ có 50, Pakistan có 30 đầu đạn hạt nhân). Mấy ngày nay, hai nước dàn ra 800.000 quân chỉ chực đánh nhau. Sợ "vỡ mất đồ quý", nguyên thủ các cường quốc, các nhà ngoại giao phải can gián hai bên tận tình. Nay đã tạm yên.

Đó là chỉ kể các hội viên chính thức. Người ta nêu ra con số có ít nhất hàng chục "ứng viên", trong một tương lai nào đấy, hoàn toàn có khả năng gia nhập câu lạc bộ này. Chẳng hạn Nhật Bản, Nam Hàn, Đài Loan và một số quốc gia được Mỹ liệt vào loại bất hảo như Sirye, Libye, Irak, Bắc Hàn. Điều mà người Mỹ lo ngại hơn cả là Trung Quốc, cường quốc nguyên tử khu vực (có 400 đầu đạn hạt nhân), đang ráo riết tìm cách sản xuất các loại hỏa tiễn đạn đạo tầm xa (liên lục địa) có thể bắn thẳng vào nước Mỹ, trở thành cường quốc toàn cầu, cả về kinh tế lẫn quân sự. Tổng thống Mỹ Georges W. Bush không phải vu vơ mà đặt chương trình sản xuất lá chắn chống tên lửa, dự trù kinh phí có thể lên tới hàng ngàn tỉ đô la trong vòng 10 năm, vào một trong những trọng điểm trong chính sách phòng thủ của ông.

Sau tấn thảm kịch ngày 11.9.2001 ở New York, và nhất là

sau những vụ bị tấn công (dù còn thô sơ) bằng vi khuẩn bệnh than, nước Mỹ và cả thế giới mới bàng hoàng nhớ ra một nguy cơ, mà theo nhiều chuyên gia, còn lớn và khó đối phó hơn nhiều: Hiểm họa của các loại vũ khí Hoá học và Sinh học. Lớn vì con số quốc gia có khả năng sản xuất trên qui mô kỹ nghệ đã nở rộ ra và khả năng sát hại hàng loạt của các loại vũ khí này cũng chẳng kém gì mấy vũ khí nguyên tử. Khó đối phó vì đó là các kẻ "nội thù" tiềm phục ngay trong lãnh thổ: cuộc tấn công bằng vi khuẩn bệnh Than đã xảy ra ngay trong nước Mỹ, và rất có thể vi khuẩn này đã được sản xuất ngay trên đất Mỹ. Nhưng mới quan ngại hàng đầu là các nhóm, các tổ chức khủng bố quốc tế, mặc dù khả năng còn hạn chế, hoàn toàn có khả năng sản xuất, tồn trữ hoặc mua bán trao đổi lén lút trên qui mô rộng các loại virus, các hóa chất, các kỹ thuật, cùng trang thiết bị cần thiết, che giấu dễ dàng. Giáo phái Aum ở Nhật, Irak, Bắc Hàn và có thể cả tổ chức Al Qaeida là những thí dụ.

Về mức độ tàn phá? Chỉ cần nhớ đến con số hơn một triệu nạn nhân của vũ khí hoá học trong thế chiến thứ nhất, vụ tấn công bằng hơi độc sarin ở Nhật và, không lâu gì, hàng trăm ngàn nạn nhân của các "trận mưa bom hóa học" của Saddam Hussein đổ xuống đầu dân tộc Kurdistan mà hậu quả thảm khốc còn kéo dài tới ngày nay. Nếu kỹ thuật sản xuất vũ khí nguyên tử tương đối khó khăn và tốn kém hơn nhiều so với các loại vũ khí hóa học và sinh học, các cơ sở sản xuất cũng tương đối dễ bị phát hiện và phá huỷ thì, ngược lại, hai loại sau, theo các chuyên gia, dễ dàng hơn, ngay cả với kỹ thuật tương đối thô sơ. Các cuộc thanh tra quốc tế hoàn toàn

không có hoặc kém hiệu quả. Từ năm 1998, sau khi phái đoàn thanh tra Liên hiệp quốc bị trục xuất, ở Irak, Saddam Hussein đã làm những gì? Không ai biết!

Tên tắt của bộ ba dễ nhớ "ABC" (armes atomiques, biologiques, chimiques), thì loại đầu A (vũ khí nguyên tử thuộc loại con nhà giàu. Hai loại còn lại B, C (Sinh học và Hóa học) thuộc diện "con nhà nghèo". Cả ba đều không ai hiền hơn ai. Nhưng hai loại sau, hiện đang là một mối đe dọa hiển nhiên trên qui mô toàn thế giới. Nhất là từ khi Liên Xô sụp đổ, nhiều chuyên gia cấp cao và có kinh nghiệm, do những lý do khác nhau, đã "cố những liên hệ đáng ngờ" với các quốc gia bất hảo như Libye, Syrie, có thể cả Irak, Bắc Triều Tiên và với các tổ chức khủng bố quốc tế. Hai nhà bác học nguyên tử người Pakistan đã bị bắt vì có những "quan hệ bí mật" với tay trùm khủng bố Bin Laden. Theo Centre Harry Stimson, năm này qua năm khác, nước Mỹ đã chi ra 9.7 tỉ đô la để chống lại chủ nghĩa khủng bố.

Thật ra người Mỹ và các cường quốc khác đã ý thức được từ lâu hiểm họa của các loại vũ khí hóa học và sinh học, ít ra là từ sau thế chiến thứ hai. Nhưng, có lẽ các chính phủ nối tiếp nhau đã không đủ can đảm chính trị nêu ra một cách công khai mối hiểm họa này (mà chi phí phòng ngừa và chữa trị rất tốn kém). Người ta coi vấn đề này là cấm kỵ, chỉ thì thầm trong giới chuyên môn và cũng rất hạn hẹp. Người ta sợ gây ra một tâm lý lo lắng "vô ích" trong dân chúng (!). Người ta đã ký kết cả đồng giấy tờ gọi là hiệp ước quốc tế về đủ loại nhằm "cấm phổ biến, sản xuất, tồn trữ các loại vũ khí tấn công có tầm sát hại hàng loạt",

ít ra là từ năm 1925 (hiệp ước cấm sử dụng trong chiến tranh các loại vũ khí hóa học và sinh học). Hiệp ước năm 1968 cấm phổ biến vũ khí nguyên tử nhưng còn cố giữ lại "quyền thủ đắc một khối lượng vừa đủ làm lực lượng răn đe". Bao nhiêu? Khi hiệp ước quốc tế năm 1972 cấm các loại vũ khí sinh học chưa ráo mực thì Liên Xô đã bí mật khởi sự chương trình Biopreparat khổng lồ trong suốt 10 năm, cho tới khi Liên xô sụp đổ vào năm 1991. Nhưng nước Nga ngày nay, thừa kế các kho vũ khí vĩ đại ấy (50.000 ngàn tấn), đang khốn khổ vì thiếu tiền để phá hủy chúng. Mỹ đã chi ra hơn 3 tỉ đô la để giúp đỡ các nước độc lập thuộc Liên bang Xô Viết cũ phá hủy và tẩy rửa các kho vũ khí có tầm sát hại hàng loạt tàng trữ trên các nước này. Tổng thống Bill Clinton, năm 1999, đã tăng số trợ cấp lên gấp đôi. Nước Pháp cũng dự trù chi ra hàng chục tỉ quan trong nhiều năm để phá hủy các kho vũ khí hóa học và tẩy rửa lãnh thổ của mình.

Trước các mối hiểm họa kinh khủng ấy, người ta đã và đang có những chính sách phòng vệ và ngăn ngừa những hậu quả của các loại vũ khí hóa học và vi trùng. Mặc dù các chính phủ chẳng còn lạ gì những hiểm họa đó, nhưng khi nước Mỹ, cường quốc toàn cầu duy nhất, với ngân sách quốc phòng năm nay đạt tới 344 tỉ đô la - hơn cả ngân sách quốc phòng của 5 nước Pháp, Nga, Trung Quốc, Anh và Đức gộp lại - đã phải vất vả chống trả một số lá thư nặc danh vấy vi khuẩn bệnh than, phải huy động mọi khả năng chống "kẻ nội thù tiềm phục" thì người ta vội vã xét lại các biện pháp tổ chức phòng vệ, các phương tiện chữa trị các nạn nhân, và khám phá ra rằng ... quá

yếu, thiếu thốn mọi bề! Nước Pháp, trụ sở của viện Pasteur hàng đầu thế giới, đã chấm dứt việc tiêm chủng ngừa bệnh đậu mùa từ 24 năm qua, nay thấy kho thuốc chủng của mình gần trống rỗng! Nước Anh thì thấy các chi phí phòng ngừa còn lớn hơn cả chi phí chữa trị, nếu chẳng may...! Nước Mỹ giật mình vì kho thuốc trụ sinh chống bệnh than của mình không đủ dùng trong trường hợp bị một cuộc tấn công qui mô lớn. Người ta vội vã đưa ra những đơn đặt hàng khổng lồ. Các viện bào chế, các phòng thí nghiệm chạy hết công suất. Hai hãng bào chế thuốc viên và thuốc chủng lớn nhất Aventis Pharma, Bayer giảm nửa giá bán để cho các kho thuốc trụ sinh của nước Mỹ đầy! Ở Châu Á, các nước giàu như Nhật, Nam Hàn, Đài Loan... cũng đã phải mở túi tiền ra chi cho các chương trình phòng thủ.

Bác sĩ Ken Alibakov, nhân vật thứ hai của chương trình Bioprepara, là người có thẩm quyền chuyên môn và kinh nghiệm nói về những hiểm họa của các loại vũ khí hóa học và vi trùng, đã nêu ra những cảnh báo về hậu quả của một cuộc chiến tranh sinh học: Trên màn ảnh của đài truyền hình quốc gia Pháp, trong lúc dư luận hoang mang về các cuộc khủng bố bằng vi khuẩn bệnh Than đang xảy ra ở Mỹ, trả lời các nhà báo, ông khẳng định là, trong trường hợp chiến tranh nguyên tử xảy ra trên qui mô toàn cầu, một phần nhân loại có thể tồn tại. Nếu chiến tranh hoá học và sinh học xảy ra, sự tận thế là chắc chắn!

Vấn đề chỉ là: các quốc gia phải tổ chức, trang bị, cảnh giác dân chúng thế nào để sẵn sàng đối phó với những hiểm nguy ấy. Đó lại là một vấn đề khác. ●

Ở xứ Mỹ này, đi đến đâu người ta cũng nhìn thấy những dấu-hiệu dành cho người khuyết-tật. Lối đi, chỗ đậu xe, cầu thang, phòng vệ-sinh,... cho người khuyết-tật. Những tiện-nghĩ dành cho họ không những trở thành luật mà còn được coi-sóc đặc-biệt. Bây giờ ai muốn mở một văn-phòng, một tiệm ăn mà không thu-xếp đủ những tiện-nghĩ đó thì nhất-định sẽ không được cấp giấy phép. Thế nhưng người ta cũng nhận thấy rằng, ở đây lại có rất ít người khuyết-tật, hầu như một ngày đi phố chỉ thấy có vài người ngồi trên xe lăn. Rất ít khi có người mù, hay người què trên đường phố.

Nếp sống ở đây lâu dần làm cho người ta có cảm-tưởng rằng chuyện trở thành người khuyết-tật là chuyện xa-vời, khó có thể xảy đến với mình. Và người khuyết-tật ở đây cũng được đối-xử đặc-biệt quá; nền giáo-dục và văn-hóa biết tôn-trọng người khuyết-tật, hình như khiến người ta không có cái đau-xót thương-hại họ nhiều lắm. Ai trong chúng ta đã nhìn thấy những người mù, loa, què lê-lết ăn xin ở Việt Nam trước đây hay bây giờ mà không có niềm đau-xót? Khoảng năm 1978, trên tuyến đường xe lửa Sài Gòn - Biên Hòa, có một thanh-niên, hai tròng mắt bị khoét không còn lớp da che mắt, chỉ là hai trũng thịt đỏ đã khô. Anh ca hát bằng một giọng khá hay với chiếc đàn guitar để ăn xin, len-lỏi qua các toa chật ních người và hàng-hóa đủ loại. Anh kể anh là lính Thủy-quân Lục-chiến bị Việt-cộng bắt và bị khoét hai mắt để trả thù, vì chúng bị thua quá nặng trong trận đánh cuối cùng của anh, mà anh không may bị bắt. Khi kể, anh còn nhoén được nụ cười rặng-rỡ trên khuôn mặt xương-xấu.

Ánh-Sáng Của Yêu-Thương

Nguyễn Văn Thông

Nhiều ngày đêm, hình ảnh của anh cứ lớn-vỗn trước mắt tôi. Một người thanh-niên kiêu-hùng, tài-hoa, góp cuộc đời mình chiến-đấu cho sự sống còn của đất nước, bỗng bị giặc bắt, tàn-bạo khoét đi hai con mắt. Cuộc đời anh bỗng như bị ném vào một vực thẳm đen kịt, bị chìm trong vũng bùn đen tối. Tôi không thể tưởng-tượng nổi sự đau-đớn, uất-ức của người bị cướp đi ánh-sáng của cuộc đời mình như thế nào. Đang giữa trưa, tôi thử nhắm mắt và bỗng kinh-hoàng phải mở choàng mắt ra vì tưởng rằng mình không còn được nhìn thấy ánh-sáng nữa.

Ánh-sáng đẹp quá. Con đường bụi-bặm trước mặt, những đống rác, những con người lam-lũ, quần áo tả-tơi gánh-gồng, khuôn-vác tất-bật... thường ngày không có cái nét rõ-ràng, đặc-biệt trong ánh-sáng như hôm nay. Những gương mặt nữ sinh bây giờ núp dưới những vành nón méo-mó, ngả màu, có những vết lấm trên má, trên trán, những lọn tóc loà-xòa thấm mồ-hôi, nhưng không che hết đi được những nét thanh-tú của gò má, bờ môi, và nhất là sự trong sáng của đôi mắt, dù có lo-âu pha-trộn. Nếu không có ánh-sáng, đời này còn gì nữa không?

Mỗi lần nhớ về anh, tôi thầm cầu-nguyện xin Chúa ban ơn riêng cho anh. Thực ra lòng tôi có phần trách Chúa. Không phải

Ngài đã quá bất-công với anh hay sao? Trong cuộc đời trước mặt, có nhan-nhân những đau-thương, những bất-công, nhưng một là ta cố tìm ra một lý-lẽ cho mình yên-tâm, hai là có quá nhiều đau-thương khiến lòng ta hóa ra chai-lì. Khi gặp người lính ấy, tôi không thể chai-lì được nữa. Nhưng làm được gì cho anh ngoài sự cầu-nguyện? Tôi thấy mình hoàn-toàn bất-lực. Chung-quanh tôi, ở thành-phố này, trên quê-hương Việt Nam này, có hàng ngàn, hàng vạn người sống ngụp lặn trong đau-thương. Có phải họ đã làm điều gì ác đức đến nỗi phải đền-bù bằng những đau-thương ấy? Tôi không tin.

Đồng-bào tìm đường vượt biên, chết cũng đi. Có tiền đi theo lối có tiền, không có tiền đi theo lối không có tiền. Cả nước ai cũng mơ vượt biên. Chết đói, chết khát, chết vì hải-tặc, vì lục-lâm đều không làm người ta do-dự. Thà chết tự-do còn hơn sống nô-lệ. Vợ chồng tôi cũng tìm đường ra đi, và đến được bến bờ tự-do. Giữa bao nhiêu người đã chết, hoặc sống-sót mà không còn thân-nhân; giữa bao nhiêu người bị giam trong những trại tù tị-nạn hàng chục năm, bị ngược-đãi, bị hồi-hương, thì chúng tôi là những người quá may-mắn. Chúng tôi có công-đức gì để đánh đổi cho sự may-mắn ấy không? Thưa, không. Tôi chắc-chắn như vậy.

Có thiếu gì người không may-mắn mà tốt hơn, có công-đức hơn chúng tôi rất nhiều.

Năm 1991 nghe tin từ Việt Nam một anh bạn, Nguyễn Quốc Phong, đi làm về, trời tối, đâm sầm vào một xe chở nứa, thùng hai mắt, tôi giật mình đau-đớn. Anh là một cựu tu-sĩ Dòng Don Bosco, vì hoàn-cảnh, mới ra khỏi dòng và đi làm được vài năm. Những hình-ảnh của anh ngày trước trở về. Phong trẻ hơn tôi. Khi tôi là tập-sinh chuẩn-bị khấn Dòng thì anh là một học-sinh lớp 7. Trong khí-hậu Trầm-Hành (Đà-lạt), Phong có cặp má lúc nào cũng ửng hồng, và hay cười. Tôi nhớ có những giờ học-tập, nhìn ra sân bắt gặp lớp của Phong tung-tăng chạy nhảy, tôi thêm được sống lại lớp tuổi ấy. Mặc dù tôi không già hơn bao nhiêu, nhưng vì trong năm Tập-Viện, tập sống nội-tâm, tập xét mình, tôi muốn được sống lại một số năm trung-học vừa vụt mất. Phong hồn-nhiên, ham-thích thể-thao, nhưng cũng là học-sinh giỏi, thông-minh, giỏi nhạc. Nhóm học-sinh như Phong càng khiến tôi nuối-tiếc.

Bây giờ thì người bạn với hình-ảnh đẹp của quá-khứ ấy vừa tan-nát. Chúa ơi, tại sao có thể như vậy được? Tại sao sự đau-thương ấy Chúa lại cho phép xảy đến cho một người đã có ý-định hiến đời mình phục-vụ tha-nhân để tôn-vinh Chúa? Sự đau-thương này còn là một thử-thách không, hay là một sự hất-hủi, chà-đạp đến tận cùng một kiếp người? Chúa không phải là người Cha nhân-từ, yêu-thương hay sao? Chúng con không phải là những con người giới-hạn hay sao? Giới-hạn ở khả-năng chịu-đựng, giới-hạn ở niềm tin-tưởng và cậy-trông. Vậy tại sao Chúa gởi cho chúng con những đau-thương vượt

quá giới-hạn như thế này?

Một thời-gian, tôi không dám hỏi tới Phong. Tôi sợ Phong không giữ được tinh-thần, có thể mất niềm tin, có thể điên hay nổi loạn. Nhưng thời-gian không là thứ che-đậy sự thật. Nhưng sự thật của Phong không dừng lại ở sự phũ-phàng, cũng không bế-tắc ở những câu hỏi uất-ức nghẹn-ngào về cuộc đời. Sự thật của Phong đã dẫn tôi tới một sự thật lớn-lao hơn về sự can-trường của tình yêu-thương, của sự phục-vụ. Sự thật ấy hướng chúng ta về ánh-sáng của sự thiện-hảo.

Khi nghe tin Phong tậu đất xây nhà cho nhóm thầy trò mù đang lang-thanh lếch-thếch - một bà chủ đất có lòng tốt cho trả chậm - tôi vội-vàng bàn-bạc với các bạn-bè trong cộng-đoàn nhà thờ gom-góp hàng tháng giúp-đỡ. Khoảng hai năm sau, nhân-dịp Lễ Tạ Ơn, tôi viết truyện *Người Đau-Khổ Tạ-Ơn* kể về Phong, đăng trên báo *Làng Văn*. Nhiều tấm lòng ở khắp nơi bắt gặp nhau, không đồn-dập ồn-ào, nhưng bền-bỉ và lan-truyền. Truyện viết đã hơn một năm mà tới nay vẫn có người gởi quà lần đầu, có người bảo không giúp được một tí lòng không yên. Bây giờ nhu-cầu vật-chất không cần như những năm đầu, nhưng tình yêu-thương thì khác. Tôi nghĩ, biết đâu sau này sẽ có những anh chị có phương-tiện và hoàn-cảnh để cộng-tác với Mái Ấm Thiên Ân (MATA), để phát-triển sự phục-vụ tới các em và đồng-bào khuyết-tật trên quê-hương yêu-dấu Việt Nam một cách rộng-rãi.

Hôm nay, nhân dịp Tết, như một sự tạ Ơn Trên qua những tấm lòng đã đến với MATA, tôi xin lược qua một số sinh-hoạt của thầy trò mù Nguyễn Quốc Phong. Phong đã đáp lại một ơn gọi hết sức đặc-biệt, trong một hoàn-

cảnh mà hầu-hết chúng ta không dám nghĩ tới. Anh là con người quả-cảm, tốt-lành vượt bậc. Tấm lòng của quý cụ, quý ông bà, các anh chị, và các cháu cũng đã góp vào sự phục-vụ thánh-thiện ấy. Mặt khác, đóng-góp được một chút, chúng ta cũng cảm-thấy được niềm vui của tiếng gọi phục-vụ. Chẳng phải chúng ta cảm-nghiệm được rằng, ý-nghĩa của cuộc đời là phục-vụ, niềm vui của sự sống là cho hay sao? Xin lược qua một số sinh-hoạt trong năm, qua những vi-thư Phong viết cho tôi...

Ngày 21.12. 2000 trong đêm Thánh-Ca cầu-nguyện mừng Chúa Giáng-Sinh tại Nhà Thờ Đức Bà, người tham-dự chật ních nhà thờ. Các ca-đoàn hát rất hay. Phong được mời để chia-sẻ niềm vui Giáng-Sinh trong khoảng 10 phút. Em có dùng một vài ý-tưởng của anh trong bài "Người Đau-Khổ Tạ-Ơn". Cám ơn anh. Cha phụ-trách đã mời em sang năm chuẩn-bị chia-sẻ nữa.

Ngày 23.12 có Lễ Giáng-Sinh sớm cho người khuyết-tật tại Nhà Thờ Mân Côi, Đa-minh, Gò Vấp (...) Có hơn 1.000 anh chị em mù què cầm điếu và những người già neo-đơn tham-dự. Trong Thánh Lễ, Cha Tiến Lộc Dòng Chúa Cứu Thế giảng vài phút rồi mời Phong lên chia-sẻ với cộng-đoàn. (...)

Ngày 24.12, MATA cùng với phái-đoàn các anh chị em ngành y hoạt-động xã-hội xuống Trại Phong Bến Sắn để phát quà cho các bệnh-nhân, hát lễ và giúp vui văn-nghệ. Sau đó về nhà ăn reveillon, ông già Noel phát quà, đến 3 giờ sáng mới đi ngủ.

Sáng 25.12, Thánh Lễ Giáng Sinh cho người khuyết-tật tại Nhà Thờ Đức Bà, do Đức TGM Sài-

gòn chủ tế. Có hơn 700 người khuyết-tật tham-dự. Sau nhiều ngày đêm vất-vả, MATA cũng kịp in và phát-hành đúng kế-hoạch vào ngày Giáng Sinh cuốn Tin Mừng theo Thánh Marco bằng chữ Braille. Đây là cuốn Phúc-Âm bằng chữ Braille đầu-tiên tại Việt nam. Cha Tổng Đại-Diện đã trao-tặng cho các nhóm khiếm-thị Công-giáo tại Sài-gòn. Ngài rất trân-trọng đóng-góp này của MATA. Hy-vọng sẽ có điều-kiện tiếp-tục in các sách Phúc-Âm khác và giáo-lý.

Ngày 27.12, MATA đón-tiếp một phái-đoàn Nhật do Đức Cha Tani dẫn đầu cùng với gần 20 đoàn-viên của đoàn múa ballet. Hai bên trao-đổi, ăn cơm trưa, và đàn ca múa rất vui.

16.2.2001. Cả tuần nay computer của em bị trục-trắc. Và thật là đúng lúc, có một nhóm từ-thiện của ông Nghiêm Phú Phúc và bà Đỗ Phương ở Toronto, Canada biết MATA qua bài "Người Đau-Khổ TạƠn". Ông bà có người cháu về VN, đã đến MATA thăm. Khi trở về Canada đã gởi cho MATA 975CA\$ để mua một computer mới. Và em đang gõ cho anh chị trên computer mới Pentium 3 đó.

Mấy hôm nay Sài-gòn hơi hơi lạnh. Em đang lo học gần chết. Mới thi xong hai môn Xã-Hội Học Gia-Đình, và Tâm-lý Lứa Tuổi và Giới-Tính. Tuần rồi phải thi bốn môn. Việt Nam mình vẫn còn lối học từ-chương, học thuộc lòng mệt quá.

19.3 Dạo này Phong bận quá (...). Học-kỳ 1 phải thi sáu môn. Năm môn làm bài rất tốt, riêng môn Quản-Trị Công-Tác Xã-Hội không làm kịp nên đành phải mắc nợ. Sắp-sửa lại phải đi họp liên-miên: 13-14/3 đã hội-thảo ở Sài-gòn về việc thống-nhất ký-hiệu

toán lý-hóa chữ braille; 12-13/4 sẽ hội-thảo ở Đà-Lạt về Giáo-Dục Hội-Nhập cho người Khuyết-Tật; 17-18/4 hội-thảo ở Hà-Nội về Vai-Trò của các Nhóm Tự-Cứu (self-help groups).

27.4 Phong mới đi Hà-Nội về. 5 ngày đầu, thời-tiết se-se lạnh như Đà-Lạt. Ngồi bên Hồ Tây và Hồ Hoàn Kiếm mà cứ tưởng là đang ngồi bên bờ Hồ Xuân Hương. Mấy ngày sau có gió nồm, trời nóng và ẩm-ướt, khó chịu hơn cái nóng ở Sài-gòn vì người lúc nào cũng ươn-ướt, ngay cả nền nhà và bàn ghế cũng mướt mồ-hôi, khó chịu lắm. Phong cũng mướt về quê Bùi Chu, chỉ ở chơi 24 tiếng. Quê nhà nghèo và quê-mùa lắm. (...) Có nhiều em mù ở Hải Dương đang xin vào học MATA. Có lẽ em sẽ nhận 5 em. Có điều em hơi ngại các em miền Bắc khó dạy. Em thích nhận các em ở trong Nam hơn, nhưng vì các tỉnh phía Nam hầu như đã có trường mù Nhà Nước (trường trước 75 Nhà Nước tiếp-thu? NVT), miền Bắc lại chưa có. Hồi trước Phong cũng có 10 em mù từ Bắc vào. Các em thường sống che-đậy, giả-dối, hay lí-sự, và nhiều em có tính ăn cắp.

Chị Thy-Thơ (chị của Nguyễn Thành Phương cùng lớp Phong, đã chết) tốt lắm. Chị đến thăm MATA và giúp hai ngàn US\$. Chị còn hứa giúp thêm. Chị rất ái-mộ anh Thông, luôn luôn tìm đọc bài của anh trên Làng Văn trước tiên.

16.5 Vài thay-đổi của MATA. Hai anh em Thắng, Lợi ra riêng mở một xưởng làm bàn chải, sống cũng được. Em Lam xin được vào làm massage ở Chợ Lớn, lương khoảng một triệu/tháng. Em Trung về nhà phụ mẹ.

Như anh hỏi, chắc cái nghèo ở miền Bắc nó ghê lắm nên em tuy mù mà vẫn cảm thấy được?

Đúng vậy, cái nghèo cùng với sự suy-dời luân-lý quặn lại với nhau, thấm cả vào người. Về cái nghèo vật-chất, em chỉ kể một điều thôi là đủ chạm đến cái nghèo, cái quê-mùa của làng quê Bắc. Muốn đi đại-tiện, phải có xe chở em ra quán của một đứa em họ, vì nhà nó có một chỗ gọi được là nhà cầu. Còn hầu hết người ta chỉ đào một cái hố-xí ở góc vườn, kê lên đó hai thanh gỗ. Nhà ông chú em lại kê bằng hai thân cây chuối, ghê quá!

Phong xin báo một tin vui và xin thêm lời cầu-nguyện. Thứ Bảy 19.5 này, em Ngọc Đĩnh 24 tuổi (một cựu thuyền-nhân bị Thái-Lan đuổi về, mới bị mù do sét đánh) sẽ làm lễ cưới với Kim Linh 27 tuổi, một cô giáo đã giúp Phong và các em mù từ 5 năm nay. Linh đang dạy toán cho các em cấp II của MATA. Mẹ và dì của Đĩnh có một căn nhà gần MATA. Sau khi cưới, Đĩnh và Linh sẽ tiếp-tục đến học và dạy ở MATA, tối về nhà. Các bạn MATA đang ráo-riết tập-dợt đàn hát cho lễ cưới và giúp vui cho tiệc cưới của Đĩnh Linh. Xin Chúa chúc lành cho tình-yêu của hai em được yêu-thương và tôn-trọng nhau suốt đời.

Em sắp có thêm một số em mới. Em cũng đã mở lớp vi-tính và Anh-văn cho những người mù lớn tuổi đến học rồi về.

13.6 Nghe anh nói có xin được một số sách báo chữ braille, em mừng lắm. Anh xin được ở đâu thế? Đây là những sách báo em có được một ít và rất thích (...)

Hôm nay là lễ Thánh Anton quan-thầy của em. Xin cầu cho em một kinh. Xin Thánh Anton cho tất-cả chúng ta luôn sống trong muôn-vàn phép-lạ của tình yêu-thương, lòng bao-dung, sự cảm-thông và sự chia-sẻ. Em luôn nhớ đến gia-đình anh chị và các

ân-nhân của MATA trong kinh-nguyên hằng ngày.

22.8 Anh chị và hai cháu đã hết nghỉ hè chưa? Các em MATA cũng về nhà nghỉ hè 10 ngày. Các em không thích về nhà lâu. Ngày 24-25/8 các em sẽ đi dự Trại Hè Kết Thân ở Vũng Tàu do Cha Tiến Lộc tổ-chức hằng năm cho các nhóm khuyết-tật của Giáo-phận Sài-gòn.

Các em nghỉ hè, còn em lo học. Ngày 15-17/8 dự Hội Nghị DPI (Disables People International) vùng Thái Bình Dương. 20-23/8 dự Hội-thảo Việt Nam - Nhật Bản về Giáo-Dục Trẻ Khuyết-Tật. Em cũng mới thi xong 4 môn của học-kỳ 2. Làm bài cũng khá khá.

21.9 Mong anh chị khỏe-mạnh. Chắc vẫn còn bàng-hoàng sau thảm-họa ở New York và Washington? Ngay cả ở Việt Nam xa-xôi, tất-cả cũng bàng-hoàng trước sự khủng-khiếp mà con người có thể đang tâm gây ra. Dân Việt Nam đang xôn-xao chờ-đợi điều gì sẽ xảy đến. Mấy buổi chiều, giờ tan sở, nhiều người bán báo la to để bán báo cho chạy: "Đánh rồi! Đánh rồi! Mỹ đánh Afganixtan rồi!". Chúng em chỉ biết cầu-nguyện cho công-lý và hòa-bình thế-giới, nhất là cho người dân nước Mỹ.

Em mới nhận thêm 6 em ở Hải Dương đến, tuổi từ 12 đến 14. Các em rất hiếu-động, quen sống "hoang-dại", nên phải dạy-dỗ đủ điều, mệt lắm. Hy-vọng tụi nó nhanh-chóng đi vào nề-nếp thì đỡ mệt. Các chị Hải, Yến, Linh (Các chị thiện-nguyện của MATA NVT) vẫn khỏe, chỉ mệt hơn vì tụi nhỏ.

MATA vừa mua được máy in chữ braille hiệu BookMaker, tiền do Đức Cha Tani, Giáo-phận Urawa ở Nhật giúp. Cám ơn Chúa, tiền thuế phải đóng (...)

mới đầu lo quá (...) cuối cùng đã có người thương lo cho được. Hy-vọng với máy in này có công-suất lớn, MATA có thể kiếm sống được bằng cách nhận in các tài-liệu chữ braille cho người mù. Năm trước Nhóm Giờ Cửa Mẹ đã tặng MATA một máy in chữ Braille loại nhỏ dùng cho văn-phòng.

Em cũng nhờ bạn-bè sản-xuất gậy (white cane) cho người mù. Gậy rất đẹp, không thua gì gậy ngoại, mà giá chỉ bằng 1/5. Chúng em đã bán được 350 cây ở Việt Nam và 30 cây cho Thái-Lan rồi. Thế là có thêm việc làm và thu-nhập cho MATA.

9.10 Hôm cuối tháng 9, nhân-dịp Năm Những Người Tình-Nguyên Giúp-Đỡ Người Trong Hoàn-Cảnh Khó-Khăn, Thành Phố HCM tuyên-dương 66 người. Em là một trong 5 người được mời đọc bản bá-cáo điển-hình. Em lợi-dụng cơ-hội để kêu-gọi sự quan-tâm đến người khuyết-tật. Ngày 4.10.2001 Báo Công Giáo A-Châu (UCA News) có viết bài về em. Gởi anh chị đọc nhé. (Bài báo bằng tiếng Anh, nội-dung nói về buổi lễ tuyên-dương những người thiện-nguyện làm việc phục-vụ. Phần sơ-lược tiểu-sử và những công-việc của Nguyễn Quốc Phong làm cho người mù được viết chiếm gần hết bài báo. Sở bài viết dài, tôi không viết lại, nhưng muốn các bạn chia-sẻ những cảm-nghĩ và tấm lòng rất đặc-biệt của Nguyễn Quốc Phong qua bản bá-cáo của anh. NVT)

"Bản Tường-Trình

Tôi tên Nguyễn Quốc Phong, sinh năm 1958 tại Sài-gòn. Tôi hoàn-toàn bị mất thị-giác và khứu-giác sau một tai-nạn giao-thông cách đây 10 năm. Sau sáu tháng điều-trị tại các bệnh-viện, tôi trở về nhà và bắt đầu tìm học chữ braille. Đây là thời gian rất

khó-khăn để tập thích-nghi với cuộc sống mới, vì ở nước ta hiện nay không có trường phục-hồi chức-năng cho những người mới bị khuyết-tật. Bản thân tôi đã gặp nhiều khó-khăn trong việc học chữ braille cũng như những kỹ-năng thay-thế cho đôi mắt. Tôi rất cảm-thông với các em khiếm-thị ở những vùng thôn-quê nghèo, không có điều-kiện đi học.

Tháng 8/1996, cùng với bà Trần Thị Quỳnh Giao, chúng tôi mở trường Huynh Đệ Như Nghĩa giúp nuôi dạy một số em khiếm-thị mờ-côi. Đến tháng 9/1999, được sự giúp đỡ của gia-đình và bạn-bè, cùng với vài đồng-nghiep, chúng tôi mở Mái Ấm Thiên Ân để giúp các em khiếm-thị hiếu học. Các em sống tại Mái Ấm một thời-gian để được trang-bị nghị-lực, niềm tin và những khả-năng cần-thiết để có thể vươn lên tự-lập, hòa-nhập với xã-hội mai này. Mái ấm hiện nay có 12 em.

Các học-trò thường nói với tôi: "Tội nghiệp thầy quá! Thà như tụi em bị mù từ nhỏ. Còn thầy đang thấy đường tự nhiên bị mù thì khổ quá". Tôi trả lời các em: "Thầy may-mắn hơn các em nhiều lắm. Thầy đã có hơn 30 năm sống trong ánh-sáng, đã nhìn thấy cuộc đời, đã có cơ-hội để học được bao nhiêu điều tốt-đẹp". Nhiều khi tôi thầm nghĩ có lẽ Chúa cũng an-bài, cho mình được ăn học tử-tế và bây giờ trở thành người mù để giúp đỡ các em mù. Thế nên tôi cố gắng mang tất cả những khả-năng còn lại, những kiến-thức đã có để phục-vụ các đàn em còn kém may-mắn hơn tôi nhiều lắm.

Ngoài việc trực-tiếp điều-hành và dạy học ở Mái Ấm, đêm về tôi lại ngồi dịch các tài-liệu chữ braille. Năm 1998, tôi dịch cuốn "New International Manual of Braille Music Notation" sang

tiếng Việt. Đây là qui-ước quốc-tế năm 1996 về cách ghi chép âm-nhạc bằng chữ braille. Năm 1999 tôi cũng cộng-tác với nhóm của Thạc-sĩ Tin học Đinh Điền để viết một số phần mềm có phát-âm tiếng Việt giúp người mù Việt Nam có thể sử-dụng máy vi-tính. Chúng tôi cũng đã in được cuốn Tự-điển Anh Việt bằng chữ braille, 65.000 từ, dày 11.000 trang, nặng hơn một tạ. Gần đây nhất tôi mới dịch xong cuốn Unified Braille Code, tài-liệu thống-nhất ký-hiệu chữ braille của các nước nói tiếng Anh. Đây là tài-liệu căn-bản dựa trên đó chúng ta tiến-hành việc thống-nhất các ký-hiệu văn-học, toán, lý, hoá... của chữ braille tiếng Việt. Nhờ bộ ký-hiệu thống-nhất này, chúng ta có thể áp-dụng công-nghệ thông-tin, mã-hoá các ký-hiệu, giúp cho người khiếm thị học-hành dễ-dàng hơn, và cũng tạo thuận-lợi trong việc chuyển-dịch tự-động từ chữ sáng sang chữ braille.

Ông bà ta có câu: "Giàu hai con mắt, khốn khó đôi bàn tay". Đã từ lâu nhiều người cho rằng người khuyết tật, nhất là người mù, thường chẳng làm được gì và cần được trợ-giúp bởi gia-đình, bạn-bè và xã-hội. Suy-nghĩ này

đã thúc-dẩy nhiều người làm những công-tác từ-thiện, bố-thí nhằm xoa-dịu phần nào nỗi bất-hạnh của người khuyết-tật. Nhưng phần lớn những người khuyết-tật không muốn điều này. Điều họ mong-chờ nơi những người hảo-tâm, nơi xã-hội là hãy cho họ cơ-hội để học-tập, để phát-triển tất-cả những khả-năng còn lại, để họ có thể làm việc và tự-lập. Những người khuyết-tật chỉ mất hoặc đôi mắt, hoặc đôi tai, hoặc mất chân mất tay..., nhưng họ vẫn còn tất-cả những phẩm-chất cao-quý nhất của con người. Họ vẫn còn một ý-chí mạnh-mẽ, một trí-óc tinh-tường, một trái tim yêu-thương... Họ vẫn muốn sống và sống dồi-dào. Họ muốn sống, muốn làm việc và được cống-hiến. Hãy cho các em khuyết-tật cơ-hội để học-tập, các em hoàn-toàn có thể phát-triển một cách bình-thường và trở-thành người hữu-ích cho gia-đình và xã-hội.

Sau 10 năm hoà mình với những anh chị em khuyết-tật, tôi cảm-nghị được điều này là: "Khuyết-tật hay không khuyết-tật, đó không phải là điều cốt-yếu để có được cuộc sống hạnh-phúc. Có được hạnh-phúc là khi sống yêu-thương và được yêu-thương,

khi sống có ích cho người khác". Hạnh-phúc của tôi là được thấy các em khôn lớn từng ngày. Thật là một niềm vui lớn khi thấy những mảnh đời chỉ lủi-thủi góc nhà và lớn lên như những cây hoang-dại, những mảnh đời sống mà như đã chết, những mảnh đời đó nay chỗi dậy, được sống và sống dồi-dào. Như một nữ văn-sĩ khuyết-tật đã viết: Khuyết tật quả-nhiên là bất-tiện, nhưng tuyệt-nhiên không là bất-hạnh.

Vâng, người khuyết-tật chúng tôi quả-nhiên gặp nhiều bất-tiện trong cuộc sống. Có những bất-tiện gắn liền với sự khuyết-tật, nhưng phần lớn những bất-tiện lại là hậu-quả của sự thờ-ơ, của sự thiếu hiểu biết, hoặc của những thành-kiến bất-công của xã-hội đối với người khuyết-tật. Về mặt văn-hóa, hãy xoá-bỏ những cảm-nghĩ thành-kiến về người khuyết-tật. Về mặt xã-hội, hãy giúp tháo-gỡ những bất-tiện người khuyết-tật gặp trong giáo-dục, trong công ăn việc làm, trong tiếp-cận với những công-trình công-cộng... Hãy tạo cơ-hội cho người khuyết-tật tham-gia một cách đầy-đủ và bình-đẳng vào xã-hội. Hãy mở rộng cửa cho họ! Hãy là một xã-hội cho mọi người! Rồi tất cả chúng ta sẽ thấy, khuyết-tật quả-nhiên có ít nhiều bất-tiện nhưng tuyệt-nhiên không là bất-hạnh..."

MATA không có số nhà. Số nhà của bà chủ đất ở bên cạnh là: 40/34 đường Tân Hương, Phường 16, Quận Tân Bình (gần Nhà Thờ và Chợ Tân Hương);

Điện-thoại: 8472406.

Chỉ đường: Đi đường Cách-Mạng Tháng 8 từ Ngã Tư Bảy Hiền, qua Chợ Bà Quẹo, sẽ gặp đường Tân Sơn Nhì, rẽ trái và đi hết đường sẽ gặp đường Tân Hương. Rẽ trái, đi khoảng một cây-số là tới."

Mái Ấm Thiên Ân cảm ơn

Trong tháng 12.2001 và 1.2002 MATA đã nhận quà của:

- Chị Tịnh Thùy, Wchita, KS 50.00 US\$
- AC Phước Sương, Medford, MA 50.00 US\$

Bài Anh-Sáng Của Yêu-Thương trong dịp Tết được viết như lời tạ-ơn của thầy trò mù MATA. Những món quà của quý cụ, quý ông bà, các anh chị, các cháu, và toà báo Làng Văn là những món quà nặng tình yêu-thương, đã trở nên niềm vỗ-về, khích-lệ, và đóng-góp tạo nên ánh-sáng cho thầy trò trong những công-việc đang làm. Riêng tôi, tôi lại cũng cảm thấy chính đời sống và việc làm của thầy trò mù Nguyễn Quốc Phong đã trở thành ánh-sáng cho chính chúng tôi là những người sáng mắt trong cuộc đời. (Nguyễn Văn Thông)

Mặt Trời và Những Bóng Dối

Sơn Tùng

Đại Hội Đồng Văn Bút Quốc Tế kỳ 68, trong phiên họp ngày 28.11.2001 tại London đã biểu quyết phục hoạt chân hội viên của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (VBVNHN), với 54 phiếu thuận, không phiếu chống, không phiếu trắng.

Bằng quyết định này, Văn Bút Quốc Tế (VBQT) đã một mặt chấm dứt cuộc khủng hoảng nội bộ VBVNHN kéo dài đúng sáu năm (26.11.1995 - 28.11.2001), mặt khác tự phục hồi uy tín của mình sau một loạt những quyết định sai lầm của một vài viên chức đã làm cho cuộc khủng hoảng kéo dài không cần thiết và tinh thần dân chủ bị xâm hại ngay dưới chính mái nhà của VBQT, một tổ chức nhân danh tự do dân chủ để tranh đấu cho quyền tự do tư tưởng và tự do diễn đạt tư tưởng của người cầm bút trên thế giới.

Thật vậy, cuộc khủng hoảng đã khởi đầu chỉ bằng sự vi phạm bản Điều Lệ VBVNHN của một cá nhân - ông Viên Linh, cựu chủ tịch, tìm cách ngồi lại sau khi đã mãn nhiệm kỳ (26.11.1993 - 26.11.1995).

Thất bại trong âm mưu lập ra bốn trung tâm mới không thông qua Đại Hội Đồng để kiểm phiếu, ông Viên Linh đã quyết định ngồi

lì bằng cách phá hỏng phiên họp Đại Hội Đồng kỳ V, xách động những văn nghệ sĩ ở ngoài Văn Bút, tổ chức một cuộc họp bất hợp lệ ngày 24.2.1996 để tự phong chủ tịch.

Việc làm này của ông Viên Linh, cùng với sự nhập cuộc của một số người ở ngoài Văn Bút đã thực sự mở đầu cho một cuộc khủng hoảng nội bộ VBVNHN.

Thực ra, cuộc khủng hoảng đã có thể tránh khỏi sau khi Đại Hội Đồng VBVNHN bầu ra một ban chấp hành hợp lệ tại Đại Hội Kỳ V/ Khóa 2 họp ở Houston, Texas, ngày 24.2.1996, nếu VBQT nhìn nhận ban chấp hành này dựa theo phúc trình và Điều Lệ của VBVNHN và Hiến Chương VBQT. Nhưng VBQT, dưới sự điều hành của ông Alexandre Blokh, do không hiểu rõ bản chất của vấn đề, hoặc vì tình cảm cá nhân, đã cử ông Trần Thanh Hiệp làm người "trung gian hòa giải" để "đem hai phía lại với nhau".

Quyết định này của ông Alexandre Blokh là hợp lý nếu đây là một cuộc tranh chấp nội bộ có tính cách phe phái, hay tranh cãi về một vấn đề thủ tục. Nhưng, hành động ngồi lì của ông Viên Linh không phải là một sự tranh chấp phe phái, và cũng không phải một cuộc tranh cãi về vấn đề

thủ tục. Nó là một sự cố tình vi phạm Điều Lệ, một cuộc làm loạn, có thể bị thúc đẩy bởi động cơ chính trị. Vì vậy, quyết định của ông Alexandre Blokh đã sai lầm ngay từ bước khởi đầu.

Ngoài việc đã nhìn sai vấn đề, ông Alexandre Blokh còn dùng sai người. Có lẽ ông tổng thư ký VBQT nghĩ rằng ông Trần Thanh Hiệp, một trí thức Việt Nam, một cựu chủ tịch VBVNHN và là một người quen biết với ông, sẽ hiểu rõ vấn đề và đầy đủ thiện chí để giúp dàn xếp một cuộc tranh cãi trong nội bộ VBVNHN.

Ông Alexandre Blokh không biết rằng ông Trần Thanh Hiệp là một người đang "làm chính trị" với những tham vọng về hư danh và quyền hành, cùng những mưu đồ rất xa lạ với phẩm cách một người trí thức. Và ông Trần Thanh Hiệp, từ ngày 9.4.1996 (ngày được đề cử) đến ngày 3.7.1997 (ngày bị giải nhiệm) đã biến VBVNHN thành một đấu trường và một hí trường mà ông ta vừa đóng vai đạo diễn, vừa đóng vai trọng tài, vừa đóng vai cổ vũ viên, vừa đóng vai quan toà, và lại vừa đóng vai đạo tặc, khủng bố.

Trước hết, ông Trần Thanh Hiệp đã không bỏ mất thì giờ để phô trương thanh thế. Tuy chỉ được nhờ giúp dàn xếp việc nội bộ của VBVNHN và phúc trình kết quả cho VBQT trước khi Đại Hội VBQT kỳ 63 họp tại Guadalajara vào tháng 11.1996, ông Hiệp đã lập ra cái gọi là "Ủy Ban Đặc Cử Tái Thống Nhất VBVNHN", trực thuộc VBQT, do ông ta làm chủ tịch, gồm có cả phát ngôn viên (Minh Đức Hoài Trinh), thuyết trình viên (Trang Châu), thủ quỹ (Nguyễn Văn Hảo). Tuy trong văn thư ngày 9.4.96, VBQT có nhờ ông Hiệp lập một ủy ban gồm các cựu chủ

tịch VBVNHN (nếu nghĩ rằng do sự móm ý của chính ông Hiệp thì chắc cũng không xa sự thật), nhưng các viên chức ở VBQT không bao giờ coi “ủy ban” của ông Trần Thanh Hiệp là một “ủy ban đặc cử”, một “cơ cấu” chính thức thuộc VBQT, vì một cơ cấu như vậy cần phải có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng VBQT. Ông Trần Thanh Hiệp đã tự phong chức cho mình để loè cộng đồng người Việt ở hải ngoại.

Kế tiếp, ông Trần Thanh Hiệp gửi văn thư cho ông Viên Linh và cho tôi, mà ông gọi là “hai bên hữu quan” để mặc nhiên coi đây là một cuộc tranh chấp giữa “hai phe” mà ông ta được VBQT cử làm trọng tài, làm quan tòa xử án. Cùng lúc, ông Hiệp viết bài đăng trên một số báo để quảng cáo vai trò của mình trong cuộc khủng hoảng VBVNHN, trong đó ông ta tự gọi mình là “Zorro”, là “Bao Công”!

Nếu ông Trần Thanh Hiệp là một... Bao Công, hay một Zorro thật (dù không biết đánh kiếm) thì cuộc khủng hoảng nội bộ VBVNHN đã có thể giải quyết chỉ trong một ngày, sau khi “thâm cứu” hồ sơ nội vụ. Nhưng, giải quyết nhanh chóng cuộc khủng hoảng dựa trên sự thật, trên lẽ phải và công lý không phải là mục đích của ông Hiệp khi xin việc với VBQT. Mục đích của ông Trần Thanh Hiệp là gây rối loạn thêm trong VBVNHN, đổi trắng thành đen, biến phải thành trái, để loại những người cầm bút không cùng chủ trương “hòa hợp hòa giải” với ông ta ra khỏi Văn Bút, mà nếu không xong thì làm cho VBVNHN bị VBQT khai trừ, để sau đó ông ta sẽ đưa phe nhóm của mình vào thế chân. Ông Trần Thanh Hiệp đã cấu kết với hai người khác là Nguyễn Ngọc Bích, Đặng Văn Nhâm và một số người

khác để thực hiện mưu đồ này.

Khởi đầu bằng một “bản án” do ông Trần Thanh Hiệp mạo danh “phát ngôn viên” Minh Đức Hoài Trinh công bố cho báo chí ngày 31.8.1997, trong đó phán rằng việc làm của cả “hai bên hữu quan” đều sai, đều bị “hà tì”, và phải làm lại, phải tổ chức họp lại Đại Hội Đồng để bầu ra một ban chấp hành thống nhất. Sau khi đóng vai quan tòa để đưa ra “bản án” trên đây, ông Trần Thanh Hiệp lại đóng vai đạo tặc để báo cáo láo với VBQT rằng đã hoàn thành sứ mạng đúng thời hạn, rằng đã “bắc được một nhịp cầu”, và rằng “hai bên hữu quan” đã đồng ý trở lại nguyên trạng trước ngày 26.11.1995 với ông Viên Linh làm “xử lý thường vụ” VBVNHN để tổ chức họp đại hội bầu ban chấp hành thống nhất.

Ông Alexandre Blokh đã vội vàng gửi thư chào mừng và khen ông Trần Thanh Hiệp đã hoàn tất công tác một cách xuất sắc, mà không ngờ rằng ông ta đã bị đánh lừa. Ông Hiệp chỉ báo cáo “hoàn thành sứ mạng” và tuyên bố “tạm ngưng hoạt động” để sau đó tung ra một chiến dịch khủng bố tinh thần các hội viên VBVNHN, bác bỏ mọi đề nghị đầy thiện chí để giải quyết cuộc khủng hoảng. Ông ta đích thân hăm dọa “một thảm họa” sắp xảy đến cho Sơn Tùng, “bắt đầu từ Hoa Thịnh Đốn, đất dấy nghiệp của ông Sơn Tùng” (nguyên văn lời ông Hiệp).

Để thực hiện lời hăm dọa ấy, ông Nguyễn Ngọc Bích ở Hoa Thịnh Đốn một mặt phao tin Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ “không có ban chấp hành”, mặt khác họp kín với một số đàn em âm mưu lập ra một Văn Bút ma để chuẩn bị đi tham dự “đại hội thống nhất” do “xử lý thường vụ” Viên Linh tổ chức, và cũng hăm dọa nếu “phe Sơn Tùng” không chịu

thua thì VBVNHN sẽ bị đuổi ra khỏi VBQT!

Đại đa số hội viên VBVNHN đề nghị một cuộc bỏ phiếu bằng thư để giải quyết cuộc khủng hoảng nhanh chóng và công bằng, và ông Blokh đã đồng ý nhưng sau đó lại nghe lời ông Trần Thanh Hiệp để một lần nữa, nhờ ông Hiệp làm “trung gian hòa giải”, dù là “ủy ban đặc cử” lúc ấy đã bị... vỡ làm đôi vì bà Minh Đức Hoài Trinh và ông Nguyễn Văn Hảo đã rút lui để phản đối lối làm việc chuyên quyền của ông “chủ tịch” Trần Thanh Hiệp. “Ủy ban đặc cử” chỉ còn lại 2 người là Trần Thanh Hiệp và Trang Châu. Hai người cấu kết chặt chẽ với nhau để yểm trợ ông “xử lý thường vụ” Viên Linh tổ chức “đại hội”, đưa ông Đặng Văn Nhâm lên làm chủ tịch VBVNHN và làm “lễ đăng quang” (lời ông Hiệp) tại Đại Hội VBQT kỳ 64 ở Edinburgh.

Do sự phản đối quyết liệt của VBVNHN, ông Alexandre Blokh đã phải giải nhiệm ông Trần Thanh Hiệp 2 ngày trước cuộc họp “đại hội đồng Viên Linh” được dự trù vào ngày 5.7.1997 tại khu Bolsa, Little Saigon ở Nam Cali. Đồng thời VBQT mời Viên Linh và Sơn Tùng ra trước Đại Hội Đồng VBQT họp tại Edinburgh vào tháng 8.1997 để giải quyết vụ khủng hoảng VBVNHN.

Sự việc rõ ràng như vậy, nhưng ngày 5.7.1997, ông Trần Thanh Hiệp vẫn hỗ trợ cho “xử lý thường vụ” Viên Linh họp “đại hội” trước sự phản đối và tẩy chay của 6/8 Trung tâm thuộc VBVNHN. Tại “đại hội” này, ông Nguyễn Ngọc Bích, người đã tự ý ra khỏi VBVNHN vì 3 năm không đóng niên liễm, đã cùng ông Viên Linh tiến hành cuộc bầu cử trò hề để phong chức “chủ tịch” VBVNHN cho Đặng Văn

Nhâm. Và ông Trang Châu, nhân danh đại diện “ủy ban đặc cử” đã làm phúc trình về cái gọi là “đại hội nối tiếp” hoàn toàn sai sự thật để mong đánh lừa được VBQT.

Nhưng, tất cả những cố gắng tuyệt vọng và gian dối của nhóm ông Hiệp đã không đạt được một kết quả nào, ngoài việc làm cho họ bị rơi mặt nạ “trí thức, văn nhân” trước cộng đồng người Việt ở hải ngoại, và làm VBVNHN bị Đại Hội Đồng VBQT Edinburgh đặt vào tình trạng tạm ngưng sinh hoạt cho đến khi giải quyết xong vấn đề nội bộ.

Sau khi VBVNHN bị cho “nằm ngủ”, và trong lúc những người có thiện chí cố tìm mọi cách để chấm dứt cơn khủng hoảng, nhóm ông Hiệp tiếp tục làm tê liệt VBVNHN. Một mặt họ tung ra những bài báo kích động, gian dối và lạc dẫn dư luận. Mặt khác họ không hợp tác và không tham gia hai cuộc họp Đại Hội Đồng (ngày 21, 22.3.1998 tại Hoa Thịnh Đốn và 18,19.3.2000 tại Orlando). Đặc biệt là cuộc họp tại Orlando do Trung tâm Florida, một trung tâm được cho là thuộc “phe” Viên Linh-Đặng Văn Nhâm, tổ chức. Đặng Văn Nhâm không nêu được lý do nào để không tham dự, dù đã được mời nhiều lần.

Về phía Văn Bút Quốc Tế, Tiến sĩ Terry Carl bom đã thay thế ông Alexandre Blokh trong chức tổng thư ký và “ủy ban đặc cử” không còn nữa, nhưng do “cố vấn” của Trần Thanh Hiệp, VBQT vẫn không nhìn nhận ban chấp hành VBVNHN thống nhất, với lý do là Đặng Văn Nhâm không tham dự cuộc họp. Và, Đại Hội Đồng VBQT kỳ 67 tại Mạc-Tu-Khoa (5.2000) đã ủy nhiệm ông Carl bom đứng ra đích thân giải quyết cuộc khủng hoảng nội bộ VBVNHN kéo dài đã quá lâu.

tin xuân

Chim hoa đến cảnh biếc
Huyền hoặc hương vườn hồng
Mắt tượng buồn mãi miết
Chợt dậy lên vàng Đông.

cao hoàng nhân



Ngay sau Đại Hội VBQT Mạc-Tu-Khoa, Trần Thanh Hiệp và Nguyễn Ngọc Bích đã phổ biến những bài viết bày tỏ sự vui mừng về việc VBVNHN vẫn còn tiếp tục bị cho “nằm ngủ”. Họ không ngờ rằng, do những trao đổi giữa Tiến sĩ Terry Carl bom và ban chấp hành VBVNHN, chân tướng Trần Thanh Hiệp đã bị bại lộ.

Tiến sĩ Carl bom đã có quyết định sáng suốt là chấm dứt liên lạc với ông Trần Thanh Hiệp và làm việc trực tiếp với tất cả các trung tâm thuộc VBVNHN. Nhờ đó ông đã biết rõ sự thật và nguyện vọng của đại đa số hội viên VBVNHN, và sau khi được ban chấp hành VBQT hậu thuẫn trong cuộc họp vào tháng 11.2000 tại London, ông Carl bom đã đồng ý với 10 trung tâm thuộc VBVNHN để tổ chức một đại hội tại vùng Hoa Thịnh Đốn vào hai ngày 24 và 25.3.2001 để bầu lại ban chấp hành.

Đặng Văn Nhâm là người duy nhất ra mặt chống đối đại hội, với Trần Thanh Hiệp và Nguyễn Ngọc Bích đứng phía sau, để tiếp tục hung hãn phỉ báng tất cả mọi người, kể cả ông Terry Carl bom. Lý do thật sự để Đặng Văn Nhâm chống đối họp đại hội đồng rất đơn giản: Đặng Văn Nhâm sẽ rơi mặt nạ là không đại diện cho ai cả. Đó cũng là lý do Đặng Văn

Nhâm đã chống phá hai đại hội đồng trước đó để Trần Thanh Hiệp - Nguyễn Ngọc Bích có cơ duy trì huyền thoại “hai phe” trong VBVNHN.

Tới đây thì chân lý đã sáng tỏ như ánh mặt trời, và Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Ngọc Bích, Đặng Văn Nhâm... đã hiện nguyên hình là những cánh dơi từ bóng tối chập chờn bay ra cố che lấp thái dương.

Thấy không thể ngăn cản được đại hội, nhóm ông Trần Thanh Hiệp đã vận dụng toàn lực để đánh phá tuyệt vọng lần cuối cùng. Trước ngày đại hội, trên một tờ báo ở vùng Hoa Thịnh Đốn đã xuất hiện những bài viết chỉ nhằm phỉ báng cá nhân hay lặp lại những luận điệu lừa dối đã được nói từ mấy năm qua. Trong số này, riêng bài của ông Trần Thanh Hiệp (đề ngày 15.3.2001) là có vài điểm đáng nói.

Dưới tựa đề “Tuyên bố của Luật sư Trần Thanh Hiệp về cuộc họp ngày 24.3.2001 ở Washington D.C. của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại”, ông Trần Thanh Hiệp đã tả oán về vai trò của ông ta mấy năm qua trong việc “điều giải cuộc tranh chấp” nội bộ VBVNHN.

Thực ra, bản “tuyên bố” của ông Trần Thanh Hiệp không phải là một bản... tuyên bố vì ông ta không có tư cách gì để “tuyên

bố" về chuyện nội bộ của Văn Bút. Từ lâu, Trần Thanh Hiệp đã ra khỏi VBVNHN, vai trò "điều giải" của ông ta cũng đã bị VBQT chấm dứt từ bốn năm trước (3.7.1997). Với bản "tuyên bố" này, ông Hiệp đã lừa gạt người đọc rằng ông ta là một "cái gì đó" ở bên trên VBVNHN, một thứ "cha chú" mà ông ta không hề có tư cách. Nếu Trần Thanh Hiệp có thể ra "tuyên bố" về VBVNHN thì bất cứ ai cũng có thể làm như vậy, và có thể còn làm hay hơn.

Từ sai bậy trong danh nghĩa, ông Hiệp đã đưa người đọc vào thế giới của những người mắc bệnh tâm thần, trong đó có hai điều cần vạch ra.

1. 5 "khuyến cáo" của ông Trần Thanh Hiệp: Ông Trần Thanh Hiệp viết rằng ông ta đã "khuyến cáo VBQT" về những điều kiện để giải quyết "cuộc tranh chấp giữa hai phe" trong VBVNHN.

Một là yêu cầu VBVNHN sửa đổi điều lệ. Hai là tôn trọng quyền tự trị của trung tâm thành viên VBVNHN. Ba là mọi quyết định liên quan đến giải pháp tái thống nhất VBVNHN đều phải xuất phát từ "hai bên tranh chấp". Bốn là mời Trung tâm Quebec giữ một vai trò trong cuộc vận động thống nhất VBVNHN. Năm là bãi bỏ thể thức bầu cử gián tiếp qua một cử tri đoàn để mọi hội viên có thể trực tiếp bầu ban chấp hành VBVNHN.

Trong 5 điều kiện trên đây, ông Hiệp nói rằng (nguyên văn) "ông Terry Carlhom chỉ thi hành điều thứ nhất mà thôi, kỳ dư ông đã lấy sáng kiến cá nhân để triệu tập cuộc họp Washington D.C."

Thật ra, TS Carlhom đã làm đúng như điều 2 trong "khuyến cáo" của ông Hiệp chứ không phải điều 1. Ông Terry Carlhom đã tôn trọng quyền tự trị của

VBVNHN, nên sau khi thăm dò ý kiến của tất cả các trung tâm, ông đã thể theo nguyện vọng của đại đa số để tổ chức đại hội đồng ở Washington DC. Tất cả các "khuyến cáo" khác của ông Hiệp, kể cả điều 1, đều là áp đặt và xâm phạm vào quyền tự trị của VBVNHN, trái ngược với "khuyến cáo" thứ 2 của chính ông Hiệp! Ông Terry Carlhom đúng là "một người có tiêu chuẩn để phán đoán", như chính lời ông Hiệp! Ông Carlhom đã nhanh chóng nhận ra rằng cái gọi là "hai phe" trong VBVNHN chỉ là một huyền thoại, và rằng ông Hiệp chính là nguồn căn của cuộc khủng hoảng VBVNHN kéo dài mấy năm qua.

2. Khi LS Trần Thanh Hiệp "chống cộng": Điều thứ hai trong bài của ông Trần Thanh Hiệp làm người đọc chú ý và phải đánh dấu hỏi về lập trường chính trị và đầu óc của ông ta, khi ông kết luận như sau: "Anh biết vì sao cộng sản thủ tiêu Khái Hưng (...) anh biết vì sao cộng sản thủ tiêu Phan Văn Hùm (...) anh biết vì sao cộng sản thủ tiêu Tạ Thu Thâu...?" Mấy câu thơ này của Thanh Tâm Tuyền những năm 50' vẫn còn vang vang trong ký ức những ai đã từng chạm mặt và sống chết đối đầu với cộng sản. Như một lời chất vấn lương tâm, một lời cảnh giác của lịch sử."

Lời "cảnh giác" này của "chiến sĩ chống cộng tới chiều" Trần Thanh Hiệp trái ngược hẳn với những lời hăm dọa những người chống cộng trong VBVNHN mà "ông trở cờ, hòa hợp hòa giải" Trần Thanh Hiệp đã dùng để kết luận lá thư ủng hộ "chủ tịch" Đặng Văn Nhâm ngày 20.1.1999: "Thế giới đã thay đổi, Văn Bút Quốc Tế cũng đã thay đổi, nhất là từ sau Hội Nghị Edinburgh. Bước sang Thế kỷ 21, VBQT sẽ không còn là môi trường của

buồn đông

Rất xa từ khói núi
Mưa người rơi ướt mi
Bỗng gần như lần cuối
Khóc từ chiều chia ly.

Nhắc từ thời rơm rạ
Bến nước vàng hương cau
Và nhấm vào trong gió
Khoảng chiều xưa xa nhau.

Phương người; ừ, lặn dạn
Tóc đời bay gió qua
Và phai vào cơn bắc
Sợi dài ngân xót xa.

Nghe lòng sao rét mướt
Và co ro cuối đông
Đi về nghe nhịp bước
Gõ vào khuya cô đơn.



Nhớ khi đời xanh ngắt
Cây lá vui vườn sau
Và có khi đời bỗng
Hoen màu, ai mắt nâu.

Trông người sau khung cửa
Nhớ người bên song khuya
Mà nghe lòng rười rượi
Khi đời đôi nơi chia!

phan thịnh

chiến tranh lạnh. Xin đừng gian dối gây ảo vọng rằng có thể tìm thấy ở VBQT một đồn lũy cuối cùng cho những kẻ hiếu động sơ đẳng và quá khích.”

LS Trần Thanh Hiệp đã hiện nguyên hình là một con thò lò sáu mặt.

“Anh đã hiểu vì sao Trần Thanh Hiệp cứ vô cớ xen vào việc nội bộ của VBVNHN (...). Anh đã hiểu vì sao Trần Thanh Hiệp cứ dựng đứng là có hai phe tranh chấp nhau trong VBVNHN (...). Anh đã hiểu tại sao Trần Thanh Hiệp đóng vai “điều giải” nhưng cứ cố tình kéo dài cuộc khủng hoảng (...)”. Có lẽ “người bạn” của ông Hiệp, Alexandre Blokh, cũng đã hiểu “vì sao” nên trong phiên họp Đại Hội Đồng VBQT đã bỏ phiếu đồng ý phục hoạt VBVNHN mà không đếm xỉa gì đến “khuyến cáo” của LS Trần Thanh Hiệp.

Ông Trần Thanh Hiệp và những người bám theo ông ta đã làm hết sự ngông cuồng này đến ngông cuồng khác, và cuối cùng đã tự tay bắn vào đầu mình phát súng ân huệ.

Với sự cổ vũ của Trần Thanh Hiệp, Đặng Văn Nhâm cùng 10 người khác tự nhận là đại diện cho “những xu hướng chính thống của VBVNHN” (lời ông Trần Thanh Hiệp) đã gửi cho VBQT một lá thư đề ngày 22.3.2001 với những lời lẽ quen dùng trên vài tờ “báo chợ” (lời ông Nguyễn Ngọc Bích), và đã so sánh ông Tổng thư ký VBQT Terry Carlbom với một tên Quốc Xã.

Trả lời cho tất cả những hành động phá hoại ngông cuồng này, Đại hội tái lập VBVNHN đã diễn ra trong hai ngày 24 và 25.3.2001 với sự chứng kiến của TS Terry Carlbom, và cả của Bà Joanne Leedom-Arkerman, một trong những phó chủ tịch của VBQT.

Nghĩ rằng sẽ tham dự một cuộc họp với những lời tranh cãi hỗn loạn, có thể cả những người biểu tình ở bên ngoài, ông Terry Carlbom cho biết đã ngạc nhiên một cách khâm phục và nói rằng đây là một trong những đại hội tốt đẹp nhất mà ông đã tham dự ở nhiều nơi. Sau đó, trong bản phúc trình gửi chủ tịch và ban chấp hành VBQT, ông Terry Carlbom viết: “Thủ tục của Đại Hội đã diễn ra trong yên tĩnh, nghiêm túc và cởi mở. Cuộc họp đã được chủ tọa một cách xuất sắc và vô tư, với sự có mặt của nhiều quan sát viên, đại diện báo chí truyền thông, và khách mời ngồi ở cuối phòng theo dõi phiên họp. Các ý kiến đã được tự do nêu lên. Không một lời chỉ trích cá nhân nào được phát biểu; tất cả các ý kiến được nêu ra đều nhắm vào các vấn đề hiện tại và tương lai, không một lời nào nhắc đến các xung đột cá nhân trong quá khứ.” (The proceedings of the RCC were calm, dignified and open. The meeting was excellently and impartially chaired, with seating for observers, representatives of the press, and guests at the back of the room. Interventions were freely made. Not one word of individual reproach was aired; all interventions were directed at present and future issues, non at personality clashes of the past.)

Mặt khác, ông Carlbom, qua văn thư ngày 30.3.2001, đã không do dự dùng quyền hạn của tổng thư ký để dạy Đặng Văn Nhâm và 10 “văn hữu” của ông ta một bài học vỡ lòng văn hóa và cấm họ không được mạo nhận danh nghĩa Văn Bút để tiếp tục gây rối loạn. Mười người được hưởng chung vinh dự này với Đặng Văn Nhâm là Nguyễn Ngọc Bích và Trương Anh Thụy (ở Virginia), Hồ Trường

An, Huỳnh Tâm và Hà Lan Phương (ở Pháp), Nguyễn Nghĩa và Nguyễn Tường Tứ (ở Canada), Từ Ngọc Phong (ở Đức), Tùng Văn (Thụy Sĩ), và Phúc Hữu (San Jose, Cali).

Chính Nghĩa đã toàn thắng, sau một cuộc chiến đấu dài và nhọc nhằn. Vàng thau đã bị trộn lẫn trong suốt hơn 5 năm, và những người ở ngoài đã không biết đâu là chính đâu là tà. Phải trái, tốt xấu, chính tà đã bị xem như cá mè một lứa. Thậm chí có lúc “tà” hầu như đã trở thành “chính” trong một cộng đồng mà nhiều người đã có thói quen kính trọng và tin tưởng ở việc làm của những cá nhân từng có tên tuổi và địa vị một thời và lại được sự đồng lõa của bạn bè, đàn em trong giới báo chí, và những kẻ cơ hội, háo danh nhưng đầu óc thiếu minh mẫn nên đã trao duyên làm bợm già...

Nếu không tin tưởng ở chính nghĩa và không quyết tâm, những người nắm vận mạng VBVNHN có thể đã buông trôi, và một thiểu số gian tà đã chiếm đoạt tổ chức này, vĩnh viễn bóp chết tiếng nói của người Việt tự do trước diễn đàn quốc tế duy nhất còn lại.

Chiến thắng của chính nghĩa trong cuộc khủng hoảng VBVNHN không chỉ là một bài học hữu ích cho nội bộ Văn Bút. Nó còn là một cổ vũ cho những người có tài năng thiện chí đang rút trong vỏ ốc an toàn, hãy mạnh dạn bước ra dần thân làm việc cộng đồng, cùng nhau đánh đuổi những bầy dơi trở về hang tối. Chúng không mạnh và không đáng sợ như nhiều người đã tưởng. Chúng chỉ cấu kết với nhau vì những mục đích đen tối, và sẽ tan rã trước ánh sáng Chân Lý và sự quyết tâm của những người nắm lẽ phải trong tay.

Tìm Hiểu về Vua Tự Đức

Hồ Bạch Thảo

Trong các vua nhà Nguyễn, Tự Đức làm vua lâu nhất, lên ngôi năm 1848, thăng hà vào năm 1883, tổng cộng là 36 năm. Trong thời gian ngài trị vì, Pháp xâm lăng Việt-nam, loạn lạc khắp nơi, trách nhiệm của ngài đối với lịch-sử thật lớn lao. Trước khi nhận những lời phê phán của lịch-sử, Tự Đức đã tự trách mình qua đạo dụ "Tự biếm" vào năm 1876 như sau:

"Trăm tuổi thơ được nối ngôi báu, nhờ công tổ tiên bấy giờ quốc-gia toàn thịnh. Việc nước việc đời, chưa từng kinh nghiệm, không để ý đến lời răn 'lúc yên ổn phải nghĩ đến lúc nguy nan', lại đam mê thói vui chơi, cho đến nổi trên thì trời trách phạt, dưới thì dân oán hờn, ngoài thì ngoại bang giận dữ, trong khi không có kế hoạch tốt hay. Cứ việc đến thì lo, nhưng không giải quyết được công việc. Miễn cưỡng theo mưu kế của bậc lão thần¹, bỏ đất đai và dân chúng 6 tỉnh Nam kỳ, để cầu khỏi nạn chiến tranh và yên xã tắc. Trên hai trăm năm khai sáng gìn giữ gian nan, bỏ trong một sớm! Chính là tội của tên tiểu tử này, kể sao cho xiết! Túng sử có lập được nên công đức cũng không đủ chuộc được tội lỗi. Huống hồ trăm lại không công không đức, chỉ trơ mặt trơ thân ngồi nhìn, lần lữa cho đến già yếu, tuy thiên hạ không nỡ trách

ta, nhưng lòng ta há lại không suy nghĩ."²

Qua lời tự chê trách khá thành khẩn, rõ ràng nhà vua không có đủ khả năng để hoàn thành trọng trách trong giai đoạn khó khăn của lịch-sử. Đi sâu hơn, chúng ta hãy tìm hiểu những yếu-tố hình thành con người nhà vua như: thể chất, tính tình, giáo-dục, gia đình... để hiểu rõ tại sao nét hùng lược quả cảm cần thiết của một vị lãnh đạo quốc-gia lại thiếu vắng nơi con người vua Tự Đức.

Tiểu sử

Tự Đức tên là Hồng Nhậm³, con vua Thiệu Trị, sinh ngày 25 tháng 8 năm Kỷ Sửu (22.9.1829). Thiệu Trị có 64 người con gồm 29 hoàng tử, 35 hoàng nữ. Ngài là con trai thứ hai, An Phong công Hồng Bảo sinh trước nhưng là con vợ thứ. Mẹ là Từ Dụ hoàng thái hậu, tên huý Phạm Thị Hằng, quê tại huyện Tân Hoà tỉnh Gò Công, con quan Lê bộ Thượng-thư Phạm Đăng Hưng. Bà Từ Dụ được tuyển vào cung năm 14 tuổi, một năm sau sinh Diên Phúc công chúa, và năm 19 tuổi sinh ngài⁴.

Tháng giêng năm Thiệu Trị thứ ba (1844), ngài được phong tước Phước Tuy công và ra ở phủ đệ riêng; lúc này tuy đã khôn lớn, nhưng ngài vẫn được bà Từ Dụ săn sóc lo lắng như hồi còn bé.

Tháng 10 năm Đinh Mùi, vua Thiệu Trị mất, ngài được chọn lên kế vị, lấy năm Mậu Thân (1848) làm năm Tự Đức nguyên niên. Trong bài *Thị Thần công dụ*, ngài giải thích lý do chọn hai chữ "Tự Đức" làm niên hiệu là để tỏ lòng chân thành muốn nối đức trạch của tổ tiên⁵. Ngài không có con nên phải nuôi 3 người cháu làm con: trưởng là Dục Đức, thứ hai là Chánh Mông, thứ ba là Dưỡng Thiện.

Mô tả chân dung vua Tự Đức, Tổng đốc Thân Trọng Huề viết: "Ngài hình dung như một người nhỏ sãi, không cao không thấp, trạc người bậc trung; không gầy không béo, có hơi gầy một tí. Da không trắng không đen. Mặt hơi dài, cằm hơi nhỏ, trán rộng mà thẳng, mũi cao mà tròn, hai con mắt tinh mà lạnh. Ngài hay chít cái khăn vàng mà nhỏ và mặc áo vàng, đi giày vàng của bộ Nội Vụ đóng. Ngài không ưa trang sức mà cũng không cho các bà nội cung đeo đồ nữ trang, chỉ cốt lấy sự ăn mặc sạch sẽ làm đẹp".⁶

Thể chất

Căn cứ vào tài liệu để lại, được biết thể chất vua Tự Đức vốn bạc nhược ngay từ lúc mới sinh, năm lên 3 tuổi bị bệnh tả nên càng thêm mất sức. Ngài tâm sự: "Ta thuở nhỏ vóc người gầy ốm eò ọt lắm. Hồi ta ba tuổi bị bệnh tả cả đêm; lúc đó có vú nuôi, song mẹ ta không bằng lòng, đuổi ra ngoài không cho làm vú nữa. Mỗi khi ta đi tả, hoặc nửa đêm hoặc hai phần đêm, mẹ ta thường chịu khó thức bồi đỡ luôn."⁷

Riêng trong *Tự Đức thánh chế văn tam tập*, nhà vua trình bày tỉ mỉ tình trạng sức khoẻ như sau: "Vốn bẩm sinh bạc nhược, xưa nay chưa có ai khí chất yếu kém như vậy. Cho nên từ thuở ấu thơ,

niên thiếu, cho đến già lão luôn luôn lấy bệnh làm bạn bè, mượn thuốc làm bản mệnh, cơ hồ như chưa hề gián cách một ngày. Năm nay đã gần 50 tuổi, mà gân sức càng thấy mệt mỏi, ăn uống không tiêu thường bị uất trệ, sắc mặt xám xanh, thịt da gầy guộc, đầu nặng mắt hoa, nhìn ngó không được rõ ràng như trước.”⁸

Tại đạo dụ khác, nhà vua phân nản tình trạng sức khoẻ suy yếu rất trầm trọng như ngồi lâu chóng mặt, nói lảm hết hơi: “Trẫm thật lảm bệnh, lại ở chốn thâm cung, thấp khí nặng nề, nên ngồi lâu thì chóng mặt, nói nhiều thì hết hơi, dù bụng muốn nói nhưng sức không cho phép. Điều này ai cũng rõ là không phải mới xảy ra, mà xưa nay vẫn như thế.”⁹

Nói tóm lại, thể chất vua Tự Đức vốn yếu đuối ngay từ lúc mới sinh, rồi bị bệnh tật liên miên, không rời thuốc thang. Lúc gần 50 tuổi thì sức khoẻ hầu như kiệt quệ, bởi thế nên nhiều lúc ngài tỏ ra tuyệt vọng, dùng những lời ai oán than vãn cho sức khoẻ của mình. Ngài đã dùng nhiều giấy mực nói về bệnh tật; riêng trong *Tự Đức thánh chế văn tam tập* đã ban hai đạo dụ cần thầy thuốc giỏi và hai đạo dụ khác nội dung trách phạt các viên thái y bất tài

cùng trẻ nãi công việc. Dĩ nhiên tình trạng sức khoẻ yếu kém đã ảnh hưởng rất nhiều đến sự nghiệp chính-trị của nhà vua.

Tính tình

Các nhà khảo cứu Truyện Kiều thường cho rằng Nguyễn Du có một tâm hồn đa sầu đa cảm. Nếu tìm hiểu các bài thơ chữ Hán của tác giả, người đọc bắt gặp nhiều lời than vãn về bệnh tật, gầy yếu, tóc sớm bạc, v.v.. Phải chăng tính đa sầu đa cảm thường dễ có trong một cơ thể bệnh hoạn?

Điều nhận xét trên chưa hẳn là một định luật song ta có thể thấy được nơi một số người khác, trong đó có vua Tự Đức. Thông thường các bậc gánh vác việc lớn thường phải kiềm chế tình cảm. Tự Đức là vị vua được đào luyện trong khuôn khổ Nho giáo, lại càng phải thấm nhuần lễ độ. Tuy nhiên vốn sẵn tính đa sầu đa cảm trời cho, nên nhiều lúc ngài không dẫn được nổi lòng, bộc lộ những cảm xúc riêng thường không có lợi về chính-trị. Như trong *Tự biếm dụ*, ngài đã trình bày lỗi lầm của mình qua câu: “Ngoài thì ngoại bang căm giận, trong thì không có kế hoạch tốt hay, cứ việc đến thì lo, nhưng không giải quyết được sự việc.”

Người đương thời đọc những lời trên chắc không khỏi thương hại nhà vua, nhưng về phương diện lý trí thì không thể đặt trọn vẹn niềm tin vào khả năng lãnh đạo yếu kém ấy.

Tính đa cảm của vua Tự Đức còn được bộc lộ một cách rõ nét hơn qua bài văn tế người em trai là Kiến Thụy quận vương. Ngài đã trút bỏ cương vị quân vương, dùng lời lẽ thống thiết ôn lại những kỷ niệm từ thuở ấu thơ cho đến lúc trưởng thành của hai anh em (tạm dịch):

*Ô hô, em mến, Đĩnh ngộ anh hiền.
Tuy do tử khí, cũng nhờ tiên thiên.
Nhờ ngày ra gác, thơ đại biết gì
Em chưa học đối, anh mới tập thi.
Lo gì, muốn gì; nào hay ý vị.
Gỗ vại, đá cầu, đùa không suy nghĩ.
Bắc Tuần hộ giá¹¹, phụng mệnh
đồng hành.*

Thành Đông cư trú, phủ đệ song song.

Hầu thăm giờ rảnh, vui chuyện quá trung (trưa).

Nhạn không lừa bạn, thương mến một lòng.

Trời đất khiến xui, tình cờ vô ý

Đùa giỡn bên nhau, giờ đâu còn hí!

Có lẽ Tự Đức nổi tiếng là một vị vua hay chữ, một phần lớn là nhờ ở tính đa cảm, giúp ngài tìm được những tứ mới và truyền được cảm xúc sâu đậm của mình qua tác phẩm.

Về phương diện lịch-sử, vua Tự Đức chứng tỏ vì thiếu tính quyết đoán nên đã bỏ lỡ rất nhiều cơ hội. Điển hình năm 1859, quân Pháp sau hai lần tấn công Đà Nẵng không đem lại kết quả như ý, lại bị bệnh thời khí chết hại khá nhiều, tướng Rigault de Genouilly đã đưa thư xin giảng hoà với ta và đòi hỏi các điều kiện như tự do truyền đạo, tự do thương mại và nhượng cho Pháp một chỗ đóng quân để bảo đảm hoà ước. Tự Đức mật dụ hỏi các quan, kẻ thì bàn chiến, người thì bàn hoà không có quyết định dứt



Hoàng-thành nhà Nguyễn thời Tự Đức

khoát. Xét về cục diện lúc này địch gặp nhiều khó khăn, nếu trên dưới một lòng quyết chiến thì có thể đánh bật quân xâm lăng ra khỏi đất nước.

Kịp đến khi đồn Kỳ Hoà thất thủ, Nguyễn Tri Phương bị thương, tình hình đang hồi nghiêng ngửa, nói chuyện hoà lúc này càng làm giải đãi lòng quân và đương nhiên phải chấp nhận một hoà ước bất bình đẳng. Nhưng Tự Đức đã tỏ ra bối rối, thiếu cương quyết, lần lượt sử dụng các nhân vật chủ hoà như Nguyễn Bá Nghi, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp, khiến cho 6 tỉnh Nam kỳ bị mất. Việc này đưa đến một tiền lệ xấu: mỗi lần nghị hoà là mỗi lần thiệt thòi về quyền lợi và tinh thần quân sĩ sa sút đến độ không đánh mà tan. Thiết nghĩ Tự Đức là người đã từng nghiên cứu nhiều về quốc sử, há lại không biết rằng các bậc anh hùng nước ta, thành công trong việc chống xâm lăng đều nhờ dựa vào cái thế nhân dân. Xét về cuộc chiến tranh chống Pháp, Tự Đức chưa hề sử dụng cái lực lượng quý giá bất tận đó, lại quá vội vàng chấp nhận những điều kiện trái với nguyện vọng của dân, khiến đồng bào Nam kỳ thời bấy giờ phải phẫn nộ thốt lên “Phan Lâm mại quốc, triều đình khi dân” (Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp bán nước, triều đình lừa dân).

Lại đến lúc sắp mất, di chiếu đặt Hoàng tử Ưng Chân lên nối ngôi. Theo lẽ thường, vua có bốn phận phải giúp cho Tự quân có đầy đủ uy tín để lãnh đạo quốc gia, nhất là trong hoàn cảnh khó khăn đương thời. Nhưng vì tính chần chừ, thiếu quyết đoán, Tự Đức đã để lại di chiếu phê bình Hoàng tử Ưng Chân: “Tính vốn hiếu dâm lại quá bất thiện, e không gánh nổi đại sự” (Tính phả hiếu dâm, diệc đại bất thiện, vị

tất năng đương đại sự.)

Nếu quả Ưng Chân không đương nổi đại sự, tại sao Tự Đức lại giao trọng trách? Lời chiếu thật thà tai hại này đã mở đường cho các quyền thần làm việc phế lập vua ba lần trong 4 tháng (tứ nguyệt tam vương).

Vua Tự Đức rất ưa văn chương, văn hay chữ tốt. Theo Tổng đốc Thân Trọng Huề, “Nay xem các nguyên bản trong Các, thì thấy có nhiều tờ phiếu ngài phê dài hơn của các quan tâu... Chữ đã tốt, văn lại hay, ai cũng kính cái tài của ngài.

“Ngài vốn người hiếu học, đêm nào ngài cũng xem sách đến khuya. Có ba tập *Ngự Chế Thi Văn* của ngài đã in thành bản, ngài lại làm sách chữ nôm để dạy dân cho dễ hiểu, như sách *Thập điều, Tự học điển ca, Luận ngữ điển ca*”¹²

Nhận xét trên phù hợp với lời tâm sự của chính nhà vua, qua phần mở đầu bài tựa cuốn *Ngự chế sơ thi tập*: “Trong những giờ rảnh việc chính-trị, chỉ có lạc thú duy nhất là đọc sách. Một mình cần cù, lấy sách giải sách, lĩnh hội được thì sung sướng vô cùng, nhưng cũng chưa dám vội tin, nếu chưa hiểu thì cho là khuyết nghị để đợi bậc cao minh giảng giải. Người xưa với ta như cùng đối mặt trò chuyện với nhau trong một nhà.”¹³

Dưới thời Tự Đức, thời cuộc biến chuyển dồn dập, trách nhiệm của đấng quân vương thực nặng nề, nhưng ngài vẫn cố dành những phút rảnh rỗi cho sách vở, lại lưu tâm đến việc trước tác, phải nói nhà vua là người đam mê trí thức đến tột bậc. Công trình của ngài về sáng tác, sưu tầm, phê bình, dịch thuật rất lớn, qua 13 tác phẩm: *Tự học giải nghĩa ca, Khâm định đối sách chuẩn thắng; Luận ngữ thích nghĩa ca,*

Ngự chế Việt sử tổng vịnh, Ngự chế thi sơ tập, Ngự chế thi nhị tập, Ngự chế thi tam tập, Tự Đức thánh chế văn sơ tập, Tự Đức thánh chế văn nhị tập, Từ huấn lục, Phê bình lịch-sử trong bộ sử Khâm Định Việt sử Thông giám Cương mục, Dịch' Huấn Định Thập Điều' của vua Minh Mệnh.

Quá trình học tập

Qua bài tựa cuốn *Ngự chế thi sơ tập*, Tự Đức đã cho biết về quá trình học tập của ngài như sau: “Thời còn làm Hoàng tôn (dưới 13 tuổi), các thầy được gặp chẳng qua một vài vị tú tài già, các sách giáo khoa cũng chỉ là những loại vỡ lòng tiểu học, chuyên về âm, chữ, phân đoạn, đặt câu; phép dạy dỗ theo tập quán, thực không hợp cách.”¹⁴

Đến khi lên làm Hoàng tử (13 đến 19 tuổi), ngài mới được thụ giáo với những thầy giỏi hơn, và sự học tập cũng có phần tiến bộ hơn trước. Tuy nhiên sự học trong thời gian này cũng không gặt hái được kết quả đúng mức vì nhiều lý do:

. Chức học quan trong cung bổng lộc rất bạc bẽo, nên những nhà nho nổi tiếng không muốn đảm nhận.

. Các thầy dạy hoàng tử thường sợ bị phiền lụy nên không muốn nghiêm khắc với những cậu học trò nhiều quyền thế, do đó sự học của các hoàng tử có phần trễ nãi.

Cũng trong *Ngự chế thi sơ tập tự tự*, Tự Đức tâm sự: “Kịp đến khi làm hoàng tử, chỉ trong vòng 7 năm trời mới được thầy dạy có phần khá hơn. Các sách Thi, Thư, Tứ Tử cũng chưa học trọn, còn Kinh, Sử, Tử Tập thì hoàn toàn chưa được thiệp liệp, huống chi thi văn của các nhà khác! Cũng vì chức Học quan bạc bẽo, lộc ít,

các bậc đại khoa cự nho chẳng ai muốn lãnh. Tuy chức này tiếng là do triều đình tuyển nhưng thực tế vẫn bị coi thường nên không đề cử những người hữu dụng vào chức vô dụng đó! Hơn nữa, phàm con người tính tuổi trẻ, thường lấy sự phóng túng làm vui, bị câu thúc làm buồn, chỉ muốn chơi đùa cho hết năm tháng, nào biết đâu tuổi già sòng sọc sắp đến và sự học có ích như thế nào! Về phần thầy cũng mong cho trò được tiến thoái tự do, nóng lạnh không liên quan đến mình, thì còn rồi công đâu mà chỉ trích! Như vậy là thầy trò cùng dễ dãi cho nhau mà không biết đã làm hại nhau vậy!”

Qua tài liệu đề cập cho thấy, thời gian vua Tự Đức trực tiếp thụ

huấn các bậc thầy tương đối ngắn ngủi và sở học của ngài cũng chưa được trau dồi đúng mức. Kịp đến khi lên ngôi, có những phút cảm hứng muốn sáng tác, nhưng vì công hàm dưỡng chưa sâu nên ngài gặp khó khăn trong việc diễn tả ý tưởng. Lúc ấy Tự Đức mới nhận ra sở đoản của mình và bắt tay vào công việc tự học. Nhờ tinh-thần hiếu học và lòng say mê văn chương, ngài đã thành công vẻ vang. Đoạn văn trích dẫn sau đây nói lên tính cần cù, đam mê trí thức của nhà vua:

“Không may chưa đến tuổi gia quan (20 tuổi) đã bỏ học để gánh vác việc khó khăn. Lúc đó mới tập làm thơ luật, ý tuy đã có nhưng bút diễn không ra lời, vì vậy mới quyết chí vào việc học,

trong giờ rảnh việc chính-trị, chỉ có lạc thú duy nhất là đọc sách. Một mình cần cù, lấy sách giải sách; lĩnh hội được thì sung sướng vô cùng, nhưng cũng chưa dám vội tin; chưa hiểu được thì cho là khuyết nghi, để chờ người cao minh giảng giải. Người xưa với ta cùng đối mặt trò chuyện với nhau trong một nhà, như kẻ lạc đường có xe chỉ nam dẫn lối. Rồi trình độ học vấn cứ từ từ mà tiến, ý đã có thì lời có thể diễn tả được trọn ý, việc suy ra thì lời có thể ứng với việc, ý trong chưa hết thì văn ngoài chưa dứt; lúc đầu bế tắc, kể có lĩnh hội được sơ sài, và cuối cùng tự lại bất giác đã được khá nhiều.”¹⁴

Công bằng mà xét, vua Tự Đức có một cơ duyên đặc biệt trên bước đường tự học. Chung quanh nhà vua, đám quần thần như Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Nguyễn Tư Giản đều hay chữ. Ngoài ra ngài còn ba vị hoàng thúc Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương và Tương An quận vương đều là các thi sĩ nổi danh đương thời.

Ứng Trình qua cuốn *Tùng Thiện vương* kể lại:

Tự Đức triệu Tùng Thiện vương vào cung để yêu cầu dạy ngài làm thơ. Vương tâu vua xin đừng làm thơ, vì nghề trị nước trách nhiệm nặng nề tâm không được nhàn, nên từ xưa các vị chí tôn đầu có làm thơ thì chỉ tiêu khiển nhất thời mà thôi; tuy nhiên vì vua thích nên đành phải dạy. Mỗi khi tiếp thị vệ đệ tráp Ngự chế thi đến, Tùng Thiện vương mặc áo rộng, tra khăn đen, tự tay mở hoàng phong ra rồi viết mật số, tâu nên đổi chữ nào và vì có gì mà phải đổi.

Ngoài tấm lòng nhiệt thành yêu văn chương, vua Tự Đức có thêm một khả năng đặc biệt, hiếm thấy ở các nhà nho khác, đó là

chờ tết

Sáng ở quê nhà mừng một Tết
ở đây chuẩn bị đón giao thừa
Cũng bánh chưng, dưa hồng, mứt kẹo
Tết vẫn không về, xuân cũng chưa.

Thèm chút nắng quê nhà tháng chạp
Có con bướm bướm lượn hiên ngoài
Bên đàn em nhỏ đùa trên cỏ
Mẹ hong lá chuối, cha tía mai.

Xuân ở quê nhà, đông Bắc Mỹ
Thay xác pháo hồng, hoa tuyết rơi.
Anh đốt nến thắp lên nỗi nhớ
Lòng mềm như sáp chảy đầy vơi.

Xuân thêm lần nữa, xuân bao nhiêu?
Dán lên câu đối, đối bao điều?
Riêng chung cộng lại, đời thêm tuổi
Tháng muộn năm phiền, gom dựng nêu.

Xuân đến bao giờ là xuân chung?
Biếc ở trên cây, thắm vào lòng
áo em mới cả sông và núi
Đuộm toả ngoài đồng quê với hương.

phạm hồng đậm



phương-pháp nghiên cứu và hệ-thống hoá vấn-đề. Ví như khi soạn cuốn sách giáo khoa *Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca*, nhà vua đã dụng công chia ngữ vựng chữ Hán thành ra môn loại, với lối xếp đặt khoa-học giúp người đọc dễ lĩnh hội:

1. Kham dư loại (địa dư)
2. Nhân sự loại (con người)
3. Chính hoá loại (chính-trị, giáo-dục)
4. Khí dụng loại (đồ dùng)
5. Thảo mộc loại (cây cỏ)
6. Cầm thú loại (thú vật, chim chóc)
7. Trùng ngư loại (tôm cá, côn trùng)

Nếu so sánh cuốn này với cuốn sách vỡ lòng chữ Hán thông dụng là *Tam thiên tự*, phải nhận là tác phẩm của Tự Đức công phu hơn và cũng có phương-pháp hơn. *Tam thiên tự* tuy có vần nhưng liệt kê ngữ vựng một cách tùy tiện thiếu sự phạm. Ngược lại, tác phẩm *Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca* được hệ-thống hoá bằng cách phân loại và đặc-biệt sử dụng thơ lục bát là thể thơ quen thuộc của người Việt-nam nên dễ học dễ nhớ. Xin trích dẫn vài câu của hai tác phẩm:

Tam thiên tự: Thiên trời, địa đất, cử cật, tồn còn, tử con, tôn cháu, lục sáu, tam ba...

Tự học giải nghĩa ca: (Kham dư loại) Thiên trời, địa đất, vị ngôi, phú che, tái chử, lưu trôi, mấn đầy. Cao cao, bác rộng, hậu dày, thần mai, mộ tối, chuyển xây, di dời...

Tổng quan về học vấn và sự nghiệp văn-chương, tài bộ của vua Tự Đức đã đi đến chỗ thăng đường nhập thất¹⁵, vượt xa sự nghiệp chính-trị của ngài.

Ảnh hưởng gia đình

Dưới thời quân chủ, các hoàng

tử và vua cha có sự cách biệt rất nghiêm khắc. Dù là con, các hoàng tử vẫn phải luôn luôn giữ đạo thần tử, khi có chỉ tuyên triệu mới được bề kiến chứ không được tự tiện ra vào nơi cung cấm. Khi đến tuổi trưởng thành, các hoàng tử lại có phủ đệ riêng, nên sự liên lạc giữa cha con lại càng ngăn cách.

Riêng vua Thiệu Trị rất đông con (64 người) và lắm vợ, tình cảm của ngài ban phát khắp cả tam cung lục viện nên đâu còn đời dào dạt thăm tới cậu bé Hồng Nhậm gây yếu bệnh tật, lại là con thứ.

Thực vậy, ngoài bộ *Đại Nam thực lục* là sử của triều đình có nói qua đến sự lưu ý của Thiệu Trị đối với Tự Đức, không còn tài liệu nào khác đề cập đến tình cảm giữa hai cha con nhà vua.

Phần mở đầu *Đại Nam thực lục đệ tứ kỷ*, ghi như sau: “Tháng giêng năm Thiệu Trị thứ ba được phong tước Phước Tuy công. An Phong công Hồng Bảo tuy lớn tuổi hơn, nhưng thuộc dòng thứ, lại ít học ham chơi; riêng nhà vua tính tình nhân hậu, thông minh lại chăm học; đức Hiến tổ Chương hoàng đế (Thiệu Trị) cho là giống

mình nên đặc-biệt thương mến chú ý. Mấy lần phụng sắc chỉ vào châu, dạy cho đạo học làm vua cùng sự vất vả của nhân dân trong việc canh tác.”

Đoạn văn trên cho thấy sự quan đã khéo léo ca tụng vua Tự Đức, che Hồng Bảo để gián tiếp biện minh cho việc phế trưởng lập thứ. Sử liệu này không giúp cho thấy được ảnh hưởng thực sự của vua Thiệu Trị đối với Tự Đức, hay nói một cách khác, ảnh hưởng của Thiệu Trị đối với Tự Đức nếu có cũng mờ nhạt, không thể sánh với tình cha con đậm đà trong dân chúng.

Trái lại, qua các tác phẩm của Tự Đức, nhà vua đã nhắc đến mẹ nhiều hơn cha; đặc-biệt trong bài biểu tạ ơn mẹ nhân dịp ngũ tuần đại khánh. Tự Đức hết sức tán tụng mẹ, coi mẹ là trời, là thầy: “Nuôi con ăn mẹ vậy, dạy con học cũng mẹ vậy: mẹ là thầy vậy. Sinh ra con mẹ vậy, hiểu lòng con cũng mẹ vậy: mẹ là trời vậy.”¹⁶

Những sự kiện trên cho thấy ảnh hưởng của bà Từ Dụ đối với Tự Đức thật mãnh liệt. Và muốn tìm hiểu về Tự Đức không thể không xét kỹ về Từ Dụ hoàng thái hậu.



Lăng Tự Đức

Căn cứ vào sử liệu, Từ Dụ hoàng thái hậu không phải là một người mẹ tâm thường. Bà thông minh, khôn ngoan và có cơ tâm rõ rệt. Lệnh bà đã chiếm được lòng sủng ái của vua Thiệu Trị, huấn luyện cho vua Tự Đức chỉ biết có mẹ, vận động cho con trai lên ngôi báu và gián tiếp tham dự vào việc chính-trị.

Đức Từ Dụ khuê danh là Phạm Thị Hằng, được tuyển vào cung năm 14 tuổi để hầu vua Thiệu Trị. Dịp này có hai người con gái miền Nam được tuyển vào cung một lượt. Lệnh bà và lệnh phi ái nữ của Quận công Nguyễn Văn Nhân. Theo lệ triều Nguyễn, ngôi thứ của cung phi lúc mới nhập cung cao hay thấp căn cứ vào chức tước của người cha. Vì tước của Quận công lớn hơn tước của Thượng thư thân phụ lệnh bà nên ngôi thứ của lệnh phi cao hơn. Sự kiện trên chứng tỏ rằng lúc mới nhập cung hầu Thái tử Miên Tông, địa vị của đức Từ Dụ còn thua sút những người khác.

Nhờ tài khéo léo chiêu chuộng nhà vua, ngôi thứ của đức Từ Dụ tăng rất nhanh. Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), bà được phong chức Thành phi, năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) được phong Quý phi, địa vị tối cao đứng đầu cả sáu cung. Lệnh bà được sủng ái đến nỗi "phàm khi được vờ đến, nhà vua chỉ xưng là Phi chứ không kêu tên."¹⁷ Tiến xa hơn một bậc, khi vua Thiệu Trị "ngự triều ở điện Khâm Văn, sai lệnh bà ngồi sau vách để nghe các quan tâu và vua ban huấn thị có được rõ ràng chẳng."¹⁷

Đối với vua Tự Đức, vì nhà vua lúc nhỏ đau ốm bệnh tật liên miên, đức Từ Dụ đã chính tay săn sóc ngày đêm. Đối với bà mẹ Việt-nam thì việc chăm sóc con cái không có gì là lạ, điều đáng lưu ý là lời tâm sự sau đây của

vua Tự Đức:

"Hồi ta ba tuổi, bị bệnh đi tả cả đêm. Khi đó có vú nuôi, song mẹ ta không bằng lòng, đuổi ra ngoài không cho làm vú nữa. Khi ta đi ỉa, hoặc nửa đêm hoặc hai phần đêm, mẹ ta thường chịu khó thức bông đỡ luôn. Ngày sau ta khôn lớn, được phong Công-tước ra ở tư các, mẹ ta còn cấm người vú đó tới lui. Đến khi lên ngôi, ta xin phép mẹ ta cho người vú ấy làm nữ quan."¹⁸

Sử liệu cho biết rằng: thuở nhỏ Tự Đức có một bà vú nuôi mà ngài rất thương yêu, và cũng vì sự thương yêu đó nên Từ Dụ không bằng lòng, bèn đuổi bà vú đi; rồi khi Tự Đức ra ở tư các, bà vú đến thăm ngài cũng bị Từ Dụ cấm cửa không cho tiếp xúc. Phân tích kỹ, ta có thể quả quyết rằng Từ Dụ đã ghen với cả tôi tớ; lệnh bà không muốn con trai mình san sẻ tình cảm cho bất cứ ai. Lệnh bà muốn rằng đối với con, mẹ là tất cả!

Về phương diện này, Từ Dụ cũng đã thành công vẻ vang vì lệnh bà đã uốn nắn vua Tự Đức đúng như lòng mong muốn. Thật vậy, Tự Đức quả là người con chí hiếu. Đạo hiếu của ngài đã được sử sách ghi lại như: ngày chẵn hầu cung Từ Dụ, ngày lẻ ngự triều; hoặc soạn *Từ huấn lục* ghi lời mẹ dạy.v.v.. Đặc biệt sách *Từ Dụ hoàng thái hậu truyện* trình bày những chi tiết: "Bốn tách đức vua phụng sự Bà chí hiếu lắm. Bà thường khi muốn nghe đọc sử, Vua mỗi việc mỗi thừa thuận theo ý bà, chẳng có khi nào dám trái nham sắc; chừng nào Bà hết muốn nghe, Bà dạy thôi đọc Vua mới thôi, dầu mỗi cách nào Vua cũng cam chịu. Chẳng những việc đọc sử mà thôi, bất cứ là chuyện chi nhà vua đều nhất nhất thừa hoan theo ý Bà."¹⁸

Trong lúc vận nước khó khăn,

bốn phận làm vua lúc bấy giờ thật hết sức nặng nề; người xưa khuyên rằng "vì việc công nên quên việc tư" (công nhi vong tư), thế mà vua Tự Đức lại để quá nhiều thì giờ săn sóc hầu hạ mẹ, việc gì cũng nghe lời mẹ, chữ hiếu của ngài xét ra có phần mù quáng.

Sau khi Thiệu Trị mất, việc phế trưởng lập thứ đã là một việc làm bất thường gây sự kinh ngạc đối với dư luận đương thời. Theo lẽ thường, Hoàng tử Hồng Bảo, con trưởng vua Thiệu Trị, đáng lẽ lên nối ngôi; nhưng khi di chiếu được tuyên đọc tại điện Cần Chánh thì lại là Hồng Nhậm, con Từ Dụ hoàng thái hậu. Tiếp tục nghi lễ, Hồng Nhậm khóc lạy lãnh mạng, trong khi đó Hồng Bảo phẫn uất, thổ huyết hơn một đấu, ngã vật giữa điện đình¹⁹. Có nhiều sự nghi ngờ về biến cố lịch-sử này; phải chăng tờ di chúc đã bị tráo? Từ Dụ hoàng thái hậu có thực sự nhúng tay vào việc vận động cho Hồng Nhậm lên ngôi không?

Dĩ nhiên các bộ sử của triều Nguyễn đều phủ nhận việc này và chê trách hạnh kiểm Hồng Bảo cùng đề cao vua Tự Đức... Tuy nhiên rải rác đó đây qua thư tịch, người khảo cứu có thể bắt gặp một vài dấu vết tình cờ gián tiếp trả lời câu hỏi nêu trên.

Bộ sử *Đại Nam chính biên liệt truyện* kể lại giấc mộng của Từ Dụ như sau: "Một hôm lệnh bà nằm mộng thấy thần nhân mặc áo rộng đai to, đầu bạc mày trắng, cầm một đạo sắc bằng giấy vàng chữ đỏ trên có dấu ấn tử và một xâu chuỗi minh châu trao cho lệnh bà và bảo 'xem đó, sau sẽ có hiệu nghiệm'. Lệnh bà nhận lấy rồi có thai, sinh ra vua Tự Đức đúng như lời trong mộng."

Khó biết được giấc mộng có thật hay không, nhưng điều chắc

chấn người đầu tiên loan báo giấc mộng này không ai khác hơn là bà Từ Dụ. Thiết nghĩ lệnh bà là ái nữ quan Lễ bộ Thượng Thư, chắc phải hấp thụ một nền giáo-dục nghiêm khắc, quyết không thể khinh xuất thốt ra lời thiếu khiêm tốn nhằm loan truyền những dự triệu Đế vương trong khi Hồng Nhậm chỉ là con thứ; vì làm như vậy có thể mang tội. Vậy đây chỉ có thể là dự mưu nhằm mục đích thần thánh hoá Hoàng tử Hồng Nhậm để chuẩn bị tranh ngôi.

Hơn nữa, Từ Dụ vốn có cơ tâm, lại được dịp buông rèm thánh chính, chắc phải thừa thông minh nhận biết vị đại thần nào có uy tín với vua để tìm cách kết thân. Ngược lại, các quan đại thần ắt cũng nể sợ và muốn kết bè đảng với một nữ nhân được vua tin cậy, luôn luôn có mặt sau hậu trường chính-trị. Mặc khác, Từ Dụ rất được vua sủng ái, chắc chắn những lời tỉ tê tâm sự trong chốn khuê phòng là những lời vận động hữu hiệu nhất.

Từ Dụ hoàng thái hậu còn gián tiếp can dự vào việc chính-trị của con. Qua bài Tụng dâng mẹ nhân dịp Thánh thọ lục tuần đại khánh, Tự Đức viết: "Việc quốc kế dân sinh, hỏi thăm để vui vẻ nhận

điều tốt. Nhưng mẹ không can dự vào việc triều chính. Phép nhà giữ cẩn thận nghiêm trang."²⁰

Đem đối chiếu nội dung đoạn văn trên với những điều tìm hiểu được về Từ Dụ hoàng thái hậu, ta thấy Tự Đức viết như vậy vì muốn biện minh cho mẹ, chứ con người đầy cơ tâm và thông minh như lệnh bà không thể không hỏi việc chính-trị với lý do giản dị để biết điều tốt, mà không có ý kiến. Đối với Tự Đức, ý kiến của người mà vua vừa coi là trời vừa coi là thầy, ắt phải là quyết định. Vậy thì việc Từ Dụ tham dự vào chính-trị là một điều hiển nhiên không thể chối cãi.

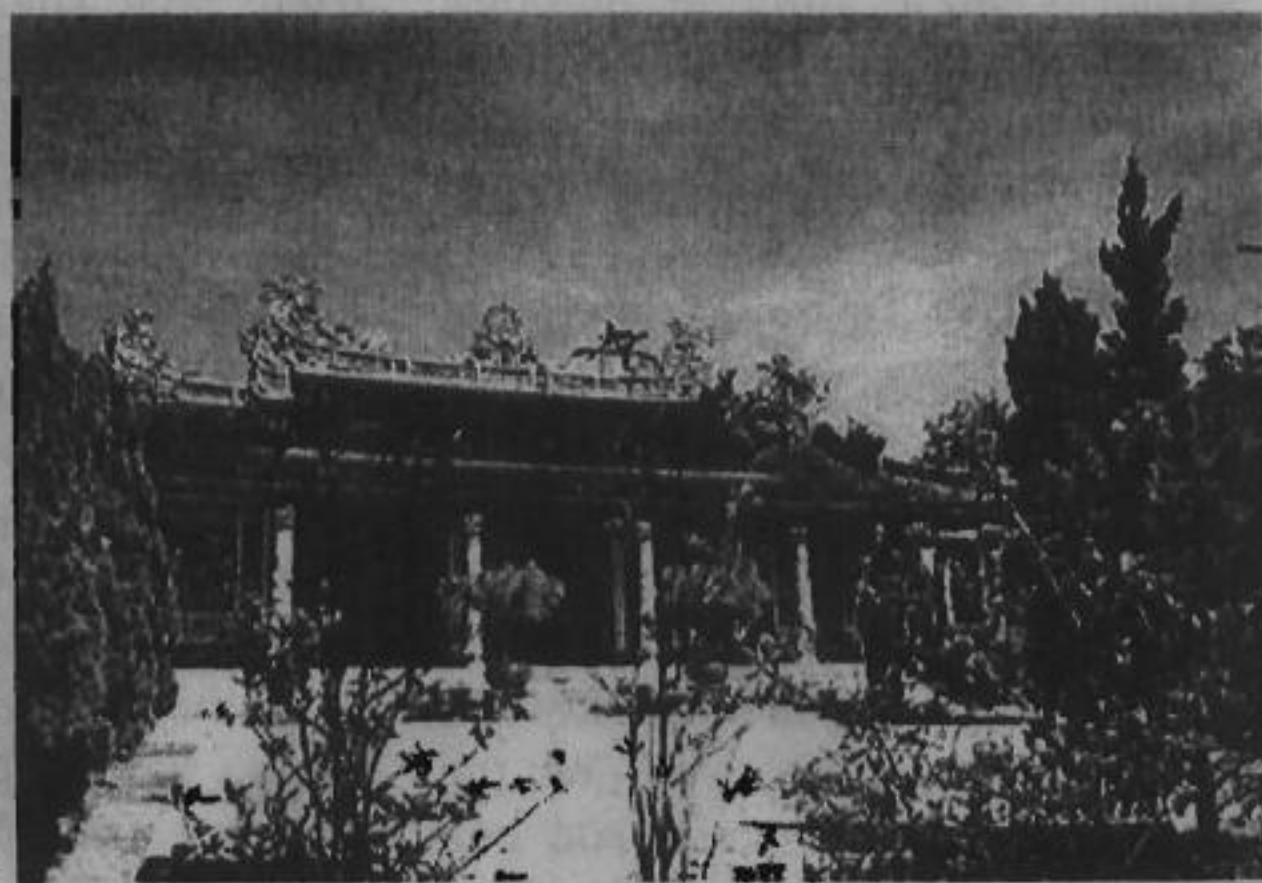
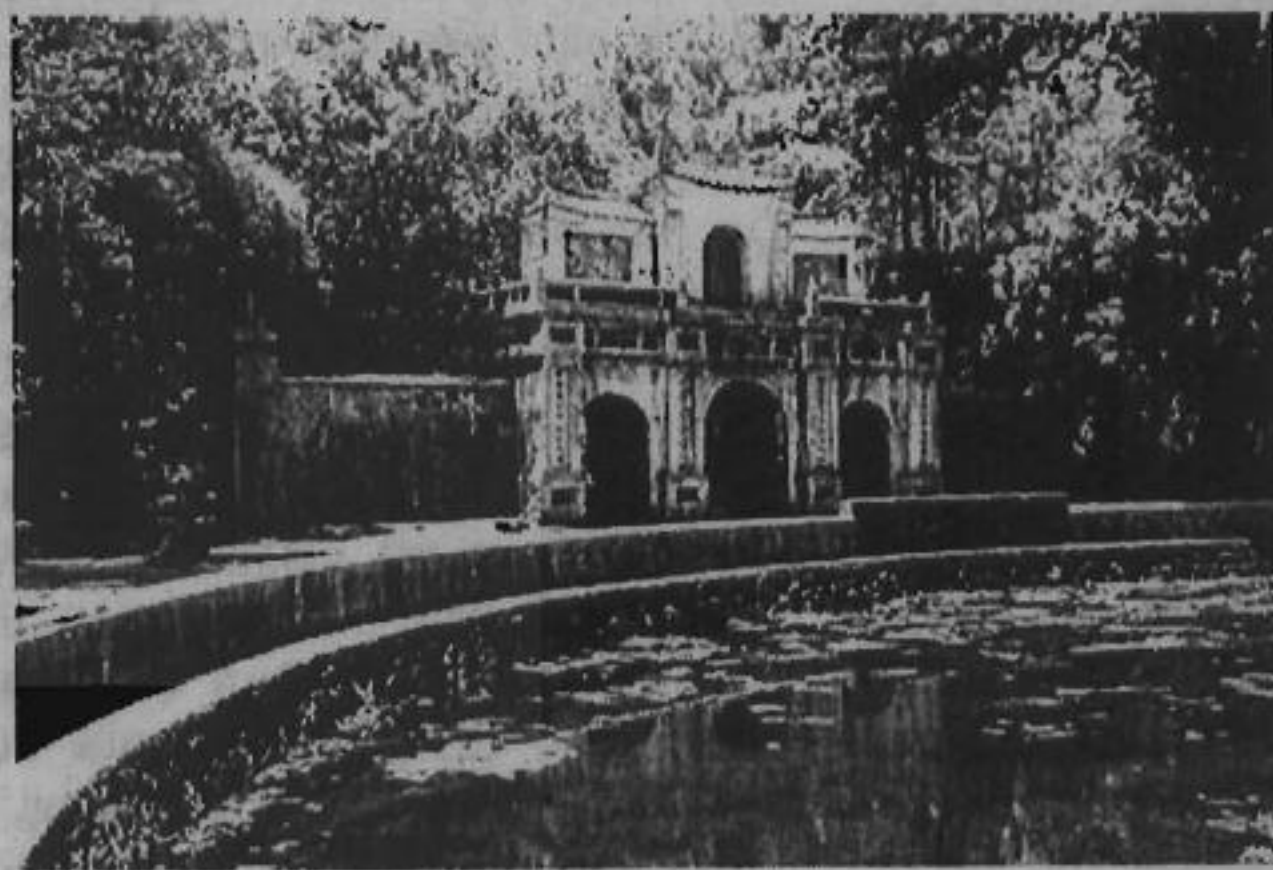
Thực ra điều này không chỉ xảy ra dưới thời Tự Đức, mà đã có trước đó dưới thời Thiệu Trị và sau đó kể từ khi Tự Đức thăng hà cho đến khi Thành Thái lên ngôi.

Như trên đã đề cập, dưới triều Thiệu Trị khi vua ngự triều, Từ Dụ được ngồi sau vách để nghe các quan tâu và vua ban lệnh có rõ ràng hay không. Dĩ nhiên lúc trình bày lại cho vua nghe, Từ Dụ không thể chỉ làm công việc đơn giản của chiếc máy ghi âm mà còn chứng tỏ sự thông minh quán xuyến của mình để được vua yêu và vì nể. Kịp đến khi Tự Đức lên ngôi, một phần vì thương con yếu

đuối nhu nhược; một phần vì kẻ thù của mẹ con bà là Hồng Bảo vẫn còn là mối đe dọa, Từ Dụ lại càng lưu ý đến việc chính-trị và cuối cùng đã loại được hẳn Hồng Bảo.

Sự việc xảy ra sau khi Tự Đức lên ngôi, Hồng Bảo âm mưu với một số tín đồ Thiên Chúa giáo để tìm cách giành lại ngôi báu¹⁹. Cuối tháng giêng năm 1851, ông bị bắt lúc sửa soạn đáp tàu sang Âu châu, sau đó được vua Tự Đức tha cùng hứa lo cho ông được sung túc, nhận con ông làm con nuôi và ban cho 100 nén bạc và 1 nén vàng. Sau khi tha, ông lại tiếp tục dự mưu, cho đồng đảng ra nước ngoài để tìm ngoại viện. Việc phát giác, ông bị triều đình kết tội lăng trì nhưng Tự Đức giảm xuống chung thân. Trong ngục, Hồng Bảo chết bằng dây thắt cổ²¹. Ngoài ra các con của ông đều bị giam và bị đổi sang họ Đinh là họ của mẹ. Tiếp đến là cuộc phản nghịch của Đoàn Trưng, mưu lập con trưởng của Hồng Bảo là Đinh Đạo, bị thất bại; cả gia đình Hồng Bảo gồm 8 người đều bị xử giáo.

Sách *Từ Dụ hoàng thái hậu truyện* còn cung cấp thêm chứng liệu về việc Tự Đức tỏ vẻ hối hận về vụ Hồng Bảo lúc đọc sử Tàu



Lăng Từ Hiếu, cổng trước (bên trái) và chính toà (bên phải)

cho mẹ nghe: “Vua đọc đến đoạn em vua Hán Văn-đế là Hoài Nam vương Trường An làm phản, bị phát giác. Văn đế triệu em về kinh đô Trường An tha tội rồi đầy qua đất Thục. Đọc đường Hoài Nam vương nghĩ giận mình làm lỗi rồi, lại buồn về nỗi có ông anh làm vua mà không dung được một thằng em, liền nhin đối mà chết. Hán Văn-đế nghe tin, xót thương khóc lóc thái quá. Nhân dân lúc bấy giờ có câu hát rằng:

Một thước vải còn có thể may mặc chung với nhau.

Một đấu thóc còn có thể ăn chung với nhau.

Anh em hai người không dung nhau được!

Lệnh bà dạy rằng:

- Người bạo nghịch như thế mà trong lòng không biết tự oán trách mình, cũng đáng làm lạ!

Vua tâu:

- Việc của anh con cũng thế, con mỗi mỗi không an tâm, con lấy làm buồn lắm!

Lệnh bà liền dạy:

- Phép nước không thể bỏ được; việc ân nghĩa giữa anh em lẽ đâu lại riêng tư. Lời hát quê của nhân dân đâu đủ làm phiền lòng vì việc anh em không dung nhau. Trong thân tộc chớ để trọng quyền, vì e rằng khó chế. Người đời khi lâm hồi biến, biết sao vuông tròn được!”¹⁸

Theo đó có thể suy luận rằng Từ Dụ là một trong những nhân vật chủ trương tiêu diệt gia đình Hồng Bảo vì “nhỏ cỏ phải nhổ tận gốc”. Riêng Tự Đức, chỉ vì yếu đuối mù quáng nghe lời mẹ, nên đành phải nhận một vết nhơ đối với gia tộc và lịch-sử, nhưng thâm tâm ngài vẫn luôn hối hận đau khổ về việc này.

Thực ra không phải chỉ riêng vụ Hồng Bảo, mà suốt 36 năm trị vì của Tự Đức, ảnh hưởng của Từ Dụ hoàng thái hậu chẳng khác gì

đám mây đen, bao phủ cả sân khấu chính-trị thời bấy giờ. Từ huấn lục của Tự Đức được hiểu là một cuốn sách ghi lời chỉ dạy của Thái hậu, những đêm đọc sử cho mẹ nghe là những buổi nhân chuyện xưa nói chuyện nay, để lệnh bà bảo cho những việc nên làm, những người nên dùng.v.v.. Bọn gian thần thời ấy biết được ảnh hưởng rất lớn của Từ Dụ, nên đã tìm cách lui tới mua chuộc lệnh bà.

Về điểm này, nhà cách mạng Phan Bội Châu, sống cách thời Tự Đức không xa, đã ghi nhận nguồn dư luận đương thời đối với Từ Dụ hoàng thái hậu và công phần trình bày trong cuốn *Việt-nam vong quốc sử*: “Trong nước có thái hậu họ Phạm, mẹ vua Tự Đức, đã ngu lại tham, thường can dự vào việc triều chính. Vua Tự Đức việc gì cũng trình qua Thái hậu rồi mới thi hành. Nguyễn Văn Tường thường lấy những vật quý người Pháp hối lộ, đem hiến cho Thái hậu để kết bè đảng. Hôn bà gian tặc lộng quyền trong ngoài, làm đảo điên quốc chính, các bậc chánh nhân quân tử bị hãm hại, có kẻ bị chết chém có người bị cách chức về quê.”²²

Có người dễ dãi cho rằng Từ Dụ can dự vào việc chính-trị là do lòng thương con. Dưới mắt lệnh bà, vua Tự Đức chỉ là cậu bé Hồng Nhậm bệnh tật yếu đuối cần được che chở đùm bọc. Thế nhưng sự việc không quá đơn giản như vậy. Bằng cứ là sau khi vua Tự Đức băng, Từ Dụ lúc này đã trên 70 tuổi, cái tuổi nên gác bỏ thế sự thì lại một lần nữa, lệnh bà dẫn thân vào việc chính-trị.

Nguyên sau khi quân ta tấn công vào đồn Mang Cá bị thất bại, xạ giá phải bỏn ba ra Quảng Trị. Tại đây lệnh bà nhất quyết đòi trở về Huế. Rồi lệnh bà xuống dụ cho người gọi vua Hàm Nghi

từ chiến khu về, nhưng vua không nghe lời. Tháng 8 năm Ất Dậu, lệnh bà ban đạo dụ khác tấn phong Hoàng tử Ung Kỳ lên làm vua, lấy niên hiệu là Đồng Khánh; nội dung đạo dụ hoàn toàn đề cao người Pháp và kết tội phe chủ chiến Tôn-thất Thuyết là nghịch thần.¹⁸

Khi làm công việc trên, chắc hẳn Từ Dụ phải chịu áp lực mạnh của ngoại bang. Tuy nhiên nếu lệnh bà là người yêu nước thì sẽ vui vẻ cùng vua Hàm Nghi ra chiến khu Tân Sở, hoặc nếu vì già yếu phải trở về Huế tĩnh dưỡng thì cũng phải lấy cố già yếu và thân phận nữ nhi không quen can dự vào việc triều chính để từ chối hợp tác với Pháp.

Những việc trên đưa đến kết luận rằng Từ Dụ hoàng thái hậu là người rất say mê quyền bính, cũng giống như một số phụ nữ lừng danh trong lịch-sử các quốc-gia khác. Điều đáng tiếc là với suy nghĩ hẹp hòi nông cạn, tâm lý ham lợi và cầu an, bà Từ Dụ đã không giúp được gì cho vua Tự Đức mà còn khiến vua có những quyết định sai lầm trong việc trị nước.

Trong khi với mẹ, tình cảm của vua Tự Đức phong phú đậm đà bao nhiêu thì với người hôn phối, tình vợ chồng nơi ngài lại càng nghèo nàn nhạt nhẽo bấy nhiêu.

Dư luận cho rằng vua Tự Đức bất lực về đường sinh lý. Nghi vấn này khó thể giải đáp một cách trọn vẹn vì đây là bí mật chốn phòng the, sử sách không bao giờ đề cập tới. Tuy nhiên qua đạo dụ ra lệnh cho dân chúng ai và quan lại ai có phương thuật tài năng được phép tự tiến cử, nhà vua đã hé cho thấy một chút bí mật về việc không con nối dõi của ngài: “Mỗi nghĩ ơn thương mến của đức Hoàng khảo và lòng

nhân từ phúc hậu của đức Thánh mẫu nên ta muốn hưởng thú vui có con, để khỏi thẹn với công ơn của hai thân; song đến già rồi cũng chỉ biết buồn lo thì biết làm sao? Muôn đời sau biết nói sao đây! Vậy chẳng thà chịu trăm lần lừa dối, để mong một lần công hiệu. *Cầu cái không thể được* chỉ vì muốn làm hết sức người để trời rủ lòng thương, và mong được cái không thể cầu là muốn trời chưa nổi tuyệt lòng người vậy.”

Cầu cầu cái không thể được (cầu kỳ bất khả đắc) và được cái không thể cầu (đắc bất kỳ khả cầu) khiến người đọc ngạc nhiên. Đối với một người đàn ông lạnh mạnh, thì việc có con là lẽ thông thường. Nhà vua có cả tam cung lục viện nên việc có con lại càng dễ dàng thuận tiện, có sao phải than cầu cái không thể được và mong được cái không thể cầu? Phải chăng vì nhà vua biết rằng mình không thể có con, hay nói một cách rõ hơn là cuộc sống vợ chồng của nhà vua có điều trắc trở?

Xét thêm về cách cư xử của Tự Đức đối với vợ là Lệ Thiên Anh hoàng hậu lại càng thấy bất thường. Lệ Thiên Anh hoàng hậu là con gái quan Ngự tiền Đại thần Vũ Xuân Cẩn. Lệnh bà nhập cung năm Thiệu Trị thứ ba (1843), được phong đến chức Quý Phi, đứng đầu sáu cung. Nhưng đến năm Tự Đức thứ 35 (1882) tức là sau 39 năm kết nghĩa vợ chồng, lệnh bà bị khiển trách và bị giáng xuống Trung Phi với đạo dụ nội dung như sau:

“Hoàng quý phi họ Vũ gần bó với trăm đã lâu, niên kỷ cũng đến tuổi giai lão. Trăm đã rất hậu, mới phong đến hàng bậc nhất trong hàng cung giai để coi sóc sáu cung, đôn đốc kính cẩn siêng năng cho yên lòng trăm, thật là vinh hạnh thay. Tưởng rằng tuổi

càng cao thì đức càng sáng để xứng với ân mệnh. Không ngờ từ đó tới nay, mấy may không lưu ý, siêng nhắc mặc người, không hề răn dạy, phạm công việc không khỏi gây phiền, thực cô phụ chức phận; đó là do tự mình lười biếng thì đâu còn đốc suất được người. Song trăm thường quá khoan hồng, không nổi nặng lời quở trách.

“Từ khi trăm bị bệnh nặng tới nay, đáng lẽ phải chăm chỉ lo lắng gấp bội, luôn luôn đứng ngồi hầu hạ bên giường và cho trăm ăn uống đầy đủ thích nghi mới xứng với địa vị cao cả và đạo vợ chồng. Có sao một niềm trễ nải, lại không thấy chút tình ưu ái. Đến nỗi việc dâng cơm ăn thường ngày cũng có ý trì trệ, no đói thất thường; vậy thì sự phụng dưỡng ở đâu và thuốc thang nào còn bổ ích? Đạo vợ chồng lấy điều thuận làm chánh, chủ quĩ làm đầu tất phải sớm tối siêng năng điều dưỡng không khuyết, thế mà còn lo chưa an tâm, chưa xứng vị; huống hồ chậm trễ, bất kính thì tình nghĩa chức phận ở chỗ nào?

“Gia dĩ cạy thế được yêu, mỗi lần quở phạt sắc mặt có vẻ ta oán, tiêu pha xa xỉ lại còn dám nài nỉ mang ơn. Sao không nghĩ lộc vị hưởng đến như vậy là hơn người bội phần, có gì thiếu nữa đâu mà còn đòi hỏi không chán. Nếu như kẻ khác bất chước theo thì tội ai gánh? Lỗi người đồn dập quá nhiều sao chưa một mấy may sửa đổi?

Ôi! Pháp luật là chung cho mọi người, có tề gia mới mong trị quốc, ví phỏng cứ như lệ cũ mỗi mỗi dung tha thì kẻ không hiểu biết sẽ thoả theo điều trái; lấy điều may được tha thứ cho là đắc ý, không một chút sợ mà sửa đổi như thế đâu phải là đạo thành toàn. Bởi thế phải trừng phạt một kẻ để cảnh giác hàng trăm, có

thấy hình phạt thì mới biết ơn. Vậy giáng Hoàng Quý phi họ Vũ xuống làm Trung phi song vẫn giữ nguyên chức vụ cai quản thượng nghị, không cần thay thế để tránh lạm dụng; khiến cho người nhìn lại danh nghĩa sửa lỗi đổi mới, may được đẹp đẽ về sau, đó là ân nghĩa trọn vẹn.

“Nhược bằng cứ như tật, không chịu sửa mình thì chỉ là cây gỗ mục không thể chạm khắc được, còn kể làm gì! Người phải kính sợ! Trăm không nói lần thứ hai.

“Kính đấy! Ngày 24 tháng 12 năm Tự Đức thứ 35.”²³

Lệ Thiên Anh hoàng hậu là chính thất của vua Tự Đức, khi bị giáng trách thì lệnh bà đã có gần 40 năm chung sống với nhà vua và cả hai đều trên 50 tuổi. Thế mà chỉ vì lỗi lầm không mấy nặng, lệnh bà bị giáng xuống Trung phi; đó là một điều nhục nhã cho lệnh bà và cũng là điều đáng đặt câu hỏi về vua Tự Đức: Có phải đây là một cơn thịnh nộ nhất thời như chính sử đã chép chăng?²⁴ Quyết không phải, vì không ai giận vợ với một lý do đơn giản là dọn cơm trễ, lại có đủ kiên nhẫn ngồi viết một bài văn trách phạt dài hơn 400 chữ, bộ cục chặt chẽ, lời lẽ danh thép. Vậy đây chỉ có thể là một cơn ba đào mãnh liệt được nhen nhúm bởi những đợt sóng ngầm trước đó. Những đợt sóng ngầm là những chuỗi ngày buồn bã nhạt nhẽo của cặp vợ chồng không con, trực trặc trong việc ái ân chăn gối. *Nét mặt ta oán* ghi trong đạo dụ được hiểu thay cho những tiếng thở dài não nuột của người đàn bà sống những ngày dài lê thê trong chốn thâm cung, không phải bị thất sủng mà ở vào hoàn cảnh “tuy trong gang tấc mà ngoài quan san”!

Nếu tin vào số tử vi, có thể bảo rằng cung tử tức và thế thiếp

của vua Tự Đức rất kém. Lệ Thiên Anh hoàng hậu đã không đem lại hạnh phúc cho ngài mà bà Học phi, vợ khác của nhà vua, cũng bị đồn rằng có tư tình với viên Đại thần Nguyễn Văn Tường.²⁵

Tất cả những điều đã tìm hiểu có thể giúp cho việc đính chính bài thơ *Khóc Thị Bằng*²⁶ mà có thuyết đã gán cho Tự Đức là tác giả. Tự Đức không thuộc mẫu người đam mê tình ái. Ảnh hưởng của vợ đối với ngài thực không đáng kể, hoặc nếu có chăng thì vấn đề vợ con chỉ là một sự khổ lụy cho ngài mà thôi.

Làm vua không phải là một công việc dễ dàng. Sự tìm hiểu về con người vua Tự Đức qua các khía cạnh thể chất, tính tình, học vấn, cha mẹ, người phối ngẫu... đã khiến người viết bài này mạnh dạn nói rằng: nếu nhà vua được dự một cuộc trắc nghiệm về hướng nghiệp thì kết quả sẽ cho biết rằng làm vua không phải là một nghề tốt cho ngài và bản thân ngài cũng không có tham vọng đó. Nếu ngài được dành trọn đời cho công việc trước tác thì rất thích hợp và sự nghiệp văn chương của ngài sẽ rạng rỡ, chẳng kém gì các vị chú ruột của ngài như Tùng Thiện vương Miên Thẩm hoặc Tuy Lý vương Miên Trinh. Điều đáng buồn cho ngài và cho cả nước ta là mẹ ngài, Từ Dụ hoàng thái hậu, có chủ ý khác. Với tham vọng quyền lực, lệnh bà quyết giành cho con cái

hai mảnh tim

Ta tự cắt tim làm hai mảnh
Nửa chôn lưu đây, nửa cõi kia
Lỡ mai ta khuất bên trời lạnh
Xin ghép đôi lòng... khỏi cách chia!
xuân ngữ

chức vị quý báu người người mơ ước là ngôi vua; đâu ngờ rằng 36 năm làm vua của Tự Đức là 36 năm đau khổ vì ngài không đối phó nổi với thời cuộc và cuối cùng phải chịu tội trước lịch sử làm một ông vua gây nên cảnh vong quốc!

Chú thích:

1. Chỉ Phan Thanh Giản.
2. *Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyển II, *Tự biếm dụ*.
3. Hồng, chữ đầu của tên, được lấy theo thứ tự trong bài *Đế hệ thi*, nguyên văn như sau:

Miên, Hồng, Ung, Bửu, Vinh
Bảo, Quí, Định, Long, Trường.
Hiền, Năng, Kham, Kế, Thuật,
Phúc, Tộ, Bách, Gia, Xương.

Bài thơ này được vua Minh Mệnh ban ra năm 1823 để phân biệt những con cháu thuộc dòng dõi ngài với những dòng khác. Chỉ những người trong dòng này mới có thể làm vua. Như con Minh Mệnh: Miên Tông (vua Thiệu Trị), Miên Thẩm (Tùng Thiện vương); cháu: Hồng Bảo, Hồng Nhậm (vua Tự Đức); cháu 3 đời: Ung Lịch (vua Hàm Nghi); cháu 4 đời: Bửu Lân (vua Thành Thái); cháu 5 đời: Vĩnh San (vua Duy Tân), Vĩnh Thụy (vua Bảo Đại); cháu 6 đời: Bảo Long (con vua Bảo Đại). Nên nhớ đây chỉ là chữ đầu của tên, họ vẫn là họ Nguyễn; vậy muốn gọi đầy đủ họ tên Vĩnh Thụy, phải gọi là Nguyễn Vĩnh Thụy hay Nguyễn Phước Vĩnh Thụy.

4. *Đại Nam chính biên liệt truyện*, quyển 2, tr. 1-3.
5. *Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 4, tờ 3b, 4a.
6. *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, tr. 473.
7. *Từ Dụ hoàng thái hậu truyện*.
8. *Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 3, tờ 12b.
9. *Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 2, tờ 3a.
10. *Tứ tể tử đệ Kiến Thụy Quận vương Văn, Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 10.
11. Hai anh em đi theo cha là vua Thiệu Trị kinh lý miền Bắc, gọi là Bắc Tuần Ngự Giá.
12. *Việt-nam sử lược* của Trần Trọng Kim, tr. 473.
13. *Tự Đức thánh chế văn tam tập*,

quyển 10, bài số 1, tờ 2b.

14. *Ngự chế thi sơ tập tự tự*, quyển 10, tờ 1a.

15. Thăng đường nhập thất: học vấn đến bậc cao minh là thăng đường, dò đến chỗ sâu kín là nhập thất.

16. *Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 11, *Ngũ tuần đại khánh yến phẩm cấm ngọc biểu*, tờ 7b.

17. *Đại Nam chính biên liệt truyện*, nhị tập, quyển 2 tờ 5a.

18. *Từ Dụ hoàng thái hậu truyện*.

19. Nguyễn Khuê, *Tâm sự Tương An quận vương qua thi ca của ông*, Sài Gòn, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hoá xuất bản, 1980, tr. 221.

20. Tạ Quang Phát, *Từ Dụ hoàng thái hậu*, Việt-nam khảo cổ tập san, số 5, 1968, tr. 153-166.

21. Giáo sư Bửu Cầm cho rằng đó là một cái chết khả nghi, người ta không tin là tội nhân tự tử nhưng bị giết (xem *Tâm trạng Tương An quận công qua thi ca của ông*, tr. 314).

22. *Việt-nam vong quốc sử*, tập san Đại học Văn khoa niên khoá 1959-1960, tr. 6.

23. *Tự Đức thánh chế văn tam tập*, quyển 9, tờ 11b, 12a, 12b, 13a.

24. *Đại Nam chính biên liệt truyện* tập 2, quyển 4, tờ 3b 4a ghi như sau: Mùa đông tháng 12 năm Tự Đức thứ 35 giáng lâm Trung phi. Lúc đó công vụ đa đoan, vua làm việc quên ăn, nên kém sức khoẻ, phải dùng thuốc. Bọn cung nhân dâng cơm trễ, làm trái ý vua nên Hoàng hậu bị giáng xuống làm Trung phi.

25. *Việt-nam Pháp thuộc sử*, Phan Khoang, Sài Gòn, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn-hoá, 1971, tr. 335. Có người nói bà Học phi Nguyễn thị (vợ vua Tự Đức, mẹ nuôi vua Kiến Phúc) có tư tình với Nguyễn Văn Tường. Một hôm nhân vua Kiến Phúc đau, Tường vào thăm và trò chuyện với bà. Vua nghe được và có hăm dọa. Tường thấy thế nguy, bèn xuống Thái y viện bốc một thang thuốc để dâng vua uống, ngày hôm sau thì vua băng.

26. Nguyên văn bài thơ:

Ới Thị Bằng ơi đã hết rồi!

Ới tình ới nghĩa ới duyên ới!

Mưa hè nắng chói oanh ăn nói

Sớm ngõ trưa sân liễu đứng ngồi.

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng

Xếp tàn y lại để dành hơi.

Mối tình muốn dứt càng thêm bận

Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi.

Giải-Thoát

Trần Chính Trực



Cái ý tưởng lạ đến thật bất ngờ, lúc đầu nó làm ông Hải Triều ngỡ ngàng tưởng như mơ, nhưng mỗi khi nghĩ đến nó ông lại thấy nó hay hay, ngộ nghĩnh. Càng nghĩ, ông lại càng thích thú.

Đã từ lâu, ông vẫn có thói quen dậy sớm, sửa soạn bữa điểm tâm cho hai vợ chồng, rồi ra ngoài phòng khách ngồi tĩnh tâm hay để tâm hồn ngao du đây đó. Có lẽ đến gần mười năm, ông dùng tĩnh tâm mỗi buổi sáng như một hình thức trốn tránh thực tại.

Và cũng từ lâu bà Bích Nga, vợ ông, đã không đặt chân vào căn phòng khách này. Bà suốt ngày ngồi trên chiếc xe lăn trong phòng ngủ của hai vợ chồng. Bà ngồi đó yên lặng, thù hằn. Rồi cứ lâu lâu bà lại cất tiếng day nghiến, than phiền ông về việc này hay việc nọ. Nếu không thì

bà ngồi đó nhìn ông chăm chăm như đổ lỗi cho ông về những tai họa đã xảy đến cho bà.

Từ mười năm qua, ông đã chịu đựng rất nhiều với bà. Cuộc sống trong mười năm qua là một cực hình với ông, nên ông phải tìm đến tĩnh tâm hay an thần, hy vọng xoa dịu nỗi chán chường.

- Ông ơi, vào đây tôi nhờ chút việc!

Giọng bà Bích Nga ré lên đưa ông trở lại thực tại.

Ông chán nản, chậm rãi đứng lên, bước vào căn phòng của bà. Mùi ẩm thấp xông lên từ căn phòng tối tăm vì đã từ lâu các cửa sổ của căn phòng này bị đóng kín, không có một tia nắng nào lọt vào. Bà không muốn có ánh sáng rơi vào chỗ bà ngồi.

- Nước trà của ông pha sao mà nhạt như nước lã vậy? - Bà day

dứt - Cái gì ông làm cho tôi bây giờ đều không đúng liều, đúng mực... - Bà lải nhải - Ông chắc già rồi nên chả làm cái gì nên hèn. Sao ông hà tiện không chịu mời người đến nấu nướng cho tôi, cứ bắt tôi phải ăn đồ của ông nấu mãi vậy?

- Thì bà Tư vẫn đến nấu cho bà đó thôi, bà quên rồi sao? - Ông bình thản trả lời - Còn về phần điểm tâm thì tôi phải nấu chứ bà Tư mãi đến 9 giờ sáng bà ấy mới đến, bà cũng biết chứ không sao?

Bà Bích Nga tuy vậy cũng vẫn lâu bầu bất mãn:

- Tôi biết, tôi biết. Nhưng tôi không tài nào nuốt trôi những đồ ăn ông dọn mỗi sáng. Từ nay ông hãy để cho tôi yên!

Ông lẳng lặng bước ra, khép cánh cửa phòng ngủ, đi vào phòng khách, ngừng lại, nhìn ra ngoài cửa sổ, cùng lúc ông thấy bà Tư cũng vừa đến.

Bà Tư là một người cần cù, vui vẻ. Ông Hải Triều rất thích tán gẫu với bà vì bà biết nhiều nhưng kín đáo. Tuy bà Bích Nga đã tạo cho bà nhiều khó khăn nhưng bà cũng không nản chí.

- Chào bà Tư!

Ông Hải Triều nhanh nhẩu, mở rộng cánh cửa.

- Kính chào ông.

Bà Tư đáp ngắn, âm thầm bước vào trong. Ông Hải Triều chợt nhận ngay ra có sự thay đổi của bà Tư ngày hôm nay. Mọi ngày khi gặp ông, bà rất vồn vã, tươi cười, nhưng hôm nay bà lẳng lặng không nói. Ông Hải Triều nghi hoặc, chắc lại có chuyện gì rồi, nhưng chưa kịp lên tiếng hỏi thì bà Tư đã nói:

- Ông có chút giờ rảnh không, tôi có chuyện muốn thưa cùng ông.

Ông Hải Triều trong lòng tuy bắt đầu lo nhưng vẫn làm vui:

- Có chuyện gì thì bà cứ cho

biết, mà chuyện vui hay chuyện buồn vậy?

- Thưa ông, đáng lẽ tôi phải thưa với ông vài tuần trước, nhưng thấy ông đang bận nên phải đợi đến hôm nay... - Bà ngập ngừng một chút rồi tiếp - Tôi muốn xin phép ông bà cho tôi được nghỉ việc, có một nơi khác muốn tôi đến chăm sóc công việc cho họ...

- Tôi hiểu, tôi hiểu... - Ông Hải Triều chặn ngang - nhưng hôm nay bà vẫn ở đây giúp tôi chứ?

- Dĩ nhiên, thưa ông. Tôi sẽ ở đây cho hết ngày và công việc mới của tôi mãi đến hai ngày nữa mới bắt đầu kia mà. Ông đừng lo, tôi sẽ giúp ông kiếm người khác thế cho tôi.

Hải Triều đứng thẩn người trong giây lát. Đầu ông quay cuồng. "Tôi hiểu bà kiếm việc khác không phải vì tiền bạc mà chẳng qua là bà đã chán ngấy những đòi hỏi quái ác của người đàn bà ngồi trên chiếc xe lăn kia chứ gì. Tôi đây cũng cùng một tâm trạng như bà. Tôi cũng hy vọng một ngày nào đó có được tự do như bà, thoát khỏi gông cùm của người đàn bà hung dữ này. Đúng không bà Tư?" Tuy vậy, ông vẫn im lặng, âm thầm với cái mũ và cái áo khoác ngoài choàng lên người rồi bước vội ra ngoài.

Ngoài trời, nắng ban mai tươi mát, rực rỡ. Hôm nay là ngày mà Hải Triều quyết định sẽ thi hành cái ý tưởng lạ đến với ông trong buổi tỉnh tâm sáng nay. Ông ngừng tại trạm xe buýt, lên chiếc xe mang số 16 đi xuống phố. Đây là cái thông lệ ông đã làm mỗi buổi sáng trong suốt mười năm qua. Sau cái tai nạn, ông quyết định bán chiếc xe hơi và di chuyển quanh phố bằng xe buýt. Tuy vậy, hình ảnh cái tai nạn đó vẫn ám ảnh ông luôn và mỗi khi

ông tưởng là đã quên thì bà vợ quý của ông không bao giờ để cho ông quên. Bà luôn nhắc nhở ông là người đã có cái phán quyết sai lầm trong cái tai nạn xảy ra vào một ngày mưa phùn tháng Tám mười năm về trước mà hậu quả là bà phải vĩnh viễn phụ thuộc vào chiếc xe lăn.

Như thường lệ, ông chào người tài xế, ngồi vào hàng ghế gần cuối xe bên cạnh cửa sổ. Và đặc biệt hôm nay thay vì xuống xe dưới phố, ông xuống xe sớm hơn ba chặng.

Ngay khi bước ra khỏi xe buýt, ông đến trụ điện thoại công cộng và gọi vào sở làm.

- Cô Tuyền hả? Hải Triều đây!

- Ông Hải Triều hả? Ông có khỏe không vậy? Sao giọng ông lạ quá?

- Tôi không được khỏe lắm nên tôi gọi vào báo cho cô biết là tôi không vào làm ngày hôm nay được.

- Ông muốn tôi cho ông chủ hay phải không? Được rồi, tôi sẽ lo cho ông. Thôi rón tĩn dưỡng cho khỏe đi. Từ trước đến giờ ông chưa hề nghỉ bệnh một ngày nào thì nay có nghỉ một lần cũng chả sao...

Sau khi đi qua vài khu phố nhỏ, Hải Triều bước vào nhà quán Tòbia nằm khuất góc sau hai căn nhà chóc trời. Người quản lý đang vui đùa với các nhân viên thuộc hạ, thấy ông bước vào làm mặt nghiêm trang, bước ra chào đón:

- Thưa ông cần gì ạ?

- Thưa ông, - Hải Triều giọng nhỏ nhẹ - Không biết ông có thể giúp cho tôi một việc được không?

Người quản lý đơn dạ, ra về quan tâm đến khách hàng, trả lời:

- Dĩ nhiên là chúng tôi sẽ cố gắng hết mình giúp ông, nhất là

trong lúc bối rối này. Chúng tôi rất thông cảm hoàn cảnh của ông. Vậy xin ông cho biết danh tánh của người vừa quá vắng?

- Điều đó không cần thiết. -

Hải Triều trả lời - Tôi sẽ viết địa chỉ trên tấm giấy này. Tối nay ông cứ đến đó.... nhận xác về nhà quán mà lo liệu.

- Nhưng thưa ông như thế này vẫn chưa đủ! - Giọng người quản lý trở nên hơi sảng - Xin ông có thể cho biết ai là người chúng tôi phải liên lạc nếu trong trường hợp chúng tôi cần thêm chi tiết không ạ?

- Không cần thiết. Khi nào ông đến đó, sẽ có người cho ông biết mọi điều ông muốn. - Hải Triều dứt khoát - Vậy 8 giờ tối nay được không?

- Dĩ nhiên là được. Chúng tôi sẽ đến đó đúng 8 giờ. Và ông muốn làm đám ma như thế nào...

- Cho... cho...

- Vâng, cho người quá vắng... Người quản lý nhắc.

- Đúng. Đúng rồi, người quá vắng cũng không cần đám táng quá rườm rà đâu... vì người ấy cũng chẳng có bạn bè gì nhiều.

Giọng Hải Triều nhỏ xuống, nói như chỉ đủ cho mình ông nghe thôi...

Bà Tư khi thấy Hải Triều về nhà sớm hơn thường lệ rất đổi ngạc nhiên.

- Bà Tư ơi, - Hải Triều tươi cười - Hôm nay bà có thể về sớm được rồi. Trời hôm nay đẹp quá nên tôi quyết định về nhà sớm để lo lắng cho bà nhà tôi. Bà cứ về đi và tôi sẽ trả lương cho bà hết trọn ngày hôm nay.

Bà Tư mặt xịu xuống:

- Chắc ông không phiền tôi về việc tôi xin nghỉ việc buổi sáng nay chứ? Ông cũng biết tại sao tôi nghỉ việc rồi chứ gì? Tôi nói láo với ông sáng nay là tôi kiếm

được việc khác nhưng thật ra... thật ra là tại ...

- Tôi biết lý do vì sao bà và các người làm trước kia nghỉ việc rồi. Chẳng qua là tại nhà tôi khó tính, khó có ai có thể chiều bà ấy. Tôi không trách bà đâu, bà đừng lo!

Bà Tư đứng tần ngần, nước mắt tuôn tràn.

- Tôi cũng giận bà ấy lắm... - Giọng Hải Triều cảm tức - Nhiều lúc tôi cũng cầu cho bà ấy chết đi để tôi được sống tự do. Nhưng bà ấy không chết. Và tôi không có cái may như bà, không phải vương lụy đến bà ấy. Từ lâu tôi mơ ước một ngày được tự do...

Hải Triều nói say sưa, sắc mặt trắng bệch không hồn. Bà Tư lặng lẽ quay lưng bước ra khỏi ngưỡng cửa.

- Ông ơi! ông ơi! Phải ông đó không? Sao hôm nay ông về sớm vậy?

Giọng bà Bích Nga đưa Hải Triều về thực tế.

- Có tôi đây, bà ơi!

Hải Triều lưỡng lự một giây như đang quyết định một điều gì. rồi bước vào phòng ngủ một cách quyết liệt, đôi tay nắm chặt. Ông bước thẳng đến khung cửa sổ, vén mạnh tấm màn cửa qua hai bên. Tia nắng mặt trời bừng chiếu căn phòng.

- Ông có điên không vậy? - Giọng bà Bích Nga rít lên - Không biết hôm nay ông ăn phải bả gì mà hành động lạ lùng vậy? Hãy đóng cái màn lại ngay cho tôi!

Hải Triều không nói, lặng lẽ móc trong túi cái gói thuốc độc mà ông mua hôm nay tại tiệm thuốc tây quen gần nhà.

- Hôm nay tôi mua tặng bà một món quà. Nó rất quý vì nó sẽ giúp bà quên hết nỗi cô đơn, quên hết các bức dọc, các đắng cay mà bà đã phải chịu trong

mười năm qua...

Hải Triều đang đưa gói thuốc trước mặt người vợ.

- Ông này hôm nay khùng thật rồi. Hãy kéo tấm màn cửa lại. Ông vẫn biết là tôi không chịu được ánh sáng mặt trời mà. Thôi tôi biết rồi, chắc vì ông già yếu không làm nên cơm cháo gì, bị đuổi sở nên hôm nay về sớm bày trò phá phách tôi phải không?

- Người yêu của tôi ơi! - Giọng Hải Triều xa vắng - Nàng có bao giờ nghe tôi khen nàng đẹp lắm không? Nếu tôi có khen nàng đẹp trong quá khứ thì đó là tôi nói láo đó và bây giờ tôi muốn nàng biết như vậy!

- Ông này khùng thật rồi! Bà Bích Nga thét lên.

Hải Triều không nói quay lưng đi ra nhà bếp, sau lưng giọng nói chanh chua của bà vợ vẫn vang dội như gai đâm vào tai. Ông Hải Triều lấy bình sữa, đổ đầy một ly, rồi chậm rãi mở túi thuốc chuột, múc hai muỗng cà phê đầy, đổ vào ly sữa.

Ông khoan thai bước trở lại căn phòng ngủ, ly sữa với hai muỗng thuốc chuột trên tay.

- Nay ông đừng có kiếm cách làm hòa với tôi... - Bà Bích Nga hùng hổ - Ông cũng biết là tôi ghét uống sữa mà!

- Bà nói không đúng. Bà vẫn uống sữa mỗi đêm, bà có nhớ không? Nhưng cũng không sao, hôm nay tôi vào đây không phải để làm hòa với bà, vì trong mười năm vừa qua, tôi đã cố gắng làm điều này nhưng luôn luôn thất bại.

Nghe đến đây, bà Bích Nga bật khóc, lấy hai tay che mặt, cúi đầu.

- Ông là đồ thú vật! - Bà rên rỉ - Ngày xưa mẹ tôi cản tôi đừng lấy ông mà tôi không chịu nghe. Nay tôi mới thấy là sai lầm.

- Đúng ra ngày xưa mẹ em

khuyên em đừng bao giờ lấy một ai cả. Đến khi em lấy tôi, thì mẹ em mừng rỡ vì đã có một thằng khờ rước đi cái gánh nặng mà bà không biết tống khứ đi đâu. Ngay cả bố em cũng không chịu nổi được em kia mà...

- Ông điên ơi, ông mất trí rồi ông ơi!

- Bây giờ bà hãy bình tĩnh nghe tôi nói đây! - Giọng Hải Triều bỗng trở nên nghiêm trọng - Bà có muốn biết món quà tôi mua tặng bà là cái gì không? Tự Do. Tự do là một giải thoát cho cả hai chúng ta. Tự do là một phương cách mà hai chúng ta có thể xa nhau không ràng buộc. Tuy vậy món quà này cũng làm tôi tốn mất ba ngàn đồng.

- Ba ngàn đồng! Ba ngàn đồng... đâu...đâu? Bà Bích Nga chồm lên.

- Hôm nay tôi gọi hãng bảo hiểm nhân thọ, bãi bỏ giao kèo và lấy ba ngàn đồng về. Số tiền đó tôi đã dùng vào việc mai táng sáng nay rồi.

- Ông ơi, ông điên thật rồi!

- Bà hãy nghe kỹ đây. Tôi có một đề nghị cho bà...

Vừa nói, ông Hải Triều vừa hai tay nâng ly sữa có thuốc chuột lên.

- Nếu bà phải chết thì bà muốn chết cách nào?

- Ông đừng có nói bậy. Đây là giải pháp mà ông đề nghị đó hả?

Bà Bích Nga lắc đầu không tin.

- Đúng. Bà nói đúng!

Hải Triều mỉm cười, nụ cười thanh thản như xóa bỏ tất cả các phiền bức chất chứa bao lâu trong người, nâng ly sữa đổ vào miệng uống một hơi.

- Bà ơi, rồi đây sẽ không có còn ai quấy rầy bà nữa....

Bà Bích Nga không hiểu ông Hải Triều có ý gì... đến mãi vài phút sau...

Giây Phút Cuối Đời

Phùng Nhân



Ông Chín Tía không phải là người gốc gác ở trong cái xã Lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang này. Ông là người gốc Bến Tre, nhưng đã chạy giặc tới đây từ hồi thời kháng chiến 9 năm chống Pháp. Trên bước đường chạy giặc, ông Chín Tía đã chết hụt hết mấy lần, mới dất vợ công con chạy lạc tới đây, một Hòn Rái xa xôi hẻo lánh nằm cách đất liền gần 30 cây số, nhờ vậy mà ông mới còn sống sót cho tới bây giờ...

Nhưng rồi chiến tranh cũng chấm dứt vào năm 1975, ông Chín Tía cũng như bao nhiêu người dân lưu xứ khác, tích cực tham gia vào chánh phủ cách

mạng lâm thời, để xây dựng Hòn Rái trở thành xã Lại Sơn, mà dân xiêu tán chạy giặc tới đây mỗi ngày thêm đông đúc...

Chính trong những lúc tinh thần lên cao đó, khiến ông Chín Tía quên đi cái nơi chôn nhau cắt rún của mình mà tự nguyện cho đứa con gái út là cô Ngọc Hà đi ra ngoài xã tham gia công tác với người ta. Nhờ đó tên tuổi của ông được xã liệt vào gia đình có công với cách mạng, đã bám trụ để giữ hòn, từ khi Hòn Rái này còn là một nơi rừng rậm hoang vu cho đến ngày hôm nay có được thu nhập tài nguyên tôm cá, do một vùng biển cả rộng lớn bao quanh hằng năm đem lại.

Thời gian lần lửa trôi qua, đứa con gái út của ông Chín Tía nhờ có chút nhan sắc mặn mà, nên cô ta đã bò lên tới chức thủ kho cửa hàng thương nghiệp. Có dịp mở mắt nhìn đời, nên Ngọc Hà cũng biết cách bòn rút của kho, tuy không nhiều lắm nhưng cũng đủ giúp cho gia đình vượt qua những cơn túng thiếu.

Sau đó chẳng bao lâu cô Ngọc Hà mang bầu với thằng Đức Thắng là xã đội trưởng của xã Lại Sơn. Trước dư luận xầm xì đàm tiếu, thằng Đức Thắng phải nhờ đảng ủy đứng ra tổ chức một cái lễ tuyên bố theo quan niệm của những người cách mạng hiện giờ, là không được quỳ lạy trước bàn thờ gia tộc tổ tiên, mà chỉ có treo một tấm hình của ông Hồ, rồi cô dâu cùng chú rể đi lại đốt nhang đứng xá... Đám cưới cách mạng không có cái cảnh đeo nhẫn đeo bông, theo như tập tục văn hoá cổ truyền của ông bà từ xưa để lại, cho hai họ hai bên chứng kiến rõ ràng. Bởi đó buổi lễ Vu Quy trông rất lạ lùng, giống y như là một bữa tiệc liên hoan, để cho các ông chức sắc chánh quyền đứng lên phát biểu. Mà mấy ông lại có cái tật nói dai, nói đến văng bợt miếng ra ngoài cũng vẫn còn ham nói, khiến mấy ông già bà cả nhìn cảnh đó cũng nóng hơ, vì từ hồi thuở nhỏ cho tới bây giờ, họ mới tận mắt chứng kiến một cái đám cưới rất lạ lùng như vậy...

Ngày làm lễ tuyên bố cho đứa con gái út của mình, hai vợ chồng ông Chín Tía phải khóc thầm hết mấy đêm, vì đám cưới gì mà còn thua đám giỗ. Thằng rể của ông đầu đội nón tai bèo, chân mang giép lốp vỏ xe; con gái của ông thì mặc áo bà ba như người ta đi cấy lúa. Hai vợ chồng ông Chín Tía nhìn cảnh đó tuy buồn ngủi, nhưng cũng không biết phải làm sao, nên đành phải giả vui để mà

tiếp khách. Bữa tiệc vừa mới nhìn qua cũng khá linh đình, nhưng đã có nhiều ông già bà cả lộ vẻ lo âu, vì đám cưới mà cứ tổ chức như vậy, thì còn chi là lễ nghi văn hoá truyền thống của ông bà để lại!

Gần nửa năm sau ông Chín Tía mới trả dứt nợ. Mái đầu ông giờ đã bạc trắng, còn sức khoẻ thì bắt đầu suy sụp. Hằng đêm hơi thở khô khè, còn khi nằm ngủ thì cái ngực nặng như đeo đá, nhưng ông cũng không dám thối lộ với vợ con, sợ nóng ruột rồi chớ ông đi bác sĩ. Tới chừng đó thì số nợ sẽ chồng thêm, thôi thì số mạng tự trời cho tuổi đời bao nhiêu thì ông nhận bấy nhiêu; chớ còn thời buổi kinh tế khó khăn, thuốc tây mắc như vàng, còn muốn đi xin khám ở nhà thương, thì phải ngồi chầu chực hết cả ngày trời, mà cũng chưa chắc gì gặp được ông bác sĩ.

Rồi ngày tháng dần trôi, cuộc sống của gia đình ông Chín Tía bắt đầu khấm khá, nhờ bãi nghêu đất cát pha bùn, nên nghêu con thả xuống nó không đi, mà trái lại mấy bãi kế bên nó rủ qua bãi nghêu của ông để ở. Thấy cuộc sống của gia đình dễ thở lần lần, ông bèn sắm một cái máy khâu bằng, đặt để dành trong những đêm khuya nghe cái lương cho nó đã. Không có cái cảnh nào sung sướng cho bằng vào giấc hừng đông, hai vợ chồng già thức dậy nấu một bình trà, rồi mở máy lên nghe Hương Lan ca vọng cổ. Nhứt là bản *Lời Mẹ Dạy Con*, như xoáy vào tâm can những lời thiết tha triu mến, khiến cho đôi lúc hai vợ chồng cũng cảm thấy ngậm ngùi, khi nghĩ đến cái đám cưới của con Ngọc Hà vừa qua, vì tổ chức buổi tiệc tuyên bố theo cách mạng, nên hai vợ chồng ông đâu còn cơ hội để dạy con trong ngày xuất giá!

Ôi một đám cưới theo truyền thống lễ nghi tốt đẹp như vậy, bây giờ chỉ còn sót lại ở trong tâm tưởng mà thôi, vì hoàn cảnh đời sống hôm nay đã đổi khác hết rồi, khi đất nước bị bọn người mệnh danh cách mạng đi vào giải phóng. Khiến cho bao nhiêu nghi lễ văn hóa cũng không còn, vì bị họ thay vào đó một hình thức lai căng, nên cái đám cưới không khác gì một bữa tiệc vui chơi ăn nhậu.

Rồi ngày tháng qua mau, hai vợ chồng già vẫn sống trong âm thầm lặng lẽ. Thỉnh thoảng ông Chín Tía cũng rủ vài ông bạn già ngồi lại đánh vài ván cờ tướng cho vui, trong lúc đó thì ông vui miệng kể lại quãng đời chạy giặc. Từ nơi xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, ông phải chèo xuồng vượt sông Ba Lai chạy qua xã Châu Bình, rồi từ đó ông trôi giạt lần xuống cù lao Minh, cù lao Bảo. Không biết định mệnh nào xui khiến ông trôi giạt tới đây, để bây giờ ông mắc gốc chỗ này, chắc không thể nào hồi cư về nơi bản quán. Thông thường mỗi khi kể tới những hồi hào hứng như vậy, thì ông Chín Tía lại gõ con cờ xuống mâm nghe cái cộp, rồi nói chiếu tướng và cười vang, vì nước cờ của ông ở đây thuộc hàng cao thủ.

Mấy ông bạn già cứ tiếp tục khề khà, xoá cờ chơi ván khác... đưa lưng ra mặc cho gió táp mưa sa, vì từ khi đất nước giải phóng đến giờ, mỗi năm nhà nước chỉ bán cho mỗi người dân, theo tiêu chuẩn là 1m vải, chỉ đủ để may cái quần tiều, hoặc hai vợ chồng hùn lại với nhau để may cái áo bà ba. Bởi vậy mà mấy bạn già của ông Chín Tía, ông nào cũng ăn bận giống nhau, thường ngày chỉ mặc có cái quần tiều ngồi đánh cờ, còn cái áo thì để dành đó khi nào đi đâu mới xỏ

vỏ, hoặc là mỗi khi đi ăn đám giỗ!

Ngày lại tháng qua cuộc đời đã tập cho thành rề của ông Chín Tía quá sức khôn lanh, nên chẳng bao lâu nó đã lên tới chức phó bí thư chi bộ đảng, rồi còn kiêm luôn cái chức chủ tịch hội đồng nhân dân xã Lại Sơn này, khiến ông Chín Tía cũng hưởng được tiếng thơm lây. Mỗi lần ông đi tới đâu thì được bà con chào hỏi rất là trọng vọng. Những lúc đó thì ông cũng hãnh diện vì không ngờ nhờ thành rề mà ông được bà con chòm xóm láng xàng, chớ thực ra thì ông cũng chưa bao giờ nhờ vả việc gì đến nó.

Rồi tuổi đời mỗi ngày thêm chồng chất, ông Chín Tía và bà vợ là Trương Thị Tỏ cũng không thoát khỏi quy luật của tạo hoá đã sắp đặt cho số phận của loài người. Bà Trương Thị Tỏ bị bệnh chết già như một cái cây khô nước. Bà con xã Lại Sơn cảm kích cái tình lối xóm lâu ngày đi đến tham dự tang lễ rất đông. Ông Chín Tía nhìn xác vợ nằm đó rồi bật ra tiếng khóc. Ông thấm thía nhớ tới cái tình tằm mẫn vợ chồng, bây giờ bà vợ bỏ ông ra đi trước làm cho ông quận thất cả tâm can, nên ông quyết chí phải tổ chức tang lễ cho bà theo lễ nghi long trọng, chớ không thể chôn cất âm thầm, nhưng mà ở trong cái xã xa xôi như thế này, nội mua một cái hòm cũng khó chớ còn nói chi đến việc đi rước nhà đòn và nhạc lễ...

Trong lúc tang gia còn đang bối rối, ông Chín Tía lo đi thúc hối mấy đứa thanh niên lo nhẩy vô chuồng heo để bắt con heo mần cúng cho bà, thì thành rề của ông là Đức Thắng cùng với vợ là Ngọc Hà đi đến bên ông rồi thỏ thẻ nói:

- Thưa cha trong lúc ngộ bất cập như vậy, một cái hòm bằng

cây sao, hay cây dầu thì mình cũng phải chạy ghe đi xuống huyện Kiên Hải, hoặc đi ra ra tận ngoài tỉnh Kiên Giang mua mới có lặn. Thôi thì đành nhà tụi con cũng có được một bộ ván cây dầu còn rất tốt, nếu cha thấy được thì tụi con cho người khiêng nó đến đây, rồi con kêu thợ mộc xẻ mộng đóng hòm, chắc chừng một buổi thì hoàn tất, đừng lo tấm liệm thì thể của má cho rồi, chớ cha mà cứ khóc than thì biết đến bao giờ mới lo xong tang lễ...

Ông Chín Tía cũng không ngờ đến sự hiếu để của thằng rể và đứa con gái của mình, nên ông nắm tay thằng con rể run run rồi nói nhỏ:

- Cha xin cảm ơn lòng hiếu để của hai con, chắc linh hồn của má con sẽ ngậm cười nơi chín suối. Thôi con đi về đằng rồi cho người khiêng bộ ván lại đây, để cho cô bác họ phụ sự xẻ mộng đóng hòm, chừng nào xong thì nhờ cô bác tẩm liệm chiều nay, chớ còn để trễ tới ngày mai thì gặp ngày khắc kỵ tam nương, kỵ chôn cất hay động mả động mồ, sợ ảnh hưởng đến tương lai của con cái sau này. Tự hồi này tới giờ cha đã lo ra trong bụng!

Rồi bộ ván 6 tấm bằng cây dầu được thằng rể cho người khiêng tới cấp kỳ, sau đó hai ông thợ mộc nhà cũng ở kế bên, xách cưa đục đi lại lo xe mộng để đóng một cái hòm chỉ trong vòng một buổi. Tiếp theo sau đó là lễ nhập quan, rồi tang lễ sẽ được cử hành, có cả mấy ông đồn cò ngồi nơi bộ ván kép ò e và đánh trống lon ton theo nhịp phách.

Tuy là dân tản cư nghèo thiệt, nhưng ông Chín Tía nhất định không chấp điều của bà con, vì ông sợ làm như vậy thì người chết vẫn còn mắc nợ trên dương thế. Bởi đó ông mới nhờ một ông thầy giáo xã, viết giùm cho mấy chữ

cuối đông

Trời cuối đông trở rét
lạ là tháng năm đi
em về như tiền kiếp
trở hết vạn xuân thì.

Em về đưa mưa đi
Xuân đến kịp hạn kỳ.

huỳnh liễu ngạn



thật lớn Miễn Chấp Điều rồi dán lên trước đầu sãng, để báo tin trước cho bà con lối xóm biết. Gia chủ không chấp điều thì bà con lối xóm đi mua nhang đèn, trà quả, đem lại đơm ra mâm, rồi họ đốt nhang cúng bái rất là long trọng.

Cái đám ma tuy không lớn lắm nhưng đã làm xúc động mọi người, khi họ nhìn thấy tấm lòng hiếu để của thằng rể và đứa con gái. Riêng phần ông Chín Tía tuy có buồn rầu nhưng trong thâm tâm cũng được an ủi, vì ông đã nhìn thấy tận mắt con gái ruột của mình đang trả hiếu, được mọi người tấm tắc ngợi khen, làm cho ông Chín Tía cũng thêm phần hãnh diện và người ngoại nổi buồn thương người vợ già tẩm mẩn.

Rồi khi ăn tết vừa xong, ông Chín Tía mới lần tay tính lại, là năm nay ông đã đúng 70 tuổi chớ nào có ít gì. Ông cũng muốn làm một cái lễ thượng thọ để ăn mừng, nhưng vì nhà cửa quá neo đơn, chỉ có đứa con gái và thằng rể hiện đang làm chủ tịch xã thì khá giả, còn 3 đứa kia thì tụi nó quá nghèo, đi cào bữa nào thì mua gạo bữa đó để nuôi con, thôi thì cái lễ thượng thọ đó ông hãy đợi sang năm tới rồi làm cũng

được.

Trong lúc ông Chín Tía còn đang miên man nghĩ ngợi bên tách nước trà, thì đứa con gái của ông là con Ngọc Hà đi lại kế bên rồi nói:

- Này cha. Hồi má chết hai vợ chồng tụi con có cha mượn bộ ván bằng cây dầu để đóng hòm lo chôn cất cho má, sao tới năm nay mà cha không chịu trả lại cho tụi con? Cha để lâu như vậy rồi thằng chồng của con tới đây đòi thì coi làm sao cho được.

Ông Chín Tía cứ tưởng lỗ tai mình nghe lộn vì tuổi tác đã già, nên ông ngó con rồi hỏi lại:

- Ừa? con nói cái gì mà cha nghe không rõ, đâu con nói lại cho cha nghe với coi...

Cô Ngọc Hà bình tĩnh nói:

- Con muốn nhắc lại bộ ván đóng hòm cho má, mà vợ chồng con đã cho cha mượn đỡ hôm lúc tang gia, vậy cha hãy lo trả lại cho rồi, đừng để lâu quá rồi chồng của con đi tới đây đòi coi kỳ dữ lắm!

Ông Chín Tía vừa nghe qua chết lặng nửa người. Ông không ngờ đứa con gái của mình quá nhẫn tâm, trong lúc má nó chết chưa kịp mả tang mà nó đi lại đây đòi nợ. Nhưng ông cũng rán gượng vịn cái ghế đứng lên rồi

nói nhỏ:

- Vậy hả? Hồi trước cha tưởng tui bày cho, thôi để bữa nào rồi tao trả! Chớ bây đòi ngật như vậy, thì tao biết phải làm sao!

Nói xong một câu đau lòng như vậy, rồi ông đi lại bàn thờ vợ thấp nhang, không biết ông khẩn vái những gì, mà trong đôi mắt già nua tuôn ra hai giòng lệ nóng. Chừng vài tháng sau ông bán đứt căn nhà, mặc dầu mấy đứa con kia tui nó có cản ngăn. Nhưng đã cùng đường ông đâu còn cách chi để mà gìn giữ, thế là ông phải đành dọn bàn thờ đi lại nhà ở đậu đứa con gái thứ tư, hai vợ chồng con nhỏ này tuy nghèo, nhưng lại nuôi ông rất là hiếu thảo.

Rồi ông mới bàn tính với tui nó, là phải đón đôn đi xuống trại mộc ở dưới huyện Kiên Hải, để mua cho được một bộ ván 6 tấm bằng cây dầu, chở về trả cho con Ngọc Hà liền thì cha đây mới yên

lòng nhắm mắt! Đó là một câu trần trối của người già, cho nên con gái và thằng rể phải nghe theo, rồi hai vợ chồng tui nó lo tom góp tiền bạc để lo đi mua bộ ván.

Sau một ngày trời vất vả hai cha con ông Chín Tía đón đôn đi xuống huyện Kiên Hải, đến buổi chiều mới chở về một bộ ván 6 tấm bằng cây dầu mới tinh nước véc-ni còn bóng dợn. Rồi ông hì hục mượn con cháu xóm chòm, khiêng đến nhà con gái và thằng rể để trả lại bộ ván nói trên. Nhưng thằng rể và cô con gái của ông, sau một hồi nhìn sơ qua thì lắc đầu nói lớn:

- Bộ ván này đâu có xứng đáng như bộ ván của tui, bộ ván của tui thuộc loại cây dầu ngoài đảo Phú Quốc, còn bộ ván này thuộc loại cây giồng, vậy cha hãy khiêng đi về đặng để dành đó đi, chừng nào mua được cây dầu Phú

Quốc rồi cha khiêng tới trả.

Ông Chín Tía đứng chết lặng một hồi, rồi kêu trời:

- Trời ơi. Ngó xuống mà coi con cái của tôi đây nè. Tui bày định trả hiếu cho má bây, bằng cách ép bán bộ ván dầu khi má bây nằm xuống đó hả? Chớ hồi đó tao đâu có hỏi mua, mà bây giờ tui bày so đo tính toán...

Nói một câu đau đớn như vậy, nhưng ông Chín Tía vẫn nhìn thằng rể nói tiếp:

- Thôi được. Tui bày cho tao hẹn thêm vài tháng nữa, tao nhứt định sẽ lội ra tới ngoài đảo Phú Quốc để mua bộ ván dầu về trả nợ cho bây. Còn không thì má bây làm sao yên lòng nhắm mắt nơi chín suối!

Rồi ông Chín Tía thất thểu quay về, hai bắp chân của ông nó còn nặng nề hơn hồi ông cõng con chạy giặc. Cho nên đôi mắt ông mệt mỏi đổ hào quang, rồi ông đột quỵ xuống bên đường, chòm xóm thương tình thấy vậy vớ ông đem về nhà ủ ấm. Còn đứa con gái và thằng rể lấy mắt đứng nhìn, rồi tui nó nguýt ông một phát và bỏ vô nhà, nhưng ông Chín Tía đã nằm mê man nào đâu hay biết!

Câu chuyện đó đã rùm lên như vậy, nhưng ông Chín Tía cũng ráng gượng sống qua ngày. Nhiều lúc nhìn lại cái tuổi già nua, ông mong mỏi được nằm ngủ một giấc ngàn thu để quên đi cảnh đời nhọc nhằn. Nhưng số mạng con người chết sống do Trời, đâu phải muốn chết để dứt nợ mà chết được đâu, vì vậy mới có cảnh những người đui mù lết đi xin ăn trong chợ...

Hàng ngày ông Chín Tía nén tiếng thở ra, cho đến một hôm ông nhờ được người quen ở ngoài Phú Quốc, dò hỏi mua giùm một bộ ván 6 tấm cây dầu, được xác nhận lý lịch đã hạ xuống trên đảo

chân mây

Từ miền viễn hồn ướt mềm nỗi nhớ
Chuyện hẹn hò như bóng nắng hoàng hôn
Lời trao vội ngày nào ta cứ ngỡ
Lời trời trăn cho hạnh ngộ sau cùng.

Em thơ ngây mở trang đời thơm phúc
nhưng khởi đầu là ngàn ấy truân chuyên
Ta vào đời đã ôm lòng ngỡ vực
Tuổi đôi mươi mà đầy áp muộn phiền.

Em quanh quẩn với đêm dài vô tận
Lượng sống đời xô nhan sắc tàn phai
Ta trôi giạt kiếp người vùng biển lận
Rất gian nan để nguyên vẹn hình hài.

Càng xuôi ngược giữa chập chùng oan nghiệt
Những tai ương như mãi miết không rời
Thương cho em trọn một đời thua thiệt
Cõi lưu đầy tình mơn mõi âm hơi...

vạn giả



Phú Quốc dâng hoàng, với giá cả bao nhiêu cũng được!

Khi chở được bộ ván về tới nhà, ông Chín Tía mời mấy ông thợ mộc lại coi giùm, coi số gỗ của nó có phải thiệt là đầu Phú Quốc hay không. Tới chừng ông thợ mộc mỉm cười nói phải, thì ông Chín Tía đi lại bàn thờ, rồi thắp một cây nhang. Không biết ông đã khấn vái những gì, mà trên đôi mắt già nua chảy ra hai giòng lệ nóng!

Cái ngày nhờ con nhờ cháu khiêng bộ ván đem trả cho con Ngọc Hà, ông Chín Tía đã thao thức suy nghĩ hết mấy đêm liền. Cuối cùng ông quyết định, là phải nhờ ông thầy giáo xã viết dùm vài lời Cảm Tạ, để cảm ơn đứa con gái và thằng rể đã cho ông mượn dờ bộ ván 6 tấm đóng hòm, để chôn cất má nó trong lúc lâm chung, vì gia cảnh nghèo quá cho nên tới bây giờ mới lo trả nổi. Nhưng chữ nghĩa thì ông Chín Tía dốt đặc, bởi đó ông mới mời thầy giáo xã lại nhà để ông tỉ tê tâm sự. Nhờ ông kể lễ rất chân tình, nên ông thầy giáo nhập tâm, viết ra những lời cảm tạ thật là thống thiết. Viết xong rồi ông thầy giáo mới đọc lại cho ông Chín Tía nghe, để coi ông có muốn sửa chữa chỗ nào.

Ông Chín Tía nghe xong, buồn bã gật đầu ưng ý. Ông vẫn một điều thuốc đưa cho ông thầy giáo để tỏ dấu cảm ơn, rồi ông đi lại bàn thờ đốt một cây nhang, để như tâm sự với vợ hiền, mà mỗi khi gặp chuyện gì buồn bã lại khiến ông nhớ thương không sao tả xiết. Trong tờ Cảm Tạ thầy giáo đã viết như vậy:

"Tôi Nguyễn Văn Tía 70 tuổi, xin chân thành cảm tạ ông Bùi Đức Thắng và vợ là Nguyễn Thị Ngọc Hà, đã có công lao đóng góp vào đám tang vợ tôi, tức là má ruột của bà Hà, là má vợ của

ông Bùi Đức Thắng một bộ ván 6 tấm để đóng một cái hòm (tức là hòm). Vì tôi không biết sự đóng góp đó là một sự bán buôn, nên tôi đã để cho hai ông bà đến nhà đòi nợ. Nay tôi xin hoàn trả bộ ván cho ông bà. Xin thành thật nhận lỗi và biết ơn. Người cảm tạ: Chín Tía!"

Người dân trong xã Lại Sơn từ trước đến nay chưa thấy cái cảnh đó bao giờ, nên họ rủ nhau đi theo coi đông như đi coi hát bộ, làm cho ông Chín Tía cũng lên tinh thần. Ông don đốc mấy đứa nhỏ khiêng đi một vòng quanh chợ, sau đó ông mới biểu mấy đứa nhỏ khiêng 6 tấm ván đến trước nhà đứa con gái của ông, rồi ông bước vô nhà nhìn con nói rất là nhỏ nhẹ:

- Thưa bà. Hôm nay tôi đã mua được bộ ván cây đầu ngoài đảo Phú Quốc xa xôi, xin bà và ông hãy vui lòng cho tôi hoàn trả...

Đợi cho ông Chín Tía nói xong, thì đứa con gái và thằng rể bước ra sân, lật 6 tấm ván lên lấy thước ra đo một hồi rồi nói lớn:

- Bộ ván này đúng là cây đầu ngoài Phú Quốc, nhưng bề gáy lại mỏng hết một phân, nên nó không thể nào tương xứng với bộ ván của tui khi cho mượn, vậy chúng tôi kỳ hạn cho ông hai tháng nữa, phải mua cho đúng bộ ván bề gáy dày 6 phân thì tôi mới nhận. Còn nếu không thì tôi sẽ làm đơn thưa ông, về tội chiếm dụng một bộ ván để đóng hòm, nay cũng gần giáp một năm rồi mà chưa trả lại! Tới chừng đó thì chúng tôi sẽ dứt nghĩa cha con, vì ông đã nghe lời người ta xúi giục, viết tờ cảm tạ dạng chữ xéo hai vợ chồng chúng tôi.

Ông Chín Tía chỉ kịp kêu trời, rồi té xỉu xuống hàng hiên, sau đó tay chân co rút lại như một người bị bệnh kinh phong co giật. Mặc dầu chòm xóm chạy chữa

hết lòng, nhưng do sự phẫn hận nên ông không thể nào sống nổi!

Rồi đám ma của ông cũng được chôn cất dâng hoàng, tuy cái hòm bằng cây tạp chớ không được cây sao, như khi còn sống ông Chín Tía đã từng mong ước. Nhưng có lẽ thân xác của ông đã được chôn sâu dưới ba thước đất dâng hoàng, chớ không có cảnh đã chết rồi mà còn mắc nợ thế gian, để cho con gái và thằng rể đi tới nhà ông đòi nợ.

Quả thật đây là một câu chuyện đau lòng, mới nghe qua cứ tưởng nó là một chuyện tiểu lâm, vậy mà nó đã xảy ra ở trên xã Lại Sơn này, khiến cho người ta nhìn thấy cảnh đời mà ngao ngán. Cho nên có người làm bộ chữ chó máng mèo, để cho thấu tới tai của vợ chồng đứa con bất hiếu. Không biết cái thứ quân bất nghĩa đó nó có hiểu gì không, mà khi ngôi mộ của ông Chín Tía cỏ vừa lên xanh, thì người ta thấy hai vợ chồng tụi nó dẫn nhau ra thắp nhang ngồi khóc.

Vài tháng sau, thằng Đức Thắng bị té Honda nứt cái sọ đầu, rồi nó bị chạm thần kinh, lang thang đi ăn xin đầu đường xó chợ. Còn con Ngọc Hà thì cũng bị chòm xóm lánh xa, cho nên trong một buổi tối âm thầm, nó sửa soạn quần áo và đồ đạc cần thiết vào trong hai cái va ly, rồi hùng dũng sáng nó dắt hai đứa con bước xuống chiếc tàu đò, chạy tuyến đường ra tỉnh Kiên Giang, rồi từ đó đi đâu biệt tích.

Tất cả những sự kiện đó là một quả báo nhãn tiền để dân trong xã Lại Sơn bàn tán trong lúc rảnh rang, và nhìn lại cha má của mình mà lo bề hiếu thảo. Biển giả chắc cũng động lòng, đã đem về cho họ những mẻ lưới trúng đầy nhóc cá tôm, nên cuộc sống của người dân Hòn Rái năm xưa, bây giờ đã bắt đầu khá giả. ●

Người Học-Trò của Cha Nguyễn

Tôn Nữ

phóng tác



Vào một buổi chiều mùa Đông, cha Nguyễn - giám đốc trại "Thành phố của những đứa trẻ phạm pháp" nổi tiếng khắp thế giới ở Nebraska - nhận được một cú điện thoại:

- Allô! Thưa có phải cha Nguyễn không ạ? Tôi là cảnh sát trưởng Lâm ở Virginia. Cha còn chỗ cho một nội trú không ạ? Vâng, ngay lúc này?

- Bây giờ nó đang ở đâu?

- Ở trong tù. Đây là một trường hợp tuyệt vọng, tôi xin báo cho cha hay trước. Trộm ngân hàng, đánh cướp có vũ trang ba cửa tiệm.

- Nó bao nhiêu tuổi?

- Tám tuổi rưỡi.

Người trả lời điện thoại là một linh mục gầy ốm với đôi mắt đen sáng quắc. Người hơi giật mình khi nghe ông cảnh sát trưởng nói như vậy.

- Ông nói sao?

- Thưa cha đừng mềm lòng vì tuổi tác của tên này. Như tôi đã nói với cha, chẳng những tội đó mà nó còn tệ hại hơn nữa. Cha có nhận nó hay không?

Đã từ lâu lắm rồi, linh mục Nguyễn Huy Phụng nhận coi sóc những đứa trẻ bị xã hội ruồng bỏ, không chấp nhận vì chúng là những đứa trẻ phạm pháp, bất trị. Chúng là những đứa bé trai trong tất cả mọi lứa tuổi, mọi quốc tịch, màu da và tôn giáo.

Cha Nguyễn trả lời ông cảnh sát trưởng:

- Nếu tôi không dạy dỗ được một đứa trẻ tám tuổi rưỡi thì tôi nên về hưu cho rồi. Ông cứ đem nó đến đây.

Ba ngày sau, cha Nguyễn tiếp vợ chồng cảnh sát trưởng Phạm Lâm ở văn phòng trại.

Đi cùng với họ là một bé trai với nước da xanh mét bất thường, đứa bé ôm trong tay một cái xách nhỏ. Nó cao không đến mặt bàn

giấy, đầu tóc bù xù dơ bẩn. Một cọng tóc rơi xuống khuôn mặt gầy yếu với đôi mắt đen không được mở lớn làm cho khuôn mặt nó trở nên gian xảo và tội lỗi vô cùng. Miệng nó ngậm một miếng thuốc với nụ cười cố tình làm cho nó trông thật hèn hạ.

- Cha đừng để ý. Chúng tôi phải hối lộ thuốc lá cho nó mới đem nó đến đây được.

Vợ ông cảnh sát trưởng để xuống bàn giấy một chiếc phong bì thật lớn. Bà gằn giọng nói với cha Nguyễn:

- Đây là một bản báo cáo đầy đủ nhất. Nhưng nó vẫn chưa phản ánh được nửa phần sự thật. Đứa bé này chỉ là một tên du côn, một tên sát nhân không đáng được săn sóc, chữa trị. Theo ý riêng của tôi, nó không còn phải là con người nữa. Xin chào cha và chúc cha nhiều may mắn. Vâng cha rất cần may mắn!

Trong tim của cha Nguyễn bỗng bùng lên ngọn lửa yêu thương không thể nào tàn lụi: Tình yêu của Chúa dành cho nhân loại mà Chúa xem như ruột thịt, nhất là tình thương cho những đứa trẻ thiếu may mắn.

Cha Nguyễn nhìn khuôn mặt bé nhỏ đang đứng trước mặt cha mà nghĩ rằng chưa bao giờ cha trông thấy một sự pha trộn thảm thương như vậy, nó là hiện thân của tội lỗi và đau thương.

Cha đưa tay chỉ chiếc ghế trước bàn làm việc và bảo đứa bé ngồi xuống. Xong cha chậm rãi mở chiếc phong bì lớn đặt trên bàn và bắt đầu đọc lý lịch của đứa bé.

Không ai biết tên cha mẹ của nó. Nó được sinh ra trong một khu nghèo nàn thuộc hải cảng Newport News, cha mẹ của nó đều chết vì bị sưng phổi trong một năm giá rét tốt cùng khi nó mới lên bốn tuổi. Những gia đình

nghèo ở bến tàu thay phiên nhau nuôi nó khôn lớn và sự đau khổ biến thành bé thành một đứa trẻ hoang dại, ít nói và không biết bày tỏ cảm tình với người chung quanh. Trường đời dui mài thêm cho sự liều lĩnh và can đảm của nó. Vừa mới tám tuổi nó đã trở thành thủ lĩnh của một đám bụi đời tí hon chuyên nghề cướp giật. Những tên du đảng lớn tuổi muốn diệt thằng nhóc, nó liền đến gặp và bày ra những mưu mẹo cướp của, không lớn lao lắm nhưng nó đã hoàn thành một cách vẻ vang.

Sáu tháng trước khi bị cảnh sát bắt nhốt, chức thủ lĩnh của nó bị lung lay vì một thằng mới nhập đảng.

- Mày chẳng làm gì được một mình. Mày không đáng là thủ lĩnh.

- Mày nói vậy mà nghe được sao? - Thằng Quế, tên đứa nhỏ, trả lời - Tao sẽ làm một vụ động trời cho mày biết tay và run sợ chơi. Tao sẽ một mình đi cướp nhà băng!

Ngân hàng này nằm trong một căn chung cư cũ kỹ. Vào giờ ăn trưa, khi mọi người đi vắng, Quế lẻn vào ngân hàng mà không bị để ý vì nó chui qua khe rách nhỏ xíu của hàng rào sắt bọc quanh. Nó phải nhón người lên mới nhìn thấy ngăn đựng tiền, nó bốc một nắm bạc một trăm đô và đi ra thoát. Sau đó nó chia đều số tiền cướp được với bạn bè. Số tiền quá nhỏ nên ngân hàng không báo động, chuyện không được đăng lên trang nhất của các nhật báo như nó đã dự trù.

Những đứa bạn của nó lại đua nhau phê bình chê trách.

- Chuyện này chỉ giúp mày có tiền xài chứ đâu có chi anh hùng. Mày làm chuyện gì nổi tiếng chúng tao mới phục chứ!

Quế không trả lời nhưng biến mất trong nhiều ngày. Nó mượn

được một khẩu súng ngắn và đi tập bắn ở ngoại ô. Nó muốn thành thạo khi sử dụng súng.

Lần này thì chuyện nó làm được đăng tràn ngập trên trang nhất của tất cả các nhật báo của thành phố. Một đứa con nít bước vào một tiệm ăn lúc vắng khách, chìa súng vào ngực người ngồi kết và ông này đã kinh hoàng đưa hết tiền thu trong ngày cho nó. Sau đó ít lâu, cũng tên nhóc con đó đã thò tay vào túi một ông chủ tiệm may lấy cả xấp tiền của ông ta trong khi ông này run như cầy sấy trước họng súng của nó. Nạn nhân thứ ba của nó là bà già chủ một tiệm bánh ngọt. Khi bị nó chìa súng vào người thì bà la lớn:

- Mày có vất cây súng đi không? Coi chừng mất mạng đó nghe con.

Bà già hất cây súng khỏi tay nó và túm lấy tóc nó giữ chặt. Nó vùng vẫy, chống cự mãnh liệt và suýt giết chết bà nếu như cảnh sát không nghe tiếng kêu cứu của bà cụ già và chạy đến.

Sau đó thì Quế bị gởi tới "Thành phố của những đứa trẻ phạm pháp"...

Cha Nguyễn đặt hồ sơ xuống bàn và chăm chú nhìn nhân vật chính của thảm kịch ngày hôm nay. Trong ánh sáng mờ nhạt của hoàng hôn đang xuống dần, Quế ngồi im lìm trên ghế, đầu cúi xuống nên khó mà nhìn thấy rõ khuôn mặt nó. Khi cảm nhận được tia nhìn của cha Nguyễn, Quế liền đưa tay vào túi quần rút ra một tờ giấy vắn thuốc cùng với hộp thuốc lá sợi. Nó vắn thuốc thật thành thạo, chỉ với một tay theo kiểu mấy tên cao bồi trong phim ảnh. Đặt miếng thuốc lên môi, nó bật một que diêm và hít khói vào xong nhả ra cho khói trôi về phía bàn giấy của cha Nguyễn.

Con mắt nó mở lớn thật nhanh,

chỉ một giây thôi để xem phản ứng của “ông thầy tu”.

- Quế, chúc mừng con đã đến đây. Con nên biết rằng ở chốn này mọi việc đều do “nhóm con trai” lo liệu hết. Ngay cả chức chủ tịch Hội đồng tư vấn và trường ty cảnh sát cũng vậy.

- Vậy nhà tù ở đâu?

Quế dấm dẩn hỏi lại.

- Không có nhà tù con ạ! Bây giờ thì con đi tắm xong đi ăn cơm tối. Ngày mai con sẽ đi học. Nếu con muốn chúng mình trở thành đôi bạn, thì chuyện đó tùy ở con. Một ngày kia, cha mong ước, cha sẽ thương con với tất cả trái tim của cha vì cha biết rằng con là một đứa trẻ ngoan.

Quế trả lời bằng một câu làm bầm không êm tai lắm.

Ngày hôm sau vào lúc 10 giờ sáng, cửa văn phòng của cha Nguyễn bật mở và người công dân mới của thành phố dành cho trẻ em phạm pháp bước vào một cách ồn ào... Tóc của nó đã được cắt ngắn, được chải tươm tất và nó ăn mặc sạch sẽ. Làm vẻ thần nhiên, nó liệng lên bàn của ông linh mục cái thư của một thầy giáo. “Thưa cha, chúng con nghe cha nhắc nhở cả ngàn lần là không có một đứa trẻ nào xấu trên đời cả, vậy xin cha cho con biết con sẽ gọi đứa bé này ra làm sao?”.

Trong các lớp học, cha Nguyễn nhận thấy không khí thật căng thẳng. Người thầy giáo cho biết Quế ngồi im vào lúc đầu trong chừng một tiếng đồng hồ. Bỗng nhiên nó đứng bật dậy đi quanh lớp, chửi thề và la hét như một tên giữ ngựa, đưa tay chụp hết những đồ đạc mà nó vớ được liệng hết xuống sàn lớp. Nó vớ được một bình mực và liệng ngay vào bức tượng ở trước mặt làm hoen ố cả bức tranh sơn dầu treo kế đó của một họa sĩ tên tuổi tặng

cho trường.

Cha Nguyễn nói Quế ngồi vào bàn của nó, xong cha tự trách mình trước mặt cả lớp học:

- Đây chính là lỗi của cha! Chưa bao giờ cha nói cho trò Quế hay là không được đổ mực xuống sàn nhà. Và vì Quế nên luật lệ của “thành phố trẻ em phạm pháp” cần sửa lại cho rõ ràng, cho Quế cũng như cho tất cả mọi người. Trước hết trò Quế phải thuộc hết các luật lệ ở nơi đây đã. Các con đừng quên rằng trò Quế là một đứa trẻ rất ngoan.

- Tôi không ngoan chút nào cả! - Quế hét lớn - Tôi là hiện thân của quỷ!

Thời gian trôi nhanh, người học trò mới không có bạn giữa những đứa trẻ cũng như giữa các thầy giáo. Còn đối với cha Nguyễn, Quế dành cho cha một lời chửi rủa tục tằn “Đồ cha thầy tu già dơ dáy”! Nó dùng thời giờ rảnh rỗi của nó để đi quanh thành phố nhỏ và tìm đường trốn. Nó đá bóng rất giỏi nhưng tỏ ra không thích thú bất cứ môn thể thao nào. “Đồ trò chơi con nít!”, nó thường lẩm bẩm như vậy. Hát nhà thờ hay hoà nhạc khiến nó buồn ngủ. Nó chán trồng trọt hay coi sóc thú vật. Trong sáu tháng ở “Thành phố của trẻ phạm pháp” không ai trông thấy được nụ cười hay giọt nước mắt nào của nó. Sau cùng mọi người đều tự hỏi phải chăng lần này cha Nguyễn đã gặp được đối thủ.

Cha hỏi những nữ tu dạy lớp ba:

- Thành bé có học được chút gì không?

- Thưa cha cũng được chút ít. Nó đang học đánh vần. Thật ra nó học được nhiều hơn là người ngoài tưởng nhưng tâm nó đầy hận thù.

Đây không phải là trường hợp khó khăn đầu tiên của cha Nguyễn.

Một học trò của thành phố này đã giết chết cha ruột của nó bằng một viên đạn ngay tim, nhưng chỉ vì nó muốn bảo vệ người mẹ mà nó yêu kính đã bị cha nó đánh đập trước mặt nó. Khi người linh mục hiểu rõ câu chuyện ông đã giải quyết được mọi sự thật tốt đẹp. Cha Nguyễn nghĩ rằng trường hợp của Quế cũng vậy, cha sẽ tìm ra được cái phần tốt đẹp nhay cảm ở tâm hồn nó. Chỉ cần làm sao tìm được khía cạnh đó mà thôi.

“Chắc là phải đến bỏ hết mọi luật lệ đi!”- có lần cha đã tự nhủ - “Mình phải làm cho thành bé này mềm lòng... với tình thương yêu!”

Học sinh và thầy giáo của “thành phố trẻ em phạm pháp” chờ đợi kết quả của phương cách mới như chờ đợi kết quả của một cuộc tranh tài thể thao. Một mình cha Nguyễn đảm trách bảo vệ danh dự của trường. Đến ngày hôm nay, khi nghĩ lại cha còn rung mình khi nhớ lại những tuần, những tháng dễ dàng buông thả một cách cố ý đó. Những cuốn phim hạng nhì mà tất cả đều cùng xem; những núi xúc-xích, kẹo, cà rem, nước ngọt mà Quế đã nhét vào bụng. Nhưng đứa bé như không cảm thấy thích thú chuyện gì cả. Những buổi sáng mùa hè thơm mùi cỏ dại và nhựa thông, nó lấy một con thuyền nhỏ và bơi ồn ào trên mặt hồ nhưng nếu câu được một con cá nhỏ nó lặng yên, cầm nín như không hề biết đến. Một sự lặng lẽ như phủ kín thân hình nó và Quế càng trở nên ít nói hơn.

Có một lần vào khoảng cuối thời gian thử thách, một tai nạn nhỏ xảy ra giúp cho sự thân mật của cha Nguyễn và cậu bé tội lỗi gia tăng thật nhiều. Khi băng qua đường ở một ngã tư, Quế chỉ nhìn về một phía nên không trông thấy

một chiếc xe vận tải từ phía sau lưng chạy hết tốc lực đến gần nó. Cha Nguyễn chỉ còn đủ thời giờ để túm ngay lấy cậu bé và kéo lên lại lề đường. Trong một giây, ánh mắt của cậu bé ánh lên sự biết ơn trộn lẫn kinh ngạc. Rồi mắt nó chớp nhanh. Nó không nói một lời nào.

Mặc dù rất tự tin nhưng đôi khi cha Nguyễn cũng tự hỏi phải chăng sự xấu xa, hư đốn của cậu bé này có tính cách gia truyền và cha sẽ không làm sao đánh bại được nó. Sự tuyệt vọng thật cùng cực khi vào một sáng mùa Xuân ấm áp, Quế đi vào văn phòng của cha Nguyễn tuyên bố rằng nó muốn cha giải thích cho nó một câu chuyện. Lần này đôi mắt đen của nó như đang bùng bùng lửa giận.

- Cha muốn thắng tôi, nhưng lần này tôi biết được mưu mẹo của cha. Nếu cha tài giỏi cha đã thành công rồi và tôi đã đầu hàng cha. Nhưng thật là may, tôi đã đoán ra. Tôi đã suy nghĩ suốt đêm và vào lúc gần sáng tôi đã hiểu hết mọi chuyện. Tất cả chỉ là một âm mưu mà thôi.

Khi nói những câu trên, khuôn mặt của Quế thật là nghiêm trang, đau khổ và rất chín chắn. Không phải sự hỗn láo đã xui khiến nó nói lên những lời đó mà là sự tuyệt vọng. Cha Nguyễn cảm thấy thật xúc động và cha nhận thấy đây là lần đầu tiên từ khi thằng bé đến trại này, cha thấy đôi môi nó run run vì cảm xúc.

- Cha Nguyễn, cha chỉ là một người giả dối!

- Con hãy chứng tỏ cho ta thấy sự đó, không làm được thì câm miệng lại!

- Được rồi! Tôi vừa đá vào chân một dì phước thật mạnh. Cái đó cha gọi là gì?

- Một lần nữa, cha vẫn nói con là một đứa trẻ ngoan.

- Đó! Đúng như vậy! Cha chỉ nói đi nói lại điệp khúc đó. Cha biết rằng cha nói dối nhưng cha vẫn nói. Vậy cha hãy cho tôi biết cha có phải là người giả dối hay không?

"Cha thân yêu đang ở trên trời, luận điệu này thật đúng! Làm sao trả lời bây giờ? Làm sao chúng tôi được sự tin tưởng trong lòng con đối với nó cũng như đối với Cha đây? Thời khắc quan trọng của Quế và con là ở phút này. Bây giờ hay chẳng khi nào nữa. Lạy Cha, hãy giúp con tìm ra được những câu trả lời thỏa đáng."

Cha Nguyễn ho lên khe khẽ rồi hắng giọng nói:

- Quế, con là một đứa trẻ thật thà đã dám công nhận sự thật khi nó hiện ra trước mặt. Vậy thì con hãy trả lời cho cha hay rằng, theo con thì một đứa trẻ ngoan phải như thế nào? Một đứa trẻ ngoan có phải là đứa trẻ biết vâng lời hay không? Đúng như vậy không?

- Đúng vậy!

- Có phải nó làm tất cả những gì mà thầy nó dạy nó phải làm hay không?

- Đúng vậy!

- Vậy thì đó là điều mà con luôn luôn làm đó thôi. Nhưng mà, rồi thay, con đã có những ông thầy xấu, những ông thầy là những kẻ gian manh ở bến tàu, những tên cướp giết trong thành phố. Và con đã tuân theo một cách mù quáng những lời dạy dỗ của họ. Con đã làm tất cả những chuyện gian ác và tội lỗi mà họ dạy cho con phải làm. Bây giờ nếu con cũng làm như vậy đối với những ông thầy tốt thì con sẽ trở thành một kẻ phi thường ngay!

Những câu nói giản dị nhưng đúng sự thật đó như một phép lạ đã xua ra khỏi căn phòng tất cả những con quỷ dữ và làm cho không khí trở nên trong lành. Mới đầu, con người bé nhỏ đó như

đêm nguyệt tận

Đối diện dốc đời
đêm nguyệt tận
Ta nghe thăm thăm
một niềm đau.
Người ơi!
Sao mãi ôm thù hận
Rớt xuống oan khiên
vạn
giọt sầu!

lê hữu minh toán

phân vân, không hiểu. Rồi tia nhìn của nó bỗng trở nên long lanh, thật thà, trong sáng, đứa bé thở ra một hơi dài nhẹ nhõm và chạy ào đến phía bàn giấy. Tim của cha Nguyễn như mở hội, đôi mắt của cha ngập tràn lệ hạnh phúc, làm như cha cũng cùng chung sự giải thoát đó: cha vội mở rộng vòng tay và đứa bé nghẹn ngào lao vào lòng cha với đôi mắt đắm lệ vui mừng...

Câu chuyện đó xảy ra đã lâu rồi. Quế ở lại trại "Thành phố của những đứa trẻ phạm pháp" mười năm. Sau những năm dài học hành thật xuất sắc, Quế xin vào binh chủng hải quân... Nó đã được thăng cấp ba lần trong những trận đánh đẫm máu ở bờ biển.

Cha Nguyễn thật hạnh diện khi nói đến Quế:

- Ngực nó mang đầy huân chương. Chuyện đó không cổ chi lạ vì sự can đảm của nó có thừa. Nhưng lạy Chúa! Có cái khác còn quý hơn: Quế là một người đầy tình thương đối với nhân loại, cái tình đó như có từ trong trong xương tủy của nó. Quế là người công giáo đẹp nhất mà tôi đã gặp. Nhưng... nó cũng là người học trò khó khăn nhất của đời tôi. ●

Chiếc Áo Ca-rô Mới

Nguyễn Văn Thông



Lớp ba chúng tôi cứ học một tuần buổi sáng thì lại một tuần buổi chiều. Tuần buổi sáng thì có ngày thứ năm đổi sang buổi chiều. Nghe cô giáo nói thế thì biết thế chứ đâu có đứa nào thắc mắc vì sao. Tới tuần thứ hai học buổi chiều thì tôi bắt đầu nghi rằng thế nào cũng có ngày đổi sang học buổi sáng. Tôi bàn với thằng Thành bạn tôi thế. Bây giờ có thể có người bảo sao chúng tôi khờ thế, chỉ việc hỏi cô

giáo một câu là xong chứ việc gì mà phải bàn. Thưa, tôi không nghĩ rằng tôi khờ đâu, tôi vốn là đứa học-sinh giỏi, ít nhất là giỏi trong nhóm học-sinh từ trường làng ra trường quận học cơ mà, quận Bến-Cát. Hơn nữa hồi xưa một lớp có đến 50 học-sinh thì chuyện hỏi thầy cô đâu phải chuyện dễ. Có hỏi thì phải hỏi chuyện gì cho đáng hỏi. Mà có đứa nào dám chắc là câu hỏi của mình đáng hỏi đâu. Rồi còn có

một lí nữa là học-sinh ngày xưa khác với học-sinh ngày nay, đi học là để nghe lời thầy cô chứ không phải để hỏi. Bố mẹ nào chả dặn con đi học là nhớ phải lắng nghe lời thầy cô.

Thế nên ngay ngày đầu tiên đi học lớp ba tôi đã gặp vấn-đề rồi. Lúc tan học, cô Chung cho học-sinh đứng xếp thành hai hàng gần cổng trường, cô bảo rằng: "Trò nào nhà bên tay mặt thì đứng hàng bên tay mặt, trò nào nhà bên trái thì đứng hàng bên tay trái."

Cô nói rõ-ràng dễ hiểu như vậy mà tôi có vấn-đề mới chết chứ, dù tôi đã học ngay được rằng tay mặt tức là tay phải. Vấn-đề là ở chỗ, nhà tôi ở phía tay trái, ở rất xa là khác, ở gần Lai-Khe, trong khi chiếc xe đạp của tôi thì lại gởi nơi nhà một người quen của bố tôi ở phía tay phải, cũng phải đi cách nhà trường một đoạn. Gởi ở đó là vì xe mới mua, dù là xe cũ, nhưng gởi nhà người quen thì cũng yên tâm hơn chứ chưa dám gởi ở chỗ để xe của nhà trường. Thế là trong lúc lúng-túng, thằng bé bước sang đứng hàng bên trái. Đến khi hàng đi ra khỏi cổng, cứ càng ngày càng xa chỗ gởi xe, thì trong bụng tôi nôn-nao hết sức.

Hàng tan dần cho tới khi qua khu chợ thì coi như hết còn hàng. Bấy giờ tôi mới dám đứng lại, quay đầu bước ngược lại phía nhà trường. Nhưng từ đằng xa, cô Chung lại đang chậm-rãi ôm cặp đi tới. Thật là khó. Thế là thằng bé lại đứng nép vào một bên chờ mãi cô giáo mới rẽ vào lối khác. Khi lấy xe đạp xong đạp về thì đã trưa quá. Nghĩ tới đoạn đường mấy cây-số đi về có một mình tôi vừa lo vừa buồn. Rõ là cuộc đời chẳng đơn-giản tí nào.

Nhưng may thay, khi đạp xe tới chỗ bến xe thì thấy thằng Thành còn đợi tôi ở đó. Mừng

quá. Thế là con đường về hôm nay vẫn đẹp giữa những cánh đồng lúa, giữa những cánh rừng, và gió thổi thấy mát rười-rượi giữa nắng ban trưa. Thế là trong tuần đó, cũng trên đường, chúng tôi bàn tới tuần sau đi học buổi chiều. Chúng tôi đều suy-luận chắc như đinh đóng cột rằng, thứ năm tuần sau thế nào cũng đổi sang học buổi sáng giống như tuần học buổi sáng có ngày thứ năm đổi sang học buổi chiều. Thành Xu và thành Bền đều nghe theo chúng tôi.

Hôm thứ năm dậy sớm, bốn thằng, bốn chiếc xe đạp chạy bon bon vượt đường dài, băng rừng, băng đồng đi học. Thò đầu vào lớp mới tên-tò. Lớp đầy những học-sinh lạ-hoặc, cô giáo cũng lạ. Bốn đứa lại quay về. Tôi đạp xe sau cùng. Tới chỗ ngã tư bùng-bình gần bến xe, ba thằng bạn đi trước đã băng qua đường, tôi cũng theo sau băng qua. Một chiếc xe đồ trở tới xô cả tôi lẫn xe đạp xuống đường, nó chồm lên nuốt hẳn tôi vào gầm xe. Có tiếng la hét và tiếng thảng xe rít trên đường. Chiếc xe lùi lại. Một đám người ùa tới vây quanh tôi. Tôi lồm-cồm bò dậy, dựng chiếc xe đạp lên. Cái bánh sau của nó bị lệch hẳn sang một bên. Tôi đá vội nó vài cái cho nó thẳng ra rồi leo lên đạp.

Có tiếng người bảo tôi đứng lại. Người vây quanh càng lúc càng đông. Một ông cảnh-sát đồng-phục trắng đến dẫn tôi trở lại chỗ chiếc xe đồ vẫn còn đứng giữa đường. Tôi pháp-phòng muốn khóc. Ông cảnh-sát bảo tôi nằm xuống chỗ bị đụng, rồi ông lấy mẫu phấn khoan chung-quanh, rồi lấy thước đo, ghi ghi chép chép vào một cuốn sổ con. Một người đàn-bà ở làng tôi tách đám đông vào ôm lấy tôi, miệng kêu "Lạy Chúa tôi, cháu tôi có việc

gì không? Cháu có bị thương không?" Rồi bà vạch chân vạch tay tôi lên, tìm ra được một chỗ chảy máu, đầu gối bên phải.

Ông cảnh-sát bằng lòng để bà công tôi đi tới chỗ bệnh-xá quận cách đây một đoạn đường xa xa. Bà vừa nhỏ người vừa gầy mà công tôi đã tám tuổi ở trên lưng thì tôi cũng ái-ngại lắm. Tới bệnh-xá được cô y-tá bôi cho tí thuốc đỏ, băng cho một miếng băng trắng toát ở đầu gối, thế là xong. Bây giờ thì hai bà cháu đi bộ trở lại ty cảnh-sát. Bà bảo thành Bền giữ xe đạp cho tôi. Bà đi chợ về thấy tôi mới chạy vào.

Ngồi một hồi trong phòng ty cảnh-sát, bà chốc chốc lại hỏi tôi có đau không. Tôi nghĩ tới mẹ tôi ở nhà. Mẹ tôi hôm nay không có rau đi chợ bán. Mà thôi như vậy hơn, chứ mẹ nhìn thấy con bị đụng xe thì mẹ đau-khổ lắm. Bà người làng này săn-sóc tôi y như mẹ tôi như vậy cũng được rồi. Một lúc sau bố tôi xuất-hiện, vẻ mặt hốt-hơ hốt-hải. Bố nhìn tôi từ đầu tới chân, có vẻ như không tin được rằng tôi chỉ có một tí băng trắng ở đầu gối. Bố tôi nói chuyện với bà người làng, vẻ có máu mặt trở lại. Bố tôi đưa bà ra khỏi phòng. Ở ngoài hè đã có đôi quang gánh của bà, và cái xe đạp của tôi cũng ở đó.

Bây giờ ông cảnh-sát làm biên-bản. Ông ta hỏi người tài-xế xe đồ đụng tôi nhiều câu, hỏi đến đâu, viết đến đâu. Ông cảnh-sát viết dài có đến vài trang giấy. Quay sang tôi, ông ta hỏi tôi có một hai câu mà sao ông ấy cũng viết dài lắm. Ông hỏi tôi có nghe thấy ông tài-xế bóp kèn hay không. Tôi bảo không. Ông tài-xế cãi bảo có. Cuối cùng tôi bảo tôi không nghe thấy. Tôi nhìn trộm thấy ông tài-xế ngồi một mình có vẻ sợ-sệt, vẻ tội-nghiệp.

Tới cái phần đòi bồi-thường,

ông cảnh-sát hỏi bố tôi muốn bao nhiêu. Bố tôi bảo bố tôi không muốn bao nhiêu cả, "chỉ xin mang thằng cháu nhà tôi đi chiếu điện xem trong người nó có làm sao không". Ông cảnh-sát bảo ông cần biết rõ là chúng tôi muốn bồi-thường bao nhiêu, bao nhiêu tiền, để ông ta ghi vào biên-bản. Bố tôi cứ một mực lặp lại cái ý trên. Tôi biết bố tôi sợ nhất cái bệnh đau phổi đau tim. Trong làng tôi có vài người bị bệnh phổi, tốn bao nhiêu tiền thuốc mà chẳng khỏi, người gầy còm chỉ còn chờ chết.

Nhưng cái ông cảnh-sát cứ hỏi đi hỏi lại, thật là phiền. Tôi nghĩ trong bụng, nếu ông ấy cứ nhất định muốn mình đòi bồi-thường thì mình cứ đòi nhiều tiền xem sao. Chẳng phải đợi lâu, ông cảnh-sát chán hỏi bố tôi rồi nên quay sang hỏi tôi.

- Cháu muốn bồi-thường bao nhiêu?

Tôi không dám nhìn bố tôi, nhắm tính trong bụng. Mình phải chọn số thật to, nhất định không thể một hai được, phải chín mươi. Phải chín trăm hay một ngàn. Nhưng mà một ngàn thì không ăn thua, lương dân-vệ 900 đồng chỉ đủ nuôi vợ con trong một tháng. Tôi nhìn xuống nói nhanh:

- Mười ngàn!

Nội xong thấy ngượng-ngịu quá. Nhưng ông cảnh-sát ghi vội xuống. Hình như ông sợ bố tôi sẽ phản-đối.

Thế là xong biên-bản. Ai về nhà nấy chờ khi nào tòa-án trên tỉnh Bình-Dương gọi thì đi. Trên đường về, tôi đạp xe đi trước, bố tôi đạp theo sau. Bố tôi bảo, thằng Thành chạy lên sở chăn-nuôi báo tôi bị đụng xe. Bố quảng hết mọi sự phóng xe đi, không biết còn kịp nhìn tôi lần cuối hay không. Cảm ơn Chúa đã gìn-giữ tôi bình-an. Có biết bao vụ đụng

xe, người chết thiếu gì.

Về đến nhà, suốt ngày hôm đó đến tối, bà con dân làng tới nhà tôi hỏi thăm. Ai cũng mừng vì tôi không việc gì, chỉ sút tí đầu gối. Buổi tối cả nhà đọc kinh sốt-sắng tạ ơn Chúa. Bố mẹ tôi bàn nhau từ nay cho tôi đón xe lam đi học. Mỗi đêm tôi còn nghe tiếng bố mẹ tôi đọc kinh lâm-râm. Thỉnh thoảng mẹ tôi rờ đầu tôi xem có bị sốt hay không. Tôi cảm thấy hối-hận vì tôi mà bố mẹ tôi lo-lắng. Việc gì mà tôi phải vội-vàng cơ chứ? Tại sao tôi không nhìn trước nhìn sau cho kỹ trước khi sang đường? Thật tôi chẳng ra làm sao!

Và thế là hết được đạp xe đạp đi học. Còn đâu được tám sông trên đường về. Còn đâu được chạy dọc theo đoạn rừng cao-su có hàng-lối thẳng tắp và sâu hun-hút. Đạp xe chạy qua tường như có ai đang thập-thò chạy đua với mình ở cuối những hàng cây. Và vườn cây điều bỏ ngổ ở bên

đường, chúng tôi có thể dừng lại, tìm những quả chín mọng. Đẹp nhất là những đoạn có cánh đồng lúa xanh bên đường. Cánh đồng trải ra như tấm thảm rộng xa tít-tắp. Có những con cò trắng bay chầm-chậm rồi đậu xuống biến thành những đốm trắng trên cánh đồng. Những vẻ đẹp ấy không thấy được khi ngồi chen-chúc trên xe lam hay xe đồ.

Đạp xe đi học có một điều sợ, đó là khi gặp xe be chạy ngang. Những chiếc xe be chở những khúc cây to và dài. Thường một xe chỉ chở được hai hoặc ba cây là cùng, ràng bằng những sợi xích sắt to. Mỗi lần nó chạy qua là nghe rầm rầm đáng sợ. Đường đã chật, nó chạy ngay bên mình. Cái thân gỗ dài, chờ mãi chưa thấy nó chạy hết cái đuôi. Những thân gỗ khổng-lồ chênh-vênh ngay trên đầu mình, lỡ mà sợi xích bung ra thì chỉ có trời cứu.

Từ ngày phải đón xe lam đi học mới hơn một tháng mà đã ba

bốn lần trễ học hoặc phải nghỉ học. Một hôm không đón được xe, tôi chạy về xin mẹ cho đi xe đạp, mẹ đành bằng lòng, bảo:

- Con phải hết sức cẩn-thận, khi sang đường phải nhìn trước nhìn sau cho kỹ. Nhớ phải làm dấu đọc kinh xin thiên-thần bản-mệnh che-chở.

Đương nhiên từ nay tôi đạp xe rất cẩn-thận rồi, nhất là khi muốn băng qua đường. Thế là tôi lại được ngắm-nghía con đường đi học. Khi nghe tiếng xe be từ phía sau đi tới, tôi ngừng lại tấp hẳn vào bên đường cho chắc ăn.

Vài ba tháng sau, bố tôi nhận được giấy gọi ra tòa. Tôi thăm nghĩ đến số tiền mười ngàn tôi đòi bồi-thường. Tôi vẫn thấy còn thấy xấu-hổ nhớ lại cái món tiền ấy. Bố tôi đi từ sáng sớm, vì phải đón xe lên tỉnh. Đến chiều thì về. Nhưng lúc về bố tôi mặc một chiếc áo sơ-mi carô mới, nhìn bố tôi trẻ hẳn ra, nom rõ ra vẻ thành-thị. Bố tôi kể rằng, buổi sáng lên đến toà-án ngồi chờ. Bố tôi cứ để ý tìm người tài-xế hôm nọ mà không thấy. Chờ chán-chê cũng chẳng thấy mà cũng không thấy toà gọi, thì thấy có một người đàn bà cũng ngồi chờ lâu lắm. Hai người bắt chuyện nhau, hỏi ra mới biết bà ta là chủ chiếc xe đồ đựng tôi, hôm nay cũng đi hầu toà. Bà than-van bảo cái xe của bà xui-xẻo quá. Sau khi đựng tôi ba tuần thì nó lại đựng vào cột đèn. Bà hỏi thăm tôi. Bố tôi bảo tôi chẳng ốm đau gì cả, vẫn đi học bình-thường, nghỉ đi xe đạp hơn một tháng, bây giờ lại đạp xe đi học rồi. Thế là bà ấy mời bố tôi đi ăn phở, mua cho bố tôi chiếc áo sơ-mi carô này. Vậy là hai bên vui vẻ ra về.

Mỗi lần dân làng nhìn thấy bố tôi mặc chiếc áo carô thì đều biết đó là chiếc áo người ta đền cho tôi bị đựng xe.

nụ hôn gửi dòng sông

*Nụ hôn sớm mai gọi ngày thức dậy
Em dạo đầu khúc hát diễm tình ca.
Chim ngủ muộn bỗng trở mình chợt thấy
Lời tình ai ngọt môi ẩm thật thà.*

*Nụ hôn nồng nàn giữa trời nắng lưa
Rất ân cần lùa trong tóc em ngoan
Ngón tay xương, giữ tuổi trời mây thuở
Cho mộng mệnh nổi nhớ gửi mây ngàn.*

*Nụ hôn chiều tà, chơi vơi dạ khúc
Khói bông bênh trong mắt biếc chiều mưa
Câu hát rơi trong muôn trùng đáy vực
Góc ngày đi ai nức nở đợi chờ!*

*Nụ hôn đêm, mộng, hiên nhà tĩnh mịch
Những cơn say không chấm hết bao giờ
Như em vậy, ngàn năm, em cố tích
Để suốt đời lóng lánh chuyện ngày xưa.*

vũ quốc thịnh



xóm cũ

LTS: Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn mở mục "Xóm cũ" để chào-dón các bài viết về phong-thổ, tập-quán, con người, đặc-tính địa-phương,... Hãy ghi chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lùm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh,... nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thất chặt một mối tình đầm-thắm. Hãy sót chia, để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...

Bắt Cá Miền Núi

Nguyễn Mạnh An Dân



Hồi cuối thập niên sáu mươi của thế kỷ trước, thời tôi còn chạy long dong khắp Sài Gòn Chợ Lớn Gia Định, lâu lâu ghé đường Nguyễn Trung Trực "chơi" và ôm một chồng giấy quay ronéo đầy chữ của thầy Nghiêm

Toản, Nghiêm Thẩm ...về tưng để chờ ngày thi. Đạo đó, buổi tối tôi thường cùng đám bạn bắc ghế ra ngồi ở cái vườn nhỏ tối tăm và vắng lặng phía sau Câu Lạc Bộ của Đại Học Xá Minh Mạng. Có lần, vào một đêm trăng sáng, đám

bạn Nam Kỳ Lục Tỉnh của tôi hứng chí nói với nhau như bắp rang về cái thú chèo thuyền nhẹ nhẹ trên sông nước, nghiêng qua nghiêng lại thế nào đó để cá nhảy vào khoang thuyền, bắt nường và lai rai ba xị. Tôi ngồi nghe vừa thấy thú thú nhưng đồng thời cũng thấy tủi thân và thương dân quê tôi đứt ruột.

Đúng là trời bất công, đất nghèo sỏi đá cơm gạo thiếu thốn đã đành, có chút cá tôm trời cho mà cũng không chịu chia đều, người ta thì chỉ xách ghe dạo mát chơi mà tôm cá tự động nhảy vào nấp mạng, còn quê tôi kiếm một con cá sáng con mắt. Tôi rán ngồi cười cười hụ họa cho bạn vui mà trong lòng thì đau lắm, rồi thì cái tính ba trợn của tuổi hai mươi, cộng với cái máu địa phương thâm căn cú đế đã khiến tôi có phản ứng ngầm. Tôi nghĩ, cái gì hiếm mới quý, nhiều đây đất chật bãi thì thành đồ bỏ hết, có gì hay mà kể. Như bình dân bá tánh, khó khăn lắm mới kiếm được một người bạn gối chăn tâm đầu ý hợp mới đã, chứ vua chúa có tam cung lục viện, có hàng trăm, hàng ngàn các cô các bà, nội nghe mỗi người nói một câu cũng đủ chết, nói gì đến việc phải làm những chuyện tổn khí hại thần mỗi ngày. Tôi tự khen mình có lý và rồn rảng phát ngôn tức thì: Quê mấy ông sướng thật, được trời thương cho tôm cá đặc nước. Quê tôi không có vậy đâu nhưng bảo đảm ở chỗ tôi bắt cá thú hơn chỗ mấy ông.

Bắt cá ở đâu? Bạn tôi hỏi gần như đồng loạt. Miền núi. Tôi hãnh diện đáp và nghĩ là câu trả lời của mình lạ, sẽ tạo ấn tượng mạnh cho người nghe. Không dè đám bạn tôi đều cười hô hô như bị ai thọt lét, họ nói tôi bị ám đầu, bị nhiễm máu hài hước của mấy ông Thanh Hoài, Tùng Lâm, Xuân Phát; họ còn nói cá dưới

biển dưới sông chứ cá đâu trên núi mà bắt, nói vậy mà cũng nói được. Tôi biết mình không có nhiều lý lẽ để cãi lại nhưng tôi không chịu thua, thú bắt cá đã cho tôi những ngọt ngào hạnh phúc, đã làm giàu có cả một quãng đời niên thiếu nơi xóm nghèo, làng nhỏ của tôi. Tôi có nhiều kinh nghiệm và có đầy đủ thẩm quyền để “phát ngôn” về việc này, nhưng khổ nỗi là lý của tôi không được mạnh, nói chuyện bắt cá trên miền núi nghe cũng có vẻ kỳ kỳ thật; cuối cùng tôi đành dùng thực tế để chứng minh. Tôi mời tất cả về quê tôi bắt cá chơi. Nhiều người nhận lời, tôi biết có người hứa cho vui trong lúc trà dư tửu hậu, nhưng cũng có người sẽ đi với tôi thật, họ đi chắc không phải để coi tôi bắt cá mà đi vì những lòng nhông của thời mới lớn, đi cho vui với bạn, đi cho biết đó biết đây.

Thật đáng tiếc, tôi không kịp thực hiện lời hứa, không có cơ hội để mời các bạn về quê tôi. Năm 1968, Tết Mậu Thân, tổng động viên. Tôi bị thất học nhiều năm thời Việt Minh trước năm 1954, học trễ nên không đủ tiêu chuẩn để được ông tướng Đạm cấp giấy hoãn dịch học vấn. Tôi vào lính và theo vận nước nổi trôi theo các xa đoàn tiếp vận đi khắp Tuy Hòa, Qui Nhơn, Pleiku, Kom Tum, rồi theo sư đoàn “mai chèo gậy”, Sét Miền Đông lội khắp Hồ Bôi, Bôi Lớn, Dương Minh Châu, Bến Cỏ, Chà Rây, Trung Lập, Trà Cú, Phước Chỉ cho đến ngày “chết đứng” năm 1975.

Mới đây tôi được đọc bài viết “Vài Cách Bắt Cá Ở Miền Hậu Giang” của cố bác sĩ, nhà văn Huỳnh Hữu Cửu. Bài viết hay, nhiều chi tiết thú vị và với riêng tôi, nó làm tôi nhớ lại đêm trăng trong vườn sau của Đại Học Xá Minh Mạng và lời hứa dẫn bạn bè

về miền núi bắt cá năm nào. Hơn ba mươi năm trôi qua, nhiều anh em trong đêm trăng hôm đó chắc đã không còn, nhiều anh em khác chắc đang sống ngậm ngùi đâu đó ở quê nhà và nhiều người khác từ tán muôn phương. Hồi đó tôi đã lỡ dịp dẫn bạn bè về quê và bây giờ chắc vĩnh viễn tôi không còn cơ hội nào để thực hiện lời đã hứa. Xin coi bài viết này thay cho một chuyến đi. Người ta thường có nhiều lời đẹp để chỉ về những bài viết tương tự, như bảo tồn văn hóa, như phát huy truyền thống, như vinh danh nét đẹp quê hương, như gợi nhắc cho tuổi trẻ thế này thế khác vân vân. Tôi không dám lớn lối như vậy đâu, chỉ xin kể lại một chút kỷ niệm tuổi thơ ngày cũ cho vui. Nói cho vui nhưng sao giọng vẫn có vẻ đau đau, xót xót. Biết sao được!

... *Tác lòng cố quốc tha hương*
Đường kia nổi nọ ngổn ngang bởi
bởi...

...
Lối mòn có nhạt mùi sương
Lòng quê đi một bước đường một
đau...

Xin hãy bắt đầu từ câu cá. Có nhiều cách bắt cá nhưng tất cả đều có vẻ thuần vật chất, nói theo kiểu mấy “đỉnh cao” trong nước bây giờ là những phương pháp kiếm mớ cá để “cải thiện”, duy có câu cá là một nghệ thuật, một thú tiêu khiển tao nhã và là những giây phút để thư giãn, để quên đời hay để trầm tư suy gẫm chuyện nó chuyện kia. Chuyện câu cá đã đi vào sử sách. Không phải sao? Khương Tử Nha ngồi câu cá bên bờ sông Vị từ thời xưa thời xưa vẫn còn truyền tụng đến bây giờ. Mới đây thôi, báo chí Sài Gòn của mình hồi đó lâu lâu cũng đăng tin ông chủ Dinh Độc Lập, đau đầu nhức óc vì bạn, vì thù đã đi câu cá chỗ này chỗ khác. Vậy câu cá “sang” hơn mấy cách bắt

cá khác. Nói trước.

Hai kiểu câu thông dụng nhất là câu quay và câu phao. Câu quay thì chắc ai cũng biết, bên này lục bóp ông nào mà không có cái licence câu cá và mở garage nào không thấy lớn ngổn đủ thứ cần câu xịn. Về nguyên tắc thì giống nhau nhưng thời đó ở quê tôi - và cả quê mình - không có cần câu “hiện đại” như bây giờ đâu. Cần thì vẫn là cây trầy, cây trúc, ở đầu có cái ròng rọc nhỏ để dễ dàng đưa xa và thu về nhợ câu. Vòng quay được tiện bằng gỗ, giống như cái ống chỉ nhưng lớn hơn, đường kính khoảng một tấc rưỡi đến hai tấc, có rãnh sâu để quán nhợ câu và chính giữa là một vòng tròn rộng để xỏ bàn tay vào quay quay, kéo nhợ câu chạy chạy trên mặt nước để nhử cá.

Tôi cũng có câu quay, nhưng thú thật chưa từng bắt được con cá nào nên không biết cái thú vị của giây phút thành công đó nó đã đến cỡ nào. Tuy nhiên tôi vẫn nghĩ là câu phao thích hơn. Tại sao? Thì tại cái cảm giác hồi hộp, căng thẳng cứ diễn ra từ từ, chậm chậm, sướng sướng khi em cá nhẩn nha giỡn mặt với thần chết. Đầu tiên em cá sẽ dụng dụng cục mồi, cái phao chao nhẹ, chao nhẹ, rồi thôi; tiếp đến em cá sẽ kéo thử, thả ra, lại kéo thử, lại thả ra. Cái phao nhấp một cái, trở về vị trí cũ, lại nhấp, lại trở về vị trí cũ. Lúc này em cá có thể quyết định nghỉ chơi, người câu mừng hụt. Rồi mọi việc sẽ lặp lại, có thể một lần, có thể nhiều lần trước khi em cá quyết định: chơi. Cái phao sẽ lút xuống sâu và phe ta nhẹ nhàng giật mạnh cần câu, cái tay sẽ thấy nặng nặng, cái cần sẽ thấy oằn oằn và một em cá sẽ theo đà giật vọt mạnh lên khỏi mặt nước. Đã kể gì.

Câu quay giống như đánh bóng rổ, không có dấu hiệu gì

báo trước, ào một cái ông Michael Jordan bụp liền, bóng vào rổ, cũng sướng nhưng không đã; còn câu phao giống như đá bóng tròn, ông Dico, ông Platini, Maradona lừa tới lừa lui, sàng qua sàng lại, mắt người coi nhìn theo bóng, tìm người coi lẫn với bóng, rồi mấy ông dứt điểm, bóng vô lưới hay ra ngoài gì người xem cũng sướng tê, cũng đã quá cỡ thợ mộc hết. Thiệt đó.

Bạn có thể trách tôi nói chuyện tào lao, từ câu cá nhảy qua đá banh, nhưng tôi nghĩ như vậy thật và tôi muốn “có sao nói vậy người ơi” để chia sẻ với bạn. Giờ tôi xin nói tiếp chuyện câu cá. Cách câu kế tiếp, cũng khá thông dụng là câu cắm. Cắm câu làm bằng tre cật, ngắn độ bảy tám tấc, đầu vót mỏng, hơi lưa uốn cong lại, tạo cảm giác linh động, mềm dịu, cho cá đỡ sợ, ít sợ thì dễ bị mắc câu, đời mà.

Có hai loại câu cắm: cắm ruộng và cắm sông, suối. Cắm ruộng dùng mồi trùn, sử dụng một lúc nhiều cần câu, vài chục, vài trăm, tùy. Lựa địa thế thuận tiện móc mồi và cắm cần câu vòng vòng quanh các bờ ruộng, sau đó liên tục đi “tuần tra” để bắt cá, sửa mồi, thay mồi, đi đến cần cuối cùng thì đã đủ thì giờ để cá “làm việc” với những cái đầu tiên và chúng ta chỉ việc trở lại “làm việc” với cá. Cần nào có cá mắc câu đều có thể nhận biết từ xa, cá mắc câu sẽ dấy dụa, tháo chạy để thoát hiểm, đầu cần câu sẽ rung rung, bập bập và chúng ta chỉ việc tới gần, lần tay theo giây nhợ câu đến khi gặp em cá, giải thoát cho nó khỏi vướng vào lưới câu và bỏ vào đọt. Câu ruộng chỉ bắt được cá rô, cá cũng - loại cá trầu con, lớn bằng vài ngón tay - và vài thứ cá nhỏ khác. Muốn bắt cá lớn phải cắm sông, cắm suối.

Loại câu cắm thứ hai này dùng mồi dế, thay cho trùn. Dế sống, được mắc vào lưới câu ở sau gáy, móc thật nhẹ để dế không chết. Cần câu cắm phải canh để chân con mồi vừa đủ chạm mặt nước. Dế bị treo cổ nên phản xạ tự nhiên là bung hai chân liên lục và tạo ra những âm thanh “chóc chóc” êm tai. Chính âm thanh này là “chuông gọi hồn ai” đối với cá. Cá sẽ nghe theo tiếng kêu tìm đến đớp mồi và thế là tự từ giã cuộc chơi. Cắm ruộng có thể thực hiện bất kể giờ giấc nào trong ngày, riêng cắm sông hay suối thường người ta chỉ câu vào giờ chạng vạng tối. Tôi không biết đích xác tại sao phải chọn giờ này, có lẽ đây là giờ cá lớn đi tìm mồi, cũng có lẽ không gian im ắng của phút ngày đêm giao nhau làm cho cá dễ nhận ra nhưng âm thanh hấp dẫn nhưng chết người, và cũng có thể phút tranh tối tranh sáng dễ làm cho cá mất cảnh giác, chỉ thấy miếng mồi thơm mà không thấy được cam bẫy đang rình rập. Ô hô! ai tai!

Bạn đã mệt chưa? Còn hứng thú theo tôi đi câu nữa không? Tôi còn hai kiểu câu đặc biệt nữa. Một không cần dùng cần câu và một không cần dùng mồi câu, chơi luôn nghe.

Về kiểu thứ nhất, ở quê tôi gọi là câu giăng. Đợi mùa lụt, nước bạc trên thượng nguồn đổ về tràn bờ, người ta dùng một sợi giây thừng lớn giăng ngang dòng sông, trên sợi giây đó, cách vài ba tấc cột một sợi nhợ câu, cứ vậy móc mồi và chờ, lâu lâu lần theo sợi giây giăng, thăm chừng để bắt cá, sửa mồi, thay mồi. Câu giăng cực, lạnh, phải thường xuyên ngâm mình dưới nước nhưng vui vì dễ bắt được cá lớn. Bắt được cá lớn thì nhất thời chỉ vui chút chút, nhưng nghĩ đến bữa cơm gia đình, thường ngày toàn dưa với

muối, nay có nồi cá kho, cả nhà ông bà, cha mẹ, cháu con quây quần trên chiếc phản gỗ, bên nồi đất com bốc hơi, nghe mùi thơm của cá, vui lắm. Có thể bạn không biết vui đến cỡ nào vì bạn không trải qua cảnh này nhưng nhiều người dân quê tôi biết, nghèo mà. Hy vọng là bạn chia sẻ được niềm vui này với dân khổ quê tôi.

Kiểu câu cuối cùng, mà tôi đã giới thiệu là không cần mồi gọi là câu quất. Đây là một kiểu câu được chuẩn bị rất công phu và rất thú vị. Đầu tiên là chọn lựa địa điểm, vùng câu phải sâu, nước đứng để cá có thể tập trung và trên bờ phải là bãi cát thoai thoải, có năm ba cây rù rì, trà với lớn vừa phải để có thể ẩn mình mà không trở ngại việc ngồi quất cần câu. Tiếp theo là chuẩn bị mồi nhử, thường là cám và trứng kiến, cả hai thứ này được trộn chung, rang vàng, hơi già lửa một chút cho cám cháy sém, tỏa mùi thơm đậm, sau đó chơi sang, mang tất cả ra vùng câu thả xuống mồi cá ăn “chùa”, bữa đầu tiên có thể không có nhiều “khách” đến dự tiệc lắm, đột ngột quá mà, ai biết có người tốt bụng mồi ăn tiệc ngon như vậy mà chờ! Ngày kế tiếp, cũng đúng giờ như trước, lại mồi, lần này khách có thể đông hơn; tin đồn về bữa tiệc ngon có thể đã được họ hàng nhà cá truyền miệng cho nhau và canh giờ rủ nhau đến. Bữa thứ ba, bữa thứ tư, cũng vẫn đúng giờ cũ, tiếp tục mồi và khách càng ngày càng đông thêm. Đợi đến khi nào “quán” đã nổi tiếng, khách không còn chỗ ngồi, nghĩa là cá tập trung gần như đặc nước thì ngưng, không mồi ăn nữa.

Ăn quen nhìn không quen mà, những khách mồi sẽ không cam lòng, “họ” sẽ âm ức nghĩ rằng họ ăn uống lịch sự, bơi lội đùa chơi vui vẻ có làm gì mất lòng ai đâu

mà không được mời nữa, có lẽ chủ tiệc bận rộn gì đó quên mời và đến giờ họ cứ tự động tập trung và lắng văng chờ. Hãy để các vị khách quý này “diet” trong một thời gian vừa phải, nghĩa là không ngăn quá để nổi ao ước, thèm khát lên đến cực độ và cũng không kéo dài lâu quá đến mức cá thất vọng, nản lòng và bỏ đi xa. Đến ngày định mệnh, hãy chuẩn bị một bữa tiệc xịn nhất, nghĩa tử là nghĩa tận mà, cứ mời “bạn ta” bữa tiệc cuối cùng đi. “Quán” tái khai trương và khách ào tới đông nghẹt. Đã đến lúc ra tay, câu câu phải là loại ngắn vừa phải, đầu mềm, uyển chuyển, lưỡi câu không phải một cái mà một chùm - không cần móc mồi - cộng với một cục chì nặng nặng. Người câu ngồi vào vị trí, hơi ẩn mình sau các cây che để cá khỏi phát hiện và bắt đầu quất, nghĩa là quay tay xoay tròn theo một động tác nhịp nhàng, liên tục đưa chùm lưỡi câu quay đều theo hướng từ nước vào bờ. Đám cá đông đặc dưới nước có thể bị chùm lưỡi câu đụng nhẹ một chỗ nào đó trên người, cũng có thể chỉ do đà đưa của cục chì, lần lược bị hất văng lên bãi cát. Người cứ quất, cá cứ văng lên, vùng nước càng lúc càng trống,

bãi cát càng lúc càng có nhiều em cá ngựa, cá lúi, cá rô, cá sặt ... và đại công cáo thành.

Con người nghĩ cũng ác thật, ý có cái đầu lớn, chứa được bộ óc to đi ăn hiếp cá. Tuy nhiên, biết sao được, đời mà. Cá lớn hiếp cá bé, cá với nhau mà còn không chơi đẹp với nhau được huống chi cá với người. Dẫu sao, hình như trò chơi quất cá này ít nhiều đã là một bài học sống. Phim Tàu vẫn thường nói “vô công bất thọ lộc”. Tự nhiên có người đem cho không cái này cái kia thì cũng đáng “nghĩ” lắm. Nói thế không có nghĩa là bi quan, nhìn đời toàn màu đen và không tin có người thật sự mở lòng ra sống với nhau, tốt với nhau thực sự, vô cầu. Dẫu vậy, “cẩn tắc vô ưu” cũng đâu có gì xấu, phải không? Cẩn với trứng kiến giết được cá, còn bào ngư, vi cá, xe hơi, nhà lầu, giết người dễ ợt. Kinh lắm, coi chừng.

Ở đời cái gì dù hay đến mấy, dù vui đến cỡ nào nhưng nếu cứ lặp đi lặp lại, nhàm quá thì đâm chán. Đi câu thú thật nhưng nếu cứ ngày nào cũng đào trùn, cũng móc mồi, thay mồi thì ớn tới óc luôn chứ không chơi đâu. Thôi, mời bạn đổi món một chút, chơi trò lạ lạ một chút, cho vui. Bạn có nghe nói đến suốt cá, gạn cá

và đập thác bao giờ chưa? Nếu rồi, xin hãy bình tĩnh và đừng xì nẹt tôi là “biết rồi, khổ lắm, nói mãi”, cho tôi được nói với những người chưa biết; nếu chưa, xin mời tất cả cùng đi với tôi tiếp tục bắt cá chơi.

Suốt cá là dùng “độc dược” làm cho cá bị thương, mất khả năng tự vệ để bắt. Núi rừng có nhiều thứ có thể dùng cho mục đích này. Trước nhất là mủ xương rồng, kế đến là bột lá hồng đơn, cuối cùng, mạnh nhất là mủ hột bồ hòn. Suốt cá cần “chuyên viên” đủ kinh nghiệm để lượng đoán tình hình, có khả năng dự đoán sức nước để làm bờ ngăn cô lập một khúc suối hay đoạn rạch trong một thời gian cần thiết và có trực giác bén nhạy để đánh hơi dò biết số lượng cá đang có mặt trong khu vực hành sự.

Bờ được đắp xong, các nạn nhân đã bị nhốt lại, thuốc độc bèn được thả xuống. Nếu dùng mủ xương rồng thì mọi việc rất dễ dàng, đơn giản, chỉ cần một tay cầm nguyên cành xương rồng rả rả dưới nước, tay kia dùng dao hay rựa bằm nhỏ cành lá ra, chất mủ trắng sẽ từ từ tan loãng trong nước, vậy là xong. Cứ bình tĩnh chờ một chút cho “thuốc ngấm” các em cá sẽ hết biết, nổi hết lên mặt nước, lia qua lia lại như người say rượu. Vậy là tàn đời.

Hồng đơn là một thứ cây rừng, có lá nhỏ như lá lốt, một mặt láng, một mặt nhám, nhắm thử sẽ thấy hăng hăng, đắng đắng. Bột của nó có tác dụng mạnh hơn mủ xương rồng, nhưng phải tốn nhiều thời gian và công sức hơn để chuẩn bị. Đầu tiên phải lên rừng để tìm cây tươi, lựa lấy những cành già, chặt xếp thành từng bó mang về trải ra phơi. Phải phơi nhiều nắng để lá khô giòn, có thể giã nhỏ ra thành bột, không cần mịn nhuyễn nhưng phải nhỏ đủ

xa nguồn

người qua một góc đời ta
nổi cơn mộng cũ, nhạt nhòa khói sương
chất đầy một gánh tang thương
trôi theo cơn nước xa nguồn từ đây.
năm nghe nhịp đập lưu đầy
bỗng cơn mưa tới dâng đầy nỗi đau.

nguyễn đức thanh



để dễ ngấm, dễ tan trong nước. Xong việc chỉ cần bung thúng bột ra, bốc từng nắm lớn rải đều xuống nước như người ta rải phân. Vậy là xong, chờ... bắt...

Độc chiêu để suốt cá là hột bòn. Có thể bạn chưa từng biết, chưa hề thấy qua thứ hột độc địa này, nhưng chắc chắn bạn đã từng nghe nhắc qua tên nó. Ai mà không biết câu tục ngữ “ngậm bòn làm ngọt” chứ! Nó đó. Phải “làm” ngọt, phải giả vờ “coi như ngọt” có nghĩa là đáng lắm. Chỉ cần bỏ bòn vào cối giã gạo, quét đều, hột sẽ vỡ ra, mịn dần, bột và mủ sẽ quyện lại, tạo thành một khối trắng trắng, dẻo dẻo, vậy là xong. Vắt từng cục bằng trái bưởi nhỏ, bỏ vào một mảnh vải cũ đem ngâm xuống nước, vừa đi vừa bóp nhẹ, mủ bòn hòn, trắng trắng như sữa, sẽ tan loãng trong nước để “thi hành nhiệm vụ”.

Cả ba thứ thuốc suốt cá vừa kể đều không làm cá chết ngay, nhưng có thể độ nồng, mùi hăng, chất mủ làm cá “khó chịu trong mình”, “cay sè cặp mắt” và hết biết đường mò, cứ lạng quạng trôi lên mặt nước để nạp mạng.

Suốt cá vui nhưng không vui bằng “bắt hơi”, bởi vì khi đã chuẩn bị, đã có kế hoạch, dĩ nhiên phải đặt nhiều hy vọng. Nếu thành quả không như dự đoán thì chắc chắn sẽ phải buồn “năm phút” ngay, mà “không như dự đoán” là chuyện vẫn thường xảy ra vì có thể cây hồng đơn không đủ già, mủ xương rồng, bòn hòn dùng không đủ “đô”, tác dụng sẽ yếu, chậm và người suốt cá có thể nản lòng, bỏ cuộc, xả bờ về nghỉ cho khoẻ thân. Trường hợp này, nếu bạn có “cơ duyên”, có thể bạn sẽ tình cờ “ta buồn ta đi lang thang” đâu đó gần khu vực này, không nhất thiết là ngay chính khu vực vừa được bỏ thuốc,

mà có thể giòng nước sẽ mang độc được rải suốt cả một dọc dài phía hạ lưu, cá có thể bị mắc nạn và bạn có thể “hồi cá” - bắt ké cá do người khác tạo cơ hội - bởi vì của trời cho không bắt “mang tội chết”. Đã kể gì.

Suốt cá thường đạt hiệu quả cao, tuy nhiên phương thức thực hiện trông có vẻ hơi độc một chút, có nhiều cách bắt cá khác, hiền hơn, vui hơn là gạn và đập thác. Cả hai phương thức này đều bắt nguồn từ nguyên tắc “con cá sống vì nước”, tách cá ra khỏi nước thì nó sẽ hết đường xoay sở.

Gạn cá được thực hiện trong ruộng, công việc rất đơn giản, cứ chọn một đám ruộng nào thích hợp, nghĩa là có lượng nước vừa phải, và có nhiều tiếng cá “ăn móng”, đập hết các nguồn nước dẫn vào và dùng đó hay đập đơm chặn ở chỗ nước thoát ra, nước sẽ cạn dần, cạn dần. Cá sẽ lo âu, hoảng hốt, sợ bị mắc cạn nên cứ theo giòng nước chảy mà chạy thoát thân và vô tình chui vào đó, đập hết. Ruộng miền núi ở miền Trung phần lớn đều nhỏ, nước không nhiều nên thời gian để thực hiện một lần gạn cá không lâu lắm là có kết quả.

Tôi xa quê đã lâu lắm, và cũng lâu lắm rồi tôi không còn cố dịp nào gạn cá nữa nhưng có những kỷ niệm vui vui về trò chơi này có lẽ sẽ theo tôi suốt đời.

Trước nhất là cái tật thầy lay, cái trí khôn đáng hổ thẹn của tôi. Lần đó tôi theo dõi rất sát, nghiên cứu rất kỹ và chọn một khoảng ruộng mà tôi nghĩ cá sẽ nhiều lắm. Tuy nhiên, kết quả không như ý tôi nghĩ. Nước đã cạn hết mà trong đập của tôi chỉ lèo tèo mười con cá nhỏ. Tôi không cam lòng và nghĩ chắc tại nước rút nhanh quá, cá không chạy kịp. Có lẽ những con cá tội nghiệp bị mất cạn đang lo âu lắm, đang tự trách

mình sao không rán chạy cho nhanh và đang cầu trời khẩn Phật cho có nước trở lại để tiếp tục cuộc di tản. Tôi nghĩ giùm cho cá như vậy và ra tay nghĩa hiệp thi ân cho cá, cho nó thêm một cơ hội để nạp mình cho tôi. Tôi xả nước vào ruộng và tin là cá sẽ chạy vào đập của tôi. Tôi không ngờ là cái trí khôn trẻ thơ của tôi tệ hơn cá. Bữa đó không có con cá mới nào vào đập mà toàn bộ số cá có sẵn cũng chạy ngược trở ra. Thì ra trong lúc nước cạn nằm chờ chết, những con cá trong đập nhìn trời nhìn đất và thấy được cái lỗ hổng nhỏ của tôi đập và khi nước ngập tràn trở lại chúng đã theo cái lỗ hổng đó mà chạy ngược ra ngoài và báo động để đồng bọn không mắc bẫy của thằng con nít.

Kỳ đó tôi thua nặng, nhưng tôi vẫn tự hào là người gạn cá “hay” nhất xóm. Hồi đó tôi không hiểu tại sao người ta “nhát” quá, nhiều lần tôi rủ mà không ai dám gạn với tôi, tôi phải thường tự làm một mình. Sau này tôi mới biết sự phát triển của cây lúa có nhiều thời kỳ, và có những lúc ruộng không thể thiếu nước dù chỉ trong một thời gian ngắn và người ta chỉ gạn cá vào mùa lúa chín, lúc này có nước hay không cũng không ảnh hưởng gì đến sản lượng của lúa nữa. Tôi không biết điều đó và trở thành người “hay nhất”, vì cứ ù ù cạc cạc, muốn gạn lúc nào thì gạn bởi cả đồng là ruộng nhà, không ai la rầy khiển trách gì tôi cả. Nhiều lúc tôi hăm hờ đem mớ cá nhỏ bắt được về khoe, má tôi cười cười và cha tôi thường khò nhẹ lên đầu tôi, mắng yêu: “Thằng cha mày, phá của ba má bao nhiêu là lúa!”. Cha má tôi bây giờ đều không còn và tôi cũng trôi nổi hơn nửa đời người, có lúc đời không mấy khá, nhưng cũng có lúc le lói huy

hoàng. Tuy nhiên, cho dù sống ở đâu, đời sống có thoải mái như thế nào, nếu cho tôi được chọn lựa, tôi cũng muốn được làm lại thành bé quê, gạn cá phá lúa để thấy nụ cười đồng lõa bao dung của mẹ tôi và để được ba tôi khỏ nhẹ lên đầu và mắng "Thằng cha mày..."

Gạn cá có lúc lờ lợc vì không khéo sẽ hại lúa, nhưng đắp thác thì một ăn hai huê chứ không mất gì cả, của trời cho mà. Tuy vậy, đắp thác chỉ có thể thực hiện được một năm vài lần vào những ngày lụt lớn, nước bạc trên nguồn tràn xuống, lưu lượng nước dâng cao tràn bờ. Những lúc này, người ta sẽ chọn những doi, nà đất cao, có cây cối, bờ bụi, có trũng sâu cá có thể trú ngụ và dùng dâng bao những chỗ sâu và cào đất be bờ ở những chỗ cạn làm thành một vòng vây, cô lập một khu vực lớn, cá bị nhốt lại bên trong. Xong việc cứ ngồi chờ, yên trí vì cá đã bị án treo, không còn đường nào chạy thoát và việc nạp mạng chỉ là vấn đề thời gian. Mưa tạnh, nước sẽ rút rất nhanh và khu vực đã bị cô lập sẽ lần lần nhô lên, từ từ, từ từ cá nào chậm chân sẽ bị mắc cạn, con nào nhanh nhẹn thì gom lại ở những chỗ trũng, nhưng nhanh hay chậm cũng không có gì khác; nằm phơi mình trên đất hay lúc nhúc trong những vũng nước nhỏ đều cùng chung số phận hẩm hiu.

Mùa đông miền Trung rất lạnh, ngâm mình giữa giòng nước bạc với không khí băng bạc luồng khí đá núi càng dễ chết người, tuy nhiên người dân quê có một người bạn thân thiết để chống chọi với những khắc nghiệt của thời tiết: áo tơi lá kè. Bạn thường đi qua đi lại đoạn đường Rừng Lá, giữa Long Khánh và Phan Thiết, chắc bạn có thấy một loại cây giống như cây kiểng, có be

dài với những lá màu xanh xoè ra như cánh quạt, trong Nam gọi là lá buong và miền Trung gọi là lá kè. Đọt lá dùng làm nón, những chiếc nón xinh xinh nổi tiếng như nón Gò Găng, nón Bài Thơ đều làm bằng đọt lá này. Phần lá già dùng lợp nhà, bện phen che gió và làm áo tơi. Người ta dùng sợi mây bện những chiếc lá lại với nhau, lợp trên che lợp dưới tạo thành một mảng kín độ một thước vuông, phía trên quặp lại thành rãnh nhỏ để xỏ dây cột, khi khoác vào người như mang cả một cái phen che hay một mảng mái nhà quanh người. Nặng lắm nhưng ấm lắm. Bây giờ chắc vẫn còn nhiều người mang chiếc áo tơi nặng nề này. Đã là thiên nhiên kỳ thú ba rồi, thế giới đã có biết bao điều thay đổi kỳ diệu và cuộc sống con người đã có nhiều thứ tương như trong những giấc mơ. Tại sao dân quê tôi vẫn chân bùn tay lấm, vẫn đội nắng dầm sương, ăn thiếu mặc lạnh. Vì đâu nên nỗi? Cứ nghĩ tới là quận lòng.

Tôi lại làm bạn buồn rồi, nói mời bạn đi bắt cá chơi cho vui mà chỉ nói toàn chuyện buồn, cảnh khổ, bầy bạ thực. Tôi biết và tôi tin bạn hiểu và không trách nhưng tôi vẫn cứ phải tự trách và tôi xin đền cho bạn bằng một cảnh vui: soi cá.

Soi cá thường được thực hiện vào mùa hè, khi nước ròng sát, lòng sông thu hẹp, hai bên bờ nổi lên bãi cát dài vàng óng, lưa thưa những cây rì rì, chẻ quế. Đêm quê yên ả, không khí trong lành, sông đêm dịu mát. Người ta dùng bã mía, bó lại bằng lạt tre thành những bó đuốc to bằng cổ chân, dài hơn một thước để soi sáng. Đuốc được đốt lên, bạn soi sắp hàng ngang, vừa đi ngược giòng nước chảy vừa quan sát và tìm kiếm. Nước sông cạn, trong vắt. Những con cá gặp ánh sáng loé

mắt, cứ đứng lơ dờ, quẫy nhẹ cái đuôi. Bạn soi chỉ cần chụp chiếc nôm xuống, nhốt cá lại và đưa tay quơ nhẹ trong lòng nôm để bắt cá. Những đêm trời trong mát, nhiều toán soi cá cùng làm việc trong cùng một khúc sông, toán này cách toán kia một quãng ngắn, giòng sông lập loè ánh đuốc và rộn rã tiếng nói cười, hát hò đối đáp. Những hôm nhiều cá, lòng vui, chân cũng vui và bạn soi quên mệt, quên buồn ngủ, quên cả thời gian và khoảng cách, cứ đi, đi mãi cho đến khi hết đuốc, trời khuya mới lục tục kéo về. Cũng có khi đã khuya, đã hết đuốc, nhưng cá nhiều, lòng hăng, người ta vẫn cứ tiếp tục bì bõm dưới nước, theo kinh nghiệm và linh tính, chụp nôm xuống bất cứ chỗ nào cảm thấy có thể có cá và mò bắt, tiếng nôm na là úp mò. Thực ra lối bắt cá cầu may này không được bao nhiêu kết quả thực tế, chỉ là một cách tiếp tục cuộc vui, một trò thách đố tranh tài, một cách chứng tỏ kinh nghiệm và khả năng phán đoán. Tiếng vang về thành tích có thể sẽ đến tai một bóng hồng thôn dã nào đó và biết đâu sẽ thành một khởi đầu tốt đẹp cho một tình yêu mộc mạc nhưng đậm thắm, nên thơ.

Chuyện bắt cá ở quê tôi chỉ có vậy. Vui không? Dĩ nhiên với tôi là vui nhưng bạn có thể nói không; bạn cũng có thể nói ở quê bạn bắt cá vui hơn nhiều, không sao đâu, hồi đó chắc chắn là tôi sẽ cãi chết bỏ nhưng bây giờ thì không. Tôi và bạn đều là những kẻ mất quê hương, bạn cứ cho quê bạn đẹp nhất đi, tôi mừng cho bạn; tôi cũng sẽ cho quê tôi đẹp nhất, bạn mừng cho tôi đi. Quê bạn, quê tôi đều là quê mình cả mà. Quê mình đương nhiên là đẹp rồi. Không phải sao? ●



CÂU CHUYỆN CỦA THẦY LẠNG

Được phẩm Tây y đầu tiên tôi uống mà tôi còn nhớ được tên là thuốc Dagénan. Đó là vào thời kỳ tàn cư kháng chiến chống Pháp khoảng năm 1946, lúc tôi nghỉ học về làng. Không biết gia đình làm cách nào mà mua được một ống Dagénan loại 20 viên của Pháp. Tôi uống thuốc vì đau tai. Chẳng rõ hai tai tôi bị bệnh gì mà cứ đau dai dẳng, tuy không đau nhiều mà đau chịu được. Dagénan uống vào tai bớt đau nhưng cũng từ đó, tai tôi nghe kém đi cho đến tận bây giờ. Dagénan độ ấy là một dược phẩm vạn năng, không phải vì công dụng đa dạng của nó mà vì kiến thức y học nghèo nàn của người sử dụng. Sau này mới biết rằng đây chỉ là một loại sulfamide. Lúc bấy giờ ở Việt nam chưa có pénicilline.

Anh em chúng tôi lớn lên ở Tourane trong môi trường thuốc bắc (thuở đó không gọi là Đà-nẵng mà gọi là Tourane). Từ thuốc gia đình có vốn vện hai vị quen thuộc là dầu tràm và rượu tiêu sọ, cả hai đều là đặc sản của

Thuốc-Men Ngày Trước

Trần Văn Tích

Quảng-trị quê tôi. Dầu tràm thường được gọi là dầu khuynh diệp. Ở làng Trường-sanh, quận Hải-lăng, tràm mọc hoang bạt ngàn trên những đồi đất cao nguyên khô cằn. Kỹ nghệ khai thác tràm để cất tinh dầu phát triển mạnh những năm trước 1945, vùng Trường-sanh có nhiều lò chưng cất tinh dầu trên các đồi tràm. Dầu tràm màu vàng nhạt, vị hơi cay, mùi thơm dễ chịu đặc biệt. Sau này có loại khuynh diệp màu xanh, tôi được biết là do nhuộm chứ không phải màu tự nhiên. Mỗi khi anh em chúng tôi ho cảm nghẹt mũi thì được bôi xức dầu tràm, những khi đau nhức cơ thể cũng được xoa bóp bằng dầu tràm. Có khi mẹ tôi cho uống tinh dầu tràm, dưới hình thức thuốc giọt, nhỏ pha vào nước thêm ít đường, chủ yếu nhằm trị ho. Cũng có khi dùng dầu khuynh diệp xông hơi chữa cảm cúm qua hình thức nồi xông: mẹ nhỏ vài giọt tinh dầu vào nước mới đun sôi rồi bắt anh em chúng tôi trùm kín mình mấy hồ hấp bầu không khí ấm mùi khuynh diệp. Riết rồi tôi đam nghiện. Sang Đức, đi làm trong các bệnh viện, phòng tôi lúc nào cũng sục nức hay ít nhất cũng thoang thoang mùi eucalyptol.

Dược sĩ bào chế rượu tiêu sọ là mẹ tôi. Cây tiêu được trồng nhiều ở Gio-linh, Vĩnh-linh. Bà con tôi ở Quảng-trị thỉnh thoảng

có người chở hàng loạt bao tải lớn hồ tiêu đen vào Tourane bán cho giới tiêu thụ và vào những dịp đó, họ hàng cứ tự nhiên tá túc ở nhà tôi. Hạt tiêu ngâm rượu làm thuốc là tiêu sọ, hái vào lúc quả thật chín sau đó lấy chân đạp loại bỏ lớp vỏ ngoài rồi phơi cho khô. Hạt tiêu sọ có màu trắng ngà, hơi xám, không nhăn nheo như hạt tiêu đen và cũng ít thơm hơn, nhưng lại cay hơn, nóng hơn. Rượu tiêu sọ là thần dược chữa đau bụng tiêu chảy. Vào một dịp đi công cán ở quần đảo Trường-sa hay Hoàng-sa gì đó, ba tôi nhặt về hai chai không nguyên được người Pháp đựng rượu và vứt vỏ chai sau khi ăn nhậu trên đảo. Cả hai chai đều có nút đậy bằng thủy tinh rất đẹp. Mẹ tôi dùng chúng để ngâm rượu tiêu sọ. Mỗi khi anh em chúng tôi lạnh bụng, tháo dạ, tiêu lỏng chỉ cần uống một muống cà phê rượu tiêu sọ là tiêu hoá trở lại bình thường.

Đối với những tình huống bệnh tật nghiêm trọng hơn thì chúng tôi được các ông lang điều trị. Thỉnh thoảng anh em chúng tôi cũng có vào nhà thương hay đi khám phòng mạch bác sĩ, nhưng thông thường dường như mẹ tôi có vẻ tin tưởng thuốc bắc và giới lương y hơn. Sau này tìm học về đông y đông dược rồi chuyển sang điều trị bằng đông y đông dược, tôi càng ngày càng hiểu cung cách hành nghề của đội

ngũ dao cầu thuyền tán.

Chư vị lương y chăm sóc sức khoẻ cho chúng tôi phần nhiều vừa bắt mạch, kê đơn, vừa tự bào chế lấy thuốc để sao tẩm chế biến đúng với tình hình bệnh tật theo nguyên tắc biện chứng luận trị của đông y. Có khi có cụ không có tủ thuốc tại gia thì kê đơn rồi giới thiệu bệnh nhân đến nhà bào chế tin cậy mua thuốc để được bảo đảm phẩm chất. Tôi nghe kể có cụ còn kỹ hơn, kiểm soát lại thang thuốc mà bệnh nhân đã mua. Tiến trình bào chế nhằm mục đích thay đổi thiên tính (tính tự nhiên) của dược liệu, biến chúng thành những vị thuốc thành thuốc để phòng và trị bệnh. Cho nên mẹ tôi phân biệt thuốc chín và thuốc sống, thuốc chín tức là thuốc đã được bào chế sao tẩm. Quan sát việc bào chế dược liệu ở các phòng mạch lương y tư nhân tại Sài Gòn như phòng mạch cụ Nguyễn Đồng Di ở đường Phan Đình Phùng, phòng mạch cụ Lê Đức Thiếp ở đường Nguyễn Cư Trinh, và nhất là đi stage ("thực tập") nơi bệnh viện Quảng Đông của người Hoa kiều trong Chợ lớn, tôi thấy quá trình bào chế dược liệu nhắm vào một số mục đích:

. loại bỏ các tạp chất như mốc, sâu, mọt;

. thay đổi bản chất nguyên thủy để dễ thái thành miếng, thành phiến, dễ cất giữ, dễ tán ra bột hoặc dễ nấu thành cao;

. làm cho dược liệu thêm tinh khiết qua thái trừ những bộ phận không cần thiết (Mạch-môn bỏ lõi, Ngưu-tất bỏ đầu, Liên-tử bỏ tim);

. giảm bớt độc tính của dược liệu (ngâm Bán-hạ với Phác-tiêu và Bạch-phân, cạo bỏ thật kỹ lớp vỏ vàng bên ngoài Hoàng-nân);

. biến thái tính năng của vị thuốc qua sao tẩm cho dễ tan vào

nước, dễ dễ đồng hoá, dễ hấp thụ, dễ thấm hút (tẩm rượu Quy, Hoàng-bá, Bạch-thược; cửu chưng cửu sái Sinh-địa).

Tài liệu bào chế thuốc bắc xưa để lại lâu đời nhất là quyển *Bào chế luận*, tương truyền là do Lôi Hiệu, một bầy tôi của nhân vật huyền thoại hư cấu Hoàng Đế, biên soạn. Nhưng thật ra sách được trước tác vào khoảng những năm 420-479, và sau đó là *Lôi công bào chế luận*. Quyển này không những vẫn có giá trị cho đến ngày nay, mà còn được người đời sau dựa vào để tiếp tục phóng tác thành tác phẩm khác hay biên soạn thơ phú như *Lôi công dược đối*, *Lôi công bào chế phú*, *Lôi công bào chế dược tính phú* v.v.. Kỹ thuật bào chế Trung dược trông qua có phần đơn giản nhưng thật ra nó đòi hỏi ở người bào chế nhiều kinh nghiệm chuyên môn nghiệp vụ. Phải bào chế sao cho bảo đảm chất thuốc, cho theo đúng kỹ thuật, ngoài ra còn phải tùy trạng thái phẩm chất của từng vị thuốc, tùy từng nhu cầu chỉ định của bài thuốc mà qui định tiến trình bào chế cho vừa chừng, cho thích nghi. Và lại các cụ lương y thường có khuynh hướng thay đổi quy cách bào chế, tùy theo hoàn cảnh phương tiện và kinh nghiệm trị bệnh của bản thân. Do đó cách bào chế cùng một thang thuốc, một viên thuốc luôn luôn rất phong phú nhưng đồng thời cũng rất phức tạp, vì mỗi lương y có cách sử dụng thuốc, cách bào chế thuốc riêng của mình. Đương nhiên về đại thể, một phương thuốc, một tễ thuốc vẫn có những dược liệu căn bản, những chủ vị làm nền.

Ở bệnh viện Quảng Đông, khu Trung y Trung dược, các dụng cụ bào chế thông thường có bàn chải để chải cho sạch đất, cát, nấm, rác bám lên dược liệu; giần sàng

để chọn lọc, sàng sảy dược liệu theo to nhỏ, nặng nhẹ; cối chày để giã dập hoặc nghiền tán bột nhằm luyện thuốc hoàn; rây để rây bột làm thuốc tán, chảo để nấu thuốc, chỗ để đồ thuốc cho mềm hoặc cho chín. Bàn chải thường bằng lông, tre hay đồng; cối chày thì bằng đá, đồng, gang, sứ; chảo là chảo thiếc, gang, đồng; chỗ bằng đất hay gỗ, nhôm, đồng. Ngoài ra có những trợ cụ như khi sao thuốc trong chảo, phải có cái đảo, cái bàn xấm, đôi đũa cả và cái chổi để đảo trộn thuốc trong chảo và vun quét thuốc khỏi chảo. Hai dụng cụ đặc biệt là dao cầu và thuyền tán. Dao cầu là loại dao khoẻ, bén để thái cắt dược liệu to cứng như Đại-hoàng, Long-cốt. Nếu dược liệu không lớn lắm thì dùng dao thái thường bằng sắt, đồng. Thuyền tán là một y cụ bằng gang hình chiếc thuyền để tán dược liệu đã sấy khô thành bột mịn. Có thể vận dụng thuyền tán bằng tay hay bằng chân. Vì số bệnh nhân sử dụng thuốc bắc đông đảo nên bệnh viện Quảng Đông có thiết trí một số trang thiết bị cơ giới để bào chế đông dược theo khối lượng lớn nhằm tăng năng suất sản phẩm và giảm công sức lao động.

Có dược liệu phải bào chế rất công phu với nhiều dụng cụ khác nhau, qua nhiều giai đoạn kế tiếp và theo những kỹ thuật phức tạp. Chẳng hạn trường hợp bào chế Sinh-địa. Củ hoặc lát Sinh-địa được xếp vào trong một cái cống, đổ nước hoặc tưới rượu vào cho vừa đủ, đậy kín cống. Đặt cống vào thùng nhôm hay chảo gang có nước ngâm nửa cống, dưới đáy cống lót miếng gỗ để ngăn cách cống với đáy thùng. Đun nhỏ lửa. Nước trong cống bay hơi dần, đến khi khô nước hay gần khô nước trong cống là được. Thời gian

chưng trung bình là 35 giờ cho 50 kilô Sinh-địa. Khi chưng xong còn phải đem phơi tái. Nếu còn ít nước dư trong cống thì lấy nước đó tắm được liệu cho kỳ hết. Làm như vậy tất cả chín lần, gọi là cửu chưng cửu tái (chín lần chưng, chín lần phơi). Khi phơi che màn thưa để tránh ruồi mòng bụi bặm.

Anh em chúng tôi thường uống thuốc bắc dưới dạng thuốc phiến. Thuốc phiến tức là dược liệu sống thái thành lát mỏng, hoặc cắt thành đoạn ngắn. Thuốc phiến thường có độ dày từ một đến hai ly. Những thứ vụn nhỏ không dùng làm thuốc phiến được thì các cụ để dành làm thuốc hoàn tán.

Đơn thuốc kê xong, bỏ thành thang thuốc. Thuốc thang được dùng rộng rãi nhất, phổ biến nhất

vì hấp thụ nhanh, công hiệu cũng nhanh, mọi tật bệnh đều có thể dùng thuốc thang, nhất là bệnh mới cảm hay cấp tính. Thuốc thang phải sắc. Sắc thuốc tức là dùng một chất lỏng, thường là nước, có khi là rượu, đổ ngập dược liệu, đun sôi lên, chất lấy nước mà uống. Thuốc thang được mẹ cho chúng tôi uống trung bình mỗi ngày ba lần, trưa, chiều và tối. Trên gác bếp nhà tôi luôn luôn có sẵn một cái siêu bằng đất nung dùng riêng cho việc sắc thuốc. Dung lượng của siêu lồi chừng một lít rưỡi nước. Riêng đối với bốn anh em chúng tôi, để sắc những thang thuốc trẻ em, có một siêu thuốc bé hơn vì số lượng nước sắc thuốc chỉ bằng một nửa hay một phần ba của người trưởng thành. Ngoài ra còn có

một cái rây nhỏ để lọc nước thuốc đã sắc. Nước sắc thuốc là nước mưa, nước giếng. Không dùng nước máy vì lẽ đơn giản thuở bấy giờ Tourane chưa có nước máy cung cấp tận nhà, nhưng có lẽ cũng để tránh tác dụng phụ của các chất lạ trong nước máy. Sắc thuốc đun bằng củi nhưng than củi là tốt nhất. Sau này ở bệnh viện Quảng Đông tôi thấy vị phải sắc với dung lượng lớn nên người Trung hoa xây lò và dùng chất đốt là than quả bàng.

Khi nhận thang thuốc từ tay vị lương y, mẹ tôi luôn luôn được dặn dò rất cẩn thận và được chỉ bảo rất chu đáo. Đơn thuốc ghi rõ ràng là thuốc phát biểu hay thuốc bổ dưỡng. (Biểu là phần ngoài cơ thể, lý là phần trong cơ thể. Biểu thuộc dương, lý thuộc âm. Phát biểu là phương pháp điều trị nhằm vào phần biểu). Vị thuốc nào cần sắc trước, vị thuốc nào cần sắc sau. Theo lời dặn của người kê đơn, người bốc thuốc gói riêng những vị thuốc từng nhóm để khi sắc thuốc khỏi nhầm lẫn. Khi sắc thuốc, mẹ tôi rất cẩn trọng, theo dõi chặt chẽ kỹ lưỡng quá trình sắc thuốc, nhất là khi siêu thuốc đang sôi, luôn luôn có người túc trực bên cạnh, thỉnh thoảng lại đảo trộn dược liệu lên xuống trong siêu, triệt để tránh né dung dịch sắc thuốc bị trào hay vị thuốc đang sắc bị cháy.

Có hai loại thuốc sắc: thuốc phát tán và thuốc bổ dưỡng (cho nên vị lương y phải ghi rõ như đã nói trên). Sắc thuốc phát tán phần nhiều lấy khí, do đó dùng lửa mạnh, to (gọi là vũ hỏa), sắc nhanh, đổ ít nước, chỉ vừa đủ ngập dược liệu. Thang thuốc chỉ sắc một lần, đun sôi lâu chừng nửa giờ đến ba khác. Sắc thuốc bổ lại lấy vị, nên phải đun lửa nhỏ (gọi là văn hỏa), sắc chậm để hoạt chất đủ thì giờ thoát ra, đổ

hỏi xuân

*Hăm bảy năm rồi xuân hỏi xuân
Cớ sao đến mãi chẳng tin mừng
Muôn ngàn hồng tía khoe sắc mới
Mà triệu hoa lòng vẫn héo hon!*

*Ta đang lưu lạc chốn trời xa
Đợi một mùa xuân trở lại nhà
Đốt pháo đầu năm mừng đón Tết
Đón tình non nước khải hoàn ca.*

*Đợi mãi, trông hoài chẳng thấy đâu
Cứ nghe xuân đến báo tin sầu
Giang sơn nhuộm mãi màu tang tóc
Dân tộc lầm than nặng khổ đau.*

*Hỏi xuân, xuân hãy trả lời cho
Mang kiếp lưu vong đến bao giờ
Vui bước hời hương về quê cũ
Dựng lại nền Dân chủ Tự do?*

phan long yên



nhieu nước, ngập thuốc trên hai đốt ngón tay. Thông thường đổ ba chén nước (chừng 750 ml) đun âm ỉ trong hai giờ. Sắc hai lần, cô lại hai nước cho đến khi còn lại một chén 250 ml. Cách gọi phổ thông là “đổ ba chén sắc còn một chén”.

Những kiến thức đầu tiên về Trung dược tôi thu thập được là do sắc thuốc bắc và uống thuốc bắc. Các loại thuốc có mùi thơm cần lấy cả khí lẫn vị cho nên khi sắc thuốc gần được mới bỏ vào siêu: Bạc-hà, Tử-tô, Kinh-giới, Quế-chi. Các loại rễ củ, cứng, đặc, chắc, cần thẩm thấu lâu phải cho vào trước: Hương-phụ, Đương-qui, Bán-hạ. Các loại kim thạch tinh chất rất khó ra, cần phải giã nát rồi mới sắc: Thạch-cao, Thạch-quyết-minh, Đại-giã-thạch. Khi thang thuốc có A-giao, Xuyên-bối-mẫu, Xuyên-tam-thất thì chờ khi sắc được thuốc mới cho vào đánh tan ra rồi mới uống. Quế-bì thì mài với nước thuốc thang rồi uống. Ma-hoàng thang phải sắc riêng vị Ma-hoàng trước, gạn bỏ bọt rồi mới cho các vị khác vào để sắc. Nói chung, các vị thuốc nguồn gốc khoáng vật hay động vật bỏ vào siêu đun trước, kể đến các vị củ, rễ củ, nhánh cành, cuối cùng mới đến quả, lá, hoa.

Thuở bé tôi vốn thể tạng gầy ốm nên nhiều khi phải uống thuốc tễ. Một tễ thuốc lắm khi uống tháng này qua tháng khác, dưới dạng thuốc hoàn. Thuốc hoàn là dạng thuốc làm bằng dược liệu tán mịn cộng với chất dính vẽ thành viên tròn, lớn nhỏ khác nhau, có khi bằng hạt tiêu, có khi bằng hạt bắp. Các cụ lương y thường lưu ý rằng những bài thuốc có vị độc (Thạch-tín, Hùng-hoàng, Hoàng-nân...) hoặc có chất thơm dễ bay hơi nên không sắc được, hoặc những phương thuốc để trị bệnh suy nhược mãn

tính thì phải bào chế dưới dạng thuốc hoàn. Thuốc hoàn có nhiều ưu điểm: tan chậm, ngấm dần, được lực kéo dài (hoàn có hàm nghĩa hoãn sự thấm hút), dễ uống nhất là khi có vị thuốc mùi vị khó chịu như A-ngù, Hắc-phân hay bệnh nhân ngán thuốc nước quá đáng, liều lượng chính xác, thoát được tác dụng của dịch vị. Đặc biệt là những dược liệu không chịu được độ nóng cao, dễ hòa vào nước, dễ phát huy công năng, độc tính mạnh rất thích hợp với dạng thuốc hoàn. Tuy nhiên thuốc hoàn cũng đôi khi đặc dụng đối với các bệnh cấp tính. Trong trường hợp này, các cụ lương y thường mài viên thuốc vào nước hoặc cho nuốt rồi chiêu với nước. Đó là tình huống sử dụng Lục-thần hoàn, Quy-tỳ hoàn. Thuốc hoàn có hai thành phần chính là dược liệu, thường là thảo mộc, động vật, thuốc cao đặc hoặc khô; và tá dược tức là những chất hầu như không làm ảnh hưởng tới thuốc và còn có tác dụng làm tăng tính chất chữa bệnh của thuốc. Tá dược thay đổi tùy theo tính chất của dược liệu cấu thành thang phương và thường trong công thức có ghi rõ dùng tá dược nào. Tá dược thông dụng là mật ong, mật mía, đường, bột nếp, hồ loãng, cao lỏng, nước. Nếu trong bài thuốc có sẵn mật, đường thì đương nhiên các cụ đông y lấy những vị này làm tá dược. Dược liệu bào chế thuốc hoàn được dùng dưới dạng thuốc phiến. Những thứ thuốc phiến cấu thành thang phương đem sấy nhẹ cho khô rồi tán riêng hoặc tán chung, rây thật mịn, sau đó trộn đều với tá dược làm thành viên. Mật ong là một tá dược được ưa chuộng vì bảo quản tốt, hơn nữa mật ong có sẵn chất dinh dưỡng hơn các loài mật khác. Các cụ chọn thứ mật trong, trắng, đặc; loại màu đỏ

thẫm hoặc có lẫn xác ong non không được dùng vì dễ làm hỏng thuốc. Mật ong đã được chọn đem đun nhanh cho sôi bùng, vớt bỏ bọt (nếu để bọt, hoàn thuốc dễ bị mốc và mốc). Cô lại bằng cách thủy, đến khi giỏ một giọt mật vào nước lạnh mà không tan là đạt. Cô xong, trộn dần với bột các dược liệu trong cối đá, giã nhuyễn và dẻo, đến khi không dính chày cối là được. Cuối cùng dùng bàn chia viên để làm thành viên rồi sấy qua cho khô. Thị trường Trung dược ở Âu Mỹ hiện nay có nhiều thuốc hoàn, thường là nhập cảng trực tiếp từ Trung hoa lục địa hay Đài loan. Tuy nhiên sử dụng phải rất cẩn thận vì có thể lẫn các chất thuốc diệt cỏ hay dấu vết kim loại nặng.

Thỉnh thoảng anh em chúng tôi cũng dùng thuốc tán, thường là để đắp ngoài, rắc vào chỗ đau nhằm điều trị cục bộ. Thuốc tán dùng cho ngoại khoa như vậy phải tán thật mịn, dùng rây rất nhỏ; thậm chí có khi còn phải thủy phi để khỏi kích thích và đau nhức. Tôi nhớ nhất là thuốc tán chống đỏ mắt. Miền Trung mùa hè hay có gió nồm từ Lào thổi về và đó là thời gian anh em chúng tôi hay bị viêm kết mạc cấp tính. Mẹ tôi trữ sẵn một thứ thuốc bột rất mịn màu trắng ngà, mỗi khi chúng tôi đỏ mắt thì đem ra rắc vào mắt rồi nhắm tịt mắt lại chừng mười, mười lăm phút, chờ cho thuốc tan hẳn rồi mới mở mắt. Cảm giác nhức buốt hết sức khó chịu đến giờ này tôi vẫn chưa quên. Nhưng công hiệu của thuốc rất bảo đảm: chỉ một, quá lắm là hai lần rắc là mắt hết đỏ. Mụn nhọt được điều trị bằng thuốc bôi xoa và y cụ để bôi phết là một cái lông gà trống dài. Sau này tôi biết rằng chủ vị của những loại thuốc trị bệnh ngoài da đó thường là Hùng-hoàng, Lục-phân. ●

BÊN TRE XANH THẮM BÓNG DỪA

XUÂN VŨ



(tiếp theo)

Buồn nhớ cố hương, lòng ta có bao giờ thắm tươi... (Quê hương, ca khúc của Hoàng Quý)... Tết năm đó, không nhớ là năm con gì, Trí về quê ngoại ở dưới vườn huyện Mỏ Cày, Bến Tre. Bà ngoại làm đầy đủ toàn bộ thủ tục lễ bái quanh năm như đi chùa, cúng đất đai viên trạch, cúng mừng 5 tháng 5, cúng rằm, cúng trung thu, cúng **dung căn đồ đốt** (xem lại)...

Có ai còn nhớ không cái tục lệ này? Trí đã học trung học rồi mà về nhà ngoại vẫn bắt đội cái sàng gạo trên đó để đủ thứ bùa, nào con cạp, con dê, bùa độ mạng... rồi ngoại lấy nhang châm từng cái hình thay cho lời khấn vái. Như thế là coi như đã được thánh thần ba bên bốn phía phù hộ "cho cháu tôi" rồi.

Lần này về ăn Tết, ngoại bảo Trí bẻ bông trang đỏ và bông trang vàng đem cắm trên các bàn thờ. Bông đỏ tượng trưng cho cuộc sống tiến bộ, bông vàng tượng trưng cho sự hiền hoà trong làng xóm và dòng họ.

Ngoại còn bảo Trí đi ra miếu đặt trên bàn thờ một ộp nhang. Ngôi miếu này ở nhà bà cố do bá tánh dựng lên để thờ "Ông luy" hồi năm Thìn bão lụt to. Không hiểu sao ông lại ghé vào vòm rạch Tân Hương rồi luy ở đây.

Nói rõ ra là "cá ông chết" nhưng do lòng kính trọng mà người dân nói là "Ông luy" chứ không nói là ông chết. Cá ông là loại linh ngư, người đi biển thờ trong ghe tàu của mình, khi gặp sóng gió to thì đốt nhang khấn vái, Ông sẽ tới đội phía dưới cho ghe tàu khỏi chìm. Ông luy ở ngay trong vùng này tức là diềm may mắn. Chuyện đã qua lâu lắm rồi, nhưng ngoại tôi vẫn giữ cái lệ cúng Ông vào ngày Tết, để nhờ linh hồn Ông phù hộ cho gia đình.

Ba mươi Tết, sáng ngày ngoại kêu cả nhà thức dậy. Ai đi chùa thì đi với ngoại, ai không đi thì ở nhà nấu cúng ông bà. Cái Tết sao mà rộn ràng náo náo trong thôn xóm và lòng người. Nó không tẻ nhạt như ngày nay.

Tết năm đó Trí về tới quê ngoại thì đã ra ngoài ngày, chỉ còn ăn bánh tết với xà bần, nhưng không sao. Cuộc đời tôi đâu phải chỉ có một cái Tết ở An Hoá! Ngoại tôi còn tại đường thì không bao giờ tôi ăn Tết ở nhà. Tôi phải ra nhà ngoại, ở đây không thiếu một thứ gì thuộc về Tết. Bắt đầu từ tháng Chạp là đã thấy có chuyện làm. Nào là lau chùi lư hương, chân đèn, đem ra đám trấu chùi khô cho thật sáng. Rồi lấy lá trên những nhánh mai để nó trở bông đúng vào dịp Tết, như ở ngoài Bắc gọt củ thủy tiên. Nào quét bánh phồng, tráng bánh

tráng..., có khi làm bánh tổ. Các dì tôi thì làm bánh kẹo, bánh men, bánh gừng, mứt trái cây, gọt bông hoa bằng trái đu đủ xanh rồi rim đường, rất công phu. Mấy món mứt căn bản không thể thiếu là mứt gừng, mứt bí... Trong tủ lúc nào cũng đầy ắp các thứ mứt, tôi và cậu Tám tôi buồn buồn thì mở tủ thò đầu vào ăn ngấu ăn nghiền rồi chạy ra vườn, khó ai bắt được.

Bà ngoại tôi hầu như không ăn uống gì mà rất vui khi khách khứa tới được đãi trà nước bánh mứt và được khách khen ngon.

Ngoại đi ra vườn luôn, nhất là vào khoảng một tháng trước Tết là lúc ngoại lo trồng vụn thọt hai bên đường vào nhà. Ngoại đi thăm xem cây quýt nào, chùm cam nào, trái bưởi nào sẽ hái chung trên bàn thờ hoặc đem kiếng cho bà cố ngoại vằm và bà cố ở trên giồng Cẩm Sơn. Nhứt nhứt mọi việc cúng kiếng ngoại đều để ý tới chứ không phải được sao hay vậy. Và ngoại bảo đem tấm chăn ra treo lên căng giữa nhà. Đây là tác phẩm độc đáo, rực rỡ màu sắc của dì Năm tôi tạo ra bằng hai bàn tay khéo léo của dì và sự kiên nhẫn lạ lùng suốt 6 tháng trời. Một năm, tấm chăn chỉ được đem ra treo một lần rồi phơi nắng xếp lại đem cất để Tết năm sau đem ra treo nữa.

Ngày mùng hai, sáng sớm đã nghe bếp núc hoạt động. Đó là bữa nấu cúng ông bà lớn nhất trong ba ngày Tết. Trước khi lên mâm dọn trên bàn thờ, con cháu trong nhà tụ lại đứng quanh bộ ván gõ trải chiếu bông. Ngoại tôi lên ngồi trên ván dựa vào chiếc gối cao, gọi là gối dựa, chỉ thấy ở những nhà giàu lớn hoặc nhà có rước thầy dạy chữ nho cho con cháu trong nhà.

Các cậu các dì tôi đều mặc áo dài, tôi có chiếc áo dài nhỏ riêng

mỗi năm mặc một lần để mừng tuổi ngoại. Tôi là cháu ngoại đích tôn nên được trọng vọng cung chiều. Tôi được mừng tuổi ngoại trước nhất. Câu chúc được các dì tôi mớm cho hồi lúc tôi còn 7, 8 tuổi, nay đã lên trung học rồi, không cần phải ai nhắc nữa:

- Năm mới con chúc ngoại thọ tử Nam Sơn, phúc dư Đông Hải.

Cái sự thích thú nhất là tôi được ngoại cho tiền, xoa đầu khen giỏi. Sau đó tôi quay sang mừng tuổi các dì và các cậu. Cậu Tám tôi chỉ lớn hơn tôi vài tuổi nên khi tôi mừng tuổi cậu thì cậu mắc cỡ bỏ trốn, tuy vậy cậu vẫn cho tôi tiền. Góp nhóp lại cũng được gần 1 đồng bạc chớ đâu phải ít! Khi đi học trường quận, má tôi chỉ cho 1 đồng đủ để ăn quà trong 1 tháng.

Cúng kiếng xong ở nhà bà ngoại, cậu tôi dắt tôi ra vòm mừng tuổi bà cố ngoại, lại được tiền. Rồi đến nhà các ông bà (anh em) của ông ngoại tôi. Ông ngoại tôi mất hồi tôi chưa ra đời, nên các ông các bà ưu đãi tôi nhất.

Đi một vòng thì túi đã hơi nặng xu năm và bạc các. Làm gì cho với bớt số tiền đó? Mua pháo đốt. Pháo chuột cây nhỏ như chiếc đũa màu hồng, lấy cây nhang cháy châm ngòi, nổ một tiếng "bộp". Trong nhà lúc nào cũng nghe pháo nổ, không tai hại gì cả nên tha hồ đốt. Cắm cây pháo ở góc ván, ở bàn ăn cơm, trong bếp, ngay dưới dít soong dít chảo và dít ông táo... ở đâu cũng có tiếng "bộp... bộp..." và mùi thuốc pháo bay nức nồng trong nhà.

Sáng mùng ba lại đi mừng tuổi. Bên bà cố ngoại trên Cẩm Sơn. Tôi háng hái lắm vì đi lên đó sẽ được nhiều tiền hơn nữa. Một năm, thằng cháu mới đến một lần.

Bà cố tôi 94 tuổi, ông Chín tôi

con bà cố đã trên 50. Nhà rất sạch sẽ, bóng láng từ thềm nhà tới cây kèo, cây cột. Ông Chín tôi bắt các cậu tôi (cùng lứa tuổi với tôi) lau chùi những cây cột trong nhà theo cách đặc biệt. Các cậu bắc thang leo lên đầu cột, buộc nùi giẻ vào cột, rồi mỗi cậu ôm một cây cột tuột xuống đất. Cứ lặp đi lặp lại năm, bảy lần; chừng nào ông Chín bảo thôi thì thôi.

Gần Tết thì các cậu bãi trường về bị sung công vào việc lau cột, lau luồng và chùi ván gỗ. Lấy xác dừa rắc trên ván, rồi dùng trái dừa diéc cắt đôi, một cậu một nửa, mài tới mài lui cho đến khi mặt ván bóng có thể soi kiếng được mới thôi. Các cậu ngán mấy việc này lắm nên đặt tên cho nó là "leo dừa" và "di cây".

Nhà ông Chín có cái máy hát Columbia mới mua đầu trên Mỏ Cây. Cả máy hát lẫn đĩa hát giá tới cả trăm đồng. Thời đó lúa một thàng Tây công 1 gia, nghĩa là 1 đồng bạc một gia lúa. Năm "kinh tế", một thàng Tây gánh 2 gia, nghĩa là có 5 các 1 gia lúa. Quí giá như vậy nên chỉ mình ông Chín cho hát cái máy hát đó mà thôi, không có ai được rớ tới. Con cháu đến vào ngày Tết, hoặc hàng xóm đến chơi, chỉ được ngồi ở nhà dưới nghe máy hát. Ông cho hát các tuồng *San hậu*, *Tào Tháo kế công* cho bà cố tôi nghe. Còn những người khác thì nghe ké. Nhưng tôi không ham là vì ở trên chợ quận, tôi nghe hàng ngày ở cái bazar bán hàng nơi nhà lồng chợ. Họ hát liên miên để câu khách hàng.

Tôi và cậu tôi mừng tuổi bà cố (của tôi), bà ngoại (của cậu tôi) được nhiều tiền hơn ở dưới ngoại tôi. Cả đồng bạc lận. Rồi đi một vòng thăm các ông các bà ở dọc theo triền giồng, được thêm một mớ nữa. Tết đến các ông các bà cho tiền và quà cảm không hết.

Khi trở về, tôi và cậu tôi không thềm đi bộ nữa, ra ngã tư Tân Trung kêu một cỗ xe ngựa đi chơi. Chỉ tốn 1 các bạc là về tới chợ Tân Hương để mua pháo chuột tại tiệm thầy Thọ, ông "bạn" già thân thiết của cậu tôi, thân thiết vì cậu tôi mua thứ gì cũng đến đây, năm nay tháng nọ thành ra quen, mua chịu cũng được. "Há cái lì cứ mu li, tả tình xao mà! Mất li lâu! Ngồi quen mà! (Hà cái này cứ mua đi, trả tiền sau mà! Mất đi đâu! Người quen mà!) Ôi thầy Thọ! Bây giờ hồn ông ở đâu?"

Từ mùng ba trở đi là lúc khai mạc các trường gà nòi, có những đoàn lân đi xin tiền các nhà giàu và các tiệm lớn. Tại chợ có tiệm lúa gọi là chành Hiệp Sanh của cô Ba Chành. (Chành là nơi chứa lúa của người Tàu, dự trữ để chở đi Chợ Lớn bán).

Con lân ở đồng quê cũng như ở thành phố là một nét hấp dẫn cổ truyền. Tôi không nhớ ở quê ngoại tôi thời đó con lân râu đen hay râu bạc, râu vàng. Lân râu đen là lân chúa tể; nó đi tới đâu, các con lân râu màu khác phải phục xuống chờ nó đi qua rồi mới đứng lên múa tiếp, nếu *nghe* với nó sẽ bị nó đánh gục. Sài gòn ngày xưa chỉ có con lân Cầu Muối là râu đen, còn các con lân khác thì râu vàng, râu bạc hay râu màu gì đó, nhưng không bao giờ được mang râu đen.

Lân thời tôi còn con nít ở chợ Tân Hương không nhớ là lân râu gì, nhưng nó một mình một chợ, không có sự cạnh tranh nghề nghiệp. Nó chổng cao lên 5 người để lấy số tiền thưởng treo trên một cành trúc cắm gie ra từ trên lầu.

Chủ nhà, chủ tiệm thử tài con lân thường treo tiền trên cao để lân tới nhận. Tiền thưởng treo trên lầu mà lân tới thấy, ngắm

nghĩa rồi liệu bề không với tới, cụp tai lắng lắng rút lui thì bị con nít cười chê; nhưng nếu nó vênh tai lên, ngược mặt rồi nhảy tung tung chạy quanh một lúc, sau đó trở lại mọp xuống cảm ơn chủ nhà thì lập tức pháo tiểu pháo đại nổ vang, pháo chuột nổ lụp bụp chen lẫn... Con lân nhảy múa tung bừng trong khói pháo tỏ vẻ hân hoan, bởi vậy dân gian mới có câu “vui vẻ hăng hái như lân thấy pháo”!

Như vậy khán giả yên trí sẽ được xem lân trèo lên (chồng người) lấy tiền thưởng. Mọi người tự động ngồi thành vòng tròn chờ xem. Con lân đâu có đi một mình mà nó còn có cả đoàn võ sĩ đi kèm và trống kèn, phèng la, rồi ông Địa nữa chứ! Ông Địa là nhân vật được khán giả thích thú nhất sau con lân.

Cái mặt địa không biết ai sáng tạo ra mà ăn khớp với cái bụng phệ, nhìn là thấy vui rồi. Suốt

năm cày cuốc mệt nhọc, chạy tiền chạy gạo mòn chân, nhưng thấy ông Địa là mọi gian lao lo nghĩ tiêu tán hết. Không biết trong văn học có nhà văn nào mô tả ông Địa đúng vai trò của ông ta chưa nhỉ? Đó là một nhân vật quen thuộc với mọi tầng lớp nhân dân, như truyện Tàu. Tôi cho nhà nghệ sĩ nào tạo ra ông Địa là một thiên tài. Ở nơi nào Tết đến cũng có múa lân. Múa lân không bán vé. Nơi nào có múa lân là có ông Địa, có pháo nổ, có tiếng trống và có biểu diễn võ nghệ. Chỉ cần con lân với ông Địa cũng đã tạo được không khí Tết. Sau này trong những hội hè, đình đám, thậm chí cả trong đám cưới, đám khánh thọ, đăng quan cũng có múa lân. Múa lân trở thành cuộc biểu diễn văn nghệ bình dân.

Thuở bé tôi xem tuồng San Hâu ở đình làng Minh Đức (Tân Hương) và xem múa lân ở chợ làng này, đến bây giờ vẫn còn

nhớ. Không phải vì cái qui mô hay tài nghệ biểu diễn của nó mà vì nó xuất hiện đúng lúc bà con thèm cái không khí vui tươi.

Đoàn lân chồng người nhận tiền thưởng từ trên lầu một cách nghệ thuật và dũng cảm. Nhận tiền xong, lân từ trên cao nhảy luôn xuống đất, vừa múa vừa lân tròn trong tiếng pháo nổ tung bừng và tiếng hoan hô nhiệt liệt của khán giả. Lân cúi chào gia chủ và đi một vòng khán giả, tỏ vẻ hãnh diện. Ai vậy? Ai làm con lân tài tình vậy? Tôi hỏi cậu tôi, nhưng có người trả lời thay: “Thằng Ba.”

Anh Ba! Người thường đến làm công cho ngoại tôi, khi thì bồi vườn, lúc thì làm cỏ sân, hoặc cắt tỉa hàng rào kim quýt. Ai ngờ đâu anh có biệt tài làm lân như vậy. Một lần nọ Tết đến, cũng có lân múa nhưng con lân năm nay không chồng nổi 5 người. Anh Ba đã bỏ xứ đi đâu không biết, nên lân năm nay kém vui. Đời nghệ sĩ giúp vui cho thiên hạ, ngày thường ai có để ý làm chi, nhưng lúc cần mới hay không có không được!

Bạn đọc thân mến,

Tôi ngồi viết những dòng ký ức này mà trào nước mắt nhớ quê hương xa vời, nhớ tuổi thơ không trở lại. Đời người như bóng câu qua cửa sổ! Lời than của Đặng Dung âu cũng là lời than của mọi người. *Thế sự du du lão nại hà. Vô cùng thiên địa nhập hồn ca...*

Cuộc đời còn bề bộn bao nhiêu việc nhưng tiếc rằng ta đã già. Nếu còn trẻ ắt còn làm được nhiều việc hơn cho quê hương. Tôi xin mượn trang báo này gửi tới bạn đọc *Làng Văn* và bạn đọc khắp năm châu lời chúc mừng đủ mọi màu sắc pha nước mắt ly hương vong quốc. Hẹn Tết năm sau nếu tôi còn cầm bút!

(còn tiếp)

về thăm vườn cũ

*Mười năm tưởng mất dấu chân
Về thăm vườn cũ âm thầm mưa bay
Cuộc đời nghĩ cũng lạ thay
Tóc mây mùa ấy, chiều này mai hoa.*

*Mơ gần thôi lại mơ xa
Phù du chợp giấc mây qua đỉnh trời.
Lênh đênh sáu ngả luân hồi
Ai lên núi hỏi mây trời, nẻo ra.*

*Bâng khuâng vẫn cỗi ta bà
Con chim hót dưới cội hoa ngâu vàng
Đường về bến tịnh thanh thang
Tiếng thu không nhẹ nhàng đan nắng chiều...*

tuệ nga





LUẬT GIANG-HỒ

TỔNG MINH LONG QUÂN

(khởi đăng từ số 222)

Bắt đầu bằng câu chuyện ngày xưa, xảy ra vào năm 1967 tại một làng nhỏ ở Sicily, một bố già Mafia khét tiếng nơi đó đang hấp hối chờ chết. Đó là bố già Zeno. Phải công tâm mà nói, tuy là bố già của một băng đảng cướp nhưng cả cuộc đời của bố già Zeno, ai nhắc đến cũng thương và nể phục vì bố là một người rất đàng hoàng và công bình. Cướp của nhà giàu để giúp đỡ người nghèo, giống như hiệp sĩ Robin Hood. Nhưng nếu ai dám cãi lệnh của bố già thì chỉ có nước gặp thần chết mà thôi.

Bây giờ bố nằm trên giường bệnh, trong phút giây hấp hối, gần đất xa trời, có ba người đệ tử thân tín, trung thành đứng bên cạnh chờ nghe đàn anh dặn dò trời trần. Ba người này ngày xưa đi theo làm tay chân cho bố già Zeno, bây giờ họ đã phiêu bạt mỗi người một nẻo, trở nên những con hùm xám, những tay trùm hùng cứ mỗi người một phương, đầy đủ giàu sang và tiếng tăm chớ đâu phải đồ bỏ. Đó là ông trùm Raymonde Aprile ở Nữ Ước, trùm Benito ở Chicago và trùm Bianco ở ngay tại Sicily. Máy ông trùm nghe đàn anh sắp chết, ai nấy vội thu xếp đến để được gặp đàn anh lần chót. Đó cũng là một nghĩa cử biểu lộ sự trung thành và nhớ ơn đối với bậc đàn anh.

Zeno là bố già cuối cùng ở Sicily theo đúng truyền thống của Mafia. Nghĩa là bố già chỉ đánh thuế đen trên các cơ sở thương mại chứ không hề nhúng tay vào việc kinh doanh ma túy và đi điểm. Không giống như các băng đảng Mafia ở đất Mỹ, họ sẵn sàng làm bất cứ việc kinh doanh bất hợp pháp nào, miễn sao kiếm càng nhiều lời càng tốt. Ở Sicily, hề người nghèo nào đến gõ cửa nhà bố già Zeno để xin giúp đỡ thì thế nào đi ra cũng được không ít thì nhiều, tiền và thức ăn. Bố già Zeno là người tự sửa đổi luật pháp mà ông cho là bất công. Ví dụ không một công tử nhà giàu nào dụ con gái nhà nghèo chơi cho có bầu rồi cao bay xa chạy, quát ngựa truy phong mà thoát được với bố già Zeno. Bố sẽ cho người truy tìm cho ra thằng cha điếm đàng đó về, bắt phải làm đám cưới với cô gái. Cãi lời hả? Chỉ có chết mà thôi. Nhà băng nào mà đến siết nhà mấy nhà nông bị thất mùa thì cũng bị trầy vi, tróc vảy với bố già Zeno chớ chẳng chơi. Con nhà nghèo học giỏi mà không có tiền đóng tiền trường, bị trường đuổi. Nếu ai đó nói đến tai bố già Zeno thì nhà trường cũng mệt. Đích thân Zeno dẫn người học trò đó đến xin gặp hiệu trưởng và xin một ân huệ. Cho ăn kẹo ông hiệu trưởng cũng không dám từ chối. Ai mà không

sợ danh một ông trùm ở Sicily?

Ở Sicily, ai có dính líu gia tộc xa gần với Zeno thì kể như có ông thần hộ mạng. Bố già Zeno rất ghét kẻ mạnh ăn hiếp yếu. Người nghèo thấp cổ bé miệng, chịu thua thiệt, bị chà đạp bởi giai cấp nhà giàu thì Zeno chẳng nường tay cho kẻ hống hách. Luật pháp đặt ra ở thủ đô La-mã không thể áp dụng được ở Sicily. Chính bố già Zeno là người quyết định là luật đó có công bằng hay không. Bởi vậy, tuy là một bố già của băng đảng xã hội đen nhưng ông được dân chúng ở Sicily mến phục hơn là những nhà hành pháp ở Sicily. Chỉ tiếc một điều, những năm cuối của cuộc đời, uy quyền của bố già Zeno không còn vững mạnh như trước. Chỉ vì bố già đã lấy một cô gái trẻ đẹp, đáng tuổi con mình làm vợ và sinh ra một đứa con trai. Bố già mà có con nhi đồng coi cũng chướng. Bà vợ trẻ của Zeno chết trong lúc sanh nở nên bố già ôm đứa con thơ mà nuôi. Ngày hôm nay đứa bé lên hai tuổi. Bố già Zeno biết ngày gần đất xa trời của mình đã đến. Zeno cũng biết trước, ngày nào mình nằm xuống thì gia đình Zeno thế nào cũng bị tiêu diệt bởi những gia đình khác đang mạnh thế như gia đình Corleon và Clericuzio. Bởi vậy Zeno lo buồn cho tương lai đứa con thơ của mình. Ngày nào Zeno chết đi, thân cốt của nó không ai bảo bọc, nuôi dưỡng.

Bây giờ nhìn ba đàn em thân tín bên giường bệnh, Zeno mỉm cười mệt mỏi và nói lời cảm ơn ba người đã bỏ công, lặn lội đường xa đến đây với Zeno. Sau đó Zeno ngỏ lời muốn nói một điều quan trọng để yêu cầu ba người giúp đỡ: đó là đem đứa con trai tên Astorre lên hai tuổi đi xa khỏi chỗ này mà nuôi dưỡng nó nên người, một khi Zeno đã nằm

xuống. Quan trọng hơn nữa, Zeno muốn ai nhận nuôi con mình, phải hứa là nuôi nó trở thành người có tư cách giống như cha của nó, được mọi người kính nể chứ không giống như những tên cướp hăng máu chỉ biết tiền và sắc.

Nhìn qua ba khuôn mặt đàn em, Zeno thều thào nói thêm:

- Ai hứa được điều này cho ta thì ta mới ra đi thanh thản, không thắc mắc gì nữa cả.

Ba ông trùm cúi đầu vâng lệnh nhưng trong đầu họ nghĩ. Cả cuộc đời bố già Zeno đã giết hàng trăm mạng đã không theo đúng kỷ luật của bố già, giờ đây xuôi tay, có thật bố già ra đi cách thanh thản được không? Cuộc đời dân giang hồ của họ, nhiều khi không biết được ngày mai. Đến tuổi già nhìn lại quãng đường mình đi qua, đôi khi lương tâm cũng cắn rứt vì những tội ác họ đã nhúng tay vào.

Giọng của Zeno vẫn tiếp tục vang vang trong căn phòng im lặng:

- ... ta chỉ an tâm khi nào biết chắc được thằng con trai của ta được an toàn, lớn lên ở một nơi nào khác với Sicily. Nhưng nhìn thằng con trai hai tuổi, ta thấy được tương lai nó sẽ là một thằng Mafia từ tâm hồn đến sự suy nghĩ. Nó còn nhỏ nhưng biểu lộ nhiều cá tính khác biệt rồi..

Đôi mắt Zeno lúc này mờ đi. Zeno nhìn lên trần nhà nhưng vẫn cố nói những điều cần thiết trong phút cuối:

- Thật là lạ, theo như phong tục xưa của Mafia mình, thằng con của ta mới đúng là một dân Mafia từ gốc rễ, sinh trưởng trên đất Sicily, con của một bố già... Ta đã mơ ước có một đứa con trai để huấn luyện nó nhưng tiếc rằng mãi ở tuổi tám mươi ta mới có được một thằng con trai nối dõi

thì đã quá muộn màng. Ta không tin dị đoan nhưng ta nghĩ nó như một hạt giống tự gieo trên mảnh đất Sicily này. Đôi mắt nó xanh biếc màu trái ô liu vào mùa xuân. Và nó có máu một dân Sicily chính cống: nhạy cảm, lãng mạn, thích âm nhạc và tính tình vui vẻ. Còn nhỏ như vậy mà hễ ai làm phật lòng nó là nó nhớ. Nó cần phải được dạy dỗ..

Zeno ngờ ý là muốn chọn một trong ba người đàn em thân tín này, lãnh nhiệm vụ nuôi thằng con Astorre cho nên người. Dĩ nhiên trách nhiệm nặng nề nhưng phần thưởng đi theo cũng không phải là nhỏ.

Lúc này ông trùm Benito mới lên tiếng để bố già Zeno yên tâm:

- Vậy chứ ông anh còn muốn dặn dò anh em chúng tôi điều gì thêm không. Tôi sẵn sàng nhận thằng bé về nuôi. Tôi sẽ thương nó như con ruột của tôi.

nói với gió

gửi anh Nhân

Gió bão hôm nay qua Sydney
Mùa đông lạnh quá ở nơi này
Mùa đông chẳng có khi nào tuyết
Có thật tuyết màu tựa như mây?

Có thật tuyết lạnh hơn tay em
Lạnh hơn cái lạnh của que kem?
Gió ơi, hỡi cứ không thêm nỗi
Gió cũng như anh, trêu mãi em.

Mùa đông không tuyết mà lạnh ghê
Gió biết em đang tiếc mùa hè
Nắng vàng áo mỏng chân chim sẽ
Dầm nước mặt hồ, em thích ghê.

Thích ghê, thích lắm... anh cứ trêu
Cái nhìn như chứa cả trăm điều
Gió hiểu điều gì trong đáy mắt
Sao mãi vì vu hoài tiếng yêu.

Gió nghe gì buổi tối mùa đông
Mùa hạ nơi anh, nắng có hồng?
Nơi đây em lạnh trong khăn ấm
Gió có vỗ về nỗi nhớ không?

Em nhờ gió giúp giùm em nha
Mang đi chút lạnh để làm quà
Ru anh giấc ngủ êm đêm ấy
Em muốn, nhưng mà em ở xa.

Xa lắm gió ơi, thế cũng đành
Chuyện đợi dăm năm, hay chuyện
trăm năm
Có phải xứ này đi bên trái
Nên tình yêu cũng phải trái ngang?

Em vẫn là em hãnh mũi tẹt kiêu
Mà trái tim gió bão trăm điều
Gió ơi đừng đóng vai ngoại cuộc
Đừng giống như ai, chẳng dám yêu.

nhí tiểu thư



Raymonde nãy giờ vẫn đứng im nhìn bố già mà không nói gì. Zeno quay lại nhìn Raymonde và hỏi:

- Thế còn chú?

- Nếu đàn anh chọn tôi thì kể từ giờ phút này, con của ông anh sẽ là con của tôi.

Bố già Zeno im lặng nhìn kỹ ba tên đàn em đang đứng trước mặt với vẻ suy nghĩ. Trong ba người, Benito thông minh nhất. Bianco là người có nhiều tham vọng và thế lực hơn cả. Còn Raymonde là người có tư cách hơn hết. Cách suy nghĩ, mọi hành động của Raymonde có vẻ gần gũi, giống Zeno hơn hai người kia. Chỉ tiếc một điều là Raymonde ít tha thứ cho kẻ nào lỡ phạm tội.

Mặc dù trong phút giây thần chết đang đứng chờ với lưỡi hái trên tay, nhưng Zeno cũng biết Raymonde là người cần được nuôi dưỡng hơn. Nếu Astorre lớn lên, yêu thương Raymonde như cha ruột thì chẳng phải Raymonde được hưởng lợi hay sao? Raymonde sẽ dạy cho thằng bé biết sử dụng khả năng sinh tồn để mà đối phó với thế giới lừa lọc của xã hội đen.

Bố già Zeno im lặng một hồi, sau cùng thều thào nói:

- Raymonde, người sẽ là cha của con trai ta. Như vậy là ta nhắm mắt cũng yên lòng.

Đám tang của bố già Zeno được tổ chức trọng thể như một ông vua. Tất cả ông trùm Mafia ở Sicily đều đến phúng điếu. Máy ông bộ trưởng của chính quyền Ý ở La Mã cũng bay đến chia buồn với một vị thân hào mà dân chúng mến thương.

Quan tài được kéo theo đằng sau một con ngựa màu đen. Trên lưng ngựa là cậu bé Astorre với đôi mắt đen, tròn xoe như hạt nhãn dưới cái nón đen rộng vành,

coi chằm chằm như một hoàng tử trong truyện thần tiên.

Đích thân ngài Tổng giám mục thành phố Palermo ở Sicily đã làm lễ tang cho bố già Zeno. Vị đại diện tôn giáo đã không ngần ngại tuyên bố giữa đám người đi đám tang:

- Trong khi bệnh hoạn cũng như lúc mạnh khỏe, trong lúc đau buồn hay thất vọng, Zeno đã đến với chúng ta như một người bạn chí tình. Zeno đã nói với tôi trong những giờ phút lâm chung "con xin hiến dâng hồn và xác con cho Chúa. Xin Chúa tha những tội lỗi con đã làm. Những tội lỗi con phạm chẳng qua vì con muốn mang một công lý cho tất cả mọi người".

Sau đám tang, cậu bé Astorre được ông trùm Raymonde Aprile mang về Mỹ để làm con nuôi, bắt đầu một trang sử mới.

Chương 1

Bây giờ là thời điểm của năm 1995, nghĩa là 27 năm sau cái chết của bố già Zeno ở Sicily.

Hai anh em song đôi Franky và Stace vừa lái xe vào nhà của John Heskow thì thấy mấy cậu thiếu niên đang chơi bóng rổ ở sân. Vừa lúc đó thì Heskow cũng vừa bước ra đón khách.

Heskow người to lớn, mái tóc thưa gần như sỏi, cặp mắt màu xanh nhấp nháy đầy vẻ tinh ranh. Ông ta cười đơn đả với hai ông khách:

- Đến cũng vừa đúng lúc quá. Tôi muốn hai cậu gặp một người khách đặc biệt.

Mấy cậu thiếu niên thấy người lạ đến thì cũng dừng tay chơi. Heskow nói cách hãnh diện:

- Thằng nhỏ cao nhất trong đám là con trai tôi đó. Tên nó là Jocko.

Cậu Jocko nghe cha nói bèn tiến đến bắt tay hai người khách.

Franky vui vẻ nói với cậu bé:

- Nè cháu, sao không thử tiếp tục chơi với hai chú một hiệp thử coi.

Jocko mỉm cười nhìn hai ông khách với vẻ dò xét. Hai người đàn ông thân hình to con, đều đặn với khuôn mặt đẹp trai, giống nhau như đúc, nhìn vào là biết hai anh em song sinh. Hai người mặc hai chiếc áo thun Polo Ralph Laurent, một màu đỏ, một màu xanh lá cây. Khuôn mặt hai ông khách có vẻ thân thiện, dễ mến, khiến người đối diện vừa gặp đã có cảm tình ngay. Jocko tươi cười trả lời:

- Được chứ sao không.

Stace nheo mắt nói đùa:

- Chà, hai chú vừa đi đường xa cả ba ngàn dặm đến đây, chơi cho giãn gân cốt, chắc chắn là thua mấy cháu rồi.

Cậu bé Jocko nhìn mấy đứa bạn nói:

- Ba đứa tụi bây một phe. Tao với hai ông khách này một phe. Tụi mình đấu với nhau.

Jocko chơi giỏi trong đám nên mới chơi chung đội với hai ông khách cho cha vui lòng. Heskow vui vẻ nói theo:

- Tụi con chơi nường tay cho hai chú đó nghe! Hai chú lớn tuổi đâu có chạy nhanh bằng thanh niên được.

Thời tiết lúc này vào buổi chiều tháng 12 nên hơi lạnh. Nhưng nhờ vận động như vậy ai nấy thấy nóng trong người, hợp với khí trời lạnh lạnh nên dễ chịu vô cùng. Anh nắng chiều rọi những tia nắng vàng vọt trên những luống hoa kiểng đủ màu sắc của Heskow, trông dễ bán. Đó là ngành kinh doanh mặt nổi của gia đình Heskow ở khu phố nhà giàu ở đảo Trường Kỳ này.

Franky và Stace nhập cuộc

chơi. Hai người quần trái banh, chơi cách thiện nghệ với những động tác nhanh nhẹn cực kỳ. Jocko đứng trố mắt nhìn cách ngạc nhiên. Coi hai ông khách này lớn tuổi hơn mấy cậu thiếu niên nhưng họ nhanh vô cùng. Có một điều, hai ông khách cứ ôm banh mà thấy, không cho ai khác có cơ hội chơi. Đội banh của ba cậu thiếu niên bắt đầu nóng máu, bắt đầu chen vào để giành trái banh. Một cậu không kèm nổi cơn nóng, dùng khuỷu tay húc vào hông của Franky. Nhanh như chớp, chỉ thấy cậu bé té nằm dài trên sân.

Jocko nãy giờ theo dõi trận đấu, nhìn theo trái banh nên không biết tại sao bạn của mình bị té xuống sân. Nhưng Stace đã dùng trái banh đánh lên đầu Franky, nói như trách:

- Thôi, tiếp tục chơi đi. Thành ngu.

Franky đưa tay đỡ cậu bé đứng lên, vỗ vào đít nó nói đùa:

- Xin lỗi nghe cậu bé.

Mọi người tiếp tục chơi. Lúc này thì cả Jocko cùng đám bạn vây hai ông khách vào giữa vòng tròn, cố gắng giành trái banh. Họ quần nhau thêm năm phút thì Stace đề nghị nghỉ chơi.

Heskow đem xô-đa chanh ra đãi khách. Mấy cậu bé vây quần quanh Franky với vẻ nể phục. Không ngờ hai ông khách chơi thiện nghệ như vậy. Franky ôm vai cậu bé mà hồi nãy bị Franky quật té cách cố ý, nói thân thiện:

- Để chú cho mấy cháu một vài lời khuyên theo kinh nghiệm bản thân của chú nghe... Đừng bao giờ quần trái banh khi mà mình thấy có khả năng tung được. Đừng bỏ cuộc vào phút cuối, mặc dù điểm của mình đi xuống. Và khi lớn lên, đừng bao giờ cặp bồ với cô gái nào có nuôi hơn một con mèo trong nhà.

Mấy cậu bé ôm bụng cười nghiêng ngả trước câu nói tiểu lâm này. Franky và Stace uống cạn ly nước chanh, đứng lên bắt tay chào mấy cậu bé rồi theo Heskow đi vào trong nhà.

Heskow dẫn hai anh em lên phòng trên lầu, khóa chặt cửa bên trong. Đi theo hành lang dẫn về một phòng lớn với đầy đủ tiện nghi, trong phòng có hai giường để song song với nhau. Stace biết đây là căn phòng Heskow dọn sẵn để cho hai anh em ngủ qua đêm.

Trong một góc phòng có một chiếc rương gỗ lớn, có niên bằng sắt và khóa cẩn thận. Heskow móc túi lấy ra chiếc chìa khóa mở nắp rương ra. Ba cái đầu chụm lại nhìn xuống vật bên trong. Một đồng súng đủ loại. Súng tự động, súng dài, súng ngắn với mấy hộp đạn màu đen. Heskow hát hàm nhìn hai người khách:

- Bao nhiêu đây đủ chơi không?

Franky liếc mắt nhìn qua rồi hỏi:

- Không có súng hãm thanh sao?

- Công tác này cậu đâu có cần hãm thanh?

Stace nói chen vào:

- Được rồi. Tôi cũng không thích đồ chơi hãm thanh. Tôi ra tay thì thích có tiếng động mới đã.

Heskow gạt đầu với vẻ hài lòng:

- Như vậy là xong rồi. Bây giờ hai cậu đi tắm đi cho khỏe. Tôi dụ cho mấy đứa nhỏ đi chơi cho khỏi ai để ý, rồi tôi sẽ làm cơm tối cho hai cậu ăn. À, hai cậu thấy thằng con trai của tôi thế nào?

Franky mỉm cười trả lời:

- Thằng nhỏ dễ thương lắm.

Heskow nghe khen cảm thấy mũi phồng lên, hỏi thêm bằng giọng hãnh diện:

- Còn cách chơi banh của nó thì sao? Nó chơi khá lắm ở trường đó.

Stace gật gù:

- Thật số dách. Thằng nhỏ thiệt là giỏi.

- Nó chơi đại diện cho trường, đi đấu với đội banh các trường khác. Trường đại học ở đây cho nó học bổng năm sau để dụ nó đầu quân vào đội bóng của đại học năm tới đó. Biết đâu trong tương lai nó sẽ là cầu thủ nổi tiếng của nước Mỹ này?

Một lát sau, khi hai anh em Franky đi xuống phòng khách thì Heskow đã sửa soạn xong xuôi bữa ăn, gồm thịt bê dứt lò cùng một tô xà lách trộn dầu giấm. Trên bàn có chai rượu chất đỏ với ba cái ly thủy tinh trông thật bắt mắt.

Ba người đàn ông ngồi xuống bàn vừa vui vẻ nói chuyện năm xưa. Ba người là bạn lâu đời với nhau nên hoàn cảnh riêng của người nào ai cũng rõ. Heskow ly dị vợ và sống một mình đã hai chục năm nay. Bò bịch thì Heskow có hàng tá nhưng không gắn bó vợ chồng với ai cả. Bà vợ ly dị của Heskow cũng ở gần đây nên thằng con trai chạy qua, chạy lại ở giữa cha và mẹ. Nhưng phần nhiều Jocko ở bên nhà cha nhiều hơn vì Heskow thương và chăm sóc cho con hết lòng.

Heskow nhìn hai anh em mỉm cười:

- Đáng lý hai cậu đến vào sáng mai cơ mà? Nếu tôi biết hai cậu đến chiều nay thì tôi đã cho mấy đứa nhỏ đi chỗ khác chơi. Tránh cho tụi nó gặp mặt thì tốt hơn. Lúc hai cậu trên đường đến đây, gọi phôn cho tôi thì đã quá trễ, tôi đâu có cách gì biểu tụi nó đi về. Làm vậy tụi nó càng để ý và nghi ngờ hơn.

Franky nhún vai:

- Có gì đâu mà sợ.

Như sực nhớ ra, Heskow nói thêm:

- Hồi nãy tôi thấy hai cậu chơi banh với tụi nhỏ khá quá. Sao không chơi luôn để trở thành tay nhà nghề bóng rổ, hốt bạc cũng khăm lắm đó.

Stace trề môi:

- Thôi đi. Chơi cho vui thì được chứ chơi thiệt thì làm sao đấu nổi với mấy thằng lọ. Tụi nó thằng nào thằng nấy cao nhòng, với tay thấy banh vào giỏ như đồ chơi, mình tranh không nổi đâu.

Heskow nghiêm mặt, nhón nhác nhìn quanh:

- Nè, đừng gọi xách mé tụi đen là lọ, tụi nó nghe được mịch lòng lắm đó. Con trai tôi có cả đám bạn da đen.

Stace khéo léo, không muốn cho ông bạn mình phật lòng nên nói theo:

- Xin lỗi. Lần sau tôi sẽ thận trọng lời nói, không nói bậy trước mặt kẻ khác.

Heskow ngồi dựa lưng ra ghế, tay cầm ly rượu nhâm nhi với vẻ thoải mái. Từ hồi đó tới giờ, Heskow thích làm ăn chung với hai anh em nhà này. Cả hai đều tài nghệ vượt bậc. Nhận công tác nào làm đâu ra đó. Không mè nheo, kỳ kèo. Giá cả thỏa thuận xong xuôi là công việc hoàn thành cách toàn vẹn, kín đáo. Với vẻ đẹp trai cùng sự bất thiệp, dễ mến; hai anh em đi đâu cũng dễ gây cảm tình. Chuyện đó cũng giúp cho công tác thành công dễ dàng hơn.

Ba người ngồi ăn chậm rãi, vừa kể lại chuyện năm trên. Heskow có tài nấu ăn nên ai nấy thưởng thức món bê dút lò cách khoái trá, thêm chai rượu ngon làm ai nấy cảm thấy thoải mái vô cùng. Sau khi đã ngà ngà, Franky nhìn Heskow hỏi cách thân thiện:

- Tôi vẫn thắc mắc không hiểu

tại sao ông đổi tên như vậy?

- Thiệt ra tôi cũng đâu có xấu hổ khi mang tên Y của tôi? Nhưng mấy cậu coi đó. Mắt tôi xanh lè, nước da trắng giống dân Đức, lại thêm sống mũi nhọn hoắt.. Để tên Y họ lại tưởng tôi là dân đánh cá còn quê hơn nữa.

Hai anh em Franky phá ra cười. Hai người biết tổng ông Heskow nhà ta có vấn đề nên mới đổi tên họ chứ ai khơi khơi đâu mà đi bỏ cả tên cha sanh mẹ đẻ của mình. Nhưng mà bươi móc tình tiết bên trong làm gì.

Khi các đĩa thức ăn trên bàn cạn lảng, ba người no căng hông, bắt đầu châm thuốc hút. Heskow mời hai anh em hút xì gà nhưng cả hai từ chối, lấy thuốc Marlboros ra hút, đúng điệu cao bồi miền viễn tây.

Thở ra một hơi khói, Stace nhập đề câu chuyện:

- Nào, bây giờ chúng ta hãy bàn chuyện làm ăn. Đây chắc là một công tác quan trọng lắm nên ông mới bắt anh em tụi tôi lái hơn ba ngàn dặm đến đây, không thôi tụi này đã đi máy bay rồi, cho khỏe.

Stace sanh đôi với Franky nhưng ra trước mấy phút nên làm anh. Franky lúc nào cũng có vẻ nể thằng anh cùng tuổi. Nhưng nghe Stace nói vậy thì Franky đã nói ngay:

- Kể ra lái xe đi đường xa như vậy cũng thú. Tôi thích đi qua mấy làng nhỏ, dân ở đó hiền lành, hiếu khách..

- Đành vậy rồi. Nhưng đây là trường hợp đặc biệt. Lái đi xa quá để nhận công tác chứ có phải đi du lịch đâu?

Heskow nhìn hai anh em nói bằng giọng nghiêm nghị:

- Tôi không muốn để lại một dấu vết gì ở phi trường. Công tác này xong là có nhiều phản ứng sôi động lắm đó. Mấy cậu thì từ

xưa tới giờ đâu có sợ tình hình nóng bỏng, phải không?

Stace búng tay:

- Sợ hay không thì xong việc tụi tôi chuẩn đi chỗ khác ẩn một thời gian. Nhưng chuyện chó gì vậy?

Heskow buột miệng nói thiếu điều muốn sặc:

- Ra tay hạ bố già Raymonde Aprile.

Trong phòng bỗng im lặng như tờ. Lần đầu tiên Heskow có cảm tưởng lạnh ở sống lưng khi nhìn hai tia mắt sáng quắc của hai anh em chiếu về mình. Franky trầm giọng nói:

- Ông kêu tụi tôi lái đường xa như vậy để giao công tác này à?

Stace thì bình tĩnh hơn, nhìn Heskow cười gượng gạo:

- John, hồi đó tới giờ tụi tôi rất vui khi quen biết và làm bạn với ông. Nhưng bây giờ ông chỉ trả cho tụi tôi tiền lệ phí đến đây rồi tụi tôi về.

Hai anh em phá lên cười trước lời nói đùa này. Nhưng coi bộ Heskow không thấy khôi hài nên khuôn mặt vẫn lạnh băng.

Franky có người bạn là nhà văn, thường kể chuyện khôi hài là chủ báo trả cho nhà văn mọi chi phí để viết một đề tài nào đó, nhưng có khi họ không đăng mà vẫn trả tiền như thường. Hai anh em Stacy bắt chước lễ lối làm việc như vậy. Hễ ai nhờ hai anh em thì hành công tác gì mà hai người liệu kham không nổi thì từ chối, chỉ bắt người ta trả cho chi phí di chuyển mà thôi.

Heskow cố thuyết phục cho hai anh em nhận công tác. Heskow nhấn mạnh những điểm dễ dàng của công tác để hai anh em xiêu lòng:

- Bố già đã rửa tay, gác kiếm về hưu từ ba năm nay rồi. Những tay đàn em thân tín thì vào tù cả. Lão bây giờ chỉ có danh nhưng

không còn quyền lực gì nữa cả. Chỉ còn một tay đàn em của bố già đáng cho mình để ý là Timmona nhưng tôi biết ông này không nhào vô can thiệp đâu. Tiền công trả cho hai cậu là một triệu đồng. Xong công tác trả cho phân nửa, còn lại thì chờ đến năm sau mới thanh toán nốt. Nhưng trong năm, các cậu phải ẩn mình, sống âm thầm đừng cho giang hồ chú ý. Bây giờ mọi việc được nghiên cứu, sắp đặt cả rồi. Nhiệm vụ của các cậu chỉ là bấm cò mà thôi.

Stace buột miệng nói:

- Một triệu đồng! Tiền công nhiều quá cho việc giết người!

Heskow gật đầu:

- Đúng. Người khách của tôi biết chuyện giết một bố già Mafia sẽ gây nhiều sóng gió nên cần những người thiện nghệ, những tay súng có máu lạnh và đầu óc già dặn để giữ bí mật tuyệt đối. Tôi nghĩ không ai khá hơn hai cậu trong việc thi hành công tác này.

Franky nói chen vào:

- Cũng không có ai dám mạo hiểm nhận công tác giết một bố già như vậy đâu.

Stace phụ họa:

- Đúng. Đâu phải ăn một triệu

đồng mà dễ! Sau đó cả cuộc đời còn lại lúc nào cũng pháp phòng. Đi đâu cũng nhìn lại đằng sau lưng coi có ai theo dõi không. Không kể đám băng đảng Mafia, còn lo đám cớm địa phương và cảnh sát liên bang nữa chứ!

Heskow nói quả quyết:

- Tôi thề với mấy cậu, mọi sự đã dàn xếp bên trong cả rồi. Cảnh sát Nữ ước không theo đuổi việc điều tra này đâu. Còn đám cớm liên bang cũng vậy, họ sẽ làm ngơ trước cái chết này.

Stace im lặng suy nghĩ vài giây. Không thể dễ dàng như lời ông già này. Giết một chúa sơn lâm không thể nào không gây tiếng động, Stace lên tiếng hỏi:

- Còn đám bạn bè cũ của bố già nữa?

Heskow hơi ngập ngừng. Câu hỏi cũng có lý. Một bố già bị giết thế nào cũng có ít nhất một, hai người đàn em theo dõi để tìm thủ phạm. Nhưng vai trò trung gian tìm sát thủ của Heskow phải hứa hẹn cho tụi nó đừng sợ mà nhận công tác.

- Hễ chết rồi là không còn bạn bè gì nữa. Hơn nữa từ khi bố già Aprile về hưu, lão cắt đứt mọi liên lạc trong đám giang hồ nên không còn bạn bè thân tín. Không

có gì phải lo ngại cả.

Franky nhìn thẳng anh song sanh nói:

- Chuyện lạ không, đáng lý tụi mình là người nói cho thân chủ biết là đừng có sợ, mình thi hành công tác khéo léo không để lộ cho ai theo dõi. Đằng này ngược lại, họ nói là mình đừng có sợ, họ đã xếp đặt cả rồi.

Stace lúc này mới bật cười to lên:

- Họ nói mình đừng có sợ vì họ có phải là kẻ bấm cò súng đâu? Này John, ông là bạn bè của tụi tui. Tụi tui tin lời nói của ông. Nhưng nếu chính ông cũng bị họ hứa cho ngon nhưng sự thật không đúng như vậy thì sao? Ai cũng có thể sai lầm. Nếu bố già vẫn còn bạn bè thân tín trong đám giang hồ, lòng kiếm kẻ sát nhân để trả thù thì sao? Ông cũng biết luật của tụi Mafia mà. Họ bắt kẻ sát nhân đền mạng không chút thương xót. Nếu tụi nó tìm ra được tụi tui là thủ phạm, không phải chỉ giết tụi tui là xong đâu. Tụi tui sẽ dờ sống, dờ chết, chịu bao hình phạt đau đớn, chỉ mong được chết ngay mà không được. Còn gia đình chúng ta cũng không được yên đâu. Luật giang hồ của tụi nó không tha cho thân nhân của kẻ đã nhúng tay vào. Có nghĩa là ngay cả đứa con trai của ông cũng không được yên. Nó sẽ chơi bóng rổ dưới đáy mồ. Ông có thể cho anh em tui biết ai là người bỏ tiền ra mướn tụi tui thi hành công tác này không?

Heskow chồm người về phía trước, hai gò má đỏ hồng như bị kích động khi người khác nhắc đến thằng con trai cưng của mình. Đôi mắt sáng long lanh, Heskow nói:

- Hai cậu cũng biết là tôi không thể tiết lộ danh tánh kẻ đã mướn chúng ta thi hành công tác này. Mấy cậu cũng biết, tôi chỉ

viễn xứ

Nổi những nhịp cầu vớt dáng thơ
Nhờ ơn trời biển, phép huyền cơ
Lòng còn vương vấn khi rời bến
Dạ vẫn suy tư lúc tới bờ.
Bốn biển lạc loài, chung nỗi nhớ
Năm châu cách trở, vẫn hằng mơ:
Tin vui đất nước hồi sinh lại
Hội ngộ mừng vui phát phối cờ.

việt thao



là người trung gian mai mối, ăn huê hồng. Tôi cũng đã suy nghĩ về những điều như vậy. Tôi cũng đâu có ngu. Làm ăn cầu thả, tội Mafia nó điều tra ra thì kể như mất mạng chứ phải chơi đâu? Xưa nay có ai giết một bố già mà được yên ổn đâu! Nhưng tôi đã điều tra kỹ. Bố già Raymonde Aprile này không có ai theo bảo vệ từ lúc về hưu. Tôi có được tin này từ một tay trong thuộc hàng chức sắc cao cấp trong chính quyền. Cảnh sát địa phương chỉ điều tra cho có lệ. Cơ quan tình báo FBI sẽ không điều tra cho đến nơi đến chốn vì tốn nhiều ngân quỹ của chính phủ. Mấy bố già của các gia đình Mafia khác họ cũng không hơi sức đâu đi điều tra cho cái chết của một bố già bạn đã về hưu. Ai đại dốt đi trả thù cho người khác để chuốc lấy hậu quả không hay!

Hai anh em sát thủ ngồi im suy nghĩ. Franky nóng nảy lên tiếng:

- Cả cuộc đời tôi chưa hề nghĩ đến có một ngày ra tay hạ sát một bố già Mafia. Công tác này kích thích tôi nhiều lắm. Làm xong chuyện này chắc chắn tên tuổi của chúng ta sẽ được mọi người kính nể.

Con người bộp chộp, suy nghĩ nông cạn như Franky thì chỉ nghĩ đến chuyện thành công để trở thành tay sát thủ nổi tiếng, số một. Nhưng Stace thì có bề sâu hơn, chuyện gì cũng tính toán lợi hại cách kỹ lưỡng nên nhìn em nói với vẻ không bằng lòng:

- Chuyện này không phải như trò chơi thể thao mà lỡ thua cuộc chỉ bắt tay làm hòa và đi về. Công tác này đánh đổi cả mạng sống của chúng ta đó chứ không phải giỡn đó nghe.

Franky nhìn thẳng anh song sanh nói như thuyết phục:

- Công tác này thù lao đến một triệu chớ đâu phải ít. Chẳng lẽ

John nhà ta lại cho tin tức dỏm để chết chùm cả lũ? Mình nhận lời đi.

Nếu con người Franky ham danh thì Stace ham lợi. Nghe đến số tiền công to tát thì đến phiên Stace thấy hứng khởi. Thôi kệ. Thử thời vận cái coi. Ông Heskow này nói đã mua chuộc bên trong hết rồi thì cũng không đến nỗi lo ngại. Thi hành xong công tác thì hai anh em đi du lịch xa, ở ẩn một thời gian, chờ tình hình yên lắng động thì trở về, có sao đâu? Nghĩ như vậy nên Stace nhìn Heskow gật đầu:

- Được rồi, tội tôi nhận lời. Cầu trời mọi sự êm xuôi giống như lời ông nói. Còn không thì...

- Quên nữa, cóm liên bang thế nào chẳng theo dõi đường đi nước bước mấy bố già? Tội tôi ra tay lỡ bị cóm bắt liên tại trận thì sao? Franky hỏi.

Heskow nói quả quyết:

- Bảo đảm không có chuyện đó. Mấy năm trước chính quyền cần quét mạnh, tùm hết đám băng đảng tội ác Mafia vào tù thì bố già Aprile về hưu, sống hiền lành như con cừu, không hó hé, cục kịch gì hết. Mấy cóm liên bang thấy vậy thì hài lòng lắm nên để yên cho lão ta. Tôi lấy mạng của tôi ra bảo đảm cho lời nói này. Nào, bây giờ chúng ta hãy bàn sâu vào kế hoạch thực hiện.

Ba cái đầu châu vào nhau bàn tính cả nửa tiếng đồng hồ. Cuối cùng Stace chấm dứt:

- Khi nào làm đây?

- Chúa nhật này. Hôm nay là thứ sáu rồi. Hai cậu ở tại nhà tôi đây chờ đợi. Xong công tác sẽ có máy bay riêng chở hai cậu đi Newark.

Stace giao điều kiện:

- Ngày thi hành công tác, tôi cần một tài xế thật giỏi để khi búp lão già xong là lái xe chầu ngay lập tức.

Heskow mỉm cười gật đầu:

- Chính tôi làm tài xế. Đây là chuyện trọng đại. Thành công thì cả ba chúng ta đều hưởng.

Trong hai ngày chờ đợi công tác, hai anh em tạm trú tại nhà Heskow. Ông này lo phục dịch hai tay sát thủ hết mình. Đích thân Heskow nấu những món ăn ngon để hai anh em thưởng thức. Muốn cần gì là Heskow chạy đi lo. Hai anh em không được ló mặt ra ngoài. Hồi đó tới giờ Heskow cũng đã từng giao thiệp với dân giết người, băng đảng. Nhưng phải nói là lần đầu tiên Heskow thấy phục về tài nghệ của hai anh em nhà này. Đúng là đôi mắt của dân giết mướn thuộc loại cao đẳng, lúc nào nhìn cảnh vật chung quanh cũng đảo mắt một vòng để đề phòng. Hai anh em phụ Heskow ra vườn kiểng để trồng hoa, đôi bàn tay tưởng chỉ biết giết người, không ngờ trồng hoa cũng khéo ra phết.

Chiều chiều, trước giờ ăn cơm là hai anh em ra chơi bóng rổ để giết thì giờ. Heskow nhìn thân người hai anh em nhẹ nhàng trong những động tác thả phanh. Đẹp và ăn khớp nhau như cặp rắn lượn. Franky chơi có vẻ nhanh nhẹn và đích xác hơn. Nhưng Stace thì có vẻ khôn ngoan. Heskow vốn thích thể thao, ông ta thậm tiếc phải chi Franky chơi bóng rổ cho đội nhà nghề nào thì chắc trở thành triệu phú từ lâu; khỏi phải làm sát thủ. Nhưng trở lại hiện tại, đây không phải là một trò chơi thể thao mà là một công tác tối quan trọng. Chuyện này thì cần đến sự thông minh của Stace hơn cả. Bởi vậy Heskow thấy mình đã quyết định đúng khi giao công tác cho Stace là người bắn viên đạn đầu tiên vào đầu bố già.

(còn tiếp)

VẬT VỜ

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

(khởi đăng từ số 213)



Chương 18

Dũng bật diêm châm ngọn đèn dầu vẫn đặt ở đầu bàn lên. Lão thấy Quang vẫn đi người không. Như mọi lần khác lên đây chơi với lão, thằng em chẳng bao giờ mang theo một thứ hành lý nào. Quang nhìn Dũng, nhìn Khánh. So với mấy tháng trước, hai ông anh như chẳng có thay đổi gì nhiều. Ông kiến trúc sư vẫn lồi thoi, bụi bặm. Ông họa sĩ vẫn ngơ ngác như vừa từ trên trời rơi xuống.

- Chẳng hiểu vì sao em thấy nóng ruột quá. Nóng đến không chịu nổi và em quyết định phải bỏ lên xem sao. Mấy tuần vừa rồi có việc gì lớn xảy ra không các anh?

Quang hỏi thế vì sau buổi đầu tiên đưa Khánh lên tá túc ở chỗ Dũng cứ hai ba tuần nó lại đáp tàu lên để nắm tình hình. Khi thấy Khánh vẫn vui vẻ và xung quanh không ai có dấu hiệu nghi ngờ gì gã thì mới yên tâm.

- Làm gì có việc lớn, việc nhỏ nào xảy ra đâu? Dũng đáp.

- Thật không ạ?

- Tao nói dối mày làm gì.

- Cả việc nhỏ cũng không?

- Cũng.

- Thế thì em yên tâm.

Quang nói thế chứng tỏ là thằng em tuy còn trẻ nhưng đã khá hiểu đời. Đúng là trên đời này chẳng có chuyện gì nhỏ mà

mình có thể coi thường. Người ta vẫn nói cái sẩy nảy cái ung. Có nhiều chuyện hôm nay chỉ bé bằng con kiến nhưng chỉ đến ngày mai, ngày kia tự nhiên đã là chuyện tày trời.

- Thằng em có đói không?

Dũng hỏi một câu thật thừa. Lão biết thế. Nếu Quang có ăn rồi, thì một suất cơm tập thể ở trường Mỹ Thuật đến giờ này cũng chẳng còn gì. Bản thân lão và Khánh, mặc dù mới lúc tối mỗi thằng đã đánh bay một gần nửa xoong mì sợi mà cũng đã thấy kiến bò bụng.

Tuy nhiên, Quang vẫn hiểu. Một khi đã hỏi như thế là thằng anh phải có một món gì đặc biệt khác mì sợi, cơm nguội hoặc bánh mì. Quả nhiên, Dũng nói:

- Hôm nay bọn anh sẽ chiêu đãi một món mà thằng em thấy bất ngờ nhất.

- Món gì vậy anh?

- Thằng em thử đoán xem?

- Em chịu.

- Thế thì chịu khó ngồi chờ một lúc rồi sẽ thấy.

Tưởng như là người trong cuộc nhưng chính bản thân Khánh cũng chẳng biết là Dũng sẽ đãi thằng em món gì. Món cơm rang thập cẩm, tức là món cơm nguội nhà bếp được làm nóng lên với chút mỡ nước, hành, ngò, chút muối, mì chính và mấy lát cà chua thì không rồi. Từ hơn tháng

nay Dũng đã cắt cơm nhà bếp để tự nấu ăn ở nhà và chiều nay thì hai thằng không nấu cơm mà có cơm nguội. Món mằn thần tự tạo gồm mì sợi, rau cải, cà chua, mỡ nước, muối, mì chính... cũng không sót. Rau cải còn nửa bó, cà chua còn một quả, mỡ và mì chính cũng còn nhưng nguyên liệu chính là mì sợi thì từ lúc chiều đã phải dốc ngược đáy thùng.

Chính Khánh cũng thấy tò mò khi Dũng lôi từ trong gầm giường ra một cái túi vải đựng đầy một thứ củ lớn nhón gì đó. Và lúc thấy lão dốc đổ xuống nền nhà thì gã cũng ngạc nhiên mà kêu lên:

- Ôi! sắn... Ông kiếm được ở đâu ra cái của quý này vậy?

- Ở làng bên kia. Sắn vùng này ngon có tiếng đấy. - Dũng trả lời.

- Lúc chiều, khi mà ông cấp giấy bút ra vẽ ở ngoài chùa Tam Canh thì tôi cũng xách cái túi này vượt đồi sang làng bên kia. Cũng lạ. Cách nhau có một cái thung lũng nhưng đất đồi bên kia thì ngô, sắn, mía, muốn trồng cái gì cũng được, còn bên này thì chịu.

- Ông mua mấy đồng một cân?

- Tôi đổi tem gạo. Một cân tem hai cân sắn. Chỗ này hơn bốn cân đấy.

- Sao lại có chỗ hơn ở đây?

- Thì một khóm, còn thừa một tí, chẳng lẽ họ bớt lại.

Quang hỏi:

- Mình luộc hay làm gì hờ anh?

- Còn làm cái gì được nữa... Luộc thôi. - Dũng day sang nói với cả Khánh. - Hai anh em ông ngồi bóc vỏ sắn đi. Nhớ là phải bóc thật sạch cả hai lớp vỏ. Năm ngoái, ở trường này có mấy thằng say sắn phải đi cấp cứu đấy. Còn tôi thì đi lấy nước.

So với ngày mới đặt chân đến mảnh đất này, tay nghề nấu nướng của Khánh phải lên gấp cả

chục lần. Bóc vỏ sắn xong, gĩa nhanh chóng sửa lại ba ông đầu rau là ba viên gạch, đặt cái xoong đã lên đến hai cân sắn lên, chất củi vào rồi chụm lửa. Chẳng mấy chốc, xoong sắn đã sôi sùng sục. Dũng bảo đem gạn bớt nước đi rồi ủ vào trong than cho nhừ.

Vừa lạ miệng, vừa đói nên mấy anh em cảm thấy như chưa bao giờ được ăn một bữa sắn ngon đến thế. May mà do Dũng có kinh nghiệm bảo phải đun thêm cả một ấm nước chè nữa. Ăn sắn mà không uống kèm với nước thì chẳng bị sặc cũng bị nghẹn. Đang ăn, chợt Khánh hỏi Quang:

- Lâu nay em có về dưới Nam Bình không?

- Em mới về tuần trước. - Thằng em trả lời. - Có hơn trăm cây số mà từ mồng hai tháng chín đến giờ em mới về được có một lần đấy anh ạ.

- Dân tình dưới ấy thế nào?

- Vẫn đói thế anh ạ. Đói và túng thiếu. Không có tiền. Ngoài một số cơ quan như nhà máy dệt giả lương bằng vải, nhà máy cơ khí bằng vòng bi và phụ tùng xe đạp... còn phần lớn cán bộ công nhân viên nhà nước mấy tháng nay chỉ được tạm ứng mấy đồng hoặc chẳng có đồng nào.

- Em có ghé qua nhà anh được tí không?

- Không được anh ạ. Vì chắc chắn là nhà anh thế nào cũng bị mấy thằng cớm cải trang dân thường theo dõi. Có người ra người vào hay động tĩnh gì cũng không lọt qua được mắt chúng nó đâu. Nhưng em có gặp cụ ông ngoài bến xe.

- Trông cụ thế nào?

- Cụ vẫn khỏe. Vẫn đạp xích lô. Em giả vờ làm khách vừa xuống xe nhờ cụ chở ra ga và nói chuyện được một lúc.

- Mẹ anh còn đi bán hàng không?

- Còn anh ạ. Thấy cụ ông bảo sáng nào cũng vậy khoảng bốn năm giờ là cụ chở cụ bà sang bên kia cầu treo đón mỗi hàng ở đấy. Có khoai mua khoai. Có sắn mua sắn. Xong lại đưa cụ về bán ở chợ Hạ Long. Tuy nhiên, khoai và sắn dạo này cũng hiếm. Nhiều hôm, không có gì cụ phải mua luôn cả rộc khoai ngứa, dây khoai lang hoặc cám lợn.

- Còn mấy đứa em?

- Cái Thắm thì vẫn đi học nhưng thằng Vinh thì bỏ rồi. Cụ ông bảo để nó ở nhà phụ đạp xe với cụ. Đàng nào thì đầu năm tới cũng phải đi bộ đội.

- Còn cái Minh thì sao? - Khánh hỏi về cô em kế mình đã lấy chồng và làm nhân viên thống kê ở nhà máy dệt.

- Chị ấy vẫn đi làm. Nhưng không được ở bộ phận gián tiếp nữa mà phải xuống đứng máy. Thấy cụ ông nói là bọn phân xưởng rất đều, giao cho chị ấy mấy cái máy cũ từ đời nào đời nào. Hay sự cố, hỏng hóc là chuyện tất nhiên rồi. Nhưng tức cái là mỗi lần như thế chúng nó lại ngâm không cho thợ đến sửa nên phẩm rất kém.

Quang nói cho Khánh rõ như thế rồi thêm:

- Vì cái vụ Bác Hồ với pháo hoa của anh mà ông Phú chồng bà Minh cũng bị ảnh hưởng.

- Chúng nó làm gì nó?

- Thì ông ấy đang chuẩn bị đi học tại chức Đại Học Cơ Điện. Lý lịch đã làm xong rồi. Thi cử cũng đã xong rồi. Đủ điểm, giấy báo của nhà trường đã về đến phòng tổ chức của nhà máy nhưng họ giữ lại.

- Chắc mọi người oán anh lắm?

- Em cũng chẳng biết nữa. Nhưng ông cụ nói là anh làm cái gì cũng chẳng có suy trước tính sau, chẳng để ý gì đến hậu quả.

Bây giờ thì đi đến đâu mà chẳng nghe thiên hạ chửi đảng, chửi Bác, chửi cán bộ, bộ đội, công an, phòng thuế, kiểm lâm... rầm rầm. Chửi càng độc càng sướng miệng. Càng hả. Nhưng lời nói gió bay, khẩu thiệt vô bằng, có ai làm gì được người ta đâu. Đàng này anh lại đi vẽ cả một bức tranh to như cái chiếu.

Dũng từ nãy vẫn vừa nhai sắn vừa nghe Khánh và Quang nói chuyện. Đến đoạn này lão mới chen vào:

- Dân ở dưới ấy bây giờ còn nhiều người nhắc đến chuyện tác phẩm của ông Khánh không?

- Không nhiều lắm đâu anh ạ. Vì dân lao động đâu có nhiều thời gian. Anh tính, riêng chuyện lo một ngày có được một ít thực phẩm mà đổ vào nồi hai bữa cũng đã ngốn mất của họ bao nhiêu thời giờ. Rồi còn chuyện lo sách vở bút mực cho con cái đến trường, chuyện ốm đau, chuyện ma chay cưới xin... Họ còn lúc nào mà ngồi tán chuyện gẫu nữa. Chỉ có dân ngồi quán nước, nhưng việc tả một bức tranh bao giờ cũng khó hơn là việc kể một câu chuyện tiểu lâm. Vậy nên, nếu thích thì họ kể cho nhau nghe những giai thoại ngớ ngẩn buồn cười về Bác hơn là lời bức tranh mà ai cũng đã nghe đã biết ra. Em nghĩ là sau một thời gian cả thành phố náo động, những câu chuyện có liên quan đến bức tranh của anh Khánh, những thêm thắt dù cho có đầy ngụ ý sinh động đi chăng nữa cũng đã trở nên nhàm chán. Người ta chưa quên nhưng cũng không còn nhắc đến nó nhiều nữa. Trừ một khi...

Quang nhìn Khánh một cái rồi tiếp:

- Trừ một khi họ thấy tác giả của nó lù lù dẫn xác về. Hay là họ nghe tin đồn rằng người ta đã tóm được nó. Rằng nó đang bị giữ

ở trại tạm giam của công an tỉnh để chờ ngày ra vành móng ngựa. Khi ấy, em đảm bảo với các anh là đi đến đâu cũng lại sẽ nghe người ta chỉ kể với nhau về chuyện bức tranh thôi.

- Mà vào thời điểm này thì ông Khánh còn chưa muốn về và cũng không muốn để bị bắt. Ông ấy còn quá nhiều việc phải làm. - Tự nhiên Dũng cất tiếng cười hơ hớ.

- Làm sao mà để đến nỗi bị bắt được hả anh? Riêng chuyện anh ấy ở đây mấy tháng mà bọn cấm không ngờ được cũng là một cái tát vào mặt chúng nó rồi. - Quang nhìn Dũng, lại tiếp. - Không biết là tại anh Dũng có tài gì hay là tại mấy ông ban quân sự với ban bảo vệ nhà trường ở đây quá mất cảnh giác? Chẳng hiểu là các ông ấy nghĩ anh Khánh là dạng người gì anh Dũng nhỉ?

- Anh thì không tài cán gì... - Dũng vẫn hề hề vừa cười vừa đáp.

- Nhưng phải nói, để mấy ông trong ban bảo vệ nhà trường không sờ đến ông Khánh cũng là một công trình tương đương với một đề tài nghiên cứu khoa học của bọn anh đấy chứ ạ.

- Các anh làm thế nào mà tài vậy?

- Đầu tiên là thế này... - Dũng kể, - Đầu tiên, anh mới mấy thầy cũng dạy nhà này sang uống nước chè, hút thuốc lá rồi giới thiệu: Ông Khánh đây là bạn cùng phổ thông với tôi. Hiện là họa sĩ. Là cán bộ bảo tồn bảo tàng. Được cử lên đây để sưu tầm tài liệu ở một số di tích văn hóa ngoài Tam Canh. Đáng lẽ là sẽ ăn ở tại phòng văn hóa của huyện, nhưng vì tiện có tôi nên muốn về đây cùng ở cho vui. Tính nghệ sĩ, các ông còn lạ gì, đang ở Hà Nội vui vẻ như thế nào, nay phải sống chung với mấy ông cán bộ huyện, chán chết...

- Rồi sao nữa ạ? - Quang sốt

chớp bể mưa nguồn

Sao mỗi lúc đứng nhìn lên đỉnh núi
Tôi lại nhớ câu "chớp bể mưa nguồn"
Câu ca dao luôn nặng trĩu tâm hồn
Nhớ một thuở, nhớ mỗi mồn da diết.

Từng nét bút vạch sâu từng kỷ niệm
Lại trào dâng bao hình ảnh xa vời
Tôi sững sờ nhìn quanh quẩn nơi tôi
Mà ghê sợ trước vòng quay tốc độ.

Từng lớp lớp theo mây ngàn gió núi
Thả từng chiều sương khói xuống thôn trang
Cây cỏ im lìm, mặt trời mệt mỏi
Lẩn khuất dần trong vực xoáy thời gian.

Mưa vẫn mưa nguồn, hoa hoãn chớp bể
Xối từng cơn suốt mười chuyển đầu về
Nhưng thẳng hoạc giữa canh trường thao thức
Sóng trùng dương đêm lắng náo nùng ghê!

vân nương



ruột, hỏi.

- Chiều đầu, đơn sơ, giản dị thế thôi. Nhưng khi không có mặt ông Khánh, anh mới thì thảo nhỏ to với các vị. Lúc này thì: Con ủy viên trung ương đảng đấy. Lúc khác lại: Trông trẻ thế chứ chuyên viên bầy đấy. Lương ngang với viện trưởng. Rồi trợ lý của bộ trưởng, đi đâu toàn bằng xe con... Nói chung toàn là những tước vị rất đáng nể vì làm các thầy hoa hết cả mắt. Rồi chính các thầy đồn đi. Từ tai này sang tai khác, mỗi người lại thêm thắt một tí để kết quả là hầu hết cán bộ công nhân viên trong trường đều đã lảng máng rằng ông Khánh là quý tử của một ông cấp rất quan trọng. Đến lúc ấy anh mới làm một cái giấy giả nội dung ghi giới thiệu ông Khánh đến phòng văn hóa thông tin

huyện Bình Xuyên để liên hệ công tác. Chung chung thế thôi. Rồi dẫn ông ấy lên trình cho tay trưởng ban bảo vệ. Lần đầu tiên được tiếp chuyện với con một ông "ủy viên trung ương", tay này run bắn cả người, chỉ tiếc qua tờ giấy một tí cho có lệ xong trả lại ngay. Anh đã chuẩn bị trước để ông Khánh bịa ra một số nhà, nói đại đi là rất gần nhà của ông Duẩn, bảo tay trưởng ban khi nào có dịp về Hà Nội thì vào chơi, nên ông ta lại càng tin.

- Em chịu các anh. - Quang thành thực thán phục. - Nhưng khi anh Khánh ra ngoài kia sục sạo vào đình vào chùa, vẽ vẽ ghi ghi mà không sợ người ta nghi ngờ là gián điệp à?

- Anh cũng phải nghĩ đến chuyện ấy nữa chứ. - Dũng cười. - Thì đã bảo phải động não như

một công trình nghiên cứu khoa học mà lý. Với mấy tay trong ban bảo vệ nhà trường thì ông Khánh dùng cái giấy giới thiệu mà anh vừa kể kia. Còn khi ra ngoài thì anh lại làm cho ông ấy một cái giấy giả khác gọi là Thẻ Sinh Viên. Ở trường này có nhiều vị cán bộ đi học mặt mũi còn già hơn ông ấy nhiều. Mà sinh viên kiến trúc thì phải tìm tòi, nghiên cứu các công trình kiến trúc là đúng thôi.

Dũng quay sang Khánh:

- Có phải thế không ông?

- Phải! - Khánh đáp. Xong, gã lại tiếp tục câu chuyện còn dang dở với Quang:

- Thế còn mấy ông trưởng phòng với giám đốc sở ở chỗ anh thì sao? Em có biết tin gì về các vị ấy không?

- Có, anh ạ. - Quang đáp. - Ông Định, giám đốc sở văn hóa thông tin bị ủy ban nhân dân tỉnh khiển trách. Ông Bình trưởng phòng văn hóa thông tin thành phố nhận quyết định nghỉ hưu non. Ông Bằng chủ nhiệm nhà văn hóa thông tin bị buộc thôi việc. Thì đúng như ông cụ nhà anh đã nói, anh làm mà chẳng để ý gì đến hậu quả là gì.

Quang để ý thấy tuy cười nhưng mặt Dũng vẫn không có vẻ vui lắm. Linh tính báo cho Quang biết rằng các ông anh ở đây vẫn còn điều gì chưa muốn nói với nó. Và nó tìm cách nói:

- Tối nay, ở Hà Nội tự nhiên em thấy nóng ruột quá. Không muốn đi cũng không được nữa. Có đúng là ở chỗ các anh không có chuyện gì xảy ra không?

- Không! - Khánh đáp. - Ngoài một việc mà anh Dũng vừa nói là sắp sang Nông Pênh làm cố vấn cho một trường đại học ở bên ấy, thời gian qua có chuyện gì đáng kể đâu.

- Chuyện anh Dũng đi mà anh

cho là không đáng kể à?

- Nhưng ông ấy đã đi ngay đâu?

Quang quay sang hỏi Dũng:

- Bao giờ thì anh đi ạ?

- Trong vòng một đến hai tuần nữa em ạ.

- Thời gian ấy có đủ để anh em mình xoay xở không?

- Bọn anh cũng đang nghĩ đây. Giờ có thêm thằng em nữa. Ba cái đầu thì kiểu gì cũng phải hơn một cái đầu. Thế nào rồi cũng phải có kế hay.

Chương 19

Sở văn hóa thông tin tỉnh Nam Bình có trụ sở nằm trên một trong những con đường đẹp nhất của thành phố. Bên cạnh nó, về bên phải là khách sạn Hòa Bình và nhà hát mồng ba tháng hai. Cái khách sạn cao đến năm tầng, là một công trình có kiến trúc khá hiện đại được ngành du lịch đánh giá cỡ ba sao, chuyên dùng làm nơi chốn tiếp khách của ủy ban nhân dân và khách của tỉnh ủy. Cái nhà hát mang tên ngày thành lập đảng cũng khá lớn, và đẹp. Nó có khoảng năm trăm ghế và ngoài việc năm thì mười họa đón được một đoàn nghệ thuật ở đâu đó đến biểu diễn, tác dụng chính của cái nhà hát này là làm nơi tổ chức các cuộc đại hội, học tập nghị quyết, chủ trương, đường lối, chính sách hoặc họp hành của các cấp chính quyền. Bên trái nó là trường văn hóa văn nghệ của tỉnh, một tổ hợp công trình trông cũng khá hiện đại. Trong tương lai, nghĩa là trong một vài kế hoạch năm năm tới, cái trụ sở này sẽ được thiết kế, xây dựng cho hài hòa với các công trình xung quanh. Nó sẽ cao chừng vài ba tầng và dài khoảng bốn năm mươi mét với những căn phòng cùng những cái cầu thang, tiền sảnh,

những ô cửa sáng choang... Nhưng đây là chuyện của những ngày sau này. Còn tạm thời nó vẫn mới chỉ là mấy ngôi nhà cấp bốn một tầng với những mái ngói đen xỉ đã oằn xuống, những hàng hiên thấp lè tè, tối om cùng những ô cửa sổ cửa cái méo mó và sứt sọc như cóc găm.

Ông Định, giám đốc sở văn hóa thông tin của tỉnh Nam Bình vừa đi họp gần một tuần ở trên bộ về. Vì nhà ông cũng ở trong khu tập thể gần đây nên ông không dùng ô tô của cơ quan mà đi xe đạp. Người ta thấy ông giám đốc có vẻ vui hơn mọi khi. Chiếc quần ka-ki và cái áo đại cán được mua theo giá cung cấp nhân chuyến đi họp vừa rồi rất hợp với dáng người đậm đậm của ông. Tuy mái tóc cắt cao, trắng mai, trắng gáy có làm mặt ông trông như gầy đi và trẻ ra, nhưng vì bộ quần áo này ông vẫn tạo và giữ được cho mình vẻ chững chạc, oai vệ và nghiêm trọng. Mà ông thì lúc nào cũng rất cần sự chững chạc, oai vệ và nghiêm trọng. Có vậy thì mới làm mấy thằng cấp dưới sợ hãi và tuân lệnh được.

Dùng xe trước cổng sở, theo thói quen, ông Định đọc như chào thật nhanh hai câu khẩu hiệu được kẻ rất to trên hai bức tường rào hai bên: Sống - Chiến Đấu - Lao Động - Học Tập Theo gương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, và: Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại Sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta. Những câu thần chú quen thuộc đại loại kiểu này ở đâu mà chẳng có nhưng ông giám đốc sở tự hào là chỉ có ở trụ sở của cơ quan ông chúng mới được kẻ vẽ thật to, thật đẹp, thật tươi tắn và thật đầy sức sống như thế. Thì chẳng lẽ mang tiếng là cơ quan chuyên ngành về văn hóa thông tin của một tỉnh mà có mấy cái khẩu hiệu tuyên truyền cũng

kể không ra hồn.

Đang dắt xe lững thững đi vào cổng sở thì chợt ông Định giật mình đứng sững lại. Có kẻ nào đó đã cả gan lấy gạch non bôi đỏ lôm vào bên trong toàn bộ những chữ "o" trong hai câu khẩu hiệu quan trọng của ông. Quân mất dạy đến thế là cùng. Chúng lại còn dám lấy than củi vẽ những vạch đen nhánh, ngoằn ngoèo xung quanh những chữ "o" đỏ lôm ấy nữa chứ.

- Thật đúng là trông như những cái...

Nhìn những vạch than loăn xoăn giống như những sợi lông ở bộ phận kín của con người được phóng to qua kính hiển vi, ông giám đốc sở đỏ mặt lên không dám nghĩ tiếp. Giá như những hôm khác, lúc bước chân vào Sở ông đã quát người này, hoành hộc người kia làm âm ỉ cả cơ quan lên. Nhưng hình như hôm nay có chuyện gì đó vui vẻ trong lòng nên ông bình tĩnh đi thẳng xuống dãy nhà tập thể của nhân viên gọi tay Xoan, trưởng ban bảo vệ lên báo:

- Cậu ra mà xem chúng nó bôi bác cái gì ở ngoài cổng cơ quan kia kìa. Các cậu làm ăn lạ thật đấy.

Tay Xoan này là thương binh hạng bốn trên năm bị chấn thương cột sống và có một cái chân giả bằng gỗ. Song, gã được ưu tiên nhận về làm bảo vệ ở đây không phải vì đã để lại một phần xương máu nơi chiến trường mà vì là cháu gọi ông bí thư đảng ủy sở bằng chú họ.

Lọc cọc chân cao chân thấp chạy ra đường đứng một hồi, nhìn ngắm mãi rồi Xoan cũng nhìn thấy những cái mà ông Định đã nhìn. Gã hoảng hốt chạy ngay vào, lắp bắp hỏi ông giám đốc sở:

- Báo... Báo... Báo... cáo thủ trưởng. Bây giờ... Bây giờ... Bây giờ...

giờ... phải... phải... làm... làm... như thế nào ạ?

Xoan đã sẵn sàng chịu trận. Gã nghĩ chắc chắn là ông Định sẽ cáu lắm. Bây giờ mà ông bắt gã trát phân trát gio lên mặt thì gã cũng phải trát. Ông bắt gã làm gì gã cũng làm. Làm tất cả. Với chỉ một điều kiện: Miễn là ông đừng có đe dọa đuổi cổ gã về quê. Nhưng, phúc cho gã là ông giám đốc sở không cáu. Ông chỉ nói:

- Cậu huy động ngay toàn bộ anh em trong ban bảo vệ, mang ngay vòi ra quét lại hai bức tường ấy thật trắng vào cho tôi.

- Thế thôi ạ?

- Thế thôi! Và xong rồi thì từ nay thì mà canh giữ cho thật cẩn thận vào. Nên nhớ một điều là, cậu mà để chúng nó làm bậy một lần nữa thì đừng trách tôi đấy.

Chính ông Định cũng ra đơn đốc việc quét vòi xóa mấy chữ

buồn ơi tôi lạy trời đông bão

Đời chưa trôi hết dòng sông cạn, năm tháng bào mòn hết tuổi Xuân! Đó, thuở tôi đi làm lính chiến, tiếp theo bó gối kiếp tù nhân! Tù nhân không án là không tội? Mỗi đứa nhìn lên, ngó mặt trời. Trời có mặt thôi, không có miệng, người tù hỏi mãi chỉ hao hơi!

Mút chỉ chao ôi tiếp Mút Mùa. Có thằng gục xuống, chịu mình thua. Có thằng còn gượng, còn tin nhảm... một buổi tham quan mả Bác Hồ! Rán sống, rán coi mình tiến bộ, có thằng muối mặt làm ăng ten, đập lên xác bạn mà đi tới, kẻ địch bây giờ hóa kẻ quen!

Quá khứ, thật lòng không muốn nhắc. Đôi khi, bất chợt tự bùng lên! Buồn ơi, tôi lạy Trời đông bão... thổi tắt giùm tôi một ngọn đèn! Tôi muốn ngồi im trong bóng tối, không chờ, không đợi cả trăng sao, không nguyên, không rửa quân vô lại... vì nghĩ mình đây, có khác nào?

Những ông Tướng đã xưng mình Ngụy, cả một miền Nam Chính Nghĩa đâu? Tôi, lính nở mai vì lý tưởng, anh em cũng vậy - một con cầu! Hỡi ơi, trên - Thượng - không Minh Chính, tội nghiệp ba quân lạc tứ tung! Đến Mỹ, được mang thêm tiếng Cựu, chưa ai trả dứt nợ Non Sông!

Đời chưa trôi hết dòng sông cạn...

Lớp ngóp bò theo tiếng thở dài!

Tiếng hót của loài chim "Trời Cột"

Vô tình trời cả mộng làm trai!

trần trung tá

“o” và toàn bộ hai khẩu hiệu ngoài cổng. Khi hai bức tường đã trắng xóa ông mới gọi tay trưởng phòng tuyên truyền lên báo:

- Hai cái khẩu hiệu chiến lược của chúng ta ở ngoài cổng tuy có đẹp thật nhưng lần trước các cậu kẻ không đúng thứ tự. Ở Hà Nội người ta làm khác. Tôi đã cho xóa đi rồi. Trong ngày hôm nay, cậu cử người kẻ lại cho xong đi nhé. Nội dung thì vẫn vậy nhưng các nét chữ phải đậm hơn, to hơn. Và cái chính là nhớ lưu ý cái thứ tự. Lần trước, câu Sống - Chiến Đấu... ở bên trái thì bây giờ để ở bên phải. Ngược lại câu Chủ Tịch Hồ Chí Minh... trước ở bên phải thì giờ ở bên trái.

Chấp hành chỉ thị của ông giám đốc sở nhưng tay trưởng phòng tuyên truyền vẫn thấy có gì không bình thường. Chắc chắn không phải vì vị trí bên phải hoặc bên trái của hai câu khẩu hiệu mà là vì một cái gì đó. Song, vốn là kẻ quen thừa hành mệnh lệnh, hẳn không áy náy lâu. Chứ nếu chỉ cần hỏi mấy tay trong ban bảo vệ một câu xem họ vừa xóa cái gì thì có lẽ là hẳn đã hiểu được cái khẩn trương của ông giám đốc. Thật là hú vía. May mà ông đến sớm. May mà ông trông thấy ngay. Chứ để mấy thằng công an hay mấy ông tỉnh ủy, mấy ông ủy ban nhân dân đọc được mấy câu khẩu hiệu bị bôi bác lèm nhèm thì ông cũng khó mà giữ được yên ổn. Cái vụ thằng Khánh gây sóng gió đến nay đã được các ông cho qua đâu. Thật đúng trời xui đất khiến thế nào mà hôm nay ông lại đi làm sớm hơn bình thường đến cả tiếng đồng hồ.

Nói trời xui đất khiến thì cũng là mới chỉ đúng một phần. Vì hôm nay ông giám đốc sở đến cơ quan sớm cũng có lý do của nó. Sau khi kiểm tra thấy quân của ban tuyên truyền đã được triển

khai, ai vào việc ấy, hai tay họa sĩ giỏi nhất ban đã xuống kho vật tư lấy bút vẽ, sơn, màu đi ra cổng... ông yên tâm quay về phòng mình. Cô thư ký văn phòng sở, một cô gái quá lứa nhớ thì mặt đầy những vết rỗ và chột một mắt mang đến cho ông một khay ấm chén, lọ chè và một phích nước sôi, đứng khép nép bên bàn hỏi:

- Thủ trưởng có uống nước chè bây giờ không để cháu pha?

Cô phải hỏi như vậy vì thói quen của ông Định rất thất thường. Có hôm ông thích uống chè vào buổi sáng nhưng có hôm khác lại không. Pha chè ra mà ông không dùng đến thì lại bị ông phê bình là lãng phí. Còn không pha thì ông lại bảo là không hoàn thành nhiệm vụ. Cô không ngờ là hôm nay ông lại tỏ ra vui vẻ và dễ dãi hơn ngày thường. Và khác với những hôm khác, một điều đồng chí, hai điều đồng chí, hôm nay ông lại còn gọi cô là cháu nữa.

- Cháu pha cho chú ấm chè. - Ông bảo cô thư ký như vậy. - Nhưng đổi lấy cái ấm khác to hơn một tý. Pha nhiều nhiều vào rồi chạy đi tìm mời các cụ trong bộ tứ khoảng mười lăm phút nữa đến phòng chú hội ý nhé.

Cô thư ký pha chè xong vội vã mắt nhắm mắt mở đi gõ cửa từng phòng một mà gọi. Một lúc sau, các cụ trong bộ tứ của sở đã lục tục kéo đến.

Đầu tiên là cụ Bảo. Ông bí thư đảng ủy này lúc nào cũng tự hào là có tuổi đời và tuổi nghề già nhất cơ quan. Tức là cụ đã có gần sáu mươi năm tuổi đời và gần bốn mươi năm lăn lộn với ngành văn hóa. Thành tích nổi bật nhất của cụ là đốt và phá. Không biết bao nhiêu đình chùa miếu mạo cùng những công trình cổ kính ở cái tỉnh Nam Bình này

đã bị cụ chỉ đạo phá tan tành trong những chiến dịch bài trừ mê tín dị đoan. Cũng không biết bao nhiêu những bia đá, những đôi câu đối, những cuốn sách chữ Hán bị tay chân của cụ đốt sạch trong những chiến dịch ấy.

Sau đó là cụ Ất và cụ Thất. Hai ông phó giám đốc sở này trẻ tuổi hơn cụ Bảo tí chút. Nghĩa là mới trên năm mươi. Và thành tích của các ông phó cũng ngược lại với thành tích của cụ bí thư. Nếu thành tích của cụ bí thư thiên về đốt phá những cái gì đáng lẽ phải lưu giữ thì thành tích của hai ông phó lại là xây dựng những cái đáng lẽ không cần, không nên xây làm gì. Thí dụ như ông Thất. Sở dĩ được giữ cái chân phó giám đốc sở này là vì ông là tác giả kiêm người chỉ đạo phong trào xây dựng tượng đài Bác Hồ. Người ta bảo đến tỉnh Nam Bình về huyện nào, xã nào, đến cơ quan trường học nhà máy nào cũng thấy tượng Bác Hồ của ông Thất. Thôi thì đủ kiểu, Bác đứng, Bác ngồi, Bác trồng rau, Bác thả gà, Bác nuôi cá, Bác với các cháu thiếu nhi, Bác với bà con nông dân, Bác với công nhân, Bác với chiến sĩ, Bác với phụ nữ, Bác với phụ lão... Còn ông Ất thì cũng củng cố cái chức phó giám đốc sở của mình bằng việc chỉ đạo xây dựng nhà lưu niệm về Bác Hồ. Phần lớn các huyện, các xã cũng như các cơ quan, trường học, ban, ngành... ở tỉnh Nam Bình chưa một lần vinh dự được đón Bác về thăm, chẳng có được lấy một kỷ vật của Bác, vậy mà vẫn cứ phải xây cho bằng được một cái nhà lưu niệm về Bác, thế mới tài.

Tiếp theo, cụ Vang thư ký công đoàn, năm mươi tuổi chẵn và cụ Ruệ bí thư ban chấp hành đoàn thanh niên, bốn mươi lăm tuổi cũng tới. Chẳng biết vì quên hay là cố ý mà đến phút này, ông

Định mới bảo cô thư ký đi gọi thêm bà Xuyên năm mươi sáu tuổi là hội trưởng hội phụ nữ của sở tới cho đủ thành phần.

Khi bộ tứ có mở rộng của sở gồm đại diện của đảng - cụ Bảo; chính quyền - hai ông Ất, Thát; công đoàn - ông Vang; thanh niên - ông Ruệ và phụ nữ - bà Xuyên đã yên vị ai vào chỗ ấy rồi, đợi cô thư ký rót cho mỗi người một chén nước chè nóng xong lui ra ngoài, khi hai cánh cửa đã khép lại, ông Định mới nhấp một ngụm nước chè rồi hắng giọng nói:

- Thưa cụ Bảo, thưa các đồng chí... Hôm nay tôi mời các đồng chí đến đây là muốn thông báo một tin rất quan trọng có liên quan rất mật thiết tới quyền lợi của cán bộ công nhân viên chức trong ngành chúng ta...

Từ cụ Bảo cho đến hai ông phó giám đốc, ông Vang, ông Ruệ, bà Xuyên đều dán mắt vào mồm ông Định, cố đoán xem có việc gì mà vừa quan trọng lại vừa liên quan đến quyền lợi của cán bộ công nhân viên trong sở. Ông Ruệ thì đoán, có lẽ là triển khai đợt hoạt động nhân mừng đảng, mừng xuân, mừng đại thắng nhân dịp năm mới sắp đến. Bà Xuyên thì cho rằng có khi sở được cấp thêm kinh phí để hoàn thành một số công trình trọng điểm. Cụ Bảo thì nghĩ có khi trên cho thêm tiền để "giải quyết" mấy cái Hội tự phát mới mở ở một số vùng rất nặng mùi mê tín dị đoan với những trò lên đồng, lên cột, hầu bóng. Ông Thát thì chắc có lẽ có tiền để tô lại một số tượng Bác. Được sản xuất đại trà, đặt ở khắp nơi nhưng vì không có chi phí để được chăm sóc chu đáo nên cái thì mất tay, cái thì mất chân, thậm chí có cái mất cả đầu và phần lớn đều bị mốc meo bao phủ và cứ chim cứ cò làm bẩn. Hàng rào xung quanh các tượng Bác bị trâu bò làm gãy

nát cũng phải có tiền mới sửa lại được. Cột trâu, cột bò bên cạnh Bác, muốn được dọn sạch sẽ cũng phải mất tiền thuê. Còn ông Ất thì mong có ít ngân sách để sửa và dặm lại mái của mấy cái nhà lưu niệm qua thời gian đã ọp ẹp và dột từ nóc dột xuống.

Mỗi người một ý như vậy nên cả bộ tứ có mở rộng như cùng ò lên một lúc khi ông Định sửa lại cái cổ áo đại cán mặc dù nó đã rất ngay ngắn rồi trịnh trọng thông báo:

- Tuần vừa qua tôi có được triệu tập về bộ để họp bàn về một số vấn đề hết sức quan trọng. Để rồi dần dần tôi sẽ phổ biến tới các đồng chí sau. Tuy nhiên, trước mắt có một việc hết sức cần thiết mà chúng ta phải giải quyết ngay trong hôm nay.

Rồi sau khi đề nghị mọi người tập trung tư tưởng đừng đoán già đoán non gì nữa, ông tiếp:

- Trước khi cuộc họp bế mạc, tôi có được các đồng chí ở Vụ Tổ Chức thông báo là ngành văn hóa thông tin của tỉnh ta được các đồng chí ở bộ rất quan tâm. Và vì thế mà trong đợt tuyển nhân viên cũng như con em trong ngành sang lao động hợp tác ở nước Cộng Hòa Dân Chủ Đức anh em sắp tới, các đồng chí ấy có lưu ý dành cho ta hai mươi suất.

Nghe đến đấy, như quên bằng ngay chuyện đốt, phá truyền thống của mình, cụ Bảo lên tiếng ngay. Bao giờ và ở đâu cũng thế, ý kiến của cụ cũng có tính chất chỉ đạo:

- Quả đúng là một việc hết sức quan trọng lần đầu tiên xảy ra trong sinh hoạt chính trị của sở chúng ta. Tôi đề nghị đồng chí giám đốc sở cho thảo luận bàn bạc một cách hết sức kỹ lưỡng, phải đề ra các phương án, phải giải quyết một cách thấu đáo, hợp tình, vẹn lý.

Cũng như cụ, các ông phó giám đốc, ông thư ký công đoàn, ông bí thư đoàn thanh niên, bà hội trưởng phụ nữ cũng tạm quên đi những quan tâm của mình, người trước người sau, tất cả đều đồng ý:

- Vâng! Đúng là một sinh hoạt rất quan trọng... Chúng tôi đề nghị và mong muốn bằng trí tuệ tập thể chúng ta sẽ giải quyết vấn đề này một cách triệt để.

Và cả bộ tứ mở rộng đều bốp trán suy nghĩ. Các cụ đề ra rất nhiều phương án. Cân nhắc. Giữ phương án này. Bỏ phương án kia. Kết hợp giữa phương án này với phương án kia. Giữa các phương án này với các phương án kia.... Nói chung là các cụ đã bàn bạc, đã đắn đo, đã mổ xẻ rất nhiều để rồi cuối cùng sau một ngày làm việc thật căng thẳng đã đưa ra một nghị quyết như sau.

Chia hai mươi suất đi lao động hợp tác tại cộng hòa dân chủ Đức đợt đầu tiên này của sở ra làm hai phần:

Một là: Bảy suất cho con hoặc em của bảy đồng chí trong bộ tứ mở rộng trong phiên họp hôm nay.

Hai là: Mười ba suất còn lại chia đều cho sáu phòng ban của sở. Mỗi phòng hoặc ban được hai suất. Cụ thể là con hoặc anh em, họ hàng của các đồng chí trưởng và phó các phòng hoặc ban. Riêng phòng tổ chức, vì có hai phó phòng nên được ba suất.

Tất nhiên, bản nghị quyết được bộ tứ mở rộng thông qua một cách nhanh chóng với lưu ý là chỉ lưu hành trong số những người có tên trong danh sách cụ thể. Ngoài ra, để đảm bảo tính bí mật, cụ Bảo còn chỉ đạo phải đóng dấu có chữ Tuyệt Mật lên tài liệu quan trọng này.

(còn tiếp)



Bút Chì phụ-trách

Làng Văn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp những nghi-vấn của bạn đọc về các lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, kinh-tế, nhân-văn, v.v.

Trong mục-dịch học-hỏi, Bút Chì hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khố hạn hẹp của một tiểu-mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Vài chữ viết tắt

Hỏi: Đọc email bây giờ tôi thấy bà con viết tắt tiếng Mỹ thấy sợ. Nhiều chữ như ASAP thì tôi hiểu là As Soon As Possible, càng sớm càng tốt; 4U tôi hiểu là For You, cho bạn; CU, tôi hiểu là See You; TGIF tôi hiểu là Thanks God It's Friday, Tạ ơn Trời, đã tới Thứ Sáu rồi; còn nhiều chữ như FYIO, MYOB, NIMBY, PDQ, WASP, KISS, PLS... (xin cho biết thêm), lại còn nhiều dấu-hiệu như :- hay :-) tôi chẳng hiểu gì cả, bác BC có hiểu không?

Trần Văn Thìn
Texas

Đáp: BC hiểu, nhưng không nhớ hết:

- B4 là before, trước.
- CUL: See you later! Hẹn gặp!
- DIKU: Did I Know You? Tôi có biết bạn là ai không?

- FYIO: For Your Information Only, danh-từ hành-chánh có thể dịch là "để tường" (không xin ý-kiến, không cần giải-quyết).

- HRU: How are you? Bạn thế nào? (Mạnh giỏi?).

- IDTS: I Don't Think So, tôi không nghĩ vậy.

- KISS: Keep It Short, Stupid; hoặc Keep It Simple, Stupid, Ngắn thôi, đồ ngu! hoặc Giản-dị thôi, đồ ngu!

- MYOB: My Your Own Business, hãy để tâm vào việc của bạn (chớ chú ý mũi vào việc của tôi!).

- NIMBY: Not In My Back Yard, đừng làm việc ấy trong vườn tôi (khi phản-đối nhẹ-nhàng một chương-trình gì đó mà bạn không thích).

- PDQ: Pretty Damn Quick: khá nhanh.

- PLS: Please, Shorten! Làm ơn ngắn gọn giùm!

- SUP: What's up? Chuyện gì vậy?

- TMI: Too much information! Rườm-rà quá!

- TYT: Take Your Time, cứ thư-thả!

- WASP: White Anglo-Saxon Protestant, người da trắng gốc Anlo-Saxon đạo Tin Lành, tức người Mỹ trắng điển-hình.

Các dấu hiệu:

:-) hoặc (-: là mỉm cười (mặt người nhìn nghiêng với hai mắt, mũi, miệng)

:--) là cười.

:-(là mếu, không bằng lòng.

;-) là nháy mắt (twinkle).

:-* là hôn (dấu * tượng trưng cho dấu son môi trên má)

:-O là ngạc-nhiên (Wow!)

@>->->- là cảnh hoa hồng.

Căn-cứ Mỹ trên đất Cuba

Hỏi: Đọc tin tức thấy hay nói tới việc Mỹ đem tù-binh Al Qaeda về giam ở căn-cứ quân-sự Guantanamo Bay ở Cuba, và Fidel Castro phản-đối.

Tại sao Mỹ và Cuba thù nhau mà trên Cuba lại cho Mỹ đặt căn-cứ? Căn cứ này ở đâu? Bao lớn?

Tại sao đã cho Mỹ đặt căn-cứ mà Fidel Castro lại phản-đối việc Mỹ giam tù-nhân Al Qaeda ở đó?

Nguyễn Văn Bình
California

Hỏi: Cuba trở thành kẻ thù của Mỹ từ năm 1959, từ khi Fidel Castro cướp chính-quyền và theo Liên-sô. Trước đó, vào thế-kỷ 19, Cuba bị Tây-ban-nha đô-hộ. Năm 1898, Mỹ và Tây-ban-nha đánh nhau. Tây-ban-nha thua, mất Cuba, Puerto Rico và Phi-luật-tân; nhờ đó mà Cuba độc-lập, và trở thành



Bản đồ Cuba và căn-cứ Mỹ ở Vịnh Guantanamo

quốc-gia thân Mỹ.

Cuba ký hiệp-ước 1903, cho Mỹ thuê vĩnh-viễn 116 cây số vuông ở vịnh Guantanamo làm căn-cứ Hải-quân, với giá 2000 mỹ-kim một năm, trả bằng vàng. Hiệp-ước này chỉ bị bãi miễn khi cả hai bên đồng ý, hoặc Mỹ tự-nguyên dẹp căn-cứ. Từ năm 1962, Fidel Castro đòi Mỹ triệt-hạ căn cứ Guantanamo, không nhận tiền thuê nữa. Mỹ không đồng ý, và tăng-cường phòng-thủ.

Nay Fidel Castro lấy quyền chủ đất, phản-đối rằng theo hiệp-ước, Mỹ thuê Guantanamo dùng làm bến tiếp than và đậu tàu (coaling and naval station), nói chung là căn-cứ hàng-hải, không phải để làm nhà tù.

Mã lực

Hỏi: Tôi thấy quảng cáo máy xúc tuyết này 4 horse powers, máy bơm nọ 1/4 horse powers, xe hơi kia 200 horse powers, v.v. Tôi hiểu horse power là “sức ngựa”. Máy xúc tuyết 4 horse powers có nghĩa là mạnh bằng sức 4 con ngựa kéo. Nếu tôi hiểu đúng, thì “sức ngựa” ấy là bao nhiêu kilogram-lực? Vì tôi biết có đủ loại ngựa, ngựa đua, ngựa kéo xe, ngựa thồ, có con cao đến 2 mét, có con nhỏ xú, dai sức nhưng không khoẻ. Nói chung, chắc có tiêu chuẩn để làm đơn-vị cho “horse power”, vậy tiêu-chuẩn đó như thế nào?

Nguyễn Tâm
Canada

Đáp: Một horse power (mã-lực) tương-đương với sức một con ngựa Tô-cách-lan kéo một trọng-lượng 330 pounds đi xa 100 feet trong 1 phút.

Đây là đơn-vị do kỹ-sư James Watt (1736-1819) người Tô-cách-lan tính ra, khi khuyến-kích các

công-ty khai-thác than đá dùng máy hơi nước do ông chế-tạo để kéo than từ mỏ lên, thay vì dùng ngựa. Ông thực-hành cho thấy một cái máy hơi nước của ông khoẻ bằng cả bảy ngựa hợp sức lại.

Đơn-vị mã-lực về sau tính ra giây, là 550 foot-pound/giây hay 745,7 watts.

Thổ và địa

Hỏi: 1) Ông cố tôi, ông nội tôi, ba tôi đều gọi lan trồng dưới đất là *thổ* lan và cây lan treo trên cây (không cần đất) là *phong* lan. Vậy mà bây giờ Nhà nước gọi cây lan trồng dưới đất là *địa* lan. Vậy thì *thổ* lan đúng hay *địa* lan đúng? Nhân tiện xin hỏi bác BC, cả “*thổ*” lẫn “*địa*” đều có nghĩa là đất, nhưng khi nào thì dùng “*thổ*”, khi nào dùng “*địa*”?

2) Người ta bảo lan là chúa của loài hoa (vương giả chi hoa), tại sao vậy? Vì nó đẹp nhất?

Huỳnh Văn Tùng
Pháp

Đáp: 1) BC vẫn gọi là *thổ* lan và *phong* lan. Vậy là ông có đồng minh, nhé!

Cả “*thổ*” lẫn “*địa*” đều chỉ đất, nhưng “*thổ*” nói về vật-chất (chất đất, phân-biệt với chất khí, chất nước, chất kim-loại,...) hay “một vùng” (*thổ-âm*, *thổ-ngữ*); còn “*địa*” nói về vị-trí: trên mặt đất hay trong lòng đất, phân-biệt với trên không-trung hay trên mặt nước.

Từ đó, ta dùng “*thổ*” ở các chữ:

- *Thổ*: chất đất (trong ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ; năm nguyên-tố chính tạo nên vũ-trụ).

- *Thổ-dân*: dân trong vùng.

- *Thổ-khí*: hơi đất bốc lên.

- *Thổ-nghi*: đặc-tính (trồng-

trọt) của một vùng.

- *Thổ-âm*, *thổ-ngữ*: giọng nói, cách nói của một vùng.

- *Thổ-địa*: đất-dai ở một vùng.

- *Thổ-hào*: những kẻ mạnh ở một vùng.

- *Thổ-phỉ*: giặc cướp ở một vùng.

- *Thổ-phong*, *thổ-tục*: phong-tục ở một vùng.

- *Thổ-sản*, *thổ-vật*: sản-vật đặc-biệt của một vùng.

Và ta dùng “*địa*” trong những chữ:

- *Địa-không*: từ mặt đất lên không-trung (thí-dụ hỏa-tiên địa-không).

- *Địa-cầu*: trái đất.

- *Địa-chất*: tính-chất của đất.

- *Địa-tầng*: các lớp đất.

- *Địa-chấn*, *địa động*: động đất.

- *Địa-lôi*: chất nổ đặt dưới đất.

- *Địa-đạo*: đường hầm.

- *Địa-giới*: ranh giới trên mặt đất.

- *Địa-phủ*: âm-phủ (theo Lão-giáo).

- *Địa-ngục*: ngục dưới đất (theo Thiên-chúa giáo).

Trở lại với các giống lan. Lan trồng trong chất đất (*thổ*), nên gọi là *thổ* lan. Lan không sống ngầm trong lòng đất nên không gọi là *địa* lan (như *địa lồi*, *địa đạo*).

2) “*Vương giả chi hoa*” là hoa của bậc vương-giả, không phải là “*chúa của loài hoa*”.

Nhân tiện, xin nói thêm là ngữ-pháp Trung-hoa giống như ngữ-pháp Anh, tính-từ đặt trước danh-từ. Cho nên: “*vương trà*” là “*trà của vua*”; và “*trà vương*” mới là “*vua của các giống trà*”.

Tương-tự: “*vương hoa*” (hay *vương giả chi hoa*) là hoa của vua, của bậc vương giả; “*hoa vương*” (hay *hoa hậu*) mới là vua (hay hoàng-hậu) của loài hoa.

Hoa lan được coi là hoa của bậc vương-giả, vì Khổng-tử từng

gọi mùi thơm của hoa lan là “vương-giả hương” (mùi thơm của vua chúa).

Khi đức Khổng-tử đi từ nước Vệ về nước Lỗ, thấy trong khe núi sâu có nhiều hoa lan, than rằng: “Lan vi vương giả hương, kim dư chúng thảo ngu” (lan có hương thơm của vua chúa, nay lại phải sống chung với loài cỏ).

Từ “vương giả hương”, sau người ta đã nói thành “vương giả chi hoa” và hiểu lầm là “vua của loài hoa”.

Các nhà lãnh-đạo Việt-nam tự-do

Hỏi: Xin cho biết tên vị nguyên thủ quốc gia Việt-nam tự-do từ Bảo Đại trở về sau và danh-sách các thủ-tướng cùng thời-gian làm việc của họ.

*Huỳnh Văn Thành
Ontario*

Đáp: - Hoàng-đế Bảo Đại ở ngôi từ ngày 8 tháng 1 năm 1926 đến 30.8.1945. Quyền-hành trong tay Hội-đồng thượng-thư Nguyễn Hữu Bài, từ 1926 đến 1932.

- Thủ-tướng Nguyễn Văn Thinh, từ 1.6.1946 đến 10.11.1946.

- Thủ-tướng Nguyễn Văn Xuân, 15.11.1946 đến 7.12.1946.

- Thủ-tướng Lê Văn Hoạch, từ 7.12.1946 đến 8.10.1947.

- Thủ-tướng Nguyễn Văn Xuân, từ 8.10.1947 đến 14.6.1949.

- Thủ-tướng Bảo Đại, từ 13.6.1949 đến 5.1.1950.

- Quốc trưởng Bảo Đại, từ 5.1.1950 đến 26.10.1955. Trong giai-đoạn 5 năm này, dưới quyền Quốc trưởng, lần lượt có 6 thủ-tướng, gồm:

Thủ-tướng Nguyễn Phan Long, từ 5.1.1950 đến 26.4.1950.

Thủ-tướng Trần Văn Hữu, từ 27.4.1950 đến 6.6.1952.

Thủ-tướng Nguyễn Văn Tâm, từ 6.6.1952 đến 17.12.1953.

Thủ-tướng Bửu Lộc, từ 12.1.1954 đến 16.6.1954

Thủ-tướng Phan Huy Quát, từ 16.1.1954 đến 26.6.1954.

Thủ-tướng Ngô Đình Diệm, từ 26.6.1954 đến 26.10.1955.

- Tổng-thống Ngô Đình Diệm, từ 26.10.1955 đến 2.11.1963.

- Chủ-tịch Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng Dương Văn Minh, từ 2.11.1963 đến 30.1.1964.

Thủ-tướng Nguyễn Ngọc Thơ, từ 4.11.1963 đến 30.1.1964.

- Quốc trưởng Nguyễn Khánh, từ 30.1.1964 đến 8.2.1964.

- Quốc trưởng Dương Văn Minh, từ 8.2.1964 đến 16.8.1964.

Thủ-tướng Nguyễn Khánh, từ 8.2.1964 đến 25.8.1964.

- Quốc trưởng Nguyễn Khánh, từ 16.8.1964 đến 27.8.1964.

Thủ-tướng Nguyễn Xuân Oánh, từ 25.8.1964 đến 27.8.1964.

- Ủy ban Lãnh-đạo Quốc-gia: từ 27.8.1964 đến 4.9.1964.

Thủ-tướng Nguyễn Xuân Oánh, từ 27.8.1964 đến 4.9.1964.

- Quốc trưởng Dương Văn Minh, từ 4.9.1964 đến 26.10.1964

- Quốc trưởng Phan Khắc Sửu, 26.10.1964 đến 14.6.1965.

Thủ-tướng Trần Văn Hương, từ 4.11.1964 đến 28.1.1965.

Thủ-tướng Nguyễn Xuân Oánh, từ 28.1.1965 đến 15.2.1965.

Thủ-tướng Phan Huy Quát, từ 16.2.1965 đến 8.6.1965.

- Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia Nguyễn Văn Thiệu, 14.6.1965 đến 31.10.1967.

Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương, từ 19.6.1965 đến 31.10.1967.

- Tổng-thống Nguyễn Văn Thiệu, từ 31.10.1967 đến 21.4.1975. Trong giai-đoạn 8 năm này lần-lượt có 4 thủ-tướng, gồm:

Thủ-tướng Nguyễn Văn Lộc, từ 31.10.1967 đến 17.5.1968.

Thủ-tướng Trần Văn Hương, từ 28.5.1968 đến 1.9.1969.

Thủ-tướng Trần Thiện Khiêm, từ 1.9.1969 đến 4.4.1975.

Thủ-tướng Nguyễn Bá Cẩn, từ 4.4.1975 đến 24.4.1975.

- Tổng-thống Trần Văn Hương, từ 21.4.1975 đến 28.4.1975.

- Quyền Tổng-thống Dương Văn Minh, từ 28.4.1975 đến 30.4.1975.

Thủ-tướng Vũ Văn Mẫu, từ 28.4.1975 đến 30.4.1975. ●

ẩn dật

*Thiên di về hướng đông thành phố
Tìm chút bình yên giữa chợ đời
Cơm ngày hai bữa, nương nhờ bạn
Một chỗ đêm nằm, mộng thanh thoi.*

*Quá khứ trong tim chừng quá nặng
Đeo mãi làm chi lắm tội tình
Ăn năn đã đủ thời kinh kệ
Giục bước về vui cõi lặng thinh.*

bht





KHÁNG THƯ

Của Người Việt Hải Ngoại Tố Cáo Đảng Cộng Sản Nhượng Đất Bán Nước Cho Ngoại Bang

Người soạn:
LS Nguyễn Hữu Thống

*Nam Quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên
thư*

(Lý Thường Kiệt)

*Nước Việt ta
Vốn xưng văn hiến từ lâu
Sơn hà cương vực đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác*
(Nguyễn Trãi)

*Lãnh thổ Việt Nam bất khả
phân nhượng*
(Hiến Pháp Việt Nam
1967)

Những câu trên khẳng định rằng Việt Nam là một quốc gia độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Biên thùy nước ta đã được xác định về địa phận (định phận), và cương vực (khu vực biên cương). Dân tộc Việt Nam đã công bố chủ quyền lãnh thổ không thể phân chia (bất khả phân) và không thể chuyển nhượng (bất khả nhượng).

Vậy mà trong những năm 1999 và 2000, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phản bội quyền lợi của

dân tộc, không bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của quốc gia và đã ký kết 2 hiệp ước để Nhượng Đất và Bán Nước cho ngoại bang.

Đó là Hiệp Ước Biên Giới Việt Trung ký ngày 30-12-1999, phê chuẩn ngày 9-6-2000, và Hiệp Ước Vịnh Bắc Bộ ký ngày 25-12-2000 hiện chưa được phê chuẩn. Cứ theo đà này thì trong một thời gian không xa, Đảng và Nhà Nước Cộng Sản sẽ lại ký các Hiệp Ước Biển Đông để bán cho Trung Quốc các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tại hải phận Trung và Nam Việt.

Chia sẻ nguyện vọng của đồng bào trong nước, đồng bào hải ngoại phản kháng và tố cáo hành vi Nhượng Đất và Bán Nước cho ngoại bang của Đảng và Nhà Nước Cộng Sản.

Sự phản kháng này là để nói thay cho đồng bào trong nước không còn quyền được nói, đồng thời phủ nhận những hiệp ước bất công và bất nhân mà cũng là để giành cho các chính phủ dân cử tương lai quyền phủ nhận và tiêu

hủy các hiệp ước nhượng đất bán nước nói trên.

Các Hiệp Ước Song Phương và Công Ước Quốc Tế về Luật Biển. Về mặt pháp lý sau khi thiết lập chế độ bảo hộ, chính phủ Pháp đã ký với chính phủ Mãn Thanh Hiệp Ước Thiên Tân (1885), theo đó Trung Hoa thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp tại Việt Nam. Từ đó Việt Nam không còn thần phục Trung Hoa nữa, các án sắc phong của vua nhà Thanh cho vua Việt Nam bị tiêu hủy. Việt Nam và Trung Hoa phân định chủ quyền lãnh thổ và chính phủ bảo hộ đã vẽ bản đồ và cắm ranh mốc tại biên giới Việt Hoa.

Về chủ quyền hải phận, chính phủ Pháp đã ký với chính phủ Trung Hoa Hiệp Ước Brévié (1887) để phân ranh vùng biển Bắc Việt theo Đường Brévié chạy từ Trà Cổ (Móng Cáy) dọc theo kinh tuyến 108 Đông. Phía tây Đường Brévié là đảo Bạch Long Vĩ thuộc Việt Nam, và phía đông là đảo Hải Nam thuộc Trung Hoa. Như vậy vấn đề phân ranh lãnh thổ và hải phận tại Bắc Việt đã được giải quyết từ cuối thế kỷ 19 chiếu công pháp quốc tế.

Về các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, mọi tranh chấp chủ quyền được quy định bởi Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển (1982) (Law of the Sea Convention hay LOS Convention).

Tháng 11-1993, Công Ước được phê chuẩn. Một năm sau, tháng 11-1994 Công Ước có hiệu lực chấp hành. Tới nay hơn 170 quốc gia đã ký kết và gia nhập Công Ước trong đó có Việt Nam và Trung Quốc.

Chiếu Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển các quốc gia duyên hải có hải phận như sau:

1. Lãnh Hải 12 hải lý (Territorial Sea), kể từ bờ biển hay đường căn bản chạy ra khơi.

2. Tiếp nối lãnh hải 12 hải lý là vùng 200 hải lý để đánh cá mệnh danh là Vùng Đặc Quyền Kinh Tế (Exclusive Economic Zone).

3. Cũng tiếp nối lãnh hải 12 hải lý (và trùng với Vùng Đặc Quyền Kinh Tế đánh cá) là 200 hải lý Thềm Lục Địa (Continental Shelf) để khai thác dầu khí. Ngoài Thềm Lục Địa pháp lý (200 hải lý), quốc gia có thể đòi thêm Thềm Lục Địa địa lý hay Nền Lục Địa (Continental Margin) dài tới 350 hải lý, nếu về mặt địa hình, đáy biển là sự tiếp nối tự nhiên của thềm lục địa từ đất liền ra ngoài biển (đó là trường hợp của Việt Nam).

Tại Hoàng Sa, về mặt địa hình đáy biển phía đông Trị Thiên Nam Ngãi, thềm lục địa chạy thoải thoải từ dãy Trường Sơn ra quần đảo Hoàng Sa. Đây là những bình nguyên của thềm lục địa Việt Nam trên mặt biển. Từ 1925 Viện Hải Học Đông Dương, sau 2 năm nghiên cứu và đo đạc đã đi đến kết luận: "Về mặt địa hình, những đảo Hoàng Sa là thành phần của Việt Nam". (Géologiquement les Paracels font partie du Vietnam).

Về mặt địa chất, các thủy tra thạch kết tụ các chất hữu cơ do nước phù sa sông Hồng Hà chảy ra Biển Đông từ cả triệu năm nay. Đây là vùng có dầu khí. Không có con sông lớn nào từ đảo Hải Nam hay lục địa Trung Hoa chảy ra Biển Đông cho phép Trung Hoa khai thác các túi dầu khí tại vùng này.

Về mặt khí hậu và sinh thực học, các đảo san hô cũng như cây cỏ và sinh vật tiêu biểu cho vùng nhiệt đới Việt Nam, chứ không thấy ở vùng ôn đới Trung Hoa. Về mặt địa lý, các đảo Hoàng Sa thuộc thềm lục địa Việt Nam vì nằm trong phạm vi 200 hải lý từ

lãnh hải. Cù Lao Ré (Quảng Ngãi) cách đảo Trí Tôn (thuộc Hoàng Sa) chỉ có 123 hải lý.

Các tài liệu lịch sử cho biết, ít nhất từ 1816 dưới đời vua Gia Long, Việt Nam đã chiếm cứ công khai, liên tục và hòa bình các hải đảo Hoàng Sa. Lịch sử Trung Hoa không mang lại bằng chứng nào cho biết họ đã liên tục chiếm cứ Hoàng Sa từ thời nhà Hán hay ít nhất từ thời Mãn Thanh.

Tại Trường Sa cũng vậy. Về mặt địa chất, địa lý, địa hình đáy biển, khí hậu và sinh thực học, các đảo Trường Sa là sự tiếp nối tự nhiên của thềm lục địa Việt Nam. Tại Bãi Tứ Chính, nơi khai thác dầu khí, biển sâu không tới 400 mét. Bãi Tứ Chính cách bờ biển Việt Nam 160 hải lý nên nằm trên thềm lục địa Việt Nam. Trong khi đó quần đảo Trường Sa cách bờ biển Trung Hoa từ 500 đến 1000 hải lý, nên không thuộc thềm lục địa Trung Hoa.

Về mặt địa hình đáy biển, Trường Sa cách bờ biển Trung Hoa bằng rãnh biển sâu tới 3, 4 ngàn mét, chỗ sâu nhất đo được 4683m.

Chiếu Điều 76 Luật Biển 1982, các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa vì nằm trong Thềm Lục Địa Việt Nam nên thuộc chủ quyền hải phận của Việt Nam. Thềm Lục Địa thuộc quyền tuyệt đối của các quốc gia duyên hải trong việc khai thác dầu khí. Quyền này không tùy thuộc vào sự chiếm cứ (occupation) hay công bố (declaration). Do đó việc Trung Quốc chiếm đóng các đảo Hoàng Sa và Trường Sa không có hiệu lực tước đoạt chủ quyền của Việt Nam tại Thềm Lục Địa.

Chúng ta phải viện dẫn các quan điểm pháp lý để cảnh giác Đảng và Nhà Nước Cộng Sản về chủ quyền hải phận của Việt Nam đối với các quần đảo Hoàng Sa và

Trường Sa.

Hành Vi Nhượng Đất Bán Nước của Đảng và Nhà Nước Cộng Sản.

Đảng Cộng Sản đã không làm tròn nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và hải phận. Họ đã nhượng đất tại biên giới Hoa Việt và đã bán nước tại Vịnh Bắc Việt. Trong tương lai họ không thể táng tận lương tâm để bán nước thêm một lần nữa tại hải phận Trung và Nam Việt bằng cách nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc tại Hoàng Sa và Trường Sa. Muốn hình thành một hiệp ước quốc tế phải trải qua 4 giai đoạn: thương thuyết, ký kết, phê chuẩn và công bố ban hành. Trong vụ này, Đảng Cộng Sản đã giấu giếm, dối trá và không chịu công khai hóa hiệp ước. Họ đã cùng đối phương tham dự 20 phiên họp kín (mật đàm), bí mật ký kết (mật ước), quốc hội âm thầm phê chuẩn (lén lút thông qua) và chính phủ không dám công bố bản văn hiệp ước trước quốc dân qua công báo, báo chí, các đài truyền thanh, truyền hình v...v...

Vì họ cũng biết rằng đây là một hiệp ước sai lầm về pháp lý (legally wrong) và vi phạm đạo lý (immoral). Nó đi trái với những hiệp ước quốc tế hiện hành được ký kết từ thế kỷ 19, và trái với những nguyên tắc ghi trong Hiến Chương Liên Hiệp Quốc và Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền như bình đẳng, hợp tác, hữu nghị, hòa bình, công lý, tự do kết ước, không áp bức, không lấn chiếm. Theo nhận định của giới am hiểu thì thời điểm lấn đất đã thực sự phát khởi từ đầu thập niên 1950 thời Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất, khi Bắc Kinh tiếp tế quân trang, quân dụng, cung cấp cố vấn và cán bộ huấn luyện cho Bắc Việt. Các xe vận tải và xe lửa

Trung Quốc đã chạy sâu nhiều cây số vào lãnh thổ Việt Nam để lập các cơ quan chỉ huy, trung tâm huấn luyện, điều quân, tiếp tế và chôn giấu vũ khí. Trong Chiến Tranh Đông Dương Thứ Hai hàng trăm ngàn binh sĩ Trung Quốc đã đồn trú tại Bắc Việt để giữ an ninh lãnh thổ khi các sư đoàn chính quy Bắc Việt kéo vào xâm chiếm Miền Nam trong các chiến dịch Tổng Công Kích (Tết Mậu Thân) và Tổng Tấn Công Xuân Hạ (1972) (Mùa Hè Đỏ Lửa). Và trong Chiến Tranh Việt Trung (1979) Quân Đội Trung Quốc đã kéo sang tàn phá 6 tỉnh miền biên giới và khi rút lui đã đem công binh gài mìn nhiều cây số trong nội địa Việt Nam.

Trong những cuộc tấn công và tiếp viện này họ đã kéo theo từng đoàn sắc dân thiểu số Trung Hoa từ Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông sang chiếm đất và định cư tại miền biên giới, sâu trong lãnh địa Việt Nam. Nay Bắc Kinh tạo áp lực buộc Hà Nội phải theo chính sách hợp thức hóa tình trạng đã rồi (*politique du fait accompli*). Họ bắt Đảng CS Việt Nam phải vẽ lại ranh giới theo thỉnh nguyện của các sắc dân thiểu số Trung Hoa trú ngụ tại miền biên giới.

Theo sự ước tính của các giới am hiểu thì Việt Nam đã nhượng cho Trung Quốc một dải đất từ 2 cây số đến 12 cây số dọc theo lần biên giới dài khoảng 1300 cây số. Như vậy tổng số diện tích đất bị mất có thể là từ 2600 cây số vuông tới 15600 cây số vuông. Và với lần trung tuyến mới áp dụng tại Vịnh Bắc Việt thay thế cho Đường Brevié thì vùng biển bị mất có thể được ước tính là từ 10% đến 16%, nghĩa là từ 12.000 cây số vuông đến 20.000 cây số vuông (diện tích vùng Vịnh Bắc Việt là 126.250 cây số vuông).

Vì Hiệp Ước Biên Giới không được công bố nên không ai biết rõ những vùng đất nào Đảng CS Việt Nam đã nhượng cho Trung Quốc. Nhiều người tiết lộ rằng Việt Nam đã mất những địa danh như Ải Nam Quan và Thị Trấn Đồng Đăng tại Lạng Sơn, Thác Bản Giốc tại Cao Bằng.

...

Về mặt pháp lý, Chiều Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển (1982) Hoàng Sa và Trường Sa không thuộc hải phận của Trung Quốc vì tọa lạc xa bờ biển Hoa lục từ 250 đến 1000 hải lý. Biết rõ nhược điểm này, năm 1983, Bắc Kinh tập hợp 400 học giả Trung Quốc ngày đêm nghiên cứu thảo luận ròng rã trong suốt 10 năm, để đi đến kết luận "Biển Nam Hải là Biển Lịch Sử của Trung Quốc từ thời nhà Hán, cách đây 2000 năm". Họ đưa ra thuyết "Lưỡi Rìu Trung Quốc" mệnh danh là "Đặc Khu Hành Chánh Hải Nam". Lưỡi Rìu Trung Quốc nằm cách bờ biển Quảng Ngãi 40 hải lý, cách đảo Natuna (Nam Dương) 30 hải lý, và cách Palawan (Phi Luật Tân) 25 hải lý. Nó chiếm trọn 3 túi dầu khí Tứ Chính (Vanguard) của Việt Nam, Natuna của Nam Dương và Cỏ Rong (Reed Bank) của Phi Luật Tân.

Tuy nhiên chiếu Điều 8 Công Ước về Luật Biển thì Biển Lịch Sử phải tọa lạc tại đất liền, phía bên trong bờ biển hay Đường Căn Bản. Nó không thể là Biển Đông hay Biển Nam Hải vì đây là một ngoại hải cách xa bờ biển Trung Hoa tới 2000 cây số.

Vả lại các bãi dầu khí Tứ Chính, Natuna và Cỏ Rong đều tọa lạc trong thềm lục địa của Việt Nam, Nam Dương và Phi Luật Tân. Quyền khai thác dầu khí tại Thềm Lục Địa là một quyền tuyệt đối của các quốc gia

duyên hải, không tùy thuộc vào sự chiếm cứ hay công bố.

Tuy nhiên với đà hiện nay chúng ta lo ngại rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam rồi đây sẽ lại nhượng các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc. Nhiều kinh nghiệm lịch sử minh chứng cho sự lo ngại này:

Năm 1956, Ung Văn Khiêm (ngoại trưởng) đã minh thị tuyên bố: "Hà Nội nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Trung Quốc gọi là Tây Sa và Nam Sa". Năm 1958 Phạm Văn Đồng đã gửi văn thư tán thành bản tuyên bố của Chu Ân Lai xác định chủ quyền hải phận của Trung Quốc tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tháng 5-1976, báo Saigon Giải Phóng trong bài bình luận về việc Trung Quốc chiếm đóng Hoàng Sa năm 1974 đã viết "Trung Quốc là người thầy đã cưu mang Việt Nam cho đến ngày hôm nay, thì chủ quyền Hoàng Sa thuộc Trung Quốc hay thuộc Việt Nam cũng vậy thôi. Khi nào Việt Nam muốn nhận lại, Trung Quốc sẽ sẵn sàng trao lại quần đảo này".

Và sau khi Trung Quốc tiến chiếm Trường Sa tháng 3 năm 1988, Báo Nhân Dân ngày 26-4-1988 đã viết: "Trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược thì Việt Nam phải tranh thủ sự gần bó của Trung Quốc, và ngăn chặn Hoa Kỳ sử dụng 2 quần đảo nói trên. Do đó những lời tuyên bố (của Phạm Văn Đồng năm 1958) phải được hiểu trên tinh thần và trong bối cảnh lịch sử đó".

Trong quá trình đấu tranh cướp chính quyền, Đảng Cộng Sản đã thủ tiêu cá nhân và tàn sát tập thể các giới trí thức văn nghệ sĩ và nông dân tiểu tư sản, các tín

đồ các tôn giáo và các đảng phái quốc gia theo chủ nghĩa dân tộc. Mục đích để giành độc quyền kháng chiến, độc quyền yêu nước và độc quyền lãnh đạo quốc gia.

Ngày nay Đảng Cộng Sản đã thiết lập một bộ máy nhà nước công an hà khắc với chính phủ tay sai, tòa án công cụ và quốc hội bù nhìn. Theo lời thú nhận của chính họ "Trung Quốc vĩ đại đối với chúng ta không chỉ là người đồng chí mà còn là người thầy tin cậy, đã cứu mang chúng ta nhiệt tình để chúng ta có ngày hôm nay." Do đó họ đã táng tận lương tâm để nhượng đất bán nước cho kẻ thù truyền kiếp của dân tộc. Hành động này đi ngược lại chủ quyền của quốc gia, trái với quyền lợi của dân tộc và phản bội công lao dựng nước giữ đất của tiền nhân.

Vì không có sự kiểm soát và chế tài của quốc dân, Đảng Cộng Sản đã lợi dụng sự độc quyền lãnh đạo để độc quyền bán nước.

Do đó quốc dân ta không còn con đường nào khác là phải đồng loạt đứng lên đấu tranh đòi Dân Tộc Tự Quyết, giành lại quyền làm chủ quốc gia, làm chủ xã hội. Có như vậy chúng ta mới cứu được nước, cứu được dân và rửa được mối nhục này.

Đồng bào hải ngoại chúng tôi nguyện sát cánh với đồng bào trong nước trong cuộc đấu tranh lịch sử này.

Làm tại hải ngoại những ngày cuối năm Tân Ty

Tháng 1 năm 2002 ●

diễn-đàn



Tôi có cái may là được nằm và chờ xét tị nạn tại nước Đức mà không bị trục xuất ngay như nhiều đồng hương khác. Cái hạn chờ suốt chục năm có dư ấy quả thật là dài và thừa lắm thời gian. Trong khúc đời "cảnh giả" của kẻ nhàn cư, may mà lâu lâu tôi lại được một người bạn, người quen gửi tặng một tác phẩm có xuất xứ từ trong nước nên cũng đỡ buồn. Đọc xong, tôi dùng cái dư thừa trên để ngấm lại cái thuở mà mình từng bị gông cùm tư tưởng như các nhân vật của sách hay kể cả tác giả của nó. Tất nhiên, tôi cũng thấy ra những hạn chế trong cách nhìn nhận một số vấn đề về chủ nghĩa, chế độ chính trị, nền tảng xã hội, cách đánh giá lịch sử, quan niệm và sáng tác văn nghệ của những tác giả từng là bầy tôi trung thành của đảng. Nay, đọc *Tô Hoài Hồi Ký* của một bạn gửi tới, tôi viết nhận định riêng của mình về cuốn sách của nhà văn từng có nhiều tác phẩm ảnh hưởng trong nền văn học đương đại.

Vậy, xin giới thiệu với các bạn cuốn *Tô Hoài Hồi Ký* của nhà văn Tô Hoài do Nhà Xuất Bản Hội Nhà Văn Việt Nam phát hành 1000 cuốn vào tháng 3.1997, sách dày 736 trang, khổ 13 x 19, in tại Xưởng in Bộ Nông Nghiệp, và

Hồi Ký Tô Hoài, Nhân Cách... Tiếng Vọng Đỏ Võ Niềm Tin

Trương Xuân Triệu

được giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996.

Hồi ký này được chia làm ba phần: *Cổ Đại*, *Tự truyện*, *Cát Bụi Chân Ai*.

Vào bài mở đầu, phần *Cổ Đại* viết từ năm 1943, ông (tác giả) kể mình dạy học kèm cho bé Tư, một em nhỏ gọi ông là cậu. Theo mạch tự truyện, ông ôn lại thời thơ ấu không có tiếng cười của ông; và so sánh tuổi thơ lặng lẽ, để tủi thân chứ không được hồn nhiên vui tươi, chuyện lú lú, cười như con nắc nẻ khi đến lớp học như bé Tư khi ấy. Ông ví mình đã sớm phải "phong trần" như đám cỏ hoang dại: "... Những ngày thơ ấu của nó (tác giả) leo hoang trong đám cỏ bên đường đi. Cổ đại, cỏ không tên, rướm rả ken khít nhau bò ngấn ngò trong khoảng đất rác rưởi (tr.7)."

Tiếp, ông kể về làng quê ông và gia cảnh nhà ông. Đọc những trang ông tả về làng xóm và căn nhà cổ xưa thừa kế của họ ngoại ông, hẳn nhiều bạn ở tuổi "ngũ thập nhi tri thiên mệnh" thường dễ chạnh lòng khi nhớ lại căn nhà xưa, làng xóm cổ kính xưa của mình mà nay đã biến hóa theo cuộc dâu bể. Sâu vào hoàn cảnh, ông giản lược kể về người cha: có

cha mà người cha luôn biệt nhà đi xa kiếm sống; và cuối cùng người cha dứt bỏ hẳn vợ con. Bằng miệng của một bác người cùng làng bên họ nội từ Sài Gòn ra, ông thuật lại: "...Thầy tôi lấy người ở Hạnh Thông Tây làm nghề bán bánh tráng đã được hai con một trai một gái. Thầy tôi bây giờ loà cả hai mắt, đi phải chống gậy (tr. 113)." Nỗi mất mát thiếu thốn tình cảm của người cha từ bé được ông kể song hành với cái tình săn sóc của mẹ, của ông bà ngoại với mình. Đồng thời, ông có thêm tình cảm của những bà dì ruột (Năm, Bảy), những cô em ruột (Hồ, Ngó), em họ (Châu, Nhâm), tuy chỉ loáng thoáng xen trong cảnh sống lặn lội của toàn thể gia đình, họ hàng ông, nhưng nó vẫn toát ra sâu đậm cái nhớ thương của ông với họ. Đọc *Cổ Dai*, ta dễ cảm thông. Đọc xong, ta thấy man mác khi thẩm nhận tuổi thơ cơ cực của ông qua lời văn giản dị mà giàu hình ảnh làng quê Việt Nam xưa sống động trong những trang hồi ký. Văn ông không triết lý mà tự nó có hồn, toát ra khéo đến nỗi gây xúc động bạn đọc có những mảnh quá khứ na ná như trên.

Trong *Tự Truyện*, ở chương *Mùa Hạ Đến Mùa Xuân* Đi viết từ 1970, tác giả ý thức thuật lại hành trình tư tưởng của ông.

Kể lại tuổi thơ, ông cho biết rất sợ đi học, vì học thì dốt mà lại còn bị những kỷ niệm buồn chán bi đát ám ảnh. Nỗi sợ ấy có nguyên nhân từ một năm sống nhờ ở nhà chú Tường (một người bạn của cha) ở phố hàng Mã để chờ xin học. Tại đó, ông phải làm nhiều việc không mấy hứng thú cho gia đình chú Tường. Bởi thế, vốn sẵn bản tính không thích đến trường, chỉ thích rong chơi và tự học bằng quan sát thiên nhiên,

khung cảnh xã hội quanh mình, nên trong những năm học ở trường làng ông đã chẳng gặt hái được bao kiến thức. Đã vậy, ngay buổi học khai trường và suốt năm đầu học ở trường Yên Phụ, ông và nhiều học trò cùng lớp còn bị thầy Tỏi phạt đánh thậm tệ. Ông thừa nhận ông học dốt, dốt từ tiếng Pháp đến các môn học khác. Bằng giọng văn kể chuyện giản dị, ông ngầm tố cáo chế độ thực dân và phương pháp giảng dạy mang tính phong kiến lạc hậu của hệ thống giáo dục đương thời. Đây là cái tài dùng hành văn nhẹ nhàng mà đầy tính phê phán của ông. Cuối *Tự Truyện*, qua mô tả gia cảnh và sinh hoạt nghèo túng nhà thầy giáo Tỏi, ông biểu cảm lòng thương mến của ông với người thầy mà ông đã có lúc rất ghét và rất sợ đó. Sự đổi thay tư tưởng ấy, khởi từ bản thân ông và dân tộc đang bị thực dân áp bức, tiếp đến việc người con trai của thầy là anh Kính, một bạn học lớn tuổi cùng trường đã hoạt động "hội kín" (cộng sản) rồi bị mật thám bắt vì liên quan đến vụ ném truyền đơn vào sân trường Yên Phụ, cho ta thấy cảm nghĩ, lập trường, khuynh hướng chính trị thân cộng sản của ông có nguồn gốc từ đây. Để rồi, sau này ông đã hào hứng cùng những thợ dệt nghèo khổ vùng Vạn Phúc, Hà Đông lập hội ái hữu: tranh đấu chống bất công, thất nghiệp và nghèo đói. Cũng từ đây, dần dần tư tưởng ông chịu ảnh hưởng của những người mong sao cho "ngày mai tươi sáng, thế giới hạnh phúc, đại đồng".

Trong những trang viết kể về thời trai, ở độ mới 16- 17 tuổi ông đã phải gian nan kiếm sống bằng những nghề: dệt cửi, học đánh máy chữ, đi bán giày thuê cho hãng Bata, và lưu lạc xuống Hải Phòng tìm việc làm để tự nuôi

thân và giúp đỡ gia đình. Ở phần hồi ức này của ông, ta thấy ông giỏi văn miêu tả, nhất là tả cảnh vật, nên dù ngôn ngữ giản lược, nhẹ nhàng mà bức tranh xã hội Việt Nam xưa hiện rõ mồn một: làng quê xám ngoét, xóm quê xơ xác tiêu điều, cả miền Bắc đều nghèo đói, lạc hậu; nhất là cảnh dân đói và chết đói khủng khiếp năm 1945 đã được ông lột tả đầy đủ trong hồi ký. Bàn về xã hội, ông đã điển hình hóa sự lạc hậu, hủ lậu của thời đó qua những chuyện: bà mẹ của lý trưởng làng Bùng đã nhiều ngày âm thầm dùng cục hình quần chặt bụng cô con gái có thai hoang với anh thợ cửi tên là Đành, để rồi, cuối cùng cô gái vì khổ cực kéo dài quá, vì bán loạn sợ hãi quá mà phải trầm mình tự tử (tr. 149-153); hay chuyện ông Phán Quý ở Hải Phòng đã có "sáng kiến" giam bố mẹ mình vào cũi khi họ cãi nhau, người con bất hiếu và tàn nhẫn này thân nhiên giải thích việc trừng phạt ấy: "Người già lắm cảm chúa hay cãi nhau đánh nhau, loạn quá! Bây giờ các "lúy" đương con tức nhau, "moa" mà thả các "lúy" ra thì lung tung, đổ các "vu" ở nổi cái buồng ấy. Cứ phải tống vào nhà pha vài hôm thế mới xong" (tr. 211).

Ngoài miêu tả và phê phán xã hội thời thực dân- phong kiến, ông nhấn mạnh đến tình ái hữu giai cấp của ông và những thanh niên nghề cửi (Điều, Đành, Đồ Địch...); về tình bạn của các bạn ông (Cư, Hồ, Hiền...); về sự cao thượng mà hai vợ chồng Cẩn-Thúy dành cho ông trong thời gian sống tá túc tại nhà họ ở Hải Phòng để tìm việc kiếm sống. Tại đây, khi không sao tìm được việc làm, ông đã phải chấp nhận gợi ý của Thúy: tán tỉnh bạn gái của Thúy - một cô gái nháy nghèo để

hồng kiếm nơi ăn chốn ở độ nhật. Vậy mà hy vọng ấy cũng không thành, vì ông vụng tán gái. Thêm vào cảnh "giàu đổ bìm leo" là việc do thấy ông tá túc tại nhà hàng xóm (Cần-Thúy) mà lại ngủ chung một giường với hai vợ chồng họ (nhà chỉ có một giường), ông bà Phán Quý đã chửi mắng, rồi chửi thẳng ông: "Này, này! Tối nay mà "vu" còn về đây tụ bọ vô luân lý sẽ có đội con gái đến điệu các "vu" về bốp" (tr. 223). Nghe nhận lời đe dọa ấy của ông Phán, ông không dám cố đắm ăn xơi ở lì nhà bạn cũng đang nghèo kiệt xác, đành buộc phải cuốc bộ chuồn về Hà Nội mà cũng chẳng chào vợ chồng bạn một tiếng.

Từ chương Một Quãng Đường, ông kể nhà văn Như Phong đã giới thiệu ông với đoàn thể cách mạng (Việt Minh), ông "được giác ngộ và trở thành nhà văn có

lý tưởng cộng sản." Ông thừa nhận bản thân đã ràng buộc với lý tưởng này từ khi hoạt động phong trào ái hữu thợ dệt Hà Đông. Thế rồi, kể từ khi bước vào nghề viết văn và chăm chỉ sáng tác để kiếm sống, ông đã quen biết hầu hết các văn nghệ sĩ cùng trang lứa, lớn hơn và nổi tiếng hơn khi đó. Ông giao du với những nhà thơ nhà văn: Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Huyền Kiều, Nguyễn Bính, Kim Hà; biết Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Công Hoan, Trương Tửu, Lan Khai, nhóm Tự Lực Văn Đoàn; thân với Nam Cao, Thâm Tâm, và Trần Huyền Trân (cùng nghèo và cùng chí hướng).

Xen kẽ chuyện kể về những quan hệ bình thường trong làng văn nói trên, ông đưa ra những nhận xét về những nhà văn, nhà xuất bản, các nhóm văn hóa, xã hội thời đó. Ví dụ, về mối quan hệ của làng văn Hà Nội với các

nhà xuất bản khi đó, như với chủ nhà XB Tân Việt là Lê văn Vãng, thì ông "tố": "...Nhiều bậc nhà văn đàn anh, các ông Lan Khai, Trương Tửu đã xúm đến trở tài đào tiền lão, lão sắp khánh kiệt" (tr 259). Về nhóm Tự Lực Văn Đoàn, ông viết: "... không dễ quen đâu. Cảnh Tự Lực Văn Đoàn thì ăn mảnh. Vài người chơi với họ "thấy người quen bắt quàng làm họ", ra về hí hửng" (tr 255). "Có bạn tưởng văn chương hồi ấy chỉ có Tự Lực Văn đoàn. Không phải. Bạn đọc Tự Lực nhiều, nhưng không phải là tất cả. Bạn đọc Tự Lực phần lớn là thầy giáo, công chức, thanh niên sinh viên học sinh. Nhóm Tự Lực là một số nhà văn muốn truyền bá một quan niệm, một lối sống, từ xã hội đến gia đình, đến cá nhân và tình yêu..." "Họ muốn làm cho văn chương kiểu đó được độc tôn. Không công nhận các dòng văn khác hoặc chỉ đề cao ai do

người tù về thăm quê cũ

Gửi H. xa mù...

Ta về đứng ngó núi mông,
Có con chim nhỏ chạnh lòng hót vang,
Mừng ta nay trở lại làng,
Tính ra mười bảy năm tàn có dư!
Xa quê đạo đó - kể từ,
Khi đi tóc hầy còn như mây ngàn!
Sá gì một kiếp ngựa hoang,
Giờ về mới thấy bàng-hoàng nhớ mong...
Ngoài sân cây cải trở ngừng,
Chờ ta hết hạn tù xong... mới già?
Khi về đã khuất mặt cha,
Mới hay người bỏ lại ta... trong tù!
Ngó lên dãy núi mù-mù,
Thấy mình nhỏ bé phù-du vô cùng!
Hỏi thăm, em đã mịt-mùng,
Quê chồng chắc cũng ung-dung theo người?
Ngày đi tấm ảnh em cười,
Giấu trong túi áo hơn mười năm qua
Bây chừ mới trở lại nhà,
Tóc râu màu đã bạc hoa râm rồi!

Mười bảy năm ở trong tôi,
Mười bảy năm, vẫn bên đời có em!
Dù trong lửa đạn đau mềm,
Đôi khi lại nhớ những đêm quê nhà...
Dấu người cũng đã quên ta,
Đem lòng trách móc để mà làm chi?
Cảm thân lính chiến biên-thùy,
Nay sống mai chết biết gì tương lai?
Sau lưng em tháng năm dài,
Còn tôi trước mặt một ngày chưa yên!
Đạn bom phủ kín ưu phiền,
Máu xương rình rập triền miên trong đầu!
Chưa kể tù tội khá lâu,
"Nuôi người ngựa" em đau một đời!
Dù về không gặp nhau thôi,
Nhưng lòng cũng thấy mừng, rồi ra đi...
Tấm ảnh ngày xưa nhu-mì,
Vẫn trong túi áo, đôi khi bụi-ngùi...
Bây giờ còn giữ nụ cười,
Đã hết chinh-chiến mà người nơi đâu?

nguyễn tư



mình tung lên. Thậm chí, dìm chết người viết khác lối văn của mình, như đối với Kim Hà và Phan Huấn Chương” (theo chú thích của Tô Hoài: Tiểu thuyết Rạng Đông của Phan Huấn Chương được Tự Lực trao giải ba, Cái Nhà Gạch của Kim Hà được giải nhất mà Tự Lực không in, tr. 278). “Nhưng từ bắt đầu chiến tranh thế giới lần thứ hai, trong giông bão chống tai họa phát xít, bản thân văn đoàn này và người đọc cũng phân hoá. Những người chủ chốt trong nhóm Tự Lực: Hoàng Đạo, Nhất Linh, Khái Hưng... đi vào con đường chính trị thân Nhật. Còn ai ở lại với văn chương thì văn chương đã tàn” (tr-179).

Bàn luận khuynh hướng văn nghệ và lập trường chính trị của nhóm Tự Lực xong, ông không quên kể chuyện và phê phán nhóm Tờ rớt kít: “Khuynh hướng tờ rớt kít không có sức hút về văn học. Nhưng họ hoạt động nhiều vì Pháp để yên và họ đã quấy mạnh trong đám trẻ cầm bút. Tờ Tranh Đấu của nhóm tờ rớt kít ở Hà Nội cũng ra bí mật. Những khẩu hiệu khoa trương khá hấp dẫn đã được nêu trong các cuộc đấu tranh đòi đời sống, lập ái hữu tiến tới nghiệp đoàn. Nhưng chỉ có khẩu hiệu, không có việc. Rồi cũng tan rã” (tr-279).

Trong bối cảnh xã hội phức tạp, đầy những người khác với quan niệm của ông như vậy, ông sớm hoà mình và thích nghi với sinh hoạt làng văn, qua lời thuật: “Có khi đi đánh nhau lối đồn hội chợ nữa. Hồi ấy làng văn hay đánh nhau lắm. Thiết Can viết một bài trên báo Hà Nội Tân Văn chê Nguyễn Doãn Vượng. Vượng đón Thiết Can, đánh Thiết Can ngay trước cửa nhà in Trung Bắc giữa phố Hàng Buồm; Nguyễn Bính in truyện ký Ngậm Miệng

trên báo Tiểu Thuyết Thứ Năm. Thượng Sĩ viết phê bình, đọc sách cho báo Tin Mới, nhận Nguyễn Bính: không nộp tiền “mãi lộ” sẽ phết cho một bài chữ. Nguyễn Bính nhận lại: chữ thì đánh. Rồi đánh thật. Tôi cũng hung hăng trong đám đánh hội” (tr 255).

Dám chơi như thế, ông đã kết thân được với Nguyễn Bính, và được Nguyễn Bính rủ đi “giang hồ” cùng Vũ Hoàng Chương. Ba người vào ả đào ở Bắc Ninh, lên thăm Bàng Bá Lân ở Bắc Giang. Lối đi chơi “giang hồ” này, ông khoe là tiêu tiền của người khác, và đã có Vũ Hoàng Chương gánh chịu. Theo mạch kể, ông cho biết ông và Nam Cao còn ăn cơm cả tháng ở nhà Vũ thi sĩ ở Nam Định mà không giáp mặt những người thân nhà này. Rồi ông nghị bàn lối chơi đó: “Chơi thế phải mất dầy đi chạy vạy chẳng bữa. Nhưng lại thổi màu phiêu dăng bắt cần đời lên mà làm thơ. Những “say đi em”, “ngiên nhiên trần thế”, “nàng tiên nâu” chỉ là “làm thơ” vậy thôi...” (tr. 269). Hay: “Thời thế những năm ấy đã khác. Cái lãng quên và quay lưng (với thực tại) chỉ còn là sự gục đầu xuống...” (tr 269); “Đó là lớp người trôi như bèo trên mặt sóng” (tr 271).

Đoạn tuyệt với những cuộc hưởng thụ đầy màu phiêu dăng bắt cần đời ấy, ông hồ hởi tham gia Việt Minh, hoạt động dưới quyền những người: Như Phong, Vũ Quốc Uy, Trần Độ, và cùng nhóm với Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Hồng, Nam Cao... Ở môi trường mới, ông giác ngộ, và phê phán khung cảnh cũ: “Từ khi biết nghĩ điều hay cho những ao ước của mình, tôi chỉ một mạch nghĩ cho cách mạng. Nhưng ở cái chợ văn thời ấy eo sèo kẻ mua người bán, kẻ ra người vào. Ngót nửa

thế kỷ văn học quốc ngữ, được dăm tác phẩm có giá trị. Còn thì người ta cầm bút không vì cái gì cả hoặc chỉ gãi cái thích của một số người đọc ít ỏi lúc ấy. Những nhân vật chàng nàng phù phiếm... Và nhảm nhí tệ hại, lướt qua bìa sách cũng đã thấy nặng mùi. Ngoại tình (Vũ trọng Can)... Thả Cỏ (Nguyễn Tố) ... Một đêm với Dương Quý Phi (Trúc Định)...” (tr 275). Phê phán khuynh hướng sáng tác “nhảm nhí, nặng mùi” ấy xong, ông quảng bá những sáng tác mang hoài bão, lý tưởng tranh đấu của phe mình: “Tô Hoài (Xóm Giếng, Dế Mèn Phiêu Lưu Ký, Đám Cưới Chuột...), Nam Cao (Một Đời Người, Con Giông, Sống Mòn), Nguyễn Hồng (Lửa, Nhân Loại, Ngày Mai, Cuộc Sống), Nguyễn Đình Thi, và Đặng Thai Mai” (tr 285-288). Chen lẫn chuyện kể về những nhân vật tích cực cùng hội cùng thuyền ấy rồi, ông lướt qua số phận những thanh niên không theo cách mạng, bị quy là phản động và đã bị Việt Minh (đảng) trừng trị (thủ tiêu): Nguyễn Tế Mỹ và Nguyễn Đức Chính (tr 296).

Kể về hoạt động đảng phái thời ấy, ông và các đồng chí (Như Phong, Vũ Quốc Uy, Nam Cao, Nguyễn Hồng...) bị mật thám Pháp bắt, tra tấn dã man mà vẫn giữ vững khí tiết người cách mạng. Nhưng tờ rớt kít thì thân Pháp; Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt thì thân Nhật. Việt Minh thì có tổ chức chặt chẽ, biết sáng suốt chớp đoạt thời cơ, như vụ Việt Minh điều động quân chúng ra vườn Bách Thảo (Hà Nội) phá cuộc mít tinh kỷ niệm Nguyễn Thái Học (tr 324-325) do Việt Nam Quốc Dân Đảng tổ chức. Tất nhiên, ngụ ý ông cho người đọc thấy, những phe khác (Quốc gia) rất là yếu kém tổ chức, và làm lạc chủ thuyết...

Viết về những năm 1943-1945 (chương 1944-1945), ông kể lại hoạt động của ông trong phong trào Việt Minh, và nhấn mạnh vai trò chính trị của Việt Minh (CSVN) thời kỳ đó. Ông cũng không quên kể lại chiến lược tranh đấu của đảng qua việc khởi thảo Đề Cương Văn Hóa (1943), do Trường Chinh soạn, Hoàng văn Thụ góp ý, rồi Trường Chinh sửa lại. Qua những hồi tưởng của ông, người quan tâm tới lịch sử nước nhà (1943-1945) đều không lạ quý thuật cài người thao túng Hội Truyền Bá Quốc Ngữ, lập đảng Dân Chủ VN, đảng Xã Hội VN, v.v.. của đảng Cộng Sản Việt Nam để chuẩn bị và cướp chính quyền. Và, khi cướp được chính quyền, thì áp dụng ngay cơ cấu kiểm duyệt, khống chế văn nghệ nước nhà để ngu dân và nắm độc quyền cai trị. Bởi vậy, ta nhận ngay ra vai trò "người chiến sĩ trong mặt trận văn hóa của đảng" của Tô Hoài, qua lời ông thuật: "*Tôi còn nhớ: Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Huy Tưởng (Hội Văn Hóa cứu quốc), Nguyễn Hồng, Tô Hoài (báo Cứu quốc), Trần Lâm, Nguyễn văn Thân, Trần Kim Xuyến (Đài phát thanh), Nguyễn Công Mỹ (Bình dân học vụ), Trần Huyền Trân (kiểm duyệt sân khấu), Như Phong (kiểm duyệt sách báo)*"... Thủ đoạn ấy của đảng ông, được ông coi như sự đề cao tài trí đảng mình, chứ không phải để phê phán phương gian trá xảo quyết đã lợi dụng công lao xương máu dân tộc để cướp quyền và hưởng lợi! Rồi ông viết: "*Nhớ lại chuyện hồi ấy bây giờ cũng có người không biết hoặc lẫn lộn.*" Nhưng không biết vì sao ông lại không kể rõ sự kiện "không biết hoặc lẫn lộn" là những gì, như thế nào? Có thể ông sao nhãng khi thảo hồi ký nên mạch chuyện có dẫn đề mà

quên không dẫn chứng, hay e ngại gì đó? Riêng với một người có ảnh hưởng lớn với phong trào ấy khi đó là Nguyễn Hữu Đang thì ông có dành cho mười dòng hồi tưởng, và chỉ tóm lược thôi: "*Nguyễn Hữu Đang thẳng tính và tính việc nhanh, ở cơ sở nào cũng thân như người nhà. Còn nhớ nhà ông Mai ở Hàng Điếu, ông thợ điện nhà máy điện Bờ Hồ nhà ở hàng Quạt mà chúng tôi đã đi ăn cưới con trai ông ấy, như ruột thịt. Năm mươi năm sau, mới rồi, tôi được Phùng Quán và Phùng Cung mời đến dự cuộc mừng Nguyễn Hữu Đang 80 tuổi. Ông già vẫn độc thân. Hôm ấy, Nguyễn Hữu Đang trình trọng cảm giấy phát biểu hùng biện, rành rẽ, mạch lạc một, hai, ba, bốn hào thanh niên cầu tiến tha thiết, vẫn thế, vẫn phong độ như ngày xưa... Thôi cũng là đời. Nghe nói mấy lâu nay cụ nghiền ngẫm Lão-Trang*". (tr. 365-366). Ấu đây có lẽ là chút cảm thán của ông cho một người cùng chí hướng đã đổi đời thâm tình với ông khi ông gặp khốn khó (Hữu Đang ứng xử tốt với ông, và đã cho ông 5 đồng bạc vào năm đói) và người đó thuộc lớp những người mang công hãn mã dựng lên một chế độ, rồi bị chính nó hất xuống hố.

Cách mạng Tháng Tám thành công, ông được Trường Chinh chỉ định sang làm báo *Cứu Quốc*; đi Nam Tiến; ra Hà Nội; tháng 10.1946 được Xuân Thủy, là bí thư chi bộ giới thiệu và kết nạp vào đảng cộng sản VN.

Thời kháng chiến chống Pháp, ông viết chương năm 1947. Chương này ông kể việc ông theo lệnh đảng cùng báo *Cứu Quốc* di chuyển lên Bắc Cạn, và là bí thư chi bộ đảng, kiêm phụ trách báo *Cứu Quốc Việt Bắc*. Tại đây, trong cương vị là bí thư chi bộ, ông kết nạp Nam Cao vào đảng.

Đây là thời gian nan của đảng ông, mà hành động quân sự nhảy dù xuống Bắc Cạn của Pháp đã gây ra những khó khăn trực tiếp cho bộ phận làm báo *Cứu Quốc Việt Bắc* do ông phụ trách.

Đọc tới *Cát Bụi Chân Ai* trong tổng thể tập hồi ký của ông, ta được ông kể cho nghe những sự kiện chính trị từ năm 1951 đến 1990 (kết thúc hồi ký): Chính Huấn Chính Trị, Giám Tô, Cải Cách Ruộng Đất, Nhân Văn Giai Phẩm, và khung cảnh miền Bắc. Nội dung chuyện của khoảng thời gian 40 mươi năm ấy nói về ông và hầu hết những văn nghệ sĩ đã bị nhào nặn trong môi trường xã hội do đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Tất nhiên, vì có mối liên hệ xã hội, tranh đấu đảng phái nên chuyện ông kể bao gồm cả những thành phần đối lập với đảng Cộng sản Việt Nam, và khác biệt với quan điểm của riêng ông.

Về ông, qua lời kể tản mác trong hồi ký, ta thấy ông sớm có vai trò lãnh đạo trong ngành thông tin tuyên truyền và văn nghệ của đảng. Ông là Bí thư chi bộ đảng kiêm phụ trách báo *Cứu Quốc Việt Bắc* (1947), Đội phó Cải Cách Ruộng Đất kiêm Phụ trách tòa án (1953-1955), Phụ trách nhà xuất bản Văn Nghệ, nhà xuất bản Hội Nhà Văn, Tổng Thư Ký Hội Văn Nghệ Hà Nội, kiêm Tổng biên tập tuần báo *Người Hà Nội* nhiều năm (1955-?). Và, ở cương vị này, dù có tì vết như bị ảnh hưởng tư tưởng chính trị của báo *Nhân Văn*, và quản lý chưa tốt nhiệm vụ của nhà xuất bản Hội Nhà Văn, nhưng do đã sớm biết viết bài tự kiểm đảng báo *Nhân Dân* (ngày 12.3.1958) mà ông vẫn được đảng tin dùng và vẫn được đóng vai lãnh đạo văn nghệ để đi công cán toàn miền Bắc trước 1975, khắp cả nước sau

1975; kiêm chức vụ người thay mặt ngành văn nghệ đón những đại diện văn hoá của các nước cộng sản và thân cộng sản tới thăm Việt Nam, giữ vai đại biểu văn nghệ chế độ đi sang thăm rất nhiều nước “bạn” Á, Âu, Mỹ, Phi. Hiển nhiên, thời đó ông có địa vị lãnh đạo, được hưởng quyền lợi tinh thần, vật chất nhiều và cao hơn so với những vị bị đảng cho nằm yên.

Mặt thành đạt của ông là vậy. Còn mặt sai trái lầm lỗi của mình, ông hé ngỏ đôi dòng: “*Báo Nhân Văn* ra đến số 6 bị tịch thu tại nhà in. Các báo hoan nghênh việc đó. Một số văn nghệ sĩ chúng tôi không biết ai chủ trương (việc đó) cũng ra tuyên bố tán thành tịch thu báo Nhân Văn. Nhà xuất bản Minh Đức đóng cửa... Hồi ấy, báo in còn ít. Chỉ tính số nghìn. Nhưng một tờ báo bị cấm thì âm ỉ ngay. Bấy giờ, cuối năm 1956...” (tr. 491). Tiếp, ông dùng lời người khác để gián tiếp thừa nhận sai trái của mình. Ví dụ, Nguyễn Tuân: “*Chó biết thằng này thế nào là thật! Tao ghét cái cười mồm mồm hiền lành không biết hiền lành của mày*” (tr. 588); Như Phong: “... *thằng ngoại ô lấu cá, văn chương thì dẻo gọt*” (tr. 529); Nguyễn Hồng: “*Tiên sư mày, thằng Câu Tiên! Ông thì không, Nguyễn Hồng thì không*” (tr. 543 - vụ Tô Hoài viết bài sấm hối trên báo Nhân Dân ngày 12 tháng 3 năm 1958, về việc bị ảnh hưởng tư tưởng chính trị của báo Nhân Văn, và quản lý chưa tốt nhiệm vụ của nhà xuất bản Hội Nhà Văn).

Sau ông, gương mặt mà ông dành vị trí trang trọng từ mở đầu cho đến kết thúc hồi ký *Cát Bụi Chân Ai* là Nguyễn Tuân. Ta thấy ông thuật về một Nguyễn Tuân: xuất thân gia giáo, sớm có tư tưởng tự do, tài hoa văn chương,

trọng nguyên tắc và kỷ luật, nhưng không luồn cúi giới chức đảng, biết và kiểu cách hưởng thụ các thú chơi sang trọng (đi hát cô đầu loại sang, ẩm thực cầu kỳ), biết trọng tình nghĩa với vợ, biết giữ ân nghĩa với người tình và bạn bè, nhưng khó tính đến vô lối, luôn ca cẩm kẻ không hợp mình, thù lâu những kẻ mình không ưa (với Nguyễn Hữu Đang, Minh Đức, tr. 472), và những kẻ đã phê bình ông trong những chiến dịch chỉnh huấn chính trị, tư tưởng văn nghệ sĩ. Ví dụ, ông viết: “*Chỉ Nguyễn Tuân mới nhớ lâu và để bụng những câu góp ý ấy*” (tr. 522). Nhân vật trang trọng có con trai làm tới cấp tướng và đã từng được đảng giao làm Tổng thư ký Hội văn nghệ ấy, sau nhiều năm được chế độ đãi ngộ đầy đủ: đi công tác trong và ngoài nước liên tục, cao hồ cốt, rượu Tây thường có sẵn, nhưng đến cuối đời bị rơi vào cảnh sống túng thiếu vật chất, bệnh tật, vỡ mộng rồi bất mãn chế độ. Ví dụ: “*Mỗi khi ở sân bay Gia Lâm về qua cầu Long Biên, ra ngã sáu dốc hàng Kèn làm cuộc tẩy trần bát cháo gà lão Chũ cũng phải nhăm xem trong túi có bao nhiêu. Mới nhớ ra cái vé máy bay, cái tiền ăn và tiền tiêu vặt hàng ngày là của người ta cho, chẳng phải đồng nào của nước mình, của mình. Có ra gì mà vênh! Dần dần đến bây giờ, thế này đây, cái thằng nhà văn!*” (tr. 720). “*Đấy, lại mất điện. Tiến lên công nghiệp nặng của ông Lê Văn Lương ở thành phố này là phải trừ cái đèn Hoa Kỳ (đèn dầu hoả).*” Đọc đoạn văn ấy, ta có thể đổi lại thành: Đấy, lại mất điện. Tiến lên công nghiệp nặng của ông Hồ Chí Minh ở thành phố này, ở đất nước này là phải trừ cái đèn Hoa Kỳ... và dăm ký sắn khô.

Xen theo chuyện, có hầu hết những khuôn mặt văn nghệ sĩ tiêu biểu của miền Bắc sau 1954, như: Nguyễn Bính, Nguyễn Hồng, Nguyễn Huy Tường, Xuân Diệu, Tú Mỡ, Trần Dần, Lê Đạt, Văn Cao, Hoàng Cầm, Tử Phác, Phùng Quán, Hữu Loan, Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Dương Bích Liên, Đặng Đình Hưng, Phan Khôi, Trần Đức Thảo, Phùng Cung..., xin nêu một số trong nhiều khuôn mặt mà ông đã viết:

- Nguyễn Bính tư tưởng tự do, yêu đương, sinh hoạt bữa bãi, cảm xúc lãng mạn, rộng rãi với bạn bè, ở trong đoàn thể mà dám bất chấp nguyên tắc, kết cục đời bi thảm: vợ bỏ, con trai bị thất lạc, rồi chết vì trúng gió sau cuộc rượu ngày tết ở nhà bạn.

- Nguyễn Hồng sáng tác giỏi, có lòng căm tin và nhiệt tình cách mạng, tính tình dễ dãi, giản dị và nhân ái, trung tín với bạn, không xu phụ sợ hãi dù hay khóc khi bị đoàn thể kiểm điểm, nhưng khùng lên là bất cần, ăn uống phàm cầu thả bữa bãi (khi nghèo xơi cả thịt ồi và rau bà đẻ), tr. 506- 508- 534.

- Nguyễn Huy Tường tính nồng nhiệt, trung thực và quý bạn cũng như luôn phát hiện mặt tốt của bạn. Tâm trạng thì luôn băn khoăn thời sự và chính trị. Dám chú tâm tới những vấn đề chết người, những vấn đề mà tư tưởng bị lộ ra là đảng quản chế hoặc cho đi suốt: bệnh vực những người Hunggari nổi dậy năm 1956, ủng hộ Titô ở Nam Tư, không xu phụ vào hùa đánh những người làm báo Nhân Văn, thân với Nguyễn Hữu Đang, giao du với phần tử Tờrốtkit (482- 485).

- Đặng Đình Hưng liên quan nhóm Nhân Văn, bị đảng khai trừ và ngăn chặn sáng tác, sống khổ cực và phải buôn rượu lậu để độ

nhật. Mãi cho tới khi con trai là Đặng Thái Sơn thành đạt, cho bố tiền mua nhà ở, ông mới thoát cảnh nghèo (tr. 494), nhưng đã hết năng lực sáng tác.

- Về Xuân Diệu, ông không nói về tài năng sáng tác trước cách mạng của thi gia này, mà chỉ kể rõ về một Xuân Diệu chi li đầy nữ tính: viết lách sáng tác, nói năng bài bản máy móc, quá sẵn sóc cho thực đơn khi làm khách dự, hám ăn đến nỗi cấp cứu vào bệnh viện là chuyện thường. Khốn nhất, thi gia này còn là kẻ bất hạnh giới tính. Qua chuyện kể thời kháng chiến, vào một đêm mưa ông ngủ lại nhà Xuân Diệu và được con người đồng tính ấy làm tình: "*Chúng nó sợ (đồng đội của Xuân Diệu), đi bỏ trống cả cơ quan. Cả dạo mưa gió Xuân Diệu ở lại u tì quốc không ra ngoài... Bàn tay ma ở đâu sờ vào. Không phải. Tay người... hai cơ thể con người quấn quai, quấn quýt, cánh tay, cặp đùi thường chao trối nhau lại, thít lại, dăng ra. Niềm hoan lạc trong tôi vỡ ra, dữ dội lên, dẫn ngửa cái xác thịt kia...*" (tr. 599)" Rồi tới dịp nhà thơ bị đơn vị kiểm điểm hai tội: "*Xuân Diệu chỉ ngồi khóc. Chẳng biết Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Trọng Hứa, Nguyễn văn Mãi, cả lão Hiến, thằng Nghiêm Bình, những thằng Đại, thằng Đắc, Tô Sang và mấy thằng nữa, có ai ngủ với Xuân Diệu không, tất nhiên không ai nói ra*" (tr. 601). Chuyện cuối về con người đa tình đồng giới ấy, ông giới thiệu bài thơ *Em Đi* của Xuân Diệu tặng Hoàng Cát - người tình trai, khi anh này rời thành phố vào Nam chiến đấu (tr. 606). Đọc xong tiết lộ trên, ta thấy tội nghiệp cho thiên tài thơ yêu Xuân Diệu, đầy hào quang mà đời lại là tấn bi kịch. Cuối phần bài viết về đồng nghiệp bất hạnh ấy, ông bênh vực bạn bằng

một dẫn chứng: "... ở Đan Mạch mới có luật cho người cùng giới lấy nhau".

Sau những mẩu chuyện gạn lọc đời con người, tình cảnh giới văn nghệ sĩ như trên, ông nói về hành xử của đảng với họ trong *Chỉnh Huấn Chính Trị* (1951, theo phương pháp Hoa Nam), *Giảm Tô*: "*Khổ một nỗi, có người nghe phê bình, cứ tiếp thu thun thút, còn mình họa thêm nỗi mình cho to ra thêm nữa. (Vậy mà) Cũng không được tin, lại bị tố cáo là hời hợt, trốn tránh tranh. Có người bỗng nhận thấy mình sai, nhận ngay cũng lại bị cho là nông cạn, con vẹt, thiếu đào sâu suy nghĩ.*"... "*Tôi dự cuộc chỉnh huấn đã nhiều, có người lo quá, cả tháng không chợp mắt, như ở báo Cứu Quốc, một cậu còn trẻ, đã vào rừng thất cổ.*" (tr. 523)... "*Họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm tham gia cuộc Giảm Tô ở Thái Nguyên (1951)... Đồng viên Nguyễn Tư Nghiêm loay hoay cả tuần không bắt được rết, không xâu chuỗi được một cổ nông nào. Nguyễn Tư Nghiêm hoảng quá phát đại, đi không nhớ đường về xóm. Suốt ngày vợ vẫn ngoài đồng, bắt cào cào, châu chấu ăn*" (tr. 524). Riêng về thời kỳ Cải Cách Ruộng Đất thì ông né tránh kể lại toàn cục, chỉ tóm tắt: "*Đất nước như cánh đồng cày vỡ, chưa biết cấy hái ra thế nào. Vết thương cải cách ruộng đất, chỉnh huấn tổ chức còn đỏ hỏn khắp chợ cùng quê. Các thành phố đã bắt đầu cải tạo tư sản*" (tr. 470), hay: "*Ôi thôi, bao nhiêu nỗi nùng trần ai. Ngót hai năm trước, 1955 và 1956, tôi đã đi làm "anh đội" ba đợt cải cách ruộng đất..., đợt 4 được thăng đội phó phụ trách tòa án.*"... "*Nhưng dù sao, đội tôi cũng là một đội đánh địch khá, đã hai lần được tuyên dương toàn đoàn. Cho nên, đợt 5 được điều*

ra Cẩm Bình Hải Dương vùng "hai trăm ngày" sau tiếp quản mới giải phóng, làm thẳng cải cách không qua giảm tô. Những vùng trắng cơ sở, chắc chắn lúc nhúc mật thám và "quốc dân đảng". Tôi làm phó, đội trưởng Huỳnh Cự sát phạt dữ dội mọi mật. Mới vài ngày xuống xã, Huỳnh Cự đã tổ chức mít tinh đề nghị đoàn ủy duyệt cho bắn một địa chủ để nâng khí thế nông dân lên" (tr. 527).

Viết về chế độ XHCN miền Bắc khi nó đang hưng thịnh, ông kể về những vụ án hình sự: xử một cán bộ phòng tài vụ nhà máy điện Yên Phụ dính trò trác táng; một đám thị dân Hà Nội phạm tội kiếm tiền bằng kinh doanh đòi trụy; một băng trấn lột Hà Nội ngang nhiên gây án giữa Thủ đô; và đặc biệt là vụ tham nhũng tập thể, hưởng thụ phê phởn của tập thể ban lãnh đạo huyện, gồm từ bí thư huyện ủy tới 24 bí thư xã trong một huyện của tỉnh Bắc Giang vào những năm chống Mỹ (tr. 685-689), cho ta thấy không phải là do tàn dư Mỹ-Ngụy gây ra như đảng thường rêu rao sau này, mà nó chính là những ung nhọt của chính chế độ "ưu việt" đó.

Sau những chuyện "chẳng lành" của phía ta như trên, tác giả kể những chuyện "không hay" của những đối thủ tư tưởng, chính trị đối lập là Tự Lực Văn Đoàn, Tờrốtkit, Đại Việt, và những văn nghệ sĩ kháng chiến quay. Ở những đoạn văn viết về những thành phần đối lập đó, thoát độc thì ta thấy thoáng thời nhưng thực ra ông phân cách rõ ràng lập trường tư tưởng của mình với họ, qua cách nhận xét (phê bình) họ. Do vậy, trong bức tranh xã hội Việt Nam thời đó mà ông khái quát ấy, ta thấy ông khi thì đóng vai trò chứng nhân khi kể chuyện

về người bị hại, nếu họ là văn nghệ sĩ cùng phía; khi thì là công tố viên lúc kể về những văn nghệ sĩ di cư và quay lưng lại với đảng; khi là thẩm phán lúc kể về những lực lượng đối lập chính trị, hay không cùng khuynh hướng văn hóa - văn nghệ với ông. Chẳng hạn, về những người ông từng giao du thân mật là Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Nguyễn Bính: "Những câu chuyện tình dài ngắn thuở ấy. Triền miên những đêm nhà hát Vạn Thái hay Vĩnh Hồ, những tuyệt vọng và những bài thơ, những chuyện có thật và những tô vẽ cho hoa mỹ. Nguyễn Bính thì cố nhân Hương, Hương cố nhân, Đinh Hùng thì em Liên hàng Bạc... Vũ Hoàng Chương thì Tố Uyên, Tố Uyên. Tàu Chantily, một thấp thoáng chiêm bao, "Tổ của Hoàng ơi" thì vẫn neo lại trong tâm tình. Nhưng chỉ là những bài thơ, còn nàng thì đã lấy chồng. Các chàng lạy nhau, tôn nhau lên thành đấng rồi vừa khóc vừa đọc thơ, nghe tiếng trúc Cao Tiệm Ly thổi khi Kinh Kha

qua sông Dịch. Những bài thơ tuyệt vọng cứ tưởng tượng ra như thế" (tr. 562). Về thành phần kháng chiến quay - nhạc sĩ Phạm Duy: "Phạm Duy và Thái Hắng ở Thanh Hóa ra (Phù Ninh- Phú Thọ). Có một hội nghị quốc tế về âm nhạc ở Rumani, Phạm Duy chuẩn bị đi. Tôi không biết hội nghị hoãn hay vì đường xá cách trở, bấy giờ xe lửa Bắc Trường-Nam Ninh chưa có, cuộc đi lại thôi. Vợ chồng Phạm Duy trở về khu bốn. Chỉ có như vậy, không lắm chuyện như Phạm Duy đã viết trong Hồi Ký thời cách mạng, kháng chiến" (tr. 593). Về nhà giáo kiêm nhà văn Doãn Quốc Sỹ: "Tôi thường đọc trên đài một "Thư Hà Nội" gửi nhà văn Quan Sơn (Doãn Quốc Sỹ) ở Sài Gòn... Chẳng biết cách mạng có nợ tiền, nợ máu gì với gia đình công chức còm ở một làng làm nghề dệt nghề giấy ngoại ô này không, tin là không, thế mà sao Doãn Quốc Sỹ viết chữ cộng sản hăng thế." (tr.-662).

Kết luận: Đọc *Tô Hoài Hồi Ký*, ta thấy trong *Tự Truyện* và *Cát Bụi Chân Ai* có quá nhiều "tình tiết" động tới nhiều người, họ là hầu hết những văn nghệ sĩ Việt Nam nổi danh từ tiền chiến đến 1975 (đã dẫn ở trên). Viết về những sự kiện chính trị, xã hội, văn học điển hình trong khoảng 40 năm, ông như là một chứng nhân trung thực (cho đảng) để phê phán giai đoạn văn học trước cách mạng tháng Tám và phê phán quan điểm tư tưởng, sáng tác, lối sống của giới văn nghệ sĩ thời kỳ này. Liên thuộc, ông phê phán những thành phần quốc gia Việt Nam, kết tội hoạt động chính trị thân Nhật - Pháp - Mỹ của họ. Mà, cụ thể là ông đã không ngần ngại phê thẳng những người đại diện nhóm Tự Lực Văn Đoàn,

đảng Đại Việt, Việt Nam Quốc Dân Đảng, những người Tờrốtkit, những người quen xưa đã sang hàng ngũ quốc gia (Vũ Hoàng Chương, Phạm Duy, Doãn Quốc Sỹ). Với quan điểm đảng phái và cách nhìn vấn đề lệch lạc như vậy, cách viết của ông làm người đọc thiếu thông tin sẽ hiểu sai vì chỉ thấy được một mặt sự việc (sự kiện) của những thành phần xã hội, đảng phái, và một nửa hành động trong cuộc đời đa dạng phong phú của những con người nói trên.

Viết về chế độ (đảng) mà ông mang niềm tin, lý tưởng dần thân để cống hiến, ta thấy dù ông gương tránh nói đến bản chất chế độ và chủ trương lãnh đạo (cai trị) của nó, nhưng ông đã "đi qua lần ranh" từ kể chuyện sang hình thức gián tiếp phê bình nó, khi nêu ra những cái ác, cái xấu của nó.

Nhận biết tư cách ông, trong hồi ký ta thấy ông chỉ thuật sơ một số nhược điểm, lỗi lầm của mình, và như cho khách quan hơn, ông dùng hình thức nhắc lại lời phê bình của những người khác với mình (đã dẫn ở trên).

Đánh giá bản chất ông, ta nhìn hoàn cảnh xuất thân, đời sống, tư tưởng, vị thế xã hội, quan niệm và quan điểm của ông khi luận bàn về thế sự, về văn nghệ, về con người hai phía Quốc - Cộng, bạn- thù... và thấy ra ông có những nét chính: khôn khéo và láu cá, duy lợi và thủ thế, phụng sự lý tưởng nhưng bất mãn, thức tỉnh mà tự giam trong nỗi sợ hãi "trời phạt".

Gấp lại trang cuối hồi ký, ta lấy làm tiếc cho một người đã đứng trong làng văn chương Việt Nam suốt một giai đoạn lịch sử đầy biến cố từ khoảng 1943 cho đến khi viết xong chương cuối hồi ký *Cát Bụi Chân Ai* vào năm

nhớ xuân trà-nóc

Xuân về lòng chợ làng làng
Cố hương ơi!
vẫn băng khuâng sớm chiều.
Bao giờ hạnh ngộ Ninh-kiều
Tây đô còn có mỹ miều dáng xưa?

Hạ-uy-di
đón giao thừa
Sao khuya heo hắt
song thưa mỗi mồn
Mơ ngày rũ áo phong sương
Ta về
trong khúc hồi-hương khải-hoàn.

trần ngọc

1990, vì tự và bị nhuộm đỏ tư tưởng, vì sợ hãi "trời đầy" mà thành bị tiêu tủng cái đức (quân tử) của người cầm bút. Viết "di ký" cho đời sau mà ông không vượt lên khỏi những hạn chế trên nên cuốn hồi ký tuy tài rất nhiều sự kiện lịch sử thời đại, tiểu sử con người trong suốt khoảng thời gian dài nửa thế kỷ (1943-1990) mà ông liên quan, nhưng nó chỉ nặng phần tự thuật và chưa đựng nhiều nhận xét sai lệch!

Nếu nhìn tổng quan cuốn hồi ký, ta thấy tác giả của nó thể hiện một nhân cách mờ nhạt, đến cuối đời mà chỉ dám thì thầm nỗi buồn than vãn niềm tin, chứ không dám công khai phản bác thủ phạm.

diễn đàn

Viết Thêm Về Trường-Hợp Ông Vũ Tiến Đạt

Minh Đạo

(X/1: *Làng Văn* 221, trang 119 và 120)

Tôi xin cảm ơn tới bạn Nguyễn Văn Cường ở Na Uy đã lưu ý vài điểm không rõ ràng liên quan đến ông Vũ Tiến Đạt, và cũng cho tôi được dịp tưởng nhớ tới người bạn đã khuất. Nhưng cũng cần làm rõ hơn một chút kéo vô tình mắc lỗi với bạn mình.

Tôi không có thói quen khen bạn để nhân dịp khen mình! Nhưng quả thật ông Đạt là một người rất đáng được nể trọng. Chúng tôi tốt nghiệp Luật khoa năm 1965 rồi phân tán ra nhiều ngành khác nhau. Một số theo học Cao học hành chánh (nhà văn Đào Văn Bình chẳng hạn), một số làm luật sư (như bà Dung, hiền

thê của ký giả Từ Nguyên ở Paris). Một số làm giám đốc Ngân hàng phát triển nông nghiệp. Một số theo học cao học, trong số có tôi. Một số theo ngành cảnh sát quốc gia. Tuyển dụng 15 người ngạch quận trưởng đồng hóa, có trình độ cử nhân, có 10 người cử nhân Luật, 3 người cử nhân Khoa học và 2 người cử nhân Văn khoa, trong số có ông Đạt và vài bạn đồng khoá khác như Trần Tự Lập (tức Lập đen, Lập Đồ Long, sau này là quận trưởng cảnh sát quận 10 Sài-gon), Nguyễn Thanh Tùng, thường gọi đùa là Cò Tùng Mù vì đeo kính cận, để phân biệt với Tùng Sáng là tôi. Tôi cũng có đi theo bạn, nhưng vì chậm trễ thủ tục, lúc xong thì các bạn đã vào quân trường Thủ Đức (9 tháng). Tôi đành ... học tiếp, cho tới lúc ra trường, đi làm. Tôi có đi thăm bạn ở Thủ Đức vài lần. Rõ ràng đen sạm vì mưa nắng, chỉ có nụ cười vẫn rất tươi. Ra trường Thủ Đức, bạn Lập Đen, bạn Tùng đi làm "cò" ở tỉnh (chỉ huy Cảnh sát dã chiến?). Sau này Lập làm quận trưởng cảnh sát quận 10, chắc hiện giờ cũng loanh-quanh đâu đấy bên Mỹ. Bạn Đạt được giữ lại ở Tổng Nha để soạn thảo bản qui chế (?) Cảnh sát quốc gia.

Tưởng cũng cần nhắc lại ông Đạt là cháu ruột cụ Vũ Tiến Tuấn, vị thẩm phán cao cấp nhất của Việt Nam Cộng Hoà.

Thời gian sau, tôi đi làm xa. Được biết mấy năm sau, bạn xin từ nhiệm đi chiến đấu. Tôi có đến thăm bạn Đạt khi đang thụ huấn khóa Biệt Động Quân ở Dục Mỹ. Biệt Động Quân, Sát! Kinh bỏ xù! Khi tôi làm việc ở tỉnh, một hôm có một vị thiếu úy BĐQ rất trẻ, dưới quyền ông Đạt, nhân về thăm nhà, chuyển cái thư của Đạt cho tôi. Do đó tôi mới biết được bạn tôi vừa chiến đấu (lúc ấy bị

thương ở tay) vừa soạn luận án tiến sĩ Công pháp như thế nào.

Bạn Đạt sống một đời thanh đạm và khiêm nhường. Nay đã khuất, như hàng trăm ngàn chiến sĩ vô danh khác, để cho tôi được sống mà phết lác với đời!

Lúc bạn Đạt bị thương nằm ở bệnh viện Cộng hoà tôi có đến thăm, do đó mới biết bạn mình muốn rời quân đội, đang sửa soạn thi tuyển Tham vụ ngoại giao. Sau cùng, tôi đi tù vì làm trong ngành Tư-pháp, bạn tôi đi tù vì là sĩ quan biệt phái sang ngành Ngoại giao.

Mười năm sau tôi về, nghe tin bạn mình đã bị thẩm sát, tôi nhỏ lệ mà than rằng "trời đất mang mang ai người tri kỷ! Mà cũng chẳng có ai cùng tôi uống nổi ...một hồ trường! Chịu! Buồn! Cũng từng có câu thơ rằng "Hỡi ơi rượu uống mà quên được. Ta quyết cùng ta cạn mấy hồ!" Tôi, lính không quá 9 tuần, quan, không được cận kề các cấp ...trưởng, nên những danh từ chỉ ngạch trật công chức không rành. Nhưng chắc bạn tôi không làm giả ...cảnh sát, giả Biệt động quân để chộ tôi. Vả lại, chính tôi cũng đã bước một chân vào ngành ...cò rồi!

Nay, nhờ Làng mai mối mà tôi có dịp làm quen với ông bạn Nguyễn Văn Cường. Tôi cũng có vài người bạn đang tạm dung thân ở Na Uy. Biết đâu chẳng tùy duyên mà có dịp cùng nhau ...cạn một hồ trường.

Nay tôi uống rượu một mình. Buồn cả dạ! Bèn có thơ rằng:

ĐẦY VỚI

Tôi mời tôi chén rượu này
Uống đi để chén rượu đầy lại
vời.

Đầy với đôi chút tình đời
Tôi về theo bóng một người
ngả nghiêng.

Kính. (MĐ)



Giải toán

Sau giờ thuyết-trình về đầu-tư kinh-tế tại Việt-nam, cán-bộ kiều-vận mời hai hội-thảo-viên ngoại-quốc đi giải-lao.

Tại quầy nước, hội-thảo-viên A gọi:

- Một chai ML!

Chưởng quầy khui chai bia Miller Lite.

Hội-thảo-viên B:

- Cho tôi BL!

Chưởng quầy khui chai bia Bud Lite.

Cán-bộ liếc thấy, muốn biểu-diễn một chút, bảo hai hội-thảo-viên:

- Uống bia pha thích hơn bia thuần.

Và anh ta gọi:

- Phần tôi, 41.

Chưởng quầy không hiểu:

- Thưa, ông gọi gì ạ?

Cán-bộ trờng mắt:

- 41! Bốn ... Mười ... Mốt, nghe rõ chưa? Biết làm toán cộng không?

Chưởng quầy vẫn không hiểu:

- Thưa, chúng tôi không có bia 41, chỉ có bia 33.

Cán-bộ cười khẩy:

- Linh-hoạt tí! Bia 33 pha với 7-up, chả 41 là gì?

Chuyện cảm đàn bà

Các nhà tù Âu Mỹ nổi tiếng về tệ-nạn tù-nhân hiếp-dâm lẫn nhau bằng đường hậu-môn. Chuyện sau

đây không được thanh-nhã, người kể xin lưu ý trước...

Có hai cậu thanh-niên bị cớm vồ, mang ra toà về hội hút cần-sa.

Quan toà thấy hai chú nhóc đều có vẻ con nhà, bèn hỏi:

- Các cậu biết gì về sự tai-hại của cần-sa, nói tôi nghe thử?

Cả hai lần-lượt trình-bày. Hoá ra họ đều biết rất tỉ-mỉ về cái hại của cần-sa, nhưng vì bạn-bè rủ-rẽ, cứ đâm đầu vào mà thử. Toà thông-cảm, muốn tạo cơ-hội cho cả hai đái công chuộc tội.

Toà phán:

- Tôi cho các anh một tuần, hãy đi tìm những bạn trẻ như các anh, nói cho họ biết về cái hại của cần-sa và khuyên họ lánh xa cái món quỷ quái đó đi. Nếu các anh làm việc có kết-quả, tôi sẽ châm-chuốc cho.

Toà đình một tuần, đợi kết-quả.

Tuần sau tái nhóm, cậu A tường-trình:

- Trình toà, trong tuần qua tôi thuyết-phục được 17 người bỏ cần-sa.

Quan toà tươi nét mặt, hỏi:

- Anh thuyết-phục họ thế nào, nói lại tôi nghe.

Cậu A:

- Trình toà, tôi dùng biểu-đồ. Trước hết, tôi vẽ lên giấy hai vòng tròn, một lớn một nhỏ. Tôi nói: cái vòng lớn này là bộ óc của các anh trước khi hút cần-sa. Cái vòng nhỏ này là bộ óc của anh sau khi nghiện cần-sa. Đó, cần-sa hại như vậy đó. Các anh tính sao? Trình toà, 17 người kia nói rằng họ sẽ bỏ hút vĩnh-viễn.

Toà khen:

- Hay lắm! Tôi tha anh! Phần anh đã hiểu rõ như vậy rồi, cũng bỏ hẳn cần-sa đi nhé!

Toà lại hỏi tới cậu B. Cậu này trình-bày:

- Trình toà, tôi khuyên được 176 người bỏ cần-sa.

Quan toà tròn mắt:

- 176 người? Trong một tuần, anh khuyên được 176 người? Anh

khuyến thế nào, nói tôi nghe xem!

Cậu B:

- Trình toà, ngoài cái hại về cần-sa, tôi còn nói về cái hại trong nhà tù. Tôi cũng dùng biểu-đồ, vẽ hai vòng tròn, một lớn, một nhỏ. Tôi chỉ vòng tròn nhỏ, nói rằng: đây là cái lỗ đít của các anh trước khi vào tù...

Bí-quyết đua ngựa

Trước khi vào đua ngựa có rào cản, giải chung cuộc quốc-tế. Hôm ấy chẳng may anh nài chính bị tai-nạn xe hơi, anh nài phụ ồm nặng nằm nhà, ông chủ ngựa phải tuyển gấp một anh nài mới từ xa tới. Ông dặn-dò:

- Con này hay nhất trong đám ngựa, nhưng nó có khuyết-tật. Mỗi khi gặp rào cản, anh phải hét thật to vào tai nó: "Nào... nhảy!" Anh nghe rõ chưa? Nhớ hét cho đúng khẩu-lệnh nó đã được huấn-luyện cẩn-thận từ trước!

Anh nài ghi nhận lời dặn-dò bất thường đó với sự ngạc-nhiên. Anh vượt-ve con ngựa và thấy nó khoẻ-mạnh gân-guốc như mọi con khác, trông không có gì đặc-biệt cả. Lời nói của ông bầu cứ văng-vẳng bên tai, làm anh phân-vân, không biết có nên làm theo hay không...

Ra sân với sự phân-vân, nhưng gặp con ngựa chiến, ngay phút đầu nó đã vượt lên trên khiến anh mừng quá, quên hết khẩu-lệnh khi gặp rào cản khiến con ngựa bị vướng rào, chậm lại một chút, bầy ngựa ào lên qua mặt.

Tới rào cản thứ hai, anh chồm tới bảo vào tai nó:

- "Nào... nhảy!"

Con ngựa giật mình phóng lên nhưng không đủ cao, lại vướng rào, chậm thêm, bị bầy ngựa bức khá xa.

Tới rào cản thứ ba, anh nài ngựa chồm tới hét thật to vào tai nó:

- "Nào... nhảy!"

Con ngựa phóng mình qua rào như một cơn gió. Dần dà, nó theo kịp bầy ngựa và về mức đến với

hạng ba.

Anh nài hối-tiết quá, nghĩ rằng nếu anh hô ngay từ đầu, con ngựa không vướng rào hai lần, đã về nhất rồi! Trên đường đưa ngựa về chuồng, anh gặp ông chủ ngựa về mặt kém tươi, bước đến, hỏi:

- Sao vậy? Con ngựa này có bao giờ về ba đâu? Hôm nay sao tệ thế?

Anh nài gượng hỏi:

- Sao... sao ông không nói rõ từ đầu là con ngựa bị điếc?

Ông bầu nộ khí xung thiên:

- Điếc? Nó điếc hồi nào? Nó chỉ ... mù thôi mà!

Lười quá!

Bác-sĩ Tàng được mời đi đỡ đẻ ở một trang trại trong vùng quê xa lắc, nghèo nàn, không cả điện. Khi ông đến nơi, nhà không có ai ngoài sản-phụ và một thằng bé 5 tuổi.

Bác-sĩ bảo thằng bé cầm chiếc đèn lồng giơ lên cao, soi sáng cho ông làm việc.

Thằng bé làm theo. Bà mẹ cố sức lấy hơi, rặn mạnh. Lát sau đứa bé chào đời. Bác-sĩ một tay nắm hai chân hài-nhi, một tay phát mấy cái vào mông cho nó khóc ré lên để không-khí tràn vào phổi.

Khi bác-sĩ hỏi thằng bé 5 tuổi nghĩ thế nào về em nó, thằng bé đáp:

- Ông đánh nó thêm mấy cái nữa đi! Nó lười quá! Sao nó không chịu bò ra ngay từ đầu! Cháu cầm đèn lâu, mỏi tay gần chết!

Sao không bảo trước?

Một chủ trại đứng tuổi sống trong một trang-trại nhỏ ở miền quê Bordeaux. Ông ta có một con chó cưng, cả đời nó đã giúp-đỡ rất nhiều vào việc chăn nuôi, từng đánh trả cả bầy sói để bảo-vệ đàn cừu,... Khi con chó già yếu, chủ trại vẫn giữ nó trong nhà, thay vì giết đi như tập-tục ở nhà quê.

Khi con chó chết, chủ trại buồn lắm, đến trình-bày với cha xứ:

- Thưa Cha, con có một con chó ở với con đã gần hai mươi năm, nay nó vừa chết đi...

Cha xứ bảo:

- Con ơi, Cha hiểu ý con. Cha lấy làm tiếc là không thể làm lễ cho thú-vật! Nhưng này con, ở cuối phố Cha thấy có một cơ-sở tôn-giáo mới dựng lên. Cha không biết họ đạo gì, nhưng có thể họ nhận làm lễ cho thú-vật chẳng. Con hỏi thử xem?

Chủ trại hỏi thêm:

- Thưa Cha, con sẽ thử. Không biết họ tính tiền lễ bao nhiêu? Con sẽ đề-nghị 1000\$ xem sao, có khi họ đòi hơn...

Cha khoát tay, chặn lại:

- Ô! Này con! Sao con không cho Cha biết con chó của con cũng có đạo?

Quà quý

Ba người con trai đến tuổi trưởng thành, bỏ trang trại ra thành phố tìm việc. Ba mươi năm sau, cả ba hẹn nhau về quê thăm bà mẹ già còn sống sót.

Ông anh cả bảo:

- Tao sẽ cất cho mẹ một cái nhà thật to.

Ông anh kế bảo:

- Em sẽ mua cho mẹ một cái xe Mercedes có cả tài-xế.

Đứa em út bảo:

- Em có món quà này bảo-đảm là mẹ thích hơn cả.

Hai ông anh chưa biết là quà gì nhưng không tin là "mẹ thích hơn cả", bèn đánh cuộc xem mẹ thích quà của người con nào nhất. Đứa em nói:

- Mất mẹ bây giờ mờ rồi, không đọc Kinh Thánh được nữa. Mẹ lại không biết xài máy móc. Em mua cho mẹ một con vẹt. Giống vẹt này rất quý và hiếm, sống được tới 40 tuổi. Năm nay nó mới 15 tuổi. Trong 15 năm đó, nó được người ta dạy đọc thuộc lòng trọn bộ Kinh Thánh. Mẹ chỉ cần bảo nó đoạn nào hoặc câu nào, nó sẽ đọc lâu-lâu cho mẹ nghe!..

Cuối năm đó, bà mẹ gửi thư cho các cậu con.

Giống như hầu hết các bà mẹ trên đời này khi nhận quà, mẹ trách ông cả:

- "Nhà con xây đẹp và sang, nhưng to quá. Mẹ chỉ ở có một phòng mà phải lau-chùi quét dọn tất cả mọi phòng."

Và bà trách ông con kế:

- "Mẹ già rồi, hầu như quanh năm chả đi đâu, phí cái xe quá! Mà gã tài-xế thuộc loại hỗn-đầu nữa!"

Riêng cậu con út, được mẹ khen:

- "Mẹ thích nhất món quà của con. Con chim ấy, thật nó ngon hơn thịt gà nhiều!"

Công-tử thành-phố

Một cậu sinh-viên con nhà giàu-có, một hôm tìm về nhà quê nghỉ hè với ông chú.

Mấy ngày đầu cậu thích lắm: nào cưỡi ngựa, nào câu cá, nào xem dê dê, nào nhặt trứng gà, nào lừa cừu về chuồng,... Đến ngày thứ tư cậu đã chán ngấy, đi ra đi vào than-thở, bảo không có việc gì làm.

Ông chú dễ thương tuy bận-rộn nhưng cũng biết ông cháu làm cảnh nhàm chán, bèn trao cho cậu khẩu súng, bì đạn và trở đàn chó săn, bảo:

- Tìm bắn cái gì cho vui nhé!

Ông cháu khoái tỉ, cưỡi ngựa, dẫn chó vào rừng.

Vài giờ sau cậu hớn-hở phi ngựa trở về.

Ông chú hỏi:

- Thế nào, cháu?

Ông cháu đáp:

- Vui lắm, chú! Chú còn con chó nào không?

Con trẻ

Một cậu trai nhỏ tò-mò lật cuốn Kinh Thánh gia-bảo đồ-sộ ra xem. Bất ngờ, một vật gì trong cuốn sách rơi ra. Cậu nhặt lên xem, hoá ra là một lá nho ép khô.

Cậu nhỏ ré lên:

- Mẹ ơi mẹ! Ra đây xem!
Mẹ chưa kịp ra, cậu cầm chiếc lá nho khô lon-ton chạy vào tìm mẹ:
- Mẹ ơi! Con nhặt được chiếc quần lót của ông Adam!

Bệnh thời-đại

Một thanh-niên thời-đại lo-sợ khai bệnh:

- Thưa bác-sĩ, không hiểu sao hòn bi bên trái của tôi đổi màu xanh lè, trông hãi lắm!

Bác-sĩ bảo anh cởi hết quần áo, lên giường nằm dạng chân thật rộng. Ông nâng-niu hai hòn ngọc, xem xét thật kỹ, sờ nắn, so-sánh, hồi lâu nghiêm-nghị bảo:

- Tôi phải mổ, lấy nó ra!

Thanh-niên tái mặt, năn-nỉ:

- Trời ơi! Bác-sĩ có thuốc gì uống hay chích, hay làm sao đó, chứ mổ thì đau chết!

Bác-sĩ:

- Tôi chích thuốc chung quanh trước khi mổ, anh không cảm thấy gì đâu!

Thanh-niên van-nài:

- Nhưng...

Bác-sĩ:

- Không nhưng nhì gì cả! Mổ lấy nó ra hay cậu chết. Chọn một trong hai và trả lời cho tôi biết.

Thanh-niên suy-nghĩ một lát rồi bằng lòng chịu mổ.

Bác-sĩ tiêm cho anh mười mấy mũi thuốc tê chung quanh chỗ hiểm. Mấy mũi tiêm đầu còn làm cho anh ta giật thót người vì đau. Mấy mũi sau nhờ da thịt bắt đầu thấm thuốc, anh ít đau hơn và sau đó chỉ cảm thấy hai bàn tay bác-sĩ động-đậy ở hạ-thể, nhưng hoàn-toàn không đau-đớn gì.

Mổ xong, bác-sĩ biên toa cho anh 10 ngày trụ-sinh và thuốc chống đau, dặn hai tuần sau tái khám.

Mới hơn mười ngày, thanh-niên đã gọi điện-thoại tới phòng mạch lấy hẹn khẩn-cấp.

Vừa thấy mặt anh, bác-sĩ hỏi:

- Sao? Bộ làm độc hả? Anh uống đủ thuốc chứ?

Thanh-niên:

- Thưa bác-sĩ, chỗ mổ lành rồi, không sao cả. Có điều, cái hòn bi còn lại nó lại đổi màu xanh lè y như hòn trước!

Bác-sĩ nhú mày ngẫm-nghĩ, rồi bảo anh cởi quần áo, lên giường khám nằm dạng chân ra.

Lần này bác-sĩ tỉ mỉ khám kỹ hơn, nào nắn, nào sờ, nào gõ, còn lấy ngón tay búng thử thần-kinh chỗ đó làm việc bình-thường không.

Cuối cùng bác-sĩ bảo:

- Tôi lại phải mổ lấy nó ra!

Thanh-niên sợ hãi:

- Bác-sĩ ơi! Đau thì tôi không sợ vì thực ra chỉ đau tí-tí lúc tiêm thuốc tê, nhưng... mổ lấy bi ra hết, liệu súng của tôi còn xài được không?

Bác-sĩ gât:

- Không mổ lấy nó ra thì anh ngòm củ tí, chừng nó súng ống gì cũng ra nghĩa-địa hết! Anh liệu thế nào?

Thanh-niên đành bằng lòng mổ tiếp.

Mổ xong, bác-sĩ cũng cho 10 ngày trụ-sinh và thuốc chống đau, dặn hai tuần tái khám.

Lần này đúng hai tuần thanh-niên mới tới khám.

Ngần-ngừ mãi, anh ta mới áp-úng thú thật với bác-sĩ:

- Bác-sĩ ơi!... Bây giờ... cái ống của tôi cũng đổi màu xanh lè!

Bác-sĩ nhăn mặt, lật sách thuốc ra xem tới xem lui, suy-nghĩ, rồi bảo anh cởi quần áo, lên giường khám nằm dạng chân ra.

Lần này bác-sĩ khám cả giờ, hỏi anh đi chơi những đâu, làm trò gì với những ai, thuộc hạng gái nào, có xì-ke ma-túy gì không? Rồi nào nắn, nào sờ, nào gõ, nào búng, vân vân và vân vân.

Cuối cùng bác-sĩ bảo:

- Phải mổ lấy nó ra!

Thanh-niên lắc đầu:

- Không được! Đời trai lãng tử, có mỗi cái thú khoái-lạc đó...

Bác-sĩ hững-hờ:

- Tùy anh! Để thằng nhỏ thì tiêu luôn thằng lớn, sống khôn thác thiêng, xuống dưới, anh đừng đầu cáo với Diêm-vương là tôi không bảo trước!

Nghe nói tới Diêm vương, thanh-niên sợ-hãi gật đầu, nhưng lại lắc ngay mấy cái, thác-mắc:

- Cắt nó đi rồi làm sao tôi đi tề? Chả lẽ mỗi lần ... lại phải ngồi xuống như các bà các cô sao?

Bác-sĩ giải-thích:

- Không sao! Tôi sẽ lắp cho anh một ống nhựa, việc bài-tiết sẽ thoải-mái như thường, chả có gì đáng lo.

Thanh-niên đòi bác-sĩ cho xem cái ống nhựa, hỏi tỉ-mỉ về cách lắp ráp, tháo rửa, v.v. đầu đó thật vừa ý rồi mới chịu leo lên bàn mổ.

Mổ xong, bác-sĩ lại cho 10 ngày trụ-sinh và thuốc chống đau, dặn hai tuần tái khám.

Lần này mãi tới ba tuần, thanh-niên mới hốt-hoảng gọi điện-thoại tới phòng mạch, đòi nói chuyện trực-tiếp với bác-sĩ. Vừa nghe tiếng bác-sĩ trên đầu dây, anh ta hỗn-hển nói như sắp khóc:

- Bác-sĩ ơi! Chết tôi rồi!...

Bác-sĩ:

- Bình-tĩnh! Anh bình-tĩnh nói. Sao? chuyện gì nữa đây?

Thanh-niên cố-gắng trấn-tĩnh, giọng rên-rỉ:

- Chắc lần này tôi không qua khỏi! Cái ống cao-su... Cái ống cao-su nó cũng đổi màu xanh lè như mấy cái kia...

Bác-sĩ ôn-tồn:

- Anh tới đây ngay, tôi dành ưu-tiên cho anh, khỏi lấy hẹn.

Nửa giờ sau, thanh-niên tất tả tới, mặt mày hờ hời.

Bác-sĩ bảo anh cởi hết quần áo lên giường khám. Thanh-niên tuân lời, cởi quần áo. Chợt bác-sĩ cầm chiếc quần jean của anh lên, xem qua rồi tươi nét mặt, bảo:

- Xong rồi! Chả có gì đáng lo! Cái quần mác dịch của anh nó thôi màu ra đấy mà!

THƯ ĐI TIN LẠI

Nguyễn Hương



Thiệp Giáng Sinh

Toà-soạn tiếp-tục nhận được thiệp chúc Giáng-sinh của quý vị và vãn-hữu, thân-hữu kể sau (không kể vi-thiệp và vi-thư), xin đa tạ và thân chúc quý vị và các bạn năm mới vạn sự tốt lành:

Nhà văn Nguyễn Thị Vinh, nhà văn Nguyễn Hữu Nhật (Na-uy); ông bà Trần Văn Tánh, Úc-dại-lợi; Linh-mục Đinh Đồng Thượng Sách, Giáo-xứ Việt-nam tại Paris, Pháp; Cô Nguyễn Thị Kim Anh, Montreal; Ông bà Hà Đăng Kiểm, Tây-ban-nha; Ông bà Nguyễn Văn Lành, California, Hoa-kỳ.

LM Đinh Đồng Thượng Sách, Pháp: Mới đó mà đã hai năm! Và Linh mục đã được "thăng chức" lần nữa! Làng Văn xin báo lĩnh và tri ân lời khích lệ. Kính chúc Linh mục và giáo xứ hưởng nhiều hồng ân của ơn Trên trong năm mới. Kính.

Four (Den Nguyen), Greenburg, PA: Cô NH xin gọi cháu bằng cái tên bố mẹ cháu đặt, và chưa ai gọi (vì bố mẹ cháu mất sớm). Nếu cháu thích đọc loại sách đó, cô sẽ giới thiệu cho một số. Nó giúp cháu sống bình tĩnh trong cảnh khó, suy nghĩ về cuộc đời và về mình, xây dựng một hướng đi tốt trong tương lai. Cô biết nhiều cháu có hoàn cảnh đặc biệt như cháu. Họ đều cố gắng xây dựng tương lai, bằng cách

học lấy cho xong một nghề. Cháu có điều gì cần hỏi, cứ hỏi. Cô sẵn sàng tìm hiểu để trả lời cháu. Chúc cháu vui, khỏe và kiên nhẫn.

Bà Lê Thị Trúc, Úc: Sách gửi bằng đường thủy sang Úc mất từ 10 đến 12 tuần, sẽ đến trong tháng này. Nếu muốn nhận sách gửi bằng máy bay sang Úc, trong lần đặt mua kỳ sau, bà trả thêm phụ-phí hàng-không, bằng phân nửa tiền sách, sẽ nhận được trong vòng 10 ngày. Kính.

Thi-sĩ Nguyễn Tư, Úc: Đã nhận được đĩa thơ, cảm ơn anh, đủ đăng trong một năm. Sang năm, xin anh gửi cho đĩa nữa.

Thi-sĩ Từ Lê Ngô, Houston: Đã nhận bài thơ văn và bài thơ xuôi. Cảm ơn anh, cả về sự khuyến-khích.

Ông bà Hà Đăng Kiểm, Tây Ban Nha: Hi vọng lần tới sang Tây Ban Nha sẽ có dịp ghé thăm ông bà. Kỳ trước NH từ Paris xuống Andorra, qua Catalan rồi trở lại Nice, không sang phía Madrid. Tiếc quá!

Nguyễn Văn Cường, Na Uy: Cảm ơn ông về bài thơ *Mừng Xuân*, rất phấn khởi, và xin cố gắng để luôn được như lời chúc như vậy.

Anh Sông Mao, WA: Đã đọc

bản in bài viết về các nhà "nghiên cứu" Nguyễn Quảng Tuân và Nguyễn Huệ Chi trong trường phái Bể Dâu. Khá thú vị. Xin anh gửi cho bản chữ. Đa tạ.

Một độc giả giấu tên và địa chỉ: Ông (bà) giấu tên và địa chỉ, viết thư nhờ toà soạn đăng địa chỉ của người ông (bà) muốn tìm lên báo! NH gửi vi thư hỏi ý "đương sự", "đương sự" trả lời: "Không", và giải thích: "để tránh cảnh *đào trái tha hương ngộ cố tri*" (nguyên văn). Hỏi lại, "nợ gì mà ghê gớm thế?", đương-sự đáp: "nợ tình!"

NH xin chuyển câu trả lời đến cho ông (bà). Toà soạn sẵn sàng chuyển thư (xin nhớ kèm tem). "Đương sự" cho biết "sẵn sàng nhận thư, nếu không có... Anthrax trong đó."

Ni cô Diệu Hương, Atlanta: Không thấy thư từ, thiệp Giáng sinh như mọi năm! Nếu chưa quên mất hai người bạn trần tục này, nhớ tiếp tế cho bài lọ mắm tôm chua! Thân.

Bài nhận được

(không kể bài gửi qua email)

Văn: Sông Mao

Thơ: Nguyễn Văn Cường (3), Định Quán, Nguyễn Phù Sa, Phạm Cây Trâm (4), Trần Ngọc (2), Phạm Hồng Đạm, Phan Long Yên (2), Vương Trọng Tài.

Bài sẽ đăng

Văn: Năm mươi năm nghiên cứu Truyện Kiều (SM).

Thơ: Hàng xóm, Về trẻ (NVC), Lời chúc đầu năm, Năm tàn viễn xứ, Chút hương xuân, Thực hư... (PCT), Nhớ núi (NPS), Nhớ xuân Trà-nóc (TN), Chờ Tết (PHĐ), Hối xuân (PLY), Calgary (VTT).

CHIA BUỒN

Được tin buồn

Cụ Ông MARTINO TẠ TRUNG HƯƠNG

thân phụ của ông bà Tạ Trung Sơn (nhà văn Song Thao)
vừa tạ thế ngày 10 tháng 1 năm 2002
tại Sài-gòn, Việt-nam, hưởng thọ 92 tuổi

Xin thành kính phân ưu cùng anh chị SONG THAO và gia-đình.
Câu chúc Cụ Ông mãi mãi an nhàn trong cõi vĩnh hằng.

*Ông bà Trương Đình Phước
Ông bà Trương Đình Quý
Ông bà Nguyễn Hăng*

Giới thiệu Sách mới

NĂM CON RỒNG Á CHÂU

- Quý độc giả đã đọc tác phẩm thứ nhất: 'Các Biến Cố Lớn Của Thế Giới' xuất bản năm 1998 của tác giả Đỗ Đức Thống; quý vị càng không thể không đọc tác phẩm thứ hai: NĂM CON RỒNG Á CHÂU đã được xuất bản năm 2001.

- 'NĂM CON RỒNG Á CHÂU' là một tác phẩm biên khảo công phu, trong đó quý độc giả sẽ hiểu rõ nguyên nhân tại sao Đài Loan, Hương Cảng, Nam Hàn, Nhật Bản và Tân Gia Ba đã phát triển vượt bậc để trở thành năm con rồng kinh tế tại Á Châu, khiến cho các quốc gia Âu Châu, Hoa Kỳ và thế giới phải kính nể.

Đọc tác phẩm NĂM CON RỒNG Á CHÂU, ngoài các đặc điểm về lãnh vực kinh tế, quý độc giả cũng sẽ biết thêm một số vấn đề như:

- Tại sao Hoa Kỳ quyết định thả hai trái bom nguyên tử xuống thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản vào năm 1945,
- Nha phiến là nguyên nhân khiến chính phủ Anh Quốc tiến hành chính sách gây chiến để chiếm Hương Cảng làm thuộc địa,
- Ngày tàn của danh tướng MacArthur, Tổng Tư Lệnh quân đội Mỹ tại Thái Bình Dương và
- Cuộc lật đổ Kim Nhật Thành, chủ tịch đảng Cộng sản và Nhà Nước Bắc Hàn, v.v.

240 trang, giá 15 mỹ-kim; liên-lạc: Làng Văn

Nhắn tin

Hai cháu Trương Văn Anh và Trương Hoàng Anh, con của cô Nguyễn Quế Anh, trước ở Ottawa, sau học tại Waterloo. Nhận được tin này, liên-lạc gấp với bà Phạm (613) 842-8711 hay (514) 766-8323 để nhận thư và tiền của bà Dương Thị Cự ở Việt-nam gửi.

CÁO PHÓ

CHÚNG TÔI VÔ CÙNG ĐAU ĐỚN,
BÁO TIN BUỒN CÙNG THÂN BẰNG QUYẾN
THUỘC, CHỒNG, CHA CỦA CHÚNG TÔI:

GIÁO SƯ PHẠM ĐÌNH HUY
PHÁP DANH: THIÊN TÂM

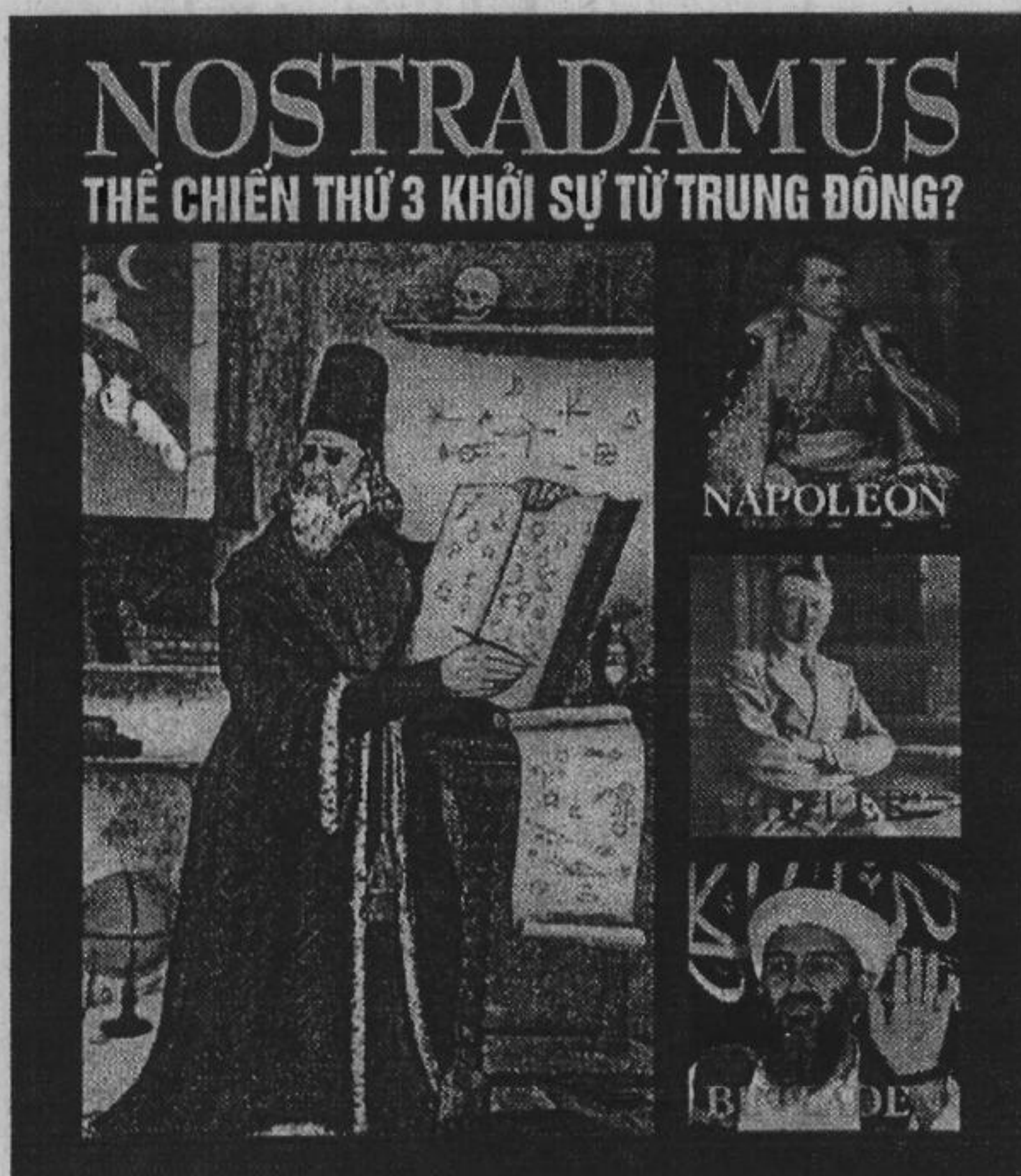
ĐÃ VÃNG SANH NGÀY 12 THÁNG 1 NĂM 2002
(NHẪM NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM TÂN TỶ
TẠI MỸ QUỐC)

HƯỞNG THỌ 68 TUỔI

VỢ: QUẢ PHỤ PHẠM HỒNG DUYÊN
TRƯỞNG NAM: PHẠM ĐÌNH VINH
VÀ VỢ: TRẦN HUỆ MẪN (S. CHAN)
TRƯỞNG NỮ: PHẠM THỊ TƯỜNG VÂN
THỨ NAM: PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG

CÁO PHÓ NÀY THAY THẾ THIỆP TANG
TANG GIA ĐỒNG KHẮP BÁO

500 NĂM TRƯỚC, MỘT NHÀ TIÊN TRI NGƯỜI PHÁP ĐÃ TIÊN ĐOÁN **THẾ CHIẾN THỨ 3 SẼ KHỞI SỰ TỪ TRUNG ĐÔNG**



NOSTRADAMUS đã lo sợ khi nhìn thấy trước "3 KẺ CHỐNG CHÚA" sẽ lần lượt xuất hiện để tàn phá nhân loại:

- NAPOLEON: 14 năm chiến tranh, 2 triệu người chết.
- ADOLF HITLER: 6 năm chiến tranh, 50 triệu người chết.
- và KẺ CHỐNG CHÚA THỨ BA đã được khẳng định là một người Á Châu, và có liên quan mật thiết đến đạo Hồi. Và trận chiến cuối cùng của kẻ cuồng tín lợi dụng các tín điều tôn giáo để làm công cụ tuyên truyền chống lại các quốc gia Tây phương sẽ khủng khiếp vô cùng... Ai là KẺ CHỐNG CHÚA THỨ BA?

*Tất cả những chi tiết này đều
sẽ được giải thích đầy đủ trong tác phẩm:*

NOSTRADAMUS: THẾ CHIẾN THỨ 3 KHỞI SỰ TỪ TRUNG ĐÔNG

Sách in đẹp, 300 trang, giá bán \$18.00
Có bán tại các nhà sách khắp nơi.
Hoặc gửi \$18.00 + \$3.00 cước phí (in US) về:
Hồn Việt, PO Box 609, Midway City, CA 92655.

Đại lý xin liên lạc về Hồn Việt
Tel: (714) 906-3696

SÁCH MỚI VỀ

Dùng kèm Thư Mục Làng Văn 2002, In trên Làng Văn số 221

10 đại gian thần Trung quốc
Nhiệm Vạn Lý
US\$18.00-CA\$30.00

20 nữ nhân Trung quốc
Bùi Hạnh Cần
US\$8.00-CA\$13.50

27 án oan trong các triều đại Trung quốc
Lâm Kiên
US\$13.00-CA\$26.00

Ba thi hào dân tộc: Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương
Xuân Diệu bình khảo
US\$16.00-CA\$26.00

Ca dao ngụ ngôn người Việt
Triều Nguyên
US\$10.00-CA\$16.50

Cuộc đời trôi nổi và đau thương của vua Lê Chiêu Thống
Phan Trần Chúc
US\$7.00-CA\$12.00

Di sản văn-hoá dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo
Nhận định
Chu Quang Trứ
US\$7.00-CA\$12.00

Để tôi đọc lại
Tập ghi
Nguyễn Hiến Lê
US\$9.00-CA\$15.00

Gia thế Mao Trạch Đông
Tài liệu
Lý Tường Văn
US\$16.00-CA\$26.50

Hà-nội, văn-hoá và phong-tục
Lý Khắc Chung
US\$17.00-CA\$28.00

Hàn Mạc Tử, thơ và đời
Lữ Huy Nguyên
US\$9.00-CA\$15.00

Hội An quê tôi
Hồi ký, Minh Hương
US\$9.00-CA\$15.00

Làm đi
Truyện dài
Vũ Trọng Phụng
US\$10.00-CA\$16.50

Làng văn-hoá cổ-truyền Việt-nam
Nhiều tác giả
US\$15.00-CA\$25.00

Lễ hội Thăng-long
Lê Trung Vũ
US\$17.00-CA\$28.00

Lịch sử cờ bạc
Lục Đức Dương,
Cao Tự Thanh
US\$12.00-CA\$20.00

Lịch sử kỹ nữ
Lục Đức Dương,
Cao Tự Thanh
US\$12.00-CA\$20.00

Lịch sử lưu manh
Lục Đức Dương,
Cao Tự Thanh
US\$12.00-CA\$20.00

Miếng ngon Hà-nội
Tập ghi, Vũ Bằng
US\$7.00-CA\$12.00

Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao người

Việt
Triều Nguyên
US\$7.00-CA\$12.00

Nguyễn Bính, thơ và đời
Hoàng Xuân
US\$9.00-CA\$15.00

Phong tục thờ cúng tổ tiên trong gia đình VN
Toan Ánh
US\$7.00-CA\$12.00

Tào Tháo (3 cuốn)
Cổ văn
Tào Trọng Hoài
US\$39.00-CA\$64.00

Từ lấy Kiều, đổ Kiều đến các giai thoại về Truyện Kiều
Phạm Đan Quốc
US\$9.00-CA\$15.00

Thú chơi câu đối
Nguyễn Văn Ngọc
US\$8.00-CA\$13.00

Truyện hay trong sử Việt
Lam Giang Nguyễn
Quang Trứ
US\$11.00-CA\$18.50

Truyện Trạng Lợn
Truyện vui cười
Hoàng Xuân
US\$5.00-CA\$8.00

Tiểu thuyết QUYNH DAO

Bông cúc vàng
US\$12.00-CA\$20.00

Dây tơ hồng
US\$12.00-CA\$20.00

Dòng sông sao
US\$13.00-CA\$21.50

Dương liễu xanh xanh
US\$12.00-CA\$20.00

Điệp khúc màu xanh
US\$9.00-CA\$15.00

Hoa hồng khóc trong đêm
US\$12.00-CA\$20.00

Ngọn đèn đêm qua
US\$9.00-CA\$15.00

Quận chúa Tân Nguyệt
US\$10.00-CA\$16.50

Tâm mộng viên
US\$12.00-CA\$20.00

Thiên đường bốc cháy
US\$11.00-CA\$18.50

Thiên xứ áo đen
US\$10.00-CA\$16.50

Tình không phai
US\$11.00-CA\$18.50

Vấn về bên anh
US\$12.00-CA\$20.00

Vội vã
US\$10.00-CA\$16.50

Vỏ sò tím
US\$11.00-CA\$18.50

Vòng tay kỷ niệm
US\$11.00-CA\$18.50

HÔN-NHAN, GIA ĐÌNH, Y HỌC, GIA CHANH

12 bước để có trí nhớ tốt
Lê Thành
US\$7.00-CA\$12.00

Hiếu tâm lý bạn trai để bảo vệ hạnh phúc lứa đôi

Huỳnh Phan Anh
US\$12.00-CA\$20.00

Học thuyết âm dương và phương dược cổ truyền
Hoàng Tuấn
US\$10.00-CA\$16.50

Làm thế nào để dạy con thông minh
Lý Chí Vỹ
US\$8.00-CA\$13.50

Mẹo vặt, thuốc hay, khéo tay giỏi việc
Mỹ Phụng, Thủy Tiên
US\$8.00-CA\$13.50

Món ăn chế biến từ đậu hũ
Nguyễn Dzoãn Cẩm Vân
US\$7.00-CA\$12.00

Nuôi con cần biết
Lê Khánh Cường
US\$7.00-CA\$12.00

Nghệ thuật nói chuyện gây cảm tình
Hà Thiện Thuyền
US\$8.00-CA\$13.00

Nghệ thuật nuôi con bằng sữa mẹ
Lưu Văn Hy
US\$9.00-CA\$15.00

Những bài thuốc gia truyền giá trị
Huỳnh Minh Trung
US\$7.00-CA\$12.00

Những vấn đề cần quan tâm của phụ nữ
Công Tôn Huyền
US\$8.00-CA\$13.00

Phương pháp nuôi con trong những năm đầu
Mai Linh
US\$11.00-CA\$18.50

Thuật hồi xuân dành cho nam nữ

Song Hoà
US\$9.00-CA\$15.00

**Thuốc và món ăn
chữa bách bệnh**
Nguyễn Quỳnh
US\$13.00-CA\$21.50

**Vợ chồng trẻ, muộn
con cần biết**
Trần Sinh
US\$7.00-CA\$12.00

SÁCH THIỆU-NHI

Bé lọ lem
truyện tranh dựng hình
US\$2.00-CA\$3.50

Ba chú heo con
truyện tranh dựng hình
US\$2.00-CA\$3.50

Bốn chàng trai kỳ tài
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Cái chuông ở cổ mèo
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Cáo và diệc
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Cô bé quàng khăn đỏ
truyện tranh dựng hình
US\$2.00-CA\$3.50

Cô bé hạt đậu
truyện tranh dựng hình
US\$2.00-CA\$3.50

**Chim có tai, chuột có
cánh**
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Chó và gà trống
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Chuột kén rể
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

**Chuột nhà và chuột
đồng**
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Chúa lửa thông minh
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Đình Bộ Lĩnh
tranh khổ lớn, bìa
cứng
US\$15.00-CA\$25.00

Ếch chọn thủ lĩnh
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Gã cáo ranh mãnh
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Kho báu
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Kiến và ve sầu
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

**Lịch sử âm nhạc bằng
tranh**
tranh khổ lớn, bìa
cứng
US\$15.00-CA\$25.00

LỊCH SỬ VIỆT-NAM BẰNG TRANH

20 cuốn,
giá mỗi cuốn:
US\$6.00-CA\$10.00

1. Người cổ Việt-nam
2. Con Rồng cháu
Tiên, Thánh Gióng

3. Bánh chưng bánh
dày, Trầu cau

4. Tiên Dung-Chử
Đông Tử, Sơn Tinh-
Thủy Tinh

5. Nước Âu Lạc

6. Hai Bà Trưng

7. Bà Triệu

8. Nước Vạn Xuân

9. Mai Hắc Đế, Bồ Cái
Đại Vương

10. Họ Khúc dựng nền
tự chủ

11. Ngô Quyền đại
phá quân Nam Hán

12. Cờ Lau Vạn Thắng
Vương

13. Vua Lê Đại Hành

14. Thăng Long buổi
đầu

15. Xây đắp nhà Lý

16. Nước Đại Việt

17. Ý Lan nguyên phi

18. Lý Thường Kiệt

19. Đại Việt dưới thời
Lý Nhân Tông

20. Nhà Lý suy vong

Lý Thường Kiệt
tranh khổ lớn, bìa
cứng
US\$15.00-CA\$25.00

Nàng Bạch Tuyết
truyện tranh dựng hình
US\$2.00-CA\$3.50

Nàng tiên cá
truyện tranh dựng hình
US\$2.00-CA\$3.50

Người nông dân và
con cáo
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Người nông dân và
con lừa
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Nhà cua và con khỉ
hỗn xược
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Ông khổng lồ ích kỷ
tranh Anh-Việt, khổ
lớn, bìa cứng
US\$15.00-CA\$25.00

Quả trứng vàng

truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Sư tử và chuột
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Thỏ và rùa
truyện tranh Anh-Việt
US\$5.00-CA\$8.00

Truyện cổ kinh thánh
truyện Công giáo,
tranh khổ lớn, bìa
cứng
US\$15.00-CA\$25.00

Chi-phiếu, thư-từ gửi về:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218 Station U
Toronto, ON M8Z 5P1 - Canada

**CƠ-HỘI TỐT NHẤT
ĐỂ LẬP**

TỦ SÁCH GIA-ĐÌNH

VỚI GIÁ VỪA PHẢI:

**MUA SÁCH
ĐẠI HẠ GIÁ**

**CỦA NHÀ XUẤT-BẢN /
TỔNG-PHÁT-HÀNH
LÀNG VĂN**

**(MẪU QUẢNG-CÁO
THAY-ĐỔI HÀNG THÁNG,
LUÔN LUÔN CÓ SÁCH MỚI)**

- XEM TRANG 116 -

SÁCH ĐẠI HẠ GIÁ - BỐT ĐẾN 80%

MÙA KHỦNG BỐ, NĂM NHÀ ĐỌC SÁCH... SALES
VỪA AN TOÀN, TIẾT KIỆM, VỪA MỞ MANG KIẾN THỨC
Mua làm quà tặng nhau: thanh-licb, ý-nghĩa, lâu bền!

Ăn thù kiếm lưc
(3 tập) Truyện
kiếm-hiệp Kim
Dung, Thương Lan
US\$42.00-\$30.00
CA\$70.00-\$52.00

Bạch Yến Nhi
(Xích Đầu Tăng)
Truyện kiếm-hiệp
Thích Ngô Thiên
US\$12.00-\$9.00
CA\$20.00-\$15.00

Đàn chỉ thần công
(5 tập) Kiếm-hiệp,
Ngọc Long, Hàn
Giang Nhận
US\$48.00-\$36.00
CA\$79.00-\$59.00

Hoá huyết thần công (8 cuốn)
Truyện kiếm-hiệp
Trần Thanh Vân,
Hàn Giang Nhận
US\$52.00-\$39.00
CA\$86.00-\$64.00

Thần điêu đại hiệp (7 tập) Kiếm-
hiệp Kim Dung,
Phan Cảnh Trung
US\$60.00-\$45.00
CA\$99.00-\$74.00

Tiểu ngạo giang hồ (7 tập) Kiếm-
hiệp Kim Dung,
Hàn Giang Nhận
US\$64.00-\$46.00
CA\$106.00-\$79.00

Võ lâm ngũ bá
(4 tập) Kiếm-hiệp
Kim Dung, Hàn
Giang Nhận
US\$35.00-\$26.00
CA\$58.00-\$43.00

Chiếc áo mộng mơ
Quỳnh Dao
US\$12.00-\$9.00
CA\$20.00-\$15.00

Cho trọn cuộc tình
Quỳnh Dao, Ai
Cầm
US\$15.00-\$10.00
CA\$25.00-\$20.00

Giọt lệ tương tư
Quỳnh Dao
US\$11.00-\$8.00
CA\$18.00-\$14.00

Mùa thu quen nhau
Quỳnh Dao, Hoàng
Hà
US\$8.00-\$6.00
CA\$14.00-\$10.00

Trăng ảo chim huyền
Quỳnh Dao, Hồng
Vân
US\$13.00-\$10.00
CA\$21.00-\$16.00

200 món nấu ăn chay
Trần Văn Quý
US\$8.00-\$4.00
CA\$13.00-\$6.00

Bản đàn thôn dã
André Gide,
Mai Kim Ngọc,
US\$7.00-\$1.40
CA\$10.00-\$2.00

B-40, Hồ-sơ Paris by Night chủ đề Mẹ
Quan niệm của cả
hai nhóm bênh và
chống

US\$10.00-\$4.00
CA\$16.00-\$4.00

Hậu B-40, Bia đá nghìn người khắc
Quan điểm của
quần chúng và
văn giới về cuốn
băng PBN-40,
US\$10.00-\$4.00
CA\$16.00-\$4.00

Câu chuyện của một dân tộc
Truyện dài,
Nguyễn Hồng Hoà
US\$10.00-\$5.00
CA\$16.00-\$6.00

Cổ ký ức trắng xanh
Tập văn,
Hồ Trường An
US\$10.00-\$6.00
CA\$16.00-\$7.00

Chém đá
Biếm văn,
Sắc Không
US\$12.00-\$4.00
CA\$19.00-\$5.00

Chiến ca
Ca-khúc đấu-tranh,
Nguyễn Hữu Nghĩa
US\$5.00-\$3.00
CA\$8.00-\$3.00

Chôm Chôm yêu dấu
Truyện ngắn gia
đình Việt-nam
Trần Diệu Hằng
US\$10.00-\$4.00
CA\$16.00-\$5.00

Chọn hướng nhà và bố trí nội thất theo thuật phong

thủy
Nguyễn Hà
US\$10.00-\$6.00
CA\$16.00-\$7.00

Chuyện lạ xứ người
Những truyện
huyền bí khó tin
nhưng có thật
Nguyễn Nhận Sơn
US\$16.00-\$8.00
CA\$25.00-\$12.00

Chuyện lành
Truyện ngắn,
Nguyễn Văn Thông
US\$12.00-\$6.00
CA\$19.00-\$7.00

Cửa lòng đôi cánh gài
Truyện ngắn,
Nhất Hạnh
US\$8.00-\$4.00
CA\$13.00-\$6.00

Đá đổ mồ hôi
Biếm văn,
Sắc Không
US\$12.00-\$4.00
CA\$19.00-\$5.00

Đạo Phật đi vào cuộc đời
Nhất Hạnh
US\$12.00-\$6.00
CA\$13.00-\$6.00

Đạo Phật ngày nay
Nhất Hạnh
US\$10.00-\$5.00
CA\$16.00-\$7.00

Đất thiên đàng
Tập văn về đời
sống xã-hội ở
Canada, "đất thiên

đàng" của dân tị
nạn, Trà Lũ
US\$12.00-\$6.00
CA\$19.00-\$9.00

Đầu làng cuối xóm
Biếm văn về
những chuyện xảy
ra trong cộng
đồng VN hải ngoại
Mô Làng Văn
US\$10.00-\$4.00
CA\$16.00-\$5.00

Đêm
Truyện vừa
Ngô Nguyễn Dũng
US\$7.00-\$3.00
CA\$11.00-\$3.00

Đêm xanh huyền hoặc
Truyện ngắn,
Hồ Trường An
US\$12.00-\$6.00
CA\$19.00-\$8.00

Đi tìm Kinh Dịch nguyên thủy
Biên khảo,
Nguyễn Đại Bằng
US\$15.00-\$8.00
CA\$24.00-\$10.00

Độc kỹ Truyện Kiều
Biên khảo
Hồng Huy
US\$24.00-\$12.00
CA\$38.00-\$15.00

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolo II và trang sử còn giấu kín của thời đại
Tài liệu
Nguyễn Văn Thông
US\$12.00-\$5.00
CA\$19.00-\$8.00

Gả thiệp về vườn
Truyện ngắn đồng
quê miền Nam,
Hồ Trường An

US\$18.00-\$9.00
CA\$28.00-\$13.00

Gia đình Cún
Truyện thiếu nhi,
Ngô Nguyễn Dũng
US\$10.00-\$4.00
CA\$16.00-\$5.00

Giai đoạn mới trên chiến trường cũ
Nhận định thời-sự
chính trị Việt-nam
Nguyễn Hữu Nghĩa
US\$10.00-\$5.00
CA\$16.00-\$6.00

Hồ Xuân Hương
Biên khảo, Dương
Thượng Ngã
US\$8.00-\$4.00
CA\$13.00-\$6.00

Hồng trần
Thơ, Cung Vũ
US\$7.00-\$1.40
CA\$12.00-\$2.00

Hương sắc quê mình
Biên khảo về các
liệt nữ Việt-nam
Lăng Nhân
US\$18.00-\$9.00
CA\$28.00-\$12.00

Hưng ca Việt Nam
Ca-khúc đấu tranh
nhiều tác giả
Phong-trào Hưng
Ca Việt-nam
US\$6.00-\$2.00
CA\$9.00-\$3.00

Kim cương gươm báu
Nhất Hạnh
US\$12.00-\$6.00
CA\$19.00-\$8.00

Ký
Du-ký, Nguyễn
Hữu Nghĩa
US\$8.00-\$3.00
CA\$12.50-\$5.00

Kỹ thuật Bonsai
Nguyễn Nhật Tân
US\$8.00-\$4.00
CA\$13.00-\$6.00

Luyện dưỡng sinh
Nguyễn Minh Kính
US\$8.00-\$4.00
CA\$13.00-\$6.00

Máu hận
Truyện ngắn
Nguyễn Trung Tâm
US\$10.00-\$5.00
CA\$16.00-\$6.00

Mưa đất lạ
Truyện ngắn,
Trần Diệu Hằng
US\$7.00-\$4.00
CA\$12.00-\$5.00

Mười hai hoa cúc
Truyện ngắn,
Ngô Nguyên Dũng
US\$12.00-\$6.00
CA\$19.00-\$8.00

Ngát hương mật ong
Truyện dài đồng
quê miền Nam,
Hồ Trường An
US\$18.00-\$9.00
CA\$28.00-\$13.00

Ngon hải đăng mù
Truyện ngắn,
Mai Thảo
US\$10.00-\$5.00
CA\$16.00-\$7.00

Nghệ thuật nấu ăn chay
Nguyễn Thị Phụng
US\$8.00-\$4.00
CA\$13.00-\$6.00

Những bài ca khai-phá
Nhạc sinh hoạt
thanh-niên,
Nguyễn Đức Quang
US\$6.00-\$2.00
CA\$9.00-\$2.00

Những điểm nóng trên thế giới sau chiến tranh lạnh
Nhận định thời sự,
chính trị thế giới
Đào Trường Phúc
US\$12.00-\$4.00
CA\$19.00-\$5.00

Những sợi sắc không
Truyện dài đoạt
giải VHNT 1972,
Tuý Hồng
US\$15.00-\$5.00
CA\$24.00-\$6.00

Nét chân tâm
Truyện ngắn, Y La
Lê Khắc Ng. Quỳnh
US\$10.00-\$5.00
CA\$16.00-\$6.00

Phù Tang tạp lục
Tập bút, Vi An
US\$10.00-\$4.00
CA\$16.00-\$5.00

Quê-hương lưu đầy
Tiểu luận,
Đào Trường Phúc
US\$7.00-\$3.00
CA\$12.00-\$3.00

Quê hương trong ngấn lệ
Truyện ngắn,
Thanh Phương
US\$8.00-\$4.00
CA\$13.00-\$6.00

Sau bức màn tre
Biếm văn về xã-
hội CS Việt-Nam
Mỗ Làng Văn
US\$8.00-\$4.00
CA\$13.00-\$5.00

Tại ngục vịnh Kiều
Phiếm luận vui về
nàng Kiều,
Hoàng Hải Thuỷ
US\$12.00-\$6.00
CA\$19.00-\$7.00

Tạp chủng
Truyện ngắn,
Hồ Trường An
US\$14.00-\$7.00
CA\$22.00-\$10.00

Thương với quê cũ (Miền Trung)
Tuyển truyện quê-
hương Miền Trung
nhiều tác giả.
US\$12.00-\$4.00
CA\$19.00-\$5.00

Thạch Kiếm (bộ 4 cuốn, 1416 tr.)
Truyện võ-sĩ-đạo
Nhật bản,
Tự Tĩnh
US\$60.00-\$30.00
CA\$90.00-\$40.00

Tham luận thơ, ca dao và tục ngữ
Biên khảo,
Khải Chính
US\$9.00-\$4.00
CA\$14.00-\$5.00

Tháp Bà, Tháp Nhạn, giấc hương quan
Truyện ngắn quê
hương Bình Định,
Diễn Khánh
US\$12.00-\$6.00
CA\$19.00-\$8.00

Thơ Nguyễn Chí Thiện
US\$8.00-\$4.00
CA\$12.00-\$5.00

Thơ văn trên đất tuyết
Tuyển tập của các
tác giả thuộc Văn
Bút Ontario
US\$12.00-\$5.00
CA\$19.00-\$6.00

Tình người
Tuyển truyện Na
Uy, Dương Kim
US\$10.00-\$5.00
CA\$16.00-\$7.00

Trăng đất khách
Tuyển tập truyện
ngắn của 18 nhà
văn nhà thơ nữ hải
ngoại
US\$15.00-\$8.00
CA\$24.00-\$12.00

Trong muôn vàn xa cách
Tập văn,
Thanh Phương
US\$10.00-\$5.00
CA\$16.00-\$7.00

Trong cơn vật vã
Tuyển tập thơ văn
của 52 tác giả Văn
Bút VN Hải Ngoại
US\$15.00-\$8.00
CA\$24.00-\$12.00

Tuyển tập văn bút VN Ontario 1999
Tuyển tập thơ văn
nhiều tác giả
US\$12.00-\$5.00
CA\$19.00-\$6.00

Tuyển tập truyện ngắn giải Văn học Nghệ thuật Làng Văn 1992
Truyện ngắn,
nhiều tác giả
US\$12.00-\$4.00
CA\$19.00-\$5.00

Tuyệt thư
Tập bút văn nghệ,
Nguyễn Hương
US\$10.00-\$5.00
CA\$16.00-\$7.00

Văn bút
Kỷ yếu Đại hội
Văn bút kỳ V; Biễn
cố Văn Bút VN Hải
Ngoại 1995-1996
US\$10.00-\$4.00
CA\$16.00-\$4.00

Vui buồn nghề nghiệp
Hồi ký làm báo,
thể thao, văn-nghệ

Phạm Thăng,
Nguyễn Ang Ca,
Thanh Đạm, An
Khê, Năm Châu,
Huyền Vũ,...
US\$14.00-\$5.00
CA\$22.00-\$6.00

Vietnamese Realities
Sách Anh ngữ,

tóm tắt về sử địa,
phong tục, chính-
trị Việt-nam
US\$8.00-\$4.00
CA\$13.00-\$7.00

Vũ môn
Truyện ngắn
Nguyễn Trung Tâm
US\$10.00-\$5.00
CA\$16.00-\$6.00

THỂ-LỆ:

- Độc-giả tại Canada và Mỹ: mua trên 50 gia-kim hoặc trên 40 mỹ kim: miễn cước phí. Mua dưới 50 gia-kim hoặc 40 mỹ-kim: thêm 50% tiền sách cho cước-phí (không cộng tiền sách Đại Hạ Giá vào sách không bớt giá).

- Độc-giả ở Âu, Á và Úc châu: mua dưới 40 mỹ-kim, thêm 50% cước phí; mua trên 40 mỹ-kim, thêm 25% cước phí. Mua trên 100 mỹ-kim, miễn cước phí.

- Độc-giả ở Canada mua sách cho thân-nhân ở Mỹ hay các nước khác, xin theo giá Mỹ hoặc các nước khác. Độc-giả ở các nước khác mua sách cho thân-nhân ở Canada, theo giá dành cho độc-giả tại Canada.

- Xin ghi kèm số điện thoại của quý vị để liên lạc khi cần.

CÁCH MUA:

1) Cắt (hoặc copy) trang quảng-cáo này, đánh dấu các tựa sách muốn mua; hoặc chép lại các tựa sách muốn mua.

2) Cộng tiền sách và cước-phí lại.

3) Ký chi-phiếu đề trả cho "Lang Van"; gửi về:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, ON M8Z 5P1
Canada

(ĐT: 905-607-8010)

HẠN CHÓT: 30 THÁNG 4, 2002



Xin hỏi tại các đại lý sau đây

WASHINGTON DC:

- Washington Productions (703) 538-4979
- Vĩnh Hảo Video (703) 534-6422
- Sovina Service & Travel (703) 641-0555

LITTLE SAIGON, NAM CALI:

- TTBN Bích Thu Vân (714) 897-4519
- Đà-Lạt Music (714) 838-0812

S. FRANCISCO, BẮC CALI:

- Nhà sách Mỗ Làng (415) 873-8115

ARLINGTON, TEXAS

- TTBN Nhạc Trẻ (817) 274-8499

HOUSTON, TEXAS:

- TTBN Phương Mi (713) 523-1131

KANSAS CITY, MO:

- KIM's (816) 231-2434

EDMONTON, CANADA:

- Lucky 97 Tailor (780) 425-1396



Giá bán: COMPACT DISC: \$12.00
CASSETTE: \$8.00
LỜI BÀI HÁT: \$5.00

Ngoài Hoa Kỳ và Canada,
xin thêm \$3.00 cước phí
(Air Mail/Par Avion)

N.A. PRODUCTIONS

© 2000 by Nguyệt Ánh - Warning All Rights Reserved
P.O. Box 4003, Falls Church, VA. 22044 USA
Phone: (703) 539-0264 - Fax: (703) 532-7453

LÊ LÀNG

MUA BÁO DÀI HẠN NHANH . RẺ . NHIỀU QUYỀN LỢI KHÁC

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(hiệu-lực từ tháng 9 năm 2001, thay thế tất cả các giá trước đó)

- **Báo gửi trong Canada:** - một năm 12 số: CA\$55 gia-kim
- hai năm 24 số: CA\$105 gia-kim
- **Gửi đi Hoa-kỳ:** nên mua báo gửi bằng đường bộ
đường bộ: - một năm 12 số: US\$55 (CA\$85 gia-kim)
- hai năm 24 số: 105 mỹ-kim (160 gia-kim)
hàng không: - một năm: US\$70 mỹ-kim (CA\$110 gia-kim)
- **Các nước khác:**
đường thủy: - một năm 12 số: US\$55 (CA\$85 gia-kim)
- hai năm 24 số: 105 mỹ-kim (160 gia-kim)
hàng-không: - một năm 12 số: US\$85 mỹ-kim (CA\$130)

Ghi-chú:

- CA\$: gia-kim, tiền Canada; US\$: mỹ-kim, tiền Mỹ
- Nếu trả bằng tiền địa-phương, xin theo giá sau (1 năm):
Đức, Pháp, Ý, Hòa-lan, Bỉ, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, Thụy-sĩ,
Phần-lan, Lục-xâm-bảo, Ai-nhĩ-lan, Áo và Hi-lạp:
đường thủy: 65 âu-kim (EC) - máy bay: 105 âu-kim (EC).
Anh: đường thủy 35 bảng / hàng-không 55 bảng
Đan-mạch: đường thủy 450 krone / hàng không 700 krone
Na-uy: đường thủy 550 krone / hàng-không 850 krone
Nhật-bản: đường thủy 6.000 yen/hàng-không 10.000 yen
Úc: đường thủy 110 úc-kim / hàng-không 170 úc-kim

Gửi về tòa soạn Canada: Độc-giả cư-ngụ tại Canada, Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý, Hòa-lan, Bỉ, Tây-ban-nha, Thụy-sĩ, Phần-lan và Áo xin gửi chi-phiếu cá-nhân bằng tiền địa-phương về tòa-soạn. Độc-giả tại các nước khác xin gửi money-order bằng tiền Mỹ hoặc postal money-order (mua tại bưu-điện) bằng tiền Canada về tòa-soạn Làng Văn ở Canada (xem địa-chỉ ở trang 1); hoặc:

Đức:	Na-uy:	Hòa-lan:	Úc-đại-lợi:
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Hồ Thị Chiến	Nguyễn Văn Tà
Postfach 104122	Bjorn Bodesvei 153	Bazillehof 36yster 77	3/45- 51 Ivy St.
44041 Dormund	1253 Oslo	1628 XD-Hoorn-NH	Greenacre, NSW 2190

Lưu ý: các văn-phòng đại-diện chỉ nhận chi-phiếu, chuyển hồ-sơ; không có đủ-kiện để giải-quyết các vấn-đề giao-dịch.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....số báo; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"LÀNG VĂN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, ON M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....số báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Khi gửi bài cho Làng Văn, tác-giả đương-nhiên đồng ý cho phép tòa-soạn đăng trên báo, in sách, phát-thanh, và phổ-biến trên băng. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng sau khi đăng báo, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng.

2. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút hoặc tặng sách.

3. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

4. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài hoặc email bản chữ về tòa-soạn.

5. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, Làng Văn tránh đăng bài trùng. Bài gửi riêng cho Làng Văn, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

6. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

7. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

8. Bài đã đăng trên Làng Văn, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

9. Quý đồng-nghiep muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư hoặc email. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (Làng Văn số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc cuối bài.



Hỏi Sao
Không Buồn
Cho Được

Giá mỗi tập:
US\$10 (CA\$16)
Liên-lạc:
Làng Văn
Box 218 Stn. U
Toronto, ON
M8Z 5P1
Canada

*Hai thi-tập
mới nhất của
Trần Văn Lệ
thơ hay
in đẹp
do Người Tàu
và Người Mỹ
xuất-bản*



HomeLife Realty Centre Corp.

2579 Hurontario St., Mississauga, Ont., L5A 2G4



**Steven
KIEN TRONG DAO**
Sales Representative
(Đào Trọng Kiên)
Bus: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Res: 905) 566-5234
Pager 24/24 qua văn-phòng

Chuyên môn phụ trách mua bán, sang nhượng
Nhà Đất - Co Sở Thuong Mại ...
trong vùng Mississauga, Brampton, Toronto và phụ cận

- * Phục vụ tận tâm, uy tín, đúng đắn, tín nhiệm.
- * Theo dõi thị trường, định giá chính xác.
- * Giúp đỡ định giá, trả giá và hoàn tất thủ tục.
- * Giới thiệu tìm vay mortgage dễ dàng.
- * Giới thiệu Luật sư uy tín tận tâm



Bạn đã có chưa?

**Ba ấn-phẩm mới nhất của
NGUYỄN THỊ VINH
& NGUYỄN HỮU NHẬT**

NỔI SÓNG

truyện dài (tái-bản)
Nguyễn Thị Vinh
US\$15.00 - CA\$24.00

BỜ BÊN KIA

tiểu-thuyết thiên tập
Nguyễn Hữu Nhật
Trọn bộ 2 cuốn:
US\$25.00 - CA\$40.00

ĐÃ ĐỜI

thơ
Nguyễn Hữu Nhật
US\$10 - CA\$16.00



Liên-lạc:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Stn. "U"
Toronto, ON M8Z 5P1
Canada

Bác-sĩ toàn-khoa
QUẢN ĐỨC MINH
Nha-sĩ, DDS

NGUYỄN THÙY DUNG

2580 Shepard Ave., Unit # 31,
 MISSISSAUGA, ON L5A 4K3

ĐT: (905) 615-0468

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN
 1280 Finch Ave. W., Suite 707
 Downsview, Ont. M3J 3K6
 (trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

Nha-sĩ TỪ CHẤN PHONG
 3085 Hurontario St., #209
 MISSISSAUGA
ĐT: (905) 897-8527

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO,
TRANG TRONG:
 - nguyên trang \$120 một kỳ
 - nửa trang \$70 một kỳ
 - 1/4 trang \$40 một kỳ
Bớt 20% cho độc-giả dài hạn.
BÌA LƯNG: 1 ô (3.25"x7") \$200 / kỳ
TRANG BÌA TRONG:
 - 1 ô nhỏ: \$120 nguyên năm (12 kỳ)
 - 2 ô: \$200 nguyên năm (12 kỳ báo)
 - 15 ô (nửa trang): \$100 một kỳ

Nha-sĩ
NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

741 Broadview Ave., #201,
 Toronto, Ont. M4K 2P6

Subway Broadview Phố Tàu Đông
CHUYÊN GIẢI-PHẪU NƯỚC,
LẤY GÂN MÁU,
TRỒNG RĂNG THẨM-MỸ
CỔ-ĐÌNH VÀ THÁO RỜI
ĐT: (416) 461-5437



VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN
 &
KHAI-THUẾ LỢI-TỨC

TRẦN ÁNH TUYẾT

806 College St. (góc Ossington)
(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
 lên sở thuế qua đường dây điện-tử*

NHẬN ĐÁNH MÁY
COMPUTER CHỮ VIỆT



TRÌNH-BÀY VÀ ẮN-LOÁT
SÁCH, BÁO, QUẢNG-CÁO

Phẩm chất cao, giá hạ
Trang: (905) 625-9194
(buổi tối & chủ-nhật)

**Có tác-phẩm, có phương-tiện,
 tìm nhà xuất-bản?**

**Hãy gõ cửa Làng Văn,
 giao cho nhóm xuất-bản chuyên-nghiep**

. Xếp chữ bằng máy vi-tính, lên trang

. Trình bày bìa và phụ-bản

. In thành sách, gửi đến tận nhà

NHẬN IN TỪ 300 CUỐN TRỞ LÊN, GIÁ RẺ VÔ ĐỊCH

LIÊN-LẠC:
LÀNG VĂN

P.O. BOX 218 STATION "U"

TORONTO, ONTARIO M8Z 5P1 CANADA

ĐT: (905) 607-8010 - FAX: (905) 607-8011

EMAIL: tapchilangvan@yahoo.com



Gửi chi-phiếu về:
LÀNG VĂN
 P.O. Box 218
 Station "U"
 Toronto, Ontario
 M8Z 5P1
 Canada



LÀNG VĂN GIỚI-THIỆU: mười cuốn sách của Cười

Thêm hương thêm hoa cho cuộc đời,
 tươi mát, lành mạnh, thoải mái
 thích-hợp cho mọi hoàn-cảnh, mọi sinh-hoạt:
 cộng-đồng, sân-khấu, gia-đình, tiệc tùng, họp bạn, v.v.

Giá mỗi cuốn 7 mỹ-kim (11 gia-kim)

NHA-KHOA THẨM-MỸ VÀ GIA-ĐÌNH + IMPLANT (CẤY RĂNG)

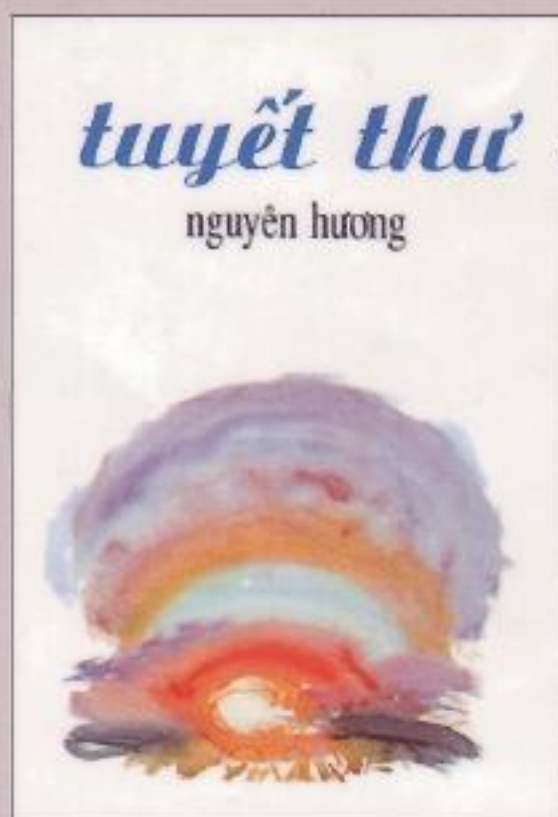
DR. MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA

20 Adelaide St. East, Unit #100

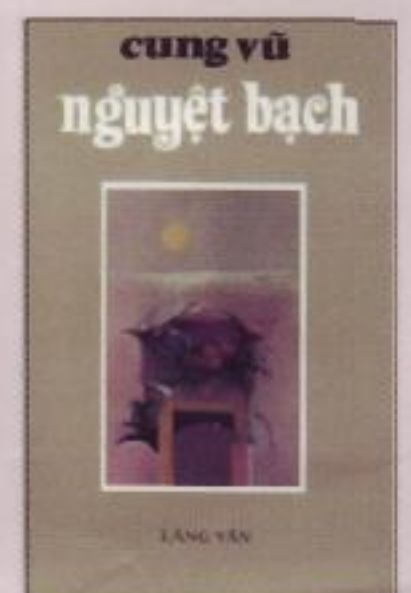
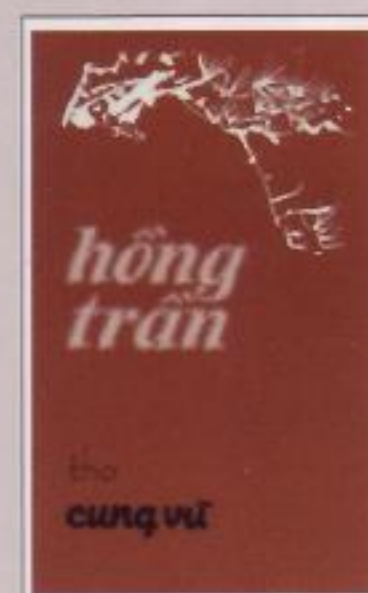
Toronto, Ontario M5C 2T6

Tel: (416) 429-0150 - (416) 971-6956

(giữa các trạm subway King và Queen - có chỗ đậu xe)



Bút-ký văn-ngệ (1998)
 10 mỹ-kim (16 gia-kim)
 Liên-lạc: Làng Văn



Các tập thơ Cung Vũ:
 Hồng Trần (1985), Cỏ Biếc (1987), Hồng Trần (tái bản - 1991),
 và Nguyệt Bạch (1992)

Mỗi tập 7 mỹ-kim (11 gia-kim)

Liên-lạc: Làng Văn (địa chỉ ở trang 1 Làng Văn)

www.tapchilangvan.com